

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH BẤT ĐỊNH KỲ

Chủ đề về Mẹ



Thinking of my mother -
Tranh Thân Trọng Minh

● *Những sáng tác độc
đáo viết về Mẹ: Duy
Thanh, Nguyễn Mạnh
Côn v.v...*

● *Giới thiệu một nhà thơ
trẻ trước 1975: Phạm
Cao Hoàng*

● *Sưu tập: Nhận định
về văn học hiện đại
của Cao Thế Dung
(năm 1969)*



Tranh Trúc Hiền

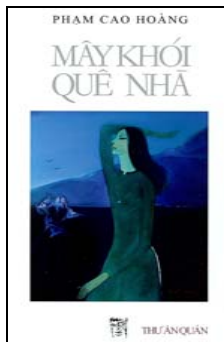
Số 42
tháng 5-2010

Đón đọc 3 tác phẩm sắp xuất bản của Thư Án Quán:

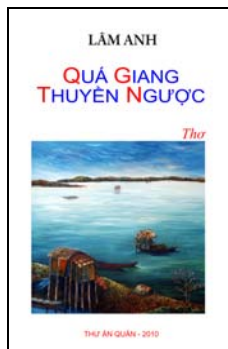
Hoài Ziang Duy (Hoa Kỳ) : *Bốn Ngàn Năm Chen Lán* (Tập truyện)



Phạm Cao Hoàng (Hoa Kỳ): *Mây khói quê nhà* (thi tuyển)



Lâm Anh (VN): *Quá giang thuyền ngược* (thi tập)



Thư Quán Bản Thảo
TẬP 42, THÁNG 5, NĂM 2010
Tuyển tập Thơ Văn: Viết về Mẹ

MỤC LỤC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và Viết / 43:
Trần Hoài Thư, Hoài Ziang Duy, Phạm Cao Hoàng,
Phạm văn Nhân

Chủ đề viết về Mẹ

- Nguy Ngữ (thơ) / 31*
Đỗ Chu Thăng (thơ) /32
Kiên Giang (thơ)
Kim Tuấn (thơ) / 35
Phạm Cao Hoàng (thơ)/36
Nguyễn Dương Quang (thơ) / 37
Nguyễn Trung Dũng (thơ) / 38
Từ Thế Mộng (thơ) / 39
Vũ Hoàng Thư : Về Mẹ (tản mạn) /41
Nguyễn Mạnh Côn: Thương đất, nhớ đất (truyện) / 46
Lữ Kiều: Sen (tản mạn) / 57
Trần Hoài Thư: Con riêng (truyện) / 61
Ngọc Linh: Mẹ và Con (truyện) / 72
Đặng Kim Côn: Buổi chiều đang hết (truyện) / 84
Từ Thế Mộng: Mẹ sà cánh tới (tùy bút) / 94
Nguyễn Kim Tiến: Chiếc áo dài màu xanh ngọc / 97
Duy Lam: Me tôi (truyện) / 103
Duy Thanh: Giác ngủ (truyện) / 110
Nguyễn Trung Dũng: Nỗi buồn của Mẹ (truyện) / 120

Phân thường xuyên:

Truyện:

Nguyễn thị Hải Hà: Bắt đầu từ một con vịt / 130
Nguyễn Lệ Uyên: Về làng / 144

Thơ:

Hoàng Xuân Sơn / 152, Nguyễn Thanh Châu / 154,
Nguyễn văn Ngọc / 155 Nguyễn Thanh Khiết /156

Giới thiệu nhà thơ Phạm Cao Hoàng:

Cao Thoại Châu: Đăng cấp thi sĩ / 158

Thơ trích của Phạm Cao Hoàng: 163

Truyện dài:

Khuất Đẩu: Người giữ nhà thờ họ /170

Sưu tập

Cao Thế Dung: Thi ca và thi nhân / 188

Giữa tòa soạn và thân hữu: / 216

Tranh bìa: Thân Trọng Minh, Trúc Hiền (14 tuổi)
Phụ bản dùng trong tạp chí này được trích từ "Ngẫu hứng" tranh ký họa của Lữ Kiều, Ý thức Bản thảo 2001.

Chủ trương biên tập: THT



Thư Tòa Soạn

Số báo kỳ này chúng tôi dành nhiều trang viết về Mẹ .

Trong phần thường xuyên, gồm sáng tác thơ văn, còn có truyện dài, giới thiệu tác giả, nhận định văn học. Kỳ này chúng tôi sẽ đi phần đầu một bài tổng luận của nhà phê bình Cao Thế Dung, rút trong "Văn Học Hiện Đại: Thi ca và Thi nhân", Quần Chúng xuất bản năm 1969.

Cũng xin được thông báo là kể từ số này, tạp chí Thư Quán Bản Thảo **sẽ được phát hành bất định kỳ** chứ không thường xuyên hai tháng một số như thường lệ nữa. Xin đừng nghĩ đây là một cuộc rút lui, bỏ cuộc. Đây chỉ là một sự giảm bớt gánh nặng cho người chủ trương khi một mình phải lo từ A đến Z, từ việc in ấn, *shipping*, đến việc sưu tập bài vở trong khi tuổi tác, sức lực, không thể cho phép.

Tuy vậy, chúng tôi vẫn tiếp tục cùng con đường đã đi từ trước tới nay: cố gắng phục hồi nền di sản văn chương miền Nam qua tạp chí TQBT và qua cơ sở Thư Án Quán. Chúng tôi mong sự đóng góp bài vở của quý thân hữu xa gần để tạp chí của chúng ta xứng đáng với niềm yêu mến của bạn đọc trong và ngoài nước.

Cuối cùng, xin được gửi đến quý bạn đọc và thân hữu những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

*Trân trọng
Thay mặt Nhóm chủ trương
Trần Hoài Thư*

Sống và Viết

* *Trần Hoài Thư:*

Rong bút/4

* *Phạm Cao Hoàng :*

Tuy Hòa, một thời để nhớ /8

* *Hoài Ziang Duy:*

Mẹ trong cuộc sống đời thường/13

* *Phạm Văn Nhân:*

Sàigòn và những người bạn cũ /19



*Rong bút
Trần Hoài Thư*

■
Nhà thơ Hữu Loan qua đời vào ngày 18-3-2010, hưởng thọ 95 tuổi. Các văn đàn, các đài phát thanh, và người đọc khắp nơi đã dành cho ông một nỗi thương tiếc cũng như bày tỏ lòng ngưỡng mộ về một nhà thơ tài hoa đã lưu lại cho đời một bài thơ bất hủ: **Màu tím hoa sim.*

** Nếu **Màu Tím Hoa Sim** được khai sinh và được thừa nhận từ cái chết của người vợ trẻ bạc mệnh thì cũng có một đứa con khác bị tác giả không thừa nhận.. Đó là tập bút ký **Thoát Chết** do nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1955, dày 44 trang. Không thừa nhận bởi vì không thấy tác giả nhắc đến khi lẽ ra, nó phải đáng để tác giả hãnh diện. Ít ra nó là đứa con đầu lòng được ra đời bởi một nhà xuất bản có tầm cỡ như nhà xuất bản Văn Nghệ!*

Điều này làm tôi thắc mắc, đến nỗi tôi phải mất 5 giờ

đồng hồ lái xe để đọc cho bằng được Thoát Chết qua microfilm !

Bây giờ, tôi hiểu tại sao tác giả đã khai trừ đứa con của mình.

Dù thế nào đi nữa, tôi cũng phải cảm tạ nhà thơ. Ông đã làm thăng hoa cuộc sống vốn tầm thường. Khi người lính vô tình thấy màu hoa tím, có khi che cả một triển đồi, có khi lẽ loi trên đồi trọc, bỗng nhiên nhớ đến màu áo tím của người yêu, và lòng mình cũng trở nên bát ngát màu hoa sim tím.

Bài thơ đã trở thành một quà cưới rất ý nghĩa cho những người con trai con gái yêu nhau trong thời chiến. Hình ảnh người nữ cười xinh xinh, và người nam trong bộ đồ trận sạm màu khói lửa, và đôi giày đinh bết bùn đất hành quân, đã là một hình ảnh quá đẹp..

Riêng bản thân tôi, ngày hợp hôn chỉ bộ đồ lính, và đôi giày trận còn dính bụi đỏ miền núi. Chuyến trở về không phải phẳng lặng êm xuôi cho một người lính thú có một tuần phép ngắn ngủi. Trời hôm ấy thời tiết rất xấu. Nhiều chuyến bay bị hủy bỏ. May mà có một viên phi công quân đội ra tay cứu độ. Khi tôi về được Saigon, chỉ còn cách gọi tắc xi hồi hả trình diện.

Đám cưới thời chiến là như vậy đó. Vậy mà vui làm sao và hạnh diện làm sao. Vì mình cảm thấy mình lớn hơn, cao cả hơn. Đó là cái giá trị tinh thần mà nhà thơ Hữu Loan đã thay mặt nói dùm: **Tôi mặc đồ quân nhân. Đôi giày đinh. Bết bùn đất hành quân. Nàng cười xinh xinh bên anh chồng độc đáo. Tôi ở đơn vị về. Cưới nhau xong là đi...**

* Cuối cùng, một bông hồng dành cho đồng đội mang theo thơ văn trong ba lô. Tôi bỗng nhớ đến một bài thơ cũng bắt nguồn từ một thảm kịch mà 40 năm sau, trong chương trình chủ đề về người lính VNCH của trung tâm ASIA,, được MC Nam Lộc đọc lên một đoạn. Có điều cái chết của

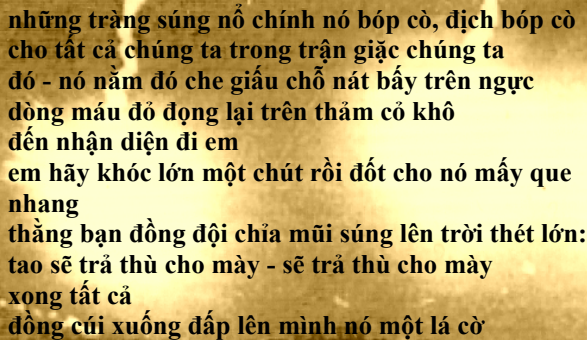
tác giả - một sĩ quan trẻ cấp úy tốt nghiệp khóa 25 Thủ Đức- đã không được nhắc đến.

Xin được đăng lại toàn bài thơ trên nền phông (background) là cảnh chiến trường Pleime dưới ánh hỏa châu, như một nén hương lòng về một nhà thơ đã ra đi quá sớm, bỏ lại đời một trang thơ khóc bạn thật bi thiết:

Phan Huy Mộng

Người chết ở Pleime,

thằng vũ chết rồi trong trận pleime đó em
thằng vũ chết rồi trong trận đánh pleime đó em
khùng khiếp và khóc liệt
những lần về phép sau này em ra cửa đón anh
sẽ không bao giờ thấy nó
nó chết rồi
thằng vũ nó chết trong trận pleime cho quê hương
đó - nó nằm đó - nó ngồi đó



những tràng súng nổ chính nó bóp cò, địch bóp cò
cho tất cả chúng ta trong trận giặc chúng ta
đó - nó nằm đó che giấu chỗ nát bấy trên ngực
dòng máu đỏ đọng lại trên thăm cổ khô
đến nhận diện đi em
em hãy khóc lớn một chút rồi đốt cho nó mấy que
nhang
thằng bạn đồng đội chia mũi súng lên trời thét lớn:
tao sẽ trả thù cho mày - sẽ trả thù cho mày
xong tất cả
đồng cúi xuống đập lên mình nó một lá cò

tổ quốc đó nghe vũ
tổ quốc khóc mày đó - thương mày đó
nam trung bắc nhớ ơn mày với chiến trường pleime
tao đây nghe vũ với cảm xúc phiền muộn
nổi đốn đau cồn cào trong lồng ngực
hết rồi hết rồi - nhận diện vũ lần cuối
đến nhận diện vũ lần cuối đi em
nó chết rồi trong trận pleime và cho quê hương.

(tạp chí Văn, trước 1975)

Mấy tháng qua, chứng bệnh Gout đã hành tôi không ít. Bàn bè thương, chỉ vẽ thuốc men hay những loại rau cỏ trị liệu... Và cảm ơn Trên, hôm nay, căn bệnh đã thuyên giảm rất nhiều. Có thể nói, là rất nhiều.

Vài bạn khuyên tôi nên bớt giam mình dưới hầm nhà nữa. Coi chừng độ ẩm thấp đấy. Có bạn đề nghị tôi tạm đình bản TQBT, để đi du lịch, thay đổi khí hậu, vì GOUT là chứng bệnh rất khó trị tuyệt căn.

Có đau mới biết sức khỏe là vàng. Giờ đây, tôi mới cảm nhận mỗi bước đi của mình là mang theo nhịp vui ca hát. Nhưng chẳng lẽ để những tập TQBT đã làm xong, chờ gói lại nằm im tội nghiệp !. Chân đau, không thể mang giày thì mang dép. Không thể mang dép thì chống nạng. Sá gì. Tôi nhớ lại những lần vượt con sông Côn ở Bình Định thời kỳ xa xưa. Sau khi lên bờ, mới hay là có vài hạt cát đã rớt vào trong giày trện. Nhưng không thể ngồi lại để tháo giày giày. Phải chạy nhanh. Phải theo kịp đồng đội để xung phong chiếm làng trước mặt.. Cứ thế tôi chạy, nhưng chạy cà nhót. Cả lòng bàn chân bị mấy hạt cát đâm đau thốn vô tả.

Bây giờ, nổi đau cũng như vậy. Cũng thốn nhức cả lòng bàn chân. Vậy mà vẫn bước.. Thay vì chạy, giờ là khập khểnh trên tuyết, trên đường băng giá, để mang những tập Thư Quán Bản Thảo vào bưu điện... Hai hoàn cảnh khác nhau, nhưng mang theo một ý nghĩa nào đó. Ngày xưa là đất nước, và hôm nay là văn chương. Ngày xưa địch bắt ta chạy, ngày nay ta tự nguyện. Ngày xưa ta không thể ngồi lại để tháo giày giũ cát. Ngày nay ta có thể ngồi tịnh dưỡng, có thể thoa dầu, có thể đi bác sĩ.

Cảm ơn bạn bè đã lo lắng dùm. Trong tuổi già, có những căn bệnh bất ngờ bủa xuống và lại ra đi như những con bão rớt

Sáng nay, lần đầu nghe lại tiếng chim sau mấy tháng mùa đông bất âm. Mùa xuân lại về. Khu vườn lại thấy những búp hoa hé lộ.

Và hồn tôi cũng vậy, cũng nở thêm một bông hoa.

Rực rỡ như niềm vui được thấy thêm một công trình mới nữa.

Ừ nhỉ, tại sao không nghĩ là chính nhờ cái tạp chí này giúp ta quên đau, mang niềm lạc quan đến khi ta tuyệt vọng, giúp cơn bão rút trôi dạt ra biển ?



Phạm Cao Hoàng Tuy Hòa, Một Thời Để Nhớ

Sau một thời gian lưu lạc, năm 1970 tôi quay về lại Tuy Hòa.

Tuy Hòa là một thành phố biển, giữa Nha Trang và Qui Nhơn, nằm bên bờ sông Đà Rằng, dưới chân núi Nhạn. Người Tuy Hòa hiền hòa, hiếu khách, và đặc biệt rất yêu thơ.

Về đây tôi có dịp gần gũi với những người cầm bút của Tuy Hòa và tham gia các sinh hoạt văn học nghệ thuật của thành phố để thương này.

Người tôi gặp gỡ nhiều nhất là anh Trần Huiền Ân, tác giả tập thơ THUYỀN GIẤY, nổi tiếng với những bài thơ đậm đà màu sắc quê hương. Thơ của anh đã từng được sử dụng trong sách giáo khoa dành cho học sinh bậc tiểu học do

ông Bùi Văn Bảo biên soạn. Trần Huệ Ân chon chất, đôn hậu, nhã nhặn và khiêm tốn. Anh có khả năng ở nhiều lĩnh vực: văn, thơ, biên khảo, và cả hội họa nữa..Một người luôn sát cánh bên tôi và Trần Huệ Ân là anh Đỗ Chu Thăng, tác giả tập thơ CHÂN CẦU CŨ. Đỗ Chu Thăng là giáo sư toán thuộc loại giỏi, nổi tiếng là một nhà giáo rất nghiêm khắc với học trò. Ngoài đời anh là một thi sĩ hiền lành, nhũn nhặn, được nhiều người quý mến và kính trọng. Sáng nào ba chúng tôi cũng hẹn gặp nhau ở bãi biển rất sớm để tắm biển, sau đó tỏa ra các trường để dạy học. Cuối tuần chúng tôi thường gặp nhau ở nhà anh Lê Công Minh, bút hiệu Lê Phương Nguyên, ở đó rất nhiều đêm thức trắng, cùng làm thơ, đọc thơ. Lê Công Minh có viết nhưng không nhiều..

Hầu như chiều nào tôi cũng gặp Phạm Ngọc Lư. Phạm Ngọc Lư gốc ở Huế, sau khi tốt nghiệp sư phạm được bổ nhiệm về dạy ở Tuy Hòa. Lư xuất sắc cả văn xuôi lẫn thơ, đặc biệt có tài thổi sáo và rất giỏi chữ Hán. Có một bài thơ của Phạm Ngọc Lư hồi đó tôi thuộc lòng, nghĩ rằng đây là một bài thơ hay, nhưng sau này trong hai tập thơ Lư xuất bản tôi không thấy bài thơ này.

KỶ HUẾ

*Đêm nay trong cõi tôi về
Ngát hương xuân động Kỳ Huệ ra đời
Xin vàng ươm nụ đầu môi
Thếp sơn cảnh lạ vẽ chồi lộc non
Đêm nay tôi mắt hay còn
Gieo tình xuống cát đợi mòn dấu cây
Ơn xin rễ mọc lòng tay
Nâng niu tuổi mọn xuân đầy trong Huế*

(Thơ Phạm Ngọc Lư, 1971)

Một khuôn mặt cũng rất gần gũi với tôi là Mang Viên

Long, nổi tiếng với những truyện ngắn sắc sảo và tinh tế. Anh gốc ở Bình Định, vào Tuy Hòa dạy học. Mang Viên Long sôi nổi và năng nổ. Giai đoạn ấy, trong số những cây bút ở Tuy Hòa, Mang Viên Long là người viết khỏe nhất. Đi dạy thì thôi, về tới nhà là cứ ngồi trước máy đánh chữ gõ lọc cọc. Lúc nào cũng thấy anh tất bật với việc viết lách.

Tuy Hòa là nơi sản sinh ra nhiều cây bút viết truyện ngắn xuất sắc. Một trong những cây bút xuất sắc đó là Nguyễn Lệ Uyên. Nguyễn Lệ Uyên dạy học ở Gò Công, chỉ về Tuy Hòa vào dịp nghỉ hè hay Tết Nguyên Đán. Nguyễn Lệ Uyên mê sách, báo; đọc nhiều, và nắm được nhiều nguồn tư liệu.

Tuy Hòa có một thi sĩ nổi tiếng rất sớm: Hoàng Đình Huy Quan, tác giả tập thơ MỞ CỬA. Lúc tuổi chưa tới 20 Hoàng Đình Huy Quan đã có tên trong ban biên tập của tạp chí VĂN HỌC ở Sài Gòn. Khi tôi quay về lại Tuy Hòa thì Hoàng Đình Huy Quan đã lưu lạc vào nam bộ, thỉnh thoảng mới về gặp gỡ anh em. Thời gian này Hoàng Đình Huy Quan thành lập nhà xuất bản ĐỒNG ĐÀO. Các tập thơ ĐỜI NHƯ MỘT KHÚC NHẠC BUỒN của Phạm Cao Hoàng, CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ TÔI của Nguyễn Bắc Sơn, NĂM NĂM DÒNG SÔNG THƠ của Trần Huyền Ân, ĐÀO NÚI MÌNH TA của Hà Thúc Sinh... do nhà xuất bản ĐỒNG ĐÀO ấn hành trong những năm ấy là nhờ công sức rất nhiều của Hoàng Đình Huy Quan.

Nhắc đến văn nghệ Tuy Hòa không thể không nhắc đến Khánh Linh, Nguyễn Tường Văn, Phan Bá Chức, Nguyễn Sông Ba, Nguyễn Duy Tâm. Khánh Linh và tôi gặp nhau cũng khá thường xuyên. Còn Nguyễn Tường Văn, Phan Bá Chức, Nguyễn Sông Ba và Nguyễn Duy Tâm ở Đà Lạt, lâu lâu về nhập bọn, rất vui.

Không gian văn nghệ Tuy Hòa những năm đầu thập niên

70 vô cùng âm cúng. Trong một lần sinh hoạt chung với anh em văn nghệ Tuy Hòa, nhà văn Duyên Anh rất bất ngờ về sự âm cúng này. Sau này, Duyên Anh có viết lại kỷ niệm lần gặp gỡ ấy trong bút ký CŨNG GỌI LÀ MỘT CHUYẾN ĐI.

Văn nghệ Tuy Hòa có số thân hữu lên đến hàng trăm, mà hầu như lúc nào họ cũng có mặt trong những buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật và những đêm thơ nhạc do chúng tôi tổ chức. Họ dành cho chúng tôi những tình cảm thân thương, những chia sẻ ân cần, và những khích lệ quý báu. Bên cạnh đó, nhiều cây bút ở các địa phương khác lâu lâu ghé lại làm cho Tuy Hòa ấm áp thêm. Vùng đất Tuy Hòa thuở ấy đã có dịp đón tiếp nhiều cây bút tài hoa: Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Lê Văn Trung, Tạ Chí Đại Trường, Thế Vũ, Nguyễn Âu Hồng, Nguyễn Sa Mạc, Lê Ký Thương, Nguyễn Việt Nam, Huỳnh Hữu Võ, Nguyễn Lệ Tuấn, Tô Duy Thạch, Lê Văn Thiện, Trần Vạn Giã, Nguyễn Minh, Võ Tấn Khanh... Riêng Nguyễn Minh và Võ Tấn Khanh sau này bám rễ và thành rễ Tuy Hòa luôn.

Chúng tôi có nhiều kỷ niệm với hai quán cà phê: cà phê CÂY PHƯỢNG ở gần trường trung học Nguyễn Huệ, và cà phê NHỚ ở gần ga xe lửa. Chủ nhân quán CÂY PHƯỢNG là anh Lê Tăng Minh, một người yêu thích văn chương. Sách của chúng tôi gửi các nhà sách bán không chạy, nhưng gửi ở quán CÂY PHƯỢNG thì bán được khá nhiều. Trong sân quán có một cây phượng rất lớn. Các áp-phích giới thiệu sách mới xuất bản được treo trên các cành phượng. Chủ nhân quán NHỚ là cô V., nhân vật đã từng được Duyên Anh nhắc đến trong bút ký tôi đề cập ở trên. Sau này tôi gọi quán NHỚ là QUÁN CỦA NGƯỜI TÊN V. (*Thi sĩ Cao Thoại Châu có một bài thơ nổi tiếng, tựa đề QUÁN CỦA NGƯỜI TÊN V(*)*). Tôi mượn anh Cao Thoại Châu tựa đề này đặt tên cho quán NHỚ ở Tuy Hòa). Mỗi một người trong chúng ta đều gắn bó với một góc quán, một con đường nào đó. Anh Lê Tăng Minh không còn, nhưng QUÁN CỦA NGƯỜI TÊN V. ở Tuy

Hòa thì vẫn còn đó. Nếu có dịp trở lại Tuy Hòa, một trong những nơi tôi cần đến để tìm lại những kỷ niệm một thời sẽ là QUÁN CỦA NGƯỜI TÊN V.

Tuy Hòa 1970-1972 là những tháng năm đầy ắp kỷ niệm trong tôi. Bước giang hồ tưởng đã dừng lại, nhưng rồi tôi lại ra đi, và lần đi này là biệt. Tôi trôi giạt về Đon Dương, Đức Trọng, Đà Lạt; cho đến một ngày tôi phải làm chuyến đi xa nhất của đời mình. Trong hành trang mang theo ngày tôi rời đất nước có những giọt sương của cao nguyên Lâm Viên, có tiếng sóng biển của Qui Nhơn, có tiếng gió biển của Phan Thiết, và có mây khói của Tuy Hòa mà một thời đã làm nhẹ bước chân tôi.

Phạm Cao Hoàng
Virginia , March 2010

(*) Thơ Cao Thoại Châu

QUÁN CỦA NGƯỜI TÊN V.

*Đường sinh tử một vòng chưa khép
Tạt vào đây quán trọ đời em
Rót cho tôi chai nào cay đắng nhất
Hồn tôi là một chiếc ly không*

*Mái quán em tường xiêu giấy lợp
Hào phóng đời cho mượn ánh đèn
Tôi sẽ thấp giùm em thêm chút nữa
Dẫu chỉ là đóm đóm trong đêm*

*Bàn ghế nhựa làm sao rơi loảng xoảng
Rừng ở đâu cho phá đá cửa cây
Em chỉ cho mượn tạm chiếc ly này
Không cho đập lấy gì phóng đăng*

*Chủ quán ơi, hôm nay ngày tháng mấy
Nhân loại trừ tôi còn lại được bao người
Mãi quán em thành trời cao vời vợi
Để cái nền làm vỡ chiếc ly rơi*

*Trăm con sấu đang đòi con say
Tôi đốt quán, em đừng buồn tôi nhé
Mở giùm tôi chai nào cay đắng nữa
Ly vỡ rồi cứ đổ xuống thân tôi.*

Mẹ trong cuộc sống đời thường

HOÀI ZIANG DUY

Mẹ tôi mất lúc tôi lên năm. Giờ đây, hình ảnh người Mẹ chỉ còn trong trí nhớ. Ở đó nó bàng bạc một chốn vắng xa. Có chăng là những lúc nghe ba tôi kể lại, hay anh chị nhắc tới. Bức hình đen trắng chụp gia đình, quần khăn tang trắng, năm 1954, trong đó người con trai út là tôi ngồi ở hàng phía trước. Mấy chục năm qua, sang xứ người tôi mang theo, như một phần đời giữ lại. Ba tôi bây giờ không còn, các anh chị kẻ trước người sau cũng ra đi phân nửa trong tổng số gia đình. Những khi nhìn lại, một quãng đời qua, nó lặng lẽ như nổi cô độc ở chính mình.

Tôi còn nhớ thời gian mẹ tôi nằm ở nhà thương. Danh từ nhà thương là danh từ được nhắc tới, hơn là danh từ bệnh viện như sau này. Cho đến bây giờ tôi không còn nhớ các người phục vụ, y tá trong nhà thương. Hình ảnh rõ nét trong đầu óc trẻ thơ ở tôi là hình bóng các bà phước

mặc áo đen trắng, đội nón xoè tới lui, sẵn sóc bệnh nhân. Có lẽ mẹ tôi năm lâu, tôi lại là đứa bé quen thuộc. Các bà phước coi như người trong đạo, đeo vào cổ tôi chiếc thánh giá dạy tôi cầu nguyện. Có thể để làm vừa ý thuận lòng các bà phước, vào ra gặp gỡ. Ba tôi để vậy, cho đến ngày mẹ tôi mất đi.

Ở quãng đời sau, cho đến cuối đời, ba ở vậy. Ba nhắc về mẹ, kể chuyện như một kỷ niệm. Qua đó tôi sống trong sự nhắc nhớ buồn vui. Nhìn thấy những đứa bé hàng xóm còn mẹ. Tôi tự an ủi với chính mình. Tôi cũng có một người mẹ, cũng được yêu thương nuông chiều, trong chuyện kể. Đôi khi nhìn gia đình bạn ở tuổi thơ láng giềng, thấy tình cảnh không khí âm cúng, đủ đầy, rộn ràng tiếng cười yêu thương. Tôi biết thua thiệt, để từ đó tôi biết buồn một mình, biết sống trong sự cô độc, yên thân.

Gia đình tôi chỉ có một người chị. Cho đến năm tôi học đệ thất, chị đi lấy chồng về Sài Gòn. Các anh lớn có gia đình ở xa. Sống với ba, chỉ còn có hai anh em tôi ở lại. Nhà không có đàn bà, không có ai đảm trách phần nội trợ. Ba còn phải đi dạy một buổi. Chuyện cơm nước coi như ăn cơm tháng dài dài, nhiều nơi, nhiều chỗ, ở tiệm có, ở nhà người nấu có. Ngon, dở, mặn, nhạt, thịt ít, mỡ nhiều, khen chê coi như đủ kiểu. Năm này tháng nọ kéo dài, cho đến mãi về sau lớn lên ra đời lập thân. Tôi ăn cơm người ngoài nấu ròn rã trên mười năm. Một gia đình, không có người đàn bà, không khí, nhà cửa cũng khác đi. Không có người mẹ, chúng tôi cũng tập tành làm mọi chuyện cho mình, lo thân, lo quần áo, giặt giũ, đơm nút áo, nút quần. Không có mẹ, phải làm nhiều chuyện. Tôi có mặc cảm với bạn bè, biết mặc cỡ, biết đạp xe tránh đường, sợ bắt gặp mỗi lần đi xách cơm, khi đi học về. Rồi theo thời gian trong ngôi nhà, ít người. Cái không khí vắng lặng, trật tự đâu đó cũng quen. Tôi thấy mình ít nói, ít đùa chơi với bọn trẻ hàng xóm. Ở tuổi thơ lúc đó, tôi muốn mình thành người lớn.

Tôi không thể hình dung, nói chuyện với phần tự tin của một cậu bé con nói về mẹ mình. Tôi chỉ nhớ những gì liên quan, nhắc nhớ đến người Mẹ. Tôi còn nhớ ngày đi

dò danh sách trúng tuyển niềm yết, kết quả thi tú tài 2. Về nhà báo tin với ba tôi, người đang nằm trên võng đọc báo. Ba tôi mừng lắm. Câu đầu tiên người nói. Mẹ mày còn sống, nghe tin này chắc mừng lắm. (Sao bỗng dưng ba nghĩ đến mẹ trong hoàn cảnh này, tôi tự hỏi). Rồi người đứng lên thay quần áo. Tôi hỏi ba đi đâu vậy? Ông nói đi báo tin cho mấy ông bạn mừng. Bạn ba tôi là những ông thầy giáo đồng nghiệp. Người đi như thể làm nhiệm vụ của mẹ tôi, lấy cái niềm vui rộn ràng khoe với hàng xóm. Hình ảnh nhò nhoi tầm thường đó, không hiểu sao nó lại làm tôi bồi hồi mỗi lần nhắc đến. Nuôi con côi cút, ba tôi còn giữ vai trò của một người mẹ ít nhiều săn sóc con, mua quần sắm áo.

Trong những bài tôi viết trước đây, có người nói tôi đưa hình ảnh người cha rõ hơn bóng dáng người mẹ. Quả thật, như đoạn trên tôi đã nói. Người mẹ một thời thơ ấu với tôi là những kỷ niệm đầm thắm, để rồi sau này khi biết buồn, biết thiếu thốn, khát khao. Tôi lại đặt lòng triu mến thiết tha qua niềm tin tôn giáo. Hình ảnh Quán Thế Âm Bồ Tát là một hình ảnh đẹp trong lòng, trong tâm tưởng tôi. Từ lúc một thân một mình bước ra cuộc đời. Ở trời đất bao la, có niềm tin yêu nào vỗ về che chở tâm hồn tôi, những khi lạc lõng khốn đốn, những lúc hoạn nạn một thân một mình. Không dưng mà tôi biết dựa vào niềm tin đó. Thời còn học trung học, ba cho chúng tôi tham gia trong sinh hoạt gia đình phật tử. Tôi biết đọc kinh, biết phật pháp, qua khóa học giáo lý, qua kỳ thi quy y tam bảo, với hai thượng tọa Thích thiền Định, và Thích Hộ Giác (thời kỳ Hội Phật Học Nam Việt của thầy Mai thọ Truyền). Qua thời gian tuổi nhỏ đó, rồi thôi.

Không biết có phải từ buổi đầu gieo hạt đó, dẫn dắt về sau này. Tôi hay có duyên với sách vở kinh sách đọc, nghe. Có thể vì vậy, ít nhiều tư tưởng về thân phận con người bàng bạc trong cách dựng truyện.

Điều thường tình trong cuộc sống, để tượng trưng cho hình ảnh một người Mẹ. Nhân gian lại hay dùng hình ảnh một người Mẹ già khổ cực, nghèo khó, pha chút nhà quê. Phải chăng điều đó dễ gây xúc cảm, hơn là hình ảnh

một người Mẹ còn trẻ, có học thức. Nói về người Mẹ, trong xã hội đời thường, là nói về:

Hình ảnh người mẹ buôn gánh bán bưng, tảo tần nuôi con.

Một người đàn bà nuôi chồng lúc sa cơ thất thế

Một người đàn bà làm dâu một người đàn bà.

Một thời xuân sắc, rồi một thời già

Một thời làm Mẹ lúc con còn trẻ.

Một thời làm Mẹ già lúc về sau.

Trước hay sau, người Mẹ nào cũng có một tấm lòng, một sự yêu đuối ở bản chất đàn bà, mềm lòng trước nghịch cảnh. Nhưng tựu trung, người Mẹ nào cũng có tính hy sinh, quên mình để bảo bọc che chở cho con. Người đàn ông không có tính nhẫn nhục chịu đựng, thức khuya dậy sớm pha sữa, ẵm bồng nuôi con trẻ. Chỉ có tình thương ở người Mẹ, cái tình mẫu tử thiêng liêng cao quý, như một chức năng làm căn bản cho gia đình. Những điều này nói ra, thật tình tôi không có một kỷ niệm sâu sắc nào về mẹ mình. Tôi chỉ biết, nhìn thấy ở một tình thân gần gũi, ở người bạn đời bên tôi, khi chúng tôi lập gia đình, khổ cực nuôi con, săn sóc, chịu đựng.

Bước ra cuộc đời. Tôi không có những bà mẹ nuôi, như một số người đã nhận. Tôi có thêm một bà mẹ ở ngày tôi cưới vợ. Tôi kêu bằng Má. Má vợ tôi là người Phật tử thuần thành, dù là người buôn bán, nhưng đi chùa, đọc kinh ở nhà không bỏ sót cử nào. Trong nhà, tôi thấy bức tranh Quan Thế Âm xưa cũ, mỗi một ăn giấy chung quanh, chỉ còn nguyên vẹn hình Phật Bà. Má tôi vẫn giữ y như vậy, cho là điều linh thiêng, cảm ứng. Thương con gái là thương luôn con Rể như con mình. Má hay ép tôi ăn, và mua bày biện đủ thứ. Má là người rộng rãi, không so đo tính toán, móc tiền ra trả từ sáng tới tối, con cái ăn gì, ai đến nhà ăn bỏ đó. Má đều trả hết khi họ đến đầu tiên. Má làm như có bốn phận phải bảo bọc tất cả mọi người. Tôi cảm thấy khó chịu, vì tính tôi không thích ăn vặt, không thích lu bu chuyện ăn uống. Có thể ảnh hưởng

từ cuộc sống gia đình đơn độc, từ cuộc sống nhà binh. Tôi muốn cái gì phải sống phẳng trật tự đâu đó. Má lo lắng từ chút một cho mọi người.

Sau này khi có con cái. Tôi biết nghĩ lại, biết nhớ con những lúc không gặp, lo lắng cho con dù khả năng nó làm được. Sợ con đói dù nó có tiền trang trải, mới cảm nhận được sự suy nghĩ ở người có tuổi, ở người mẹ lúc nào cũng là bóng mát chở che.

Một thời lính tráng đi đó đây, nhiều nơi mọi chốn. Tôi không có nhiều bà mẹ nuôi, má nuôi như một số người đã nhận. Người lính trong thời chiến chinh, hay trong xã hội ngày cũ. Ở người trẻ tuổi, lang bạt kỳ hồ, thường thấy xăm trên vai, trên tay mấy giòng chữ *xa quê hương nhớ mẹ hiền*. Hay đôi khi, *hận kẻ bạc tình, hận đời đen bạc*. Ai là người bạc tình? Chắc phải là đàn bà. Nhưng không có một câu, hàng chữ nào nói xấu về người Mẹ. Ngôn ngữ bình dân trong cái thế giới giang hồ đó, tôi có chút thú vị khi nhìn thấy một câu, xăm bằng mực tàu xanh trên cánh tay với hàng chữ: *Hận đàn bà, trừ má tui*. Thấy qua rồi mỉm cười. Vậy đó, dù có giận căm căm trong lòng, có oán hận đàn bà phụ bạc, dờ dang đi nữa. Họ vẫn biết tránh né xúc phạm, bằng cách chống chế thêm ba chữ *trừ má tui*. Lời ngắn, ý gọn chon chắt, trong tâm hồn một thanh niên, chắc hẳn dành cho một bà mẹ nhà quê thật thà đâu đó, trong cuộc sống bình thường.

Ngày tôi đi tù cải tạo, ở nhà Má đã nuôi vợ, nuôi cháu ngoại, đi thăm nuôi tôi. Má đã cru mang những năm dài ở một xã hội thiếu thốn. Nhớ tháng 4 năm 75, chúng tôi có cơ hội ra đi. Má không chịu đi, dành đứa cháu ngoại đầu tiên có mấy tháng tuổi ở lại với má. Cũng vì tình cảm níu kéo, không ai chịu bỏ ai. Kết quả là tất cả chịu chung một số phận.

Cho đến ngày gia đình chúng tôi định cư nơi xứ người. Má vẫn còn nhanh nhẹn, khoẻ mạnh, vui vẻ sống. Vậy mà, thời gian không đợi ai. Một lần trở về. Tôi không nhận ra cái thân thể ngày trước, bây giờ Má ốm rút lại, nằm ngòai một chỗ, không còn đi tới lui sinh hoạt được nữa. Má ít nói, chỉ ngòai nghe, góp vào ít lời. Rồi từ

phương xa, Má nghe điện thoại. Và rồi từ từ Má không còn muốn nghe nữa, khó nghe, khó nói quá đi.

Má mất đi ở tuổi 90. Tang lễ đủ đầy nơi quê nhà, bà con hàng xóm láng giềng. Bên xứ người, xa cách muôn trùng. Đứa con gái của má khóc một mình bên chồng, bên con, bên cháu. Không có tổ chức buổi lễ cầu siêu nơi chùa. Không có rước sư, thầy nào về tụng kinh. Tất cả trong giản dị, thương tưởng. Bạ bề chia sẻ là niềm an ủi, quý trọng ở tình thân trên xứ người, nơi mà cuộc sống không ai có thì giờ lo cho ai. Ở nhà, vợ tôi, đứa con gái của Má cúng cơm, đọc kinh sám hối, kinh cầu siêu cho hương linh Má siêu thoát, mỗi ngày mỗi buổi tự mình đọc kinh, cúng kiến cho đến 49 ngày. Một hình ảnh đẹp, tự nó tôn nghiêm giản dị. Đứa cháu ngoại sáu tuổi đến nhà, nhìn thấy nhiều lần, hình ảnh bà ngoại cúng cơm, ngồi dưới sàn nhà đọc kinh. Cháu nói, tự nó. Chùng nào ngoại mất, con cũng sẽ làm như vậy. Câu nói của một đứa trẻ thơ, trong hoàn cảnh này, nghe qua thấy buồn ngủ.

Mẹ tôi mất lúc tôi năm tuổi. Cái tuổi của một đứa trẻ không nhớ được nhiều.

Má mất đi, lúc tôi đã là ông ngoại. Làm người ai không hiểu câu tử biệt sinh ly. Nhưng làm người ai không đau ở nỗi đau mất mát, ở những lúc nhớ lại. Chúng tôi là những người tầm thường, nên sống với tình thương gần gũi, thật gần với những bà Mẹ, bà Má trong cuộc sống đời thường.

Mới đó, Má mất đã giáp năm.



Sài Gòn và những người bạn cũ

Phạm văn Nhàn

Sài Gòn, sau hai mươi năm tôi trở lại..(20-2-2010).

Đoạn đường dài từ Amarillo đến Dallas. Rồi từ Dallas về Tokyo trên chuyến bay của hãng hàng không American Airline cũng chẳng làm tôi bồn chồn gì cho lắm. Đường bay dài, cứ nhắm mắt lại ngủ, thức dậy được cho ăn, cho uống xem như việc bình thường.

Nhưng đoạn bay từ Tokyo về Sài Gòn trên chuyến bay của hãng hàng không Nhật Bản , mất 4 giờ 30 phút bay, phải nói thật, lòng tôi bồn chồn, hồi hộp mong sao cho đến quê nhà.

Quê nhà, hai tiếng sao nghe thân thương quá. Quê nhà sau 20 năm trở lại, làm sao không nhớ. Sài Gòn, Huế, Phan Thiết. Nơi đã ghi dấu chân một thời của tôi. Nhưng, chuyến bay đến Sài Gòn vào ban đêm: 10 giờ 30 đêm hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Sài Gòn về đêm từ khung cửa nhỏ bé của phi cơ nhìn xuống chỉ là bóng đêm và ánh đèn . Sài Gòn với những năm tôi lang thang trước 1975. Sài Gòn với những người bạn ở cái tuổi “thất thập cổ lai hy” vẫn còn sống và làm việc nơi đây. Sài Gòn với những người thân, bạn bè. Đang chờ tôi sau 20 năm trở lại.

Sài Gòn rất nóng ngày cũng như đêm. Cái nóng của một xứ nhiệt đới. Ngày hôm sau, sau khi đặt chân xuống Sài Gòn, việc đầu tiên là đi mua cái “thẻ phon” để gọi điện cho bạn bè và gia đình; mặc dù anh bạn nhà văn Nguyễn Minh đã biết trước ngày về của tôi. Những ngày ở SG về sống nơi nhà của người em, quận 12, giáp ranh với quận Gò Vấp, không xa phi trường Tân Sơn Nhất là bao. Tôi hỏi em tôi địa danh này tên gì. An Phú Đông. Cái tên không lạ với những ai ở vào cái tuổi “thất thập cổ lai hy” này. An Phú Đông.. Ba tiếng An Phú Đông làm tôi nhớ đến một bài hát của nhạc sĩ Võ Đức Thu. Bài hát xưa nói lên tinh thần chiến đấu chống Thực Dân Pháp của người

dân nơi đây. Những câu hát ngày nào còn vọng lại: *Bên hàng dừa cao dòng sông còn soi bóng/ Nhớ những chiến binh trồng cây trên má hồng...*” hay “*Sa trường còn đây ngàn cây còn vương máu/ Tiếng súng vắng xa từ đâu như thét gào..*” và điệp khúc bài hát An Phú Đông chắc không ít ai quên: *Đây An Phú Đông/ Oi An Phú Đông/ Ngày nào quân đi reo bao hùng dũng. Đây An Phú Đông. Oi An Phú Đông. Muôn đời uy linh sống với núi sông...*” Bài hát một thời mà tôi được biết. Với nhạc sĩ Võ Đức Thu , tôi lại nhớ bài hát Quyết Tiến của ông: *Quyết Tiến ta giống dân Lạc Hồng / Liều thân sống tranh đấu giữ gìn non sông..*”. Mà một thời tuổi trẻ chúng tôi hay hát. An Phú Đông, nơi tôi đặt chân đến lần đầu sau 20 năm trở về. Cái tên ấy đập mạnh vào tiềm thức của tôi , nơi đây đã bao lần người lính miền nam của chúng tôi đã vất vả vì nó, dù không có cuộc đánh lớn, nhưng vòng đai Sài Gòn cũng đã mất an ninh từ đây.

Sài Gòn sau 20 năm trở lại, không như Sài Gòn trước 1975 tôi đã sống. Những đứa em tôi đã hỏi tôi: *anh nghĩ thế nào về Sài Gòn hôm nay?* Câu hỏi này cũng là câu hỏi chung của một vài người bạn thân của tôi, rủ nhau ra ngồi ăn ốc luộc, uống bia ở Thị Nghè. Ốc có hằng chục loại ốc, ăn rất ngon miệng. Để trả lời câu hỏi về một Sài Gòn mà em tôi cũng như bạn bè tôi hỏi: Sài Gòn vẫn giữ cái nét đặc trưng của nó, tiếng động ồn ào gần như không dứt cả ngày lẫn đêm. Sài Gòn vẫn bụi bặm. Sài Gòn vẫn còn có những người phu quét đường. Với những tiếng còi xe “inh tai” để báo hiệu cho nhau. *Mất những thứ đó, không phải là Sài Gòn.* Tôi cũng đã nói với người bạn văn thơ Đỗ Nghê (Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc) như vậy. Tuy nhiên, người phu quét đường trên đường phố Sài Gòn hôm nay vẫn bình thản làm công việc của mình mà: không dùng chổi đứng nghe (*đại bác đêm đêm dội về thành phố/ người phu quét đường dùng chổi đứng nghe*). Vì sao? Đất nước đã im tiếng súng sau 35 năm. 35 năm, đoạn đường dài 200 cây số từ Sài Gòn về Phan Thiết, hay nói khác hơn và chính xác sau 20 năm tôi trở lại quê nhà, với 200 cây số

đường rừng, với vài ba xóm nhà heo hút đó, bây giờ là phố xá, nhà cửa. Rừng lá như mắt hút dọc hai bên đường. Ngã ba vào Bình Tuy, nơi quê hương của nhà thơ Đỗ Nghê dạo nào tôi nhìn cũng không ra. Quê tôi, một thành phố nhỏ sau 20 năm trở về đã thay da đổi thịt.



Phạm Văn Nhuận, Đỗ Hồng Ngọc, Lê Kỳ Thương (Sài Gòn)

Tôi cũng đã nói với Đỗ Hồng Ngọc, và Lê Kỳ Thương khi ba anh em chúng tôi ngồi uống cà phê sáng nơi giữa lòng thành phố SG yên tĩnh, có cả một cái hồ rộng lớn thả hoa súng (mùa này hoa súng chưa nở) một ngày trước khi tôi trở về Mỹ. Chúng ta nên có cái nhìn Sài Gòn dưới con mắt “trung tính”. Không đứng về phía bên này hay bên kia mà nhìn về một Sài Gòn hôm nay sắp xỉ gần 10 triệu dân. Tuy nhiên đây cũng là lối suy nghĩ của riêng tôi với bạn bè thân. Còn tùy cái nhìn của những người khác khi về Sài Gòn nữa. Tuy nhiên, đừng nên đem SG ra từ một bụi cây trong công viên hay SG từ một bóng tối nào đó, một cô gái nào đó, từ một khu nhà ổ chuột nào đó mà nhìn về một Sài Gòn hôm nay.. Tội nghiệp cho Sài Gòn!

Thành phố thân quen của tôi ngày nào vẫn còn đây. Sài Gòn sau 20 năm trở lại. Ôn ào, náo nhiệt ngày cũng như đêm, bụi bặm và nóng.

Những người bạn muôn năm cũ:
(25 tháng 2 năm 2010)

Sài Gòn đối với tôi vẫn còn đó trong tôi những năm tháng xa nó. Nhưng hôm nay tôi thấy lòng rộn ràng bao niềm vui, ngoài việc riêng của tôi đã xong. Bạn bè đã hơn 45 năm đang chờ. Buổi sáng, trời thật nóng và oi bức. Trên những con đường đầy tiếng động, tiếng còi xe găng máy. Và khói xăng. Những gương mặt của các cô gái Sài Gòn khó mà ai biết được đẹp hay xấu vì ai cũng như nhau: che mặt, che mũi. Bởi cái nóng SG làm cháy da. Nhưng, tôi có cái vui trong lòng. Bạn bè tôi hôm nay gặp lại.

Tôi tìm đến ngôi nhà của nhà văn Nguyễn Minh trên đường Nguyễn Kiệm. P13. Quận Gò Vấp. Nơi chúng tôi gặp mặt. Nhà trong hẻm. Phải nói là khó tìm. Nhưng cuối cùng rồi cũng tìm ra, khi Nguyễn Minh xuất hiện trên con đường Nguyễn Kiệm đón tôi. Với ai, thời gian sẽ làm cho con người biến đổi từ gương mặt, vóc dáng. Nhưng với Nguyễn Minh thì không, dưới cái nhìn của tôi. Gần 50 năm mới gặp lại anh từ khi chúng tôi chia tay ở Phan Rang. Phải nói anh già. Già từ mái tóc cho đến chòm râu, tất cả đã bạc màu muối tiêu. 50 năm gặp lại, không còn trẻ với khoảng thời gian 69,70 khi còn đóng quân ở Phan Rang, Tháp Chàm. Thời đó tuổi trẻ chúng tôi vui lắm. và bây giờ gặp lại trong cái tuổi “thất thập cô lai hi” này vẫn vui và sôi nổi như năm nào. Gặp anh, tôi nhận ra ngay. Hai đứa chúng tôi ôm nhau trên đường vừa mừng, vừa tủi. Nhiều người trên phố nhìn chúng tôi. Tôi choàng vai Minh đi trên phố. Một cao “tông ngồng” là tôi. Một “thấp lùn” là Minh. Cứ thế mà đi vào nhà, như năm nào tôi choàng vai anh đi lang thang trên những con phố ở Phan Rang.

Phòng khách nhà Minh chỉ vồn vện 12 mét vuông. Hai cái bàn và những cái ghế đầu bằng nhựa màu xanh được anh bố trí giữa căn phòng khách đó. Nơi, chúng tôi sẽ gặp nhau, mà trước đó hai ngày Nguyễn Minh đã thông báo cho bạn bè biết có tôi về.

Tôi nhìn thấy trên cái bàn nhỏ rất trân trọng, dưới chân cầu thang cuốn. Nguyễn Minh đã đặt những tập văn đã in

để giới thiệu với bạn bè trong nhóm. Tập: *Ngôi Nhà Số 11* (Nguyên Minh). Tập thơ *Bi Khúc* của Lê Văn Trung do Thư Ân Quán, Hoa Kỳ in(Ý Thức in lại). Tập Truyện *Màu Thời Gian* của tôi, do Thư Ân Quán in năm 2004, nay Ý Thức in lại có bổ sung thêm nhiều bài và nhiều phụ bản của Lê Ký Thương, Thân Trọng Minh và Vũ Thanh Hằng (vợ của B/s Lữ Kiều Thân Trọng Minh).

Những tập sách này sẽ gửi đến bạn bè trong ngày hội ngộ trong phòng khách của Nguyên Minh dù nhỏ nhưng âm cúng.

Đề rồi sáng hôm đó, bỗng dung điện tắt. Bên ngoài trời nóng, trong phòng càng nóng hơn. Một đổi sau có điện lại. Nguyên Minh nói với tôi đó là lẽ thường tình. Bạn bè đã đến lai rai. Chỉ còn chờ vợ chồng Lê Văn Trung và Hạ Đình Thao từ Đồng Nai vào là Nguyên Minh tuyên bố lý do. Thường là trong nhóm chủ trương Ý Thức cũ một thời đều có mặt. Chi thiếu vắng Trần Hoài Thư và Lữ Quỳnh. Những người muôn năm cũ bây giờ gặp lại nhau lần lượt từng anh bạn đến. Già, nhưng khỏe mạnh. Nét mừng vui trên từng gương mặt của mỗi người: Nào: Nguyên Minh, Lữ Kiều Thân Trọng Minh, Châu Văn Thuận, Trần Duy Phiên (Ý Thức). Lại Quảng Nam. Mừng Mán. Lưu Nhữ Thụy. Phương Tấn. Hạ Đình Thao. Vợ chồng Lê Văn Trung . Lê Ký Thương và Đỗ Hồng Ngọc.

Những chai rượu vang đỏ được Lữ Kiều khai ra, rót vào từng ly cho mỗi anh em bè bạn. Những ly rượu nâng lên chúc mừng ngày họp mặt. Rất tiếc là không có ai hát *Ly Rượu Mừng* của Phạm Đình Chương. Tôi thật sự thấy xúc động tình bạn bè còn giữ lại một thời dành cho nhau, bỏ ngoài tai những chuyện chính trị vô bổ. Chỉ nói về anh em, bạn bè đã gần bó trong mấy mươi năm nay. Thư Quán Bản Thảo được hình thành và Ý Thức Bản Thảo được sống lại, một ở ngoài nước một trong nước, cách xa nhau nhưng gần gũi. Chuyện cũ như khơi lại từ ngôi nhà số 11 trên đường Nguyễn Thái Học/ Phan Rang . Và cũng từ đây



Hàng ngồi(từ trái qua phải): Châu Văn Thuận, Mương Mán, Phạm Văn Nhân
Hàng đứng(từ trái qua phải): Lữ Kiều, Phương Tấn, Sâm Thương, Trần Duy Phiên, Lại
Quang Nam, Nguyễn Minh (Sài Gòn)

tạp chí văn học Ý Thức hình thành. Và cũng từ đây tập truyện *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* của Trần Hoài Thư được trình làng. Nhắc đến ngôi nhà ấy, có tôi, có Lữ Kiều, có Lê Ký Thương chỉ thiếu Trần Hoài Thư và Lữ Quỳnh không có mặt để mỗi người nói lên một vài kỷ niệm từ ngôi nhà số 11 ấy. Với Lê Ký Thương, một anh chàng vừa làm thơ vừa họa ấy sau hơn 45 năm gặp lại, tôi với Thương ôm nhau muốn khóc vì nhiều kỷ niệm quá phải không Thương? Lữ Kiều ghi lại hình ảnh này qua ống kính của anh. Nụ cười của LKT còn giữ lại qua tấm hình của Lữ Kiều chụp như muốn khóc. Còn tôi thì trầm ngâm... Sau bao cuộc bể dâu, anh em cầm bút cũ còn gặp lại nhau ngày hôm nay thật là quý.

Cũng từ ngôi nhà này và cũng từ bạn bè nhắc đến nhiều kỷ niệm với nhà văn Trần Hoài Thư. Lữ Kiều góp thêm một câu chuyện vui về cái tánh tự trọng và chơi bạn hết mình của Trần Hoài Thư. Chuyện kể: lúc ấy THT chưa biết Lữ Kiều. Chỉ biết Lữ Kiều qua lời kể của Lữ Quỳnh từ tánh tình đến vóc dáng. Khi ấy THT còn đóng quân ở Qui Nhơn/ BĐ. Một đêm trong quán cà phê có một anh chàng nào đó thao thao bất tuyệt tự xưng mình là Lữ Kiều (cũng

nói giọng Huế) trước mặt công chúng. THT ngồi nghe, hẳn không phải là Lữ Kiều qua lời kê của Lữ Quỳnh. THT đứng dậy tới trước mặt hẳn, chỉ tay rồi chửi thề (THT mặc đồ lính): mày không phải Lữ Kiều bạn tao. Nhiều người hỏi lại: rồi anh làm gì với hẳn. THT chỉ cười: hẳn to con quá, còn tao thì ốm tong, ốm teo làm gì hẳn được. Bạn bè cười. Câu chuyện vui của Lữ Kiều kể ra ngày hôm nay như muốn nói lên một tình bạn dù đã mấy mươi năm rồi nay gặp lại và nhắc đến như một chất keo bền chắc trong tình bạn bè với nhau. Với THT là như thế, chơi với bạn và giữ cái tình bạn chân thật đây tình nghĩa là như thế. Ai cũng biết và quý mến anh, dù không có anh trong ngày hội ngộ.

Còn nữa, người bạn một thời với tôi khi ở Qui Nhơn, nhà thơ Lê Văn Trung. Vợ chồng anh từ khu kinh tế mới vào Sài Gòn gặp anh em, và nhất là muốn gặp tôi, nhưng thời gian eo hẹp quá, chỉ gặp nhau trong mấy tiếng đồng hồ trong căn phòng khách nhỏ của Nguyễn Minh, rồi cũng chẳng nói được gì nhiều. Trung bây giờ ốm quá, nhìn thấy khỏe, nhưng nổi khắc khổ vẫn còn hẳn trên gương mặt của một nhà thơ xứ Quảng Nam. Mà tập thơ thứ hai của anh đã được hình thành : *Bi Khúc*. Anh nói lời cảm ơn THT và tôi, từ Thư Án Quán mà *Bi Khúc* mới đến được tay bạn đọc ngày hôm nay.

Những dự định của tôi hơn ba tuần lễ ở quê nhà đã bị vỡ “kế hoạch”, sau hơn một tuần lễ ở Huế. Định mua vé tàu hỏa vào Tuy Hòa để thăm anh em trong đó. Nhưng sau tết, vé tàu khó mua, dù mấy em tôi đã gợi ý mua “chợ đen”. Nhưng vẫn không còn. Báo hại nhà thơ Trần Huyền Ân, nhà văn Lê Văn Thiện, Nguyễn Lê Uyên, vợ chồng nhà văn Khuất Đầu chờ dài cả cổ. Tôi đành làm một lời xin lỗi. Chị Hoa, vợ anh Trần Huyền Ân nói chuyện với tôi qua điện thoại: *hơn 45 năm, anh chị không gặp em, tưởng em đến Tuy Hòa, anh em trong này đang chờ vợ chồng em đến. Chị đang làm những món ăn để chờ em . Nhưng chắc không có duyên nên chưa gặp lại.* Lời chị Hoa nói rất chân tình dành cho tôi, cũng như những bằng

hữu đã dành cho tôi trong những ngày về.

Võ Tấn Khanh (Tôn Nữ Hoài My) từ Phan Rang gọi điện chúc mừng tôi về và hỏi thăm, Hạc Thành Hoa từ Sa Đéc gọi lên thăm khi nghe tôi về. Nguyễn Dương Quang từ Đà Lạt gọi xuống. Nhưng tất cả tôi đều xin lỗi vì thời gian eo hẹp quá. Hẹn anh em bạn bè một thời gian sau, về lâu hơn. Bù lại, nhà thơ Phạm Ngọc Lư, nghe tôi về, dù trước đó mấy ngày anh đã ngã bệnh, cũng ráng đón chuyến xe Đà Nẵng- Huế ra thăm tôi, một ngày một đêm. Đủ đề cho hai chúng tôi tâm sự. Nhiều chuyện để nói với nhau. Khác với nhà thơ Viêm Tịnh, gặp tôi Viêm Tịnh “la làng, văng tục” những câu văng tục thật dễ thương của một nhà thơ xứ Huế, gốc lính như tôi thật dễ thương của tình bạn bè lâu năm không gặp. Nay gặp lại tại Huế xưa này (thành phố còn mang nhiều dấu ấn văn hóa, khác với Sài Gòn) làm sao tôi không vui và nhớ .



Nhà thơ Viêm Tịnh và Phạm Ngọc Lư (và bộ sách Văn Miền Nam)- chụp ở Huế

Huế, cái xóm vạ chài trên sông Gia Hội đã được giải tỏa, trả lại cho dòng sông thật thanh khiết về đêm. Câu thơ ngày xưa trong tâm tưởng của người dân khi đến Huế chỉ còn là một vết nhỏ trong tâm thức của mỗi người: *sông Hương vắng khách đĩ kêu trời*. Huế thật nóng, nóng cả ngày lẫn đêm như Sài Gòn. Tôi nào cũng cùng với những người bạn cũ có, mới có ra ngồi trên bờ sông Gia Hội (đường Bạch Đằng). Bên kia là đường Huỳnh Thúc Kháng (nhà của Viêm Tịnh) bên đó, mà ngồi “nhậu” lai rai với bạn bè. Những món ăn dân dã, gần gũi với người bình dân

trên bờ sông Gia Hội thật dễ thương. Đâu cần phải vào những nhà hàng sang trọng.

Lại cũng có thêm một lần vui nữa, ngày xưa đọc thơ Phù Hư, dịp này ra Huế, ngồi uống cà phê với Phạm Ngọc Lu trước khách sạn “ Hoa Sen” trên đường Nguyễn Thái Học, thì nghe phone reo. Tôi bắt phone, hóa ra mới biết nhà thơ Phù Hư ngày nào gọi đến, do Lê Ký Thương cho Phù Hư số điện thoại của tôi khi anh ra Huế để lo cho vợ anh trình bày tranh trong dịp "festival Huế" sắp tới. Ngày xưa, chưa gặp Phù Hư lần nào, chỉ đọc thơ anh, nhưng hôm nay gặp anh trên xứ Huế cái “máu văn nghệ” như có một mẫu số chung là: như thân từ thuở nào.

Trong những ngày ngồi “lai rai” với người em và bạn bè trên bờ sông Gia Hội, một người bạn của em tôi, anh Trần Công Hoài, giảng viên tại Đại Học Bách Khoa Tp/HCM có vợ là một đạo diễn kịch nói nổi tiếng ở thành phố (bạn của nữ đạo diễn Minh Ngọc kiêm nhà văn nữ).. anh là người có rất tâm đắc về nền văn học miền Nam trước 1975. Chúng tôi, hẹn nhau đến uống cà phê nơi quán “Vỹ Dạ Xưa” ngồi uống cà phê nghe nhạc Trịnh. Bên kia là Cồn Hến. Xa một chút là cầu Tràng Tiền về đêm bày sắc cầu vòng rất đẹp. Vĩ Dạ hôm nay không còn là Vĩ Dạ xưa trong thơ Hàn Mặc Tử: *Vườn ai mướt quá xinh như ngọc/ Lá trúc che ngang mặt chữ điền..*

Từ người em tôi, và anh Hoài, lại gặp nhau ở Sài Gòn trên con đường XVNT uống cà phê sáng ăn bánh patéchaud, tôi được giới thiệu thêm hai người bạn mới rất thích văn miền Nam. Trong đó có một cô gái sinh sau 1975, chỉ nghe nhạc trước 75 không đọc được bài văn nào của thời chiến tranh ấy. Thế là Bộ *Văn Miền Nam* được in gấp và gửi ngay cho hai người bạn mới này; mà anh bạn tôi phải ưu tiên nhường lại cho hai người bạn mới của tôi. Được biết hai bộ Văn Miền Nam này in để gửi cho nhà văn Nguyễn Ngọc và một nhà văn khác ở miền Bắc (theo như người bạn tôi in nói lại). **Như vậy, Văn Miền Nam từ Hoa Kỳ đã có mặt tại quê nhà nhiều bộ trong thời gian tôi về thăm quê sau 20 năm xa xứ.**

Chỉ còn mấy ngày nữa là về lại Mỹ, không ngờ nhà văn Nguyễn Lệ Uyên từ Tuy Hòa vào và nhà văn Khuất Đầu từ Nha Trang vô đề gặp tôi tại nhà Nguyên Minh. Cái tình bạn ngày xưa sao mà thâm thiết quá. Trên căn gác chật chội khoảng 12 mét vuông, nơi làm việc của Nguyên Minh và cũng là nơi để anh ngủ. Tôi gặp nhà thơ Trần Dza Lữ. Lữ ốm và già với thời gian, khác với nhà thơ Phương Tấn nhiều lắm. Cái cục của Lữ anh em đều biết, nhưng biết làm sao hơn. Trần Dza Lữ nói với tôi là anh cũng vừa ở Huế vào nên không đến gặp tôi những ngày đầu được.



Gìn giữ nhau trong tuổi già. Chỉ có anh em cầm bút cũ của miền Nam trước 1975 mới có thể khấn khít như thế này ! (phụ chú của THT)

Từ trái sang phải: Nguyên Minh, Nguyễn Lệ Uyên, PVN, Trần Dza Lữ, Khuất Đầu, Lữ Kiều Thân Trọng Minh

Và, hôm nay, tập thơ *Hát Đạo Bên Trời* do nhà xuất bản Trẻ phát hành năm 1995 được Ý Thức in lại và anh đã viết tặng tôi. Trên căn gác nhỏ bé này, sáu anh em lại họp mặt: Tôi, Nguyên Minh, Lữ Kiều Thân Trọng Minh, Trần Dza Lữ, Nguyễn Lệ Uyên, Khuất Đầu ngồi bó gối uống cà phê và nước trà nói lên cái suy tư, và mong ước làm sao những bạn bè trong cái tuổi “thất thập cổ lai hi” này nghĩ gì, viết gì ở cái tuổi về già hôm nay.!

Buồn hay vui! Tôi chẳng thấy buồn chi cả; với tôi, hôm nay về lại quê nhà sau 20 năm, bạn bè ngày nào còn sống

trái qua bao cuộc bể dâu vẫn còn giữ cái tình “văn nghệ” ngày nào, vui biết mấy. Cũng như một ngày trước khi tôi rời khỏi quê nhà, ba anh em ngồi uống cà phê sáng giữa lòng thành phố Sài Gòn có một cái hồ lớn, nước trong xanh, lãng đãng vài cánh lá xanh trên mặt hồ yên tĩnh. Nhà thơ Đỗ Hồng Ngọc chỉ cho tôi nơi góc hồ, một góc phượng già vẫn còn đó. Mùa hè hoa phượng nở đỏ. Nhưng hôm nay thì chưa. Tôi nghĩ, nơi thành phố năng động này khó mà tìm được một góc phượng già như góc phượng kia, cũng như bạn bè tôi, hôm nay còn gặp lại đầy đủ như thế này là một niềm vui không sao nói hết được. Hãy giữ cho nhau một kỷ niệm. Dù chỉ một mà thôi. Cảm ơn bạn bè đã cho tôi một cái nhìn và một tình bạn lúc nào cũng trân quý sau 20 năm tôi trở về.



Đính chính: Trong bài Để Tưởng Nhớ Mùi Hương của tác giả Nguyễn Thị Hải Hà đăng trong mục Sống và Viết số 41, có ghi lầm về tên của một vị vua. Thay vì Tự Đức, bài lại viết là Dục Đức.

Chúng tôi, tòa soạn và tác giả xin trân trọng cảm ơn thân hữu TĐSC ở Nam CALI đã chỉ cho chỗ sai lầm này. Xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

SÁNG TÁC THƠ VĂN

CHỦ ĐỀ NGƯỜI MẸ

Với những sáng tác của Nguyễn Ngũ, Đỗ Chu Thăng, Kiên Giang, Kim Tuấn, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Dương Quang, Nguyễn Trung Dũng, Từ Thế Mộng, Vũ Hoàng Thư, Nguyễn Mạnh Côn, Lữ Kiều, Trần Hoài Thư, Ngọc Linh, Đặng Kim Côn, Nguyễn Kim Tiến, Duy Lam, Duy Thanh...



Ngụy Ngữ

Thời mẹ con gái

có phải mẹ mang áo dài lụa trắng
mẹ quấn khăn vàng với gió thu sang
gió đem mây về từ biển lớn
cha theo mây về từ đời gian nan

có phải mẹ đeo chuỗi vòng ngọc bích
xanh như da trời tháng chạp không mây
những kỷ niệm từ thiên thai rơi rớt
từ lụy trần chưa bám bụi đầu tay

có phải mẹ tóc dài từ quên lãng
hay từ lang thang tiếng hát quanh đời
hay từ mùa thu cây ngàn nhớ nắng
hay từ mùa xuân suốt đời chơi vơi

có phải mùa đông sông lên nước lũ
có phải mùa hè đầy trời mây bay
một ngày mùa hè cha quen biết mẹ
cho đêm mùa đông xanh muốt mộng dài

mẹ hái lá lót nôi thời con gái
trồng cây non lên những ước mơ hiền
mẹ hát cho cha quên ngày quan ải
trên hư không con giữa tiếng kinh mừng.

(trích Thơ Miền Nam thời chiến tập II)

Đỗ Chu Thăng

Tuổi hạ

Năm em mới vào lớp Sáu
Mẹ may cho chiếc áo dài
Ngượng ngùng. Mẹ kêu mặc thử
Vụng về dư cả hai tay

Hết hè em lên lớp Bảy
Lũ trai nghịch cứ gheo đùa
Em giận thừa thầy. Em khóc
Trời xanh bỗng đổ cơn mưa

Mãn năm em lên lớp Tám
Đi giày đội nón bài thơ
Lướt gương ra chiều ngắm nghĩa
Mẹ cười dấu mặt làm ngờ

Rồi năm em lên lớp Chín
Tóc dài bỏ xõa ngang lưng
Người vui, gọi câu trầu rượu
Ô hay ! sinh gái đầu lòng

Năm ngoài em lên lớp Mười
Hững hờ. Mẹ bảo tương tư
Cành tre có đôi chèo bẻo
Lú lo giọng cũng yêu đời

Năm nay em học Mười Một
Tan trường có kẻ theo chân
Em biết lòng em thẹn thẹn
Trời cao mây trắng băng khuâng

Sang năm em lên Mười Hai

Đường xa sách vở còn dài
Em sợ nhà trai sính lễ
Học hành dang dở đi thôi.

(trích Thơ Miền Nam thời chiến tập I)

Kiên Giang

Sàng Gạo

Mẹ rắc hoàng hôn theo hạt tuyền
Cám bay phảng phất quyên hương cau
Nghiêng nghiêng bóng xế sau lưng mẹ
Gạo trắng như màu tóc trắng phau

Thuở bé về quê ăn gạo già
Đắng cay nước mắt trộn mồ hôi
Mùi thơm gốc rạ thơm hương khói
Con lớn dần theo số tuổi đời

Từ khi xa xứ lên đô thị
Tiếng máy rồ vang át tiếng chày
Cổng kín tường cao đà khuất lấp
Bóng người sàng gạo cuối chân mây.

Cái gì còn lại trảng sàng gạo
Là hạt kim cương: hạt ngọc trời
Phấn cám bụi đời bay lẫn lộn
Mẹ ơi ! Cơm trắng bởi mồ hôi

Suốt đời cực khổ, đời làm dâu

Cay đắng chín muối nổi khô đau
Lừa lọc ân tình theo hạt thóc
Trái bồ hòn lẫn hạt trần châu.

Lâu quá con thèm ăn gạo già
Thèm mùi sữa ngọt sữa con so
Thèm thêm trắng sáng chày khua cối
Làm rụng Hằng Nga xuống tứ thơ.

Chiều nào con đứng bên hàng trúc
Thấy tóc mẹ rơi giữa nắng tà
Tóc trắng mầm chôn trong gạo trắng
Mẹ ngồi nhặt thóc mới hay già

Cái thời thơ dại không còn nữa
Cát bụi mù bay khắp nẻo đời
Gạo chợ đã phai mùi gốc rạ
Men đời đắng lắm mẹ hiền ơi !

Lâu quá: nhốt đời trong ngõ hẻm
Lầu cao che khuất áng mây trôi
Mẹ ơi ! đâu hướng về quê mẹ
Nắng giữa hồn con đã tắt rồi.

(trích Thơ Miền Nam thời chiến tập I)

Kim Tuấn

Gửi mẹ mùa xuân

Tết này chắc con thôi trò núi
Đêm ngủ rừng thoi ngó trời xanh
Sớm mai qua suối tay kèm súng
Đã xa xăm như thể cũng đành

Tết này ngưng chiến lo đồn trại
Đêm gác chòi cao nhìn núi cao
Lũng lơ dăm bóng đèn soi sáng
Mưa dưới đồi xa khuất chiến hào

Chiến hào đêm lạnh run cơn gió
Lá động cành trơ và khói sương
Co ro trong áo tay ghi súng
Lửa ngút trời xa bãi chiến trường

Tết này thêm chút tiền lương lính
Có dăm trăm bạc gửi quê nhà
Mẹ mua thêm gạo ăn qua tết
Con ở rừng cam khổ cũng qua

Con ở rừng ăn tết cá khô
Có cơm gạo sậy kiếp sông hồ
Khi vui chung bạn dăm chai đế
Khi chết nằm yên dưới đáy mồ

Tết này tết nữa chưa yên giấc
Chắc mai chắc một có hòa bình
Con nghe nói thế con tin thế
Trên này như cũ vẫn phiêu linh.
(trích Thơ Miền Nam thời chiến tập I)

PHẠM CAO HOÀNG

Cuối Năm Ở Trạm Hành

ngó quanh chỉ thấy rừng tiếp rừng
một trời sương trắng phủ mùa đông
những bông quì nở cùng hơi bắc
quê nhà tan với bóng sương tan

me ạ con đang ở Trạm Hành
trời đang mùa rét lạnh căm căm
cuối năm vượn hú trên kè đá
con hát nghêu ngao hát một mình

con bước lang thang bước dặm trường
nhủ lòng đâu lại chẳng quê hương
ở đâu cũng dưới trời thương nhớ
một bóng cò lặn lội bên sông

me ạ con đang ở Trạm Hành
nơi đây còn những khóm su xanh
những vườn mận chín mùa xuân mới
những đồi trà thơm ngát bình yên

những chiều hiu hắt bóng sương rơi
con thở bằng hơi thở núi đồi
con bước cùng sương đi với khói
con ăn gió lạnh uống mây trời

me ạ con đang ở Trạm Hành
đâu đây trời đất báo xuân sang
con bỗng nghe lòng con rộn rã
tiếng quê nhà giục già trong con

cuối năm ừ sắp hết năm rồi
nơi đây còn một bóng con thôi
ngó quanh nào biết đâu phương hướng

quê nhà nghe xa lác me ơi
1972

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Đêm cuối năm viết cho má

đêm nay con ngồi một nơi rất xa má
đếm tuổi con bằng nước mắt má đọng
trong đêm thoảng giọng hiền má gọi
con vừa nghe, muốn khóc, rất băng khuâng

ở làng này không ai đốt pháo
đêm thật buồn như bước đồng đi
con còn có ít giờ hưu chiến
biết đâu chừng, thôi, nghĩ làm chi

mấy năm nay con không có Tết
hình như năm chỉ có ba mùa
con không buồn xuân chề đời lính
buồn xa má như trời mưa

từ xa má con làm con nhiều mẹ
lúc nào cũng vui lúc nào cũng buồn
có kẻ vui luôn, người buồn mãi
mình con của má cười rung rung

con nghe những dòng sông kể chuyện
biển xa năm họp mặt một lần
chuyện những xác cầu, xác người chìm nổi
chuyện đồng loại như là phù vân

hình như cây súng con lạ lắm
sao nó run lên khi đạn lên nòng

tâm hồn nó như tâm hồn con vậy
một kẻ nằm, kẻ đứng, xót xa không?

trước mặt con: những ngọn đồi cát máu
đêm thì thâm cùng những nắm xương
ôi, trái tim con mãi tôn thờ má
đã dạy con hai tiếng yêu thương

từ má lỏng bàn tay dịu dặt
con bơ vơ giữa cuộc phù sinh
dòng nước nào xa nguồn mà không đục
sợ một mai con lạc dấu chân mình

thôi, má ngủ đêm nay ngon giấc
con ngồi đưa chiếc võng rách quê nhà
đạp vòng cầu đùng đi trong đêm tối
lệ sẽ đầy giấc má nhớ con xa

(trích Thơ Miền Nam thời chiến tập II)

Nguyễn Trung Dũng

ĐẤT CỦA MẸ ĐÂU PHẢI LÀ TORONTO

đất của mẹ đâu phải là toronto
trong quan tài mẹ nằm thanh thản
ngủ lặng thình như lúc sinh thời
vẫn nét mặt và vàng trán ấy.

nến thấp. nhang đèn. lửa và khói
vòng hoa tang và áo sô gai
mồ. kính tụng trong băng cassette
ê a lời kệ nhíp bi ai.

con đứng khóc nghẹn ngào tức tưởi
nói kể gì mẹ chỉ lặng thinh
sinh ký cỗi đời là ký gửi
thác lại về một cỗi siêu linh.

đất của mẹ đâu là quebec
toronto hay montreal
sao mẹ không đợi về quê hương cũ
nơi chôn rau cắt rốn bình an.

mẹ ơi tuyết rơi tròn và trắng
đất cứng chai và nghĩa địa vắng
những mộ bia cùng những cây khô
mẹ nằm ngủ quên trong im ắng.

đất của mẹ đâu là quebec
toronto hay montreal.

(trích thi phẩm Cúc Vàng)

TỪ THẾ MỘNG

Dáng Mẹ Trăm Chiều

Con len lén rút nhanh về tặng má
trầu lá to nổi đậm cả đường gân
ngọn trầu nguồn má ăn ngon phải biết
ngậm vừa cay, môi đỏ, miệng vừa thơm

Má âu yếm cầm liễn trầu xanh ngắt
cám ơn con cả lòng má như gần
và lòng con vỗ cánh lại gần hơn

con bay con bay con sà tới má

Má nắm tóc con, xoắn tóc con, bàn tay ghi chặt
con hoảng hồn con ngỡ ngác
bên nào đông, bên nào tây ?
- *Đồ ăn cắp! Quân đội đầu xe lửa!*
Con rùng mình, chua cay !

Những lá trầu không bỗng hóa chim xanh
bay tới tấp lên đầu con, cúi mặt
con đứng đó như tượng người hóa đá
đá hay người, xin hỏi tới cao xanh!

- *Mi lượm của mi đi, cho ai thì cho*
tau không lấy của loài ăn cắp
những lá trầu không con gập mình để nhặt
chông chơ nằm tái ngơ tái ngắt

Những lá trầu không vẫn vũ trong mơ con
bay xuống bay lên hóa muôn nghìn lá
phủ kín người con. Con nằm úp mặt
ngọn trầu không dưới đất cũng trời lên

Chú bé con tóc thưa từ đó xin chừa
xin vòng tay cúi nghe lời má
những lá trầu không sững sờ hóa đá
vút lên cao soi dáng mẹ trăm chiều

Nhưng nay bốn mươi năm sau, con chẳng dám ước chi
nhiều
ước thưở bé được mẹ bồng mẹ dắt
ước cái thưở cầm liễn trầu xanh ngắt
con sải cánh bay về dâng tặng má thương yêu !

Phan Thiết 1986
(*Trường ca Má Thương Yêu* - trích đoạn)

VŨ HOÀNG THƯ

VỀ MẸ



Trong một dịp lễ Mother's Day cách đây khá lâu, một người bạn Mỹ hỏi tôi “ở Việt Nam các bạn có ngày lễ nhớ Mẹ không?” Tôi hơi lúng túng lúc đầu nhưng cũng nhanh nhẩu đáp “ ở Việt Nam, đối với chúng tôi mọi ngày đều là ngày của Mẹ...” Câu trả lời có vẻ cường điệu đôi chút nhưng cũng không đến nỗi thái quá cho lắm. Người Đông phương thương nhớ Mẹ không ngừng nghỉ nhưng chúng ta quên mất việc dành ra một ngày như người Tây phương để con cái có dịp tỏ bày sự nhớ ơn đáng sinh thành. Chúng ta thường có lối lý luận kiểu quân tử Tàu, thương nhớ thì để bụng đâu cần phải phơi bày hoặc khoe khoang ra ngoài. Mới nghe cũng chí lý lắm nhưng ngẫm lại, đôi lúc thấy không ổn. Nếu ta không bày tỏ ra ngoài là vì ta chọn thái độ quân tử Tàu hay ta thật sự quên Mẹ ? Khó có ai đoán

được ngoại trừ chính ta, ngay cả Mẹ, liệu Người có hiểu được tâm lòng ta ? Hãy nhìn lấy Mẹ, bất cứ điều gì Người làm cho con cái cũng đều xuất phát một cách thật tự nhiên, không đả đo, không điều kiện. Suối nguồn tình thương đó hình như không bao giờ cạn, tuôn chảy qua bao mùa nắng hạn, lấy cái vui của con cái làm niềm vui cho chính mình. Ca dao vẫn ví “nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra” cũng vì cái tình mẹ lâu dài và bền bỉ đó.

Cái Thể hay cái công năng vô biên của Mẹ, sinh sản ra muôn loài; cái Dụng của Mẹ vốn lâu bền không mệt mỏi đã được Lão Tử dùng làm biểu tượng cho Đạo, cái gốc rễ của đất trời.

Cốc thần bất tử thị vị huyền tần

Huyền tần chi môn thị vị thiên địa căn

Miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần

Thần hang không chết, ấy gọi là Mẹ mẫu nhiệm sâu xa
Cửa ngõ của Mẹ mẫu nhiệm sâu xa ấy gọi là gốc rễ của
trời đất

Liên nổi dăng đặc tựa hồ còn. Dùng không vất vả mỗi
mệt. (1)

Cốc thần là cái hang lớn rộng, vô hình, ở đây có thể tượng trưng cái bao la của lòng Mẹ. Huyền có nghĩa là sâu ẩn, huyền nhiệm. Tần là mẹ loài muông nuôi trong nhà, cũng muốn nói đến con mái trong loài chim; Tần cũng còn có nghĩa là lạch, khe nước trong hang. Cho nên lạch suối khe trũng, âm i mạch nguồn không bao giờ dứt chính là Con Mái Thâm Ẩn, Huyền tần, Mẹ vi diệu nhiệm mầu của hết thảy đất trời, *thiên địa căn*. Đạo bao trùm hết vạn vật, thấy ở cùng khắp, không nơi nào là vắng mặt, *miên miên nhược tồn*, tinh tấn không lúc nào ngưng, *dụng chi bất cần*, thì có khác chi tình mẫu tử mà ai trong chúng ta lại không thấy hàng ngày ?

Không chỉ Lão Tử mượn hình ảnh Mẹ như một ẩn dụ để diễn tả Đạo mà các tôn giáo khác cũng dùng Mẹ như là một biểu tượng của tình thương. Mẹ Maria của Công giáo là hình ảnh của sự trinh trắng và yêu thương, hằng cứu giúp cho nhân loại. Đức Quán Thế Âm của Phật giáo

mang hình hài của một người phụ nữ. Quán Thế Âm có nghĩa là lắng nghe tiếng cầu cứu của thế gian, ở nơi nào có khổ, có tiếng kêu cầu cứu là có Đức Quán Thế Âm thể hiện để cứu độ. Có bà mẹ nào mà không lăn xả vào cứu và bảo vệ đàn con, ngay cả loài thú vật chim muông còn biết xòe đôi cánh che chở cho đàn con khi bóng dáng của bất cứ một hiểm nguy nào xuất hiện cho dù dấu hiệu đó có nhỏ nhoi đến đâu.

Thời thượng cổ, con người sinh sống theo bộ lạc, đa số đã chọn chế độ mẫu hệ, điều này cho thấy người mẹ đã nắm một vai trò rất then chốt trong đời sống gia đình cũng như đời sống nhân quần tự ngàn xưa. Người đàn bà ở trong xã hội nguyên thủy làm việc lượm trái cây nên giữ một địa vị kinh tế trọng yếu cho bộ lạc, trái lại việc săn bắn của đàn ông thường không chắc chắn nên họ phải nhờ đến đồ trái cây, hái hoặc lượm từ đàn bà để sinh sống. Ở Trung Hoa thời thái cổ, theo Đào Duy Anh, thì *“Xã hội thị tộc gồm có hai giai đoạn là thị tộc mẫu hệ và thị tộc phụ hệ. Vô luận ở xứ nào trên địa cầu, chế độ mẫu hệ cũng có trước chế độ phụ hệ. Ở dưới quyền bà tôn mẫu gây dựng ra thị tộc, bao nhiêu con cháu của bà đều họp thành một đoàn thể chặt chẽ. Trong gia tộc ấy, con cái không biết cha là ai cho nên huyết thống chỉ bằng theo mẹ.”* (2)

Ngày nay chế độ mẫu hệ không còn nhưng vai trò của người phụ nữ hay đúng hơn vai trò của người mẹ ở trong gia đình vẫn không thay đổi, có thay đổi chẳng là người mẹ lắm khi trở thành nhân vật phụ và quên lãng trong đơn vị gia đình. Trải qua bao nhiêu triều đại phong kiến, người mẹ bị đẩy thụt lùi thật xa trong vị trí xã hội của con người, đôi khi không thua gì số phận hẩm hiu của một người nô lệ. Tuy bị đối xử không chút công bằng, người Mẹ Việt Nam chẳng chút than van mà đôi khi còn vùng dậy thay chồng thay con, nợ nước tình nhà, đứng lên dẹp tan quân xâm lược dành độc lập cho xứ sở. Bà Trưng, Bà Triệu đã nêu gương chói lọi cho người phụ nữ Việt Nam. Biết bao Bà Trưng, Bà Triệu vô danh khác cũng đã ngã gục trong những cuộc chiến dành độc lập và tự do cho đất nước trong lịch sử nước nhà. Đó là chưa nói đến sự chịu đựng

âm thầm của hàng triệu bà Mẹ Việt Nam trong cuộc chiến vừa qua, từ Bắc chí Nam đau khổ nhìn đàn con ở trên

Quê hương mình

Đường Bắc Nam thăm thăm

Từng đoàn quân chen chúc tới tha ma

(Minh Đức Hoài Trinh)

Có một câu nói bất hủ từ một bà Mẹ Nam bộ trước cảnh chết chóc hàng hàng lớp lớp của thanh niên Việt Nam : “Chết nhiều quá dzây... rồi đây đẽ không kịp đó!” Trước mắt bà, không có hận thù, không có chiến tuyến, không có ý thức hệ, chỉ thuần là một đàn con ngộ nghịch chơi trò dao gậy súng đạn, không phải lối đùa giỡn như hồi còn bé mà thật sự đã chém giết lẫn nhau. Chết nhiều quá... đẽ không kịp, tiếng than thật ngậy thơ muốn phá vỡ tan lồng ngực người nghe. Tiếng than từ một người mẹ bất lực trước sự tàn sát giữa những đàn con “người lớn” của bà. Mẹ yếu đuối tuyệt vọng, mẹ làm gì được ngoài bổn phận sinh đẻ và hết lòng nuôi lớn đàn con. Việc phán xét ai phải ai quấy không phải là chuyện của mẹ. Đẽ không kịp, không đơn thuần là tiếng kêu của một bà mẹ Nam bộ mà chính là tiếng kêu trầm thống của cả một dân tộc đang can qua trong sự chém giết, hận thù không lối thoát. Lòng Mẹ càng bao la, càng lớn rộng, càng làm cho thấy chúng ta thật nhỏ mọn biết chừng nào. Có ai chịu khó nhìn lại người Mẹ Việt Nam trong suốt cuộc chiến vừa qua đẽ rút tĩa ra một bài học về thế nào là tình thương thật sự ?

Nếu lời nói của bà Mẹ Nam bộ đã đánh động đến lương tri con người khiến ta phải dừng lại và đặt ra những câu hỏi căn bản về những mất mát đã xảy ra trên quê hương thì lời tái bút trong một bức thư của người Mẹ Irish gửi cho người con thất lạc đã lâu cũng không khỏi làm cho ta phải ngậm ngùi. Trong bức thư gửi người con đã luân lạc tứ xứ mà bà không còn biết địa chỉ, bà đã dặn người con ở phần tái bút : “Nếu con không nhận được thư này, nhớ cho Mẹ biết địa chỉ của con hiện tại.” Không chút logic nào cả mà

nghe dễ thương và cảm động làm sao. Nhưng cần gì nhỉ, Mẹ đã mất con, Mẹ khao khát được tin con, Mẹ muốn biết con ở đâu để Mẹ có thể ôm chầm lấy vào lòng. Xin gởi trả hết lý luận cho loài người, ta đang là người Mẹ đau khổ nhất vì mất con!

Lần đầu tiên nhận được thư của ba tôi từ Việt Nam sau mấy năm im lặng, tôi hồi hả đọc vội, buồn bã vì đời sống khó khăn của gia đình bên ấy. Tôi cố ý tìm thư của mẹ nhưng không thấy, bất giác một mảnh giấy nhỏ xé ra từ một bì thư cũ rơi xuống. Tôi nhặt lên thấy ở trên đó vón vện vài chữ nguệch ngoạc của mẹ tôi: “Má nhớ con lắm”. Tôi đã khóc òa như một đứa trẻ chỉ vì mấy chữ như vậy. Giây phút đó tôi thấy Mẹ thật lớn và bao la như không có gì trên đời này có thể so sánh được. Ngày mẹ mất, xa xôi không về được, tôi chỉ biết tìm lấy manh giấy cũ ôm vào lòng mà khóc thầm. Thì ra con người không cần biết ở tuổi tác nào, ta cũng có thể gục vào hình ảnh Mẹ mà khóc như trẻ thơ...

Vũ Hoàng Thư
Mùa Lễ Mẹ, 2000

-
- (1) Nghiêm Toàn, Lão Tử - Đạo Đức Kinh
(2) Đào Duy Anh, Trung Hoa Sử Cương

(trích **Bất Năng**. Quê Mẹ xuất bản, Paris tháng 11-2009)

* *Tên thật: Võ Anh Tuấn. Hiện làm việc tại Jet Propulsion Laboratory, California. Cựu sĩ quan Hải quân QLVNCH trước 1975,*

Nguyễn Mạnh Côn

Thương đất, nhớ đất

(trích tạp chí Giao Điểm số 2 & 3 xuân Nhâm Tý 1972)

1.

Vùng ấp Đồng Ké là một vùng đồi khô và thấp: lúa vụ Chiêm thường bị hạn, lúa vụ Mùa thường bị ngập. Khi bắt đầu thế kỷ 20, đây là thứ ruộng cỏ mọc cao hơn lúa, mà lúa thì, theo cách nói của nhà nông, chó chạy không lấm dái.

Nhưng vào khoảng giữa những năm 20, 30, người Pháp đào đập Liên Sơn chặn nước của con sông Phó Đáy. Nước từ miền cao đổ xuống qua vùng Sơn Dương, Bình Tích, Bình Ri, đến Liên Sơn thì bị đập ngăn đường dòng lại thành hồ lớn, để thoát qua những cửa cống lớn chảy vào những con sông kênh, những con sông máng, êm ái và chùng mực đem sự sống phồn thịnh, điều hòa đến cho hai tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên. Ruộng có nước suốt năm gọi là “thủy hạn vô tai”, giá tiền mỗi mẫu tăng gấp 10 ngàn lần, kể cả mức đồng tiền mất giá khoảng 10 lần, trong 20 năm.

Nhưng giá trị của ruộng đất tăng không làm lợi cho dân cày mà chỉ làm lợi cho điền chủ. Khắp miền Tây Bắc hai tỉnh Vĩnh Phúc có rất nhiều đồn điền. Gần hết nông dân bán ruộng có 2 hay 3 đồng một mẫu trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng 30-33. Ông cậu tôi, ông Mai Du Lân, có đến 400 mẫu do bà vợ nhỏ để lại. Trên con đường hàng tỉnh từ Yên Lạc lên Chợ Vàng, Lập Thạch, số ruộng đó được chia gần đều thành ba ấp: Vân Hội, Ấp Mới, Ấp Đồng Ké.

Tôi đến ở ấp Đồng Ké hồi cuối tháng Ba năm 1947, sau một thời gian kháng chiến thất bại. Cùng với mẹ tôi và vợ tôi, tôi được sống ở đây những ngày sung sướng nhất.. Nhưng rồi đến giữa năm sau mẹ tôi nằm xuống ngủ. Tôi

an táng mẹ tôi trên thửa ruộng liền ngay với ấp, cách nhà tôi không đến mười bước chân.

O

Ruộng liền bờ tre bao giờ cũng tốt, nên thường để cấy lúa vụ Mùa, và để trồng mầu vụ Chiêm, Mẹ tôi mất rồi thì thửa ruộng nơi an nghỉ của mẹ tôi được trồng rau lú bủ, lớn lên gọi là cải củ.

Hơn một sào đất không có vết chân trâu bò, tôi tự tay cuốc lấy. Cây cải không được bón phân chuồng hay phân bắc. Bốn luống dài được tra chà mắm –bã nước mắm-, bốn luống ngắn thì tro rạ, đất bùn đáy ao phơi khô đập nhỏ, trộn với muối. Tôi không bao giờ là chuyên viên canh nông, nhưng tôi nhớ có đọc một cuốn sách viết một cách tổng quát rằng đất vùng cao hay thừa vôi thiếu mặn, trong khi ruộng miền bẻ thì thừa mặn thiếu vôi.

Dân hàng ấp cười tôi nhiều lắm, lúc tôi nói ý định của tôi với họ. Nhưng sau khi nghe tôi giải thích thì họ cảm động.

-Sinh tiền, mẹ tôi sạch sẽ lắm, tôi nói. Mẹ tôi cũng ưa tĩnh mịch để suy nghĩ. Bây giờ mẹ tôi nằm xuống, tôi không muốn để chung quanh nhà mẹ tôi dơ bẩn. Trâu bò quần quật đi lại chắc mẹ tôi không được yên.

Tôi nói mẹ tôi nằm xuống là nhớ mẹ tôi đã mất, nhưng tôi vẫn hoang mang không quen được với sự thật là mẹ con tôi không bao giờ gặp nhau được nữa. Tôi mơ hồ như mẹ tôi chỉ đi vắng mấy ngày, mẹ tôi ở đâu xa mà vẫn gần, mẹ con không thấy được nhau nhưng vẫn quanh quất, gần gũi.

Thế nên ban ngày ánh sáng mặt trời làm cho loãng nhẹ những cảm tưởng nhớ nhung thân thiết, và công việc làm ăn đòi hỏi được tiếp tục, thì tôi hay ra ngồi bên phần mộ chưa mọc cỏ, lẫn lẫn vuột ve chai mảnh sành những cụm đất mềm và nhặt những mảnh vát xuống đầm Sò bên cạnh: “Chúng mày không được nằm đây!” tôi mắng khẽ và nhẹ nhàng những mảnh vỡ vô tri ấy.

2,

“*Mẹ gối đầu lên Tam Đảo, gác chân lên Tân Viên, tay trái mẹ có đồi cao, tay phải mẹ có sông dài, mẹ yên nghỉ và tha thứ cho con*”. Không phải tôi khẩn mà tôi nói thầm với mẹ tôi. Tôi muốn xin lỗi mẹ tôi trăm lần, ngàn lần, vì cũng vào tháng Bảy năm trước, mẹ tôi lằm chằm đi bộ vào tận Me Huyện, mãi trong chân núi, để lĩnh mấy chục bạc lương hưu trí, rồi đem gần hết số tiền mấy chục đó mua cho tôi một đôi dép, một cái mũ.

Tôi vẫn đi chân không, mặc quần áo nâu, đội cái nón tàng tàng và khi trời mưa nhiều thì khoác áo toi lá đi họp. Từ ngày về ở ấp, tôi thật sự hòa mình vào giới nông dân nghèo khổ, tin tưởng rằng Việt Minh cảm phục tôi về thái độ “học tập nhân dân” đó. Tôi không biết họ khinh tôi, nhưng mẹ tôi biết. Mẹ tôi mua bán hết số tiền lĩnh được. Tôi không còn đồng nào để tiêu pha bữa bãi mấy hôm và lấy thế làm tủi, làm giận. Mẹ tôi cầm đôi dép đưa cho tôi, tôi không nói gì, cũng không đỡ lấy. Mẹ tôi ngỡ ngàng đặt xuống đất. Tôi gọi thằng Tùng lên bảo nó: “Cho mày đây!”. Thằng bé ngơ ngác không dám cầm. Tôi quát to: “*Tao cho mày, mày có lấy không?*” Thằng bé giật mình cúi xuống, mẹ tôi run run hai tay nhặt cái mũ và đôi dép đưa cho nó. Tôi đứng dậy, hùng hổ bảo vợ tôi đưa cho tôi cây gậy đánh chó lớn rồi quày quã đi vào trong xóm ở chơi qua đêm.

Hôm sau tôi về muộn, vẫn còn giận. Mẹ tôi để phần cơm, có canh cua nấu mùng toi. Tôi thích món này lắm, nhưng đặt tay ngoài bát canh thấy nguội, tôi quăng đũa xuống mâm, không ăn. Vợ tôi theo tôi ra sân khẽ nói: “*Anh vào ăn một bát cho mẹ bằng lòng. Đêm qua mẹ khóc cả đêm*” Tôi im lặng đi thẳng ra cổng, định trở vào trong xóm.

Con đường từ ấp vào xóm băng qua một cánh đồng lau đang con gái. Mặt trời trên đỉnh đầu soi nắng rất gắt. Tôi băng băng đi nhanh theo lối mòn quen thuộc. Tôi không nghĩ gì đến mẹ tôi mà nghĩ cách bảo vợ chồng nhà Giồng

bán chịu cho con gà làm thịt, ăn một mình. Mùi thơm gà luộc chan hòa trong gió. Bỗng nhiên có tiếng khóc nức nức thật gần. Tôi đứng khựng lại, quay nhìn đằng sau. Không có ai. Cánh đồng giữa trưa hoàn toàn vắng. Tiếng khóc là tiếng khóc của mẹ tôi.

Chỉ trong một giây phút thôi, tôi tê tái khắp thân thể. Hai giòng nước mắt chảy xuống hai bên sống mũi trước khi tôi nhớ đến sự tàn nhẫn của tôi đối với mẹ tôi từ hôm qua đến nay. Tôi kinh sợ khôn cùng, không phải vì thấy mình bất hiếu quá sức, mà vì sự thay đổi nào biến con người tôi thành một thứ người ích kỷ, nhẫn tâm đến thế.

Mẹ tôi với tôi, hai mẹ con sống bên nhau tự bao giờ. Mẹ tôi thương và chiều đứa con trai duy nhất, tôi phá phách hoang toàng nhưng mùa rét nào cũng hết lòng hậu hạ mẹ tôi khi bệnh suyễn hoành hành. Không một tiếng thở dài, không một cái nhìn lảng tránh, không một cử động thiếu nhẹ nhàng **năng giác**: mẹ tôi có học nhiều và rất tinh tế, tôi chỉ cần đưa chén nước hơi nhanh, cũng đủ cho mẹ tôi bắt tôi đi nghỉ để nằm chịu trận một mình.

Con suyễn làm mẹ tôi tắc thở. Chỉ một mình tôi biết vượt lưng, tay đặt xuống thật nhẹ, vượt thật mạnh thật chậm xuống ngang lưng rồi nhẹ nhàng cất tay đưa lên trở lại. Vượt hàng giờ, vượt cả buổi, đến khi nào con thở bớt đi mới thôi. Mẹ tôi biết tôi mệt, bảo thôi nhưng tôi không nghe. Cho nên con suyễn cắt đi rồi, mẹ tôi khỏe trở lại, thì tôi xin gì cũng cho, nói dối nói giá thể nào cũng chấp nhận. Thành thử giữa mẹ con tôi như có điều giao ước ngầm: tôi có hiếu khi mẹ tôi bệnh, tôi bất hiếu khi mẹ tôi mạnh. Bao nhiêu tiền bạc mẹ tôi dành dụm được đều bị tôi phung phí hết. Mẹ tôi không bao giờ phàn nàn, không bao giờ mắng mỏ. Một số tiền nào đó được gửi về quê, hồi tôi còn bé, nhờ bác tôi làm nhà mua ruộng. Mẹ tôi yên tâm về phận mình, chỉ thúc giục tôi học hành chăm chỉ để nên người, “để sau này khỏi bị nhục vì nghèo khó”...

Không ngờ khi bác tôi mất, ba tôi bị bà vợ trẻ thúc đẩy, tự tay sửa chữa, tẩy xóa trong sổ điền địa thuộc quyền người cháu làm chương bạ. Mẹ tôi không còn thừa ruộng nào, thước đất nào, đành lên ấp Đồng Ké này ở nhờ và

làm rẽ với cậu tôi. Và cuộc kháng chiến đã bùng ra, ngay sau đó.

Sự nghèo túng, sự dồn nén và sự tan vỡ của tinh thần gia đình trong lòng làm cho tôi thay đổi. Cay đắng, gắt gỏng, nhiều khi muốn cố giữ tính ôn hòa, bình thản, nhưng rồi lại buông thả, cục cằn.. Chỉ mới mấy tháng, tôi cãi mẹ tôi nhiều lần, mà lần nào cũng tìm cách làm cho mẹ tôi tủi cực, đau đớn.

Tôi nghe như mẹ tôi hiểu rõ nỗi thao thức trong tâm hồn tôi. Những bữa cơm thường , chỉ có rau chấm nước muối, thấy mẹ tôi săn sóc cho tôi nhiều hơn. Và cứ mỗi khi tôi ăn năn trở về, không nói xin lỗi mà im lặng đến ngồi bên cạnh mẹ tôi, thì mẹ tôi lại tìm chuyện gì nói để cho tôi khuây khỏa.

Năm ấy tôi 27 tuổi. Năm sau, tôi 28 tuổi, mẹ tôi mất, thiếu thốn đủ mọi thứ.

O

Không biết tại sao lúc trước tôi không nói, không muốn nói hay không thể nói, lời xin lỗi với mẹ tôi, mà bây giờ tôi nhắc lại hoài hoài với những cục đất chèn nhau trên phần mộ mà tôi bóp nát trong tay. Không phải nói tôi có mơ tưởng hão huyền rằng mẹ tôi có thể nghe thấy và cảm thông niềm hối hận của tôi. Tôi không phải là con người thường tự tha thứ cho mình một cách dễ dãi, sau một hồi van vái nhận tội với thánh thần. Vì từ lâu rồi, tôi đã biết tội lỗi của tôi chỉ được chính tôi tha thứ khi nào tôi thông cảm được tội lỗi của kẻ khác: mỗi lần nghe nói đến những đứa con bất hiếu, tôi tự nhiên muốn a dua nguyên rửa chúng, nhưng lần nào tôi cũng dừng lại kịp thời vì nhớ ra mình bất hiếu không kém.

Tôi, ngược lại, cũng không bao giờ chấp nhận lập trường luận lý của kỹ thuật tây phương. Mẹ tôi mất, không phải là mất hết. Mẹ tôi cũng như những bậc chú bác mẹ cha của người khác, không phải là một bộ máy gồm da thịt máu xương, với linh hồn như năng lực làm cho máy chạy. Khi chiếc xe hơi đứng lại, bạn không thể hỏi linh hồn nó

đi đâu, nên bạn cũng không có gì để thắc mắc trước di thể của một người thân quá vãng. Tôi hiểu nhưng tôi không tin như thế là đúng.

Ngày mùng 2 tháng Bảy, vào giờ Thìn, tôi một mình thay mặc quần áo cho mẹ tôi. Mỗi cái nhấc chân, nhấc tay, mỗi cái luôn áo xỏ quần, là một nâng niu trân trọng. Mắt mẹ tôi nhắm, miệng ngậm kín. Má mẹ tôi lạnh, tai mẹ tôi lạnh, tóc mẹ tôi khô. Những bộ phận đó chết thật rồi: miệng không nói cười, tai không nghe, mớ tóc bạc không còn che kín bờ vai. Linh hồn của chúng thoát đi hoặc tan vỡ. Nhưng không phải cuộc đời của mẹ tôi chỉ sờ cây vào ngũ quan không thôi, vì có nhiều lúc mẹ tôi không nói, không nhìn, không nghe, mà nghĩ ngợi.

Tôi còn nhớ năm trước, sau khi biết ba tôi tẩy xóa sổ điền địa trong tay chương bạ Chiêu, tôi đã mặc quần áo định về phủ Ninh Giang khiếu tố. Mẹ tôi nghiêm nghị không cho. Mẹ tôi nói: “Ba con chỉ làm già để thử. Con ra khỏi cổng, cô Bé tất nhiên chạy theo níu lại. Mẹ sẽ lấy về được ít ruộng, nhưng con không còn là con của ba nữa!” Tôi hiểu ý mẹ tôi muốn nói, nhưng tôi vẫn còn lăm bằm: “Con không cần, con có mẹ đủ rồi”. Mẹ tôi lắc đầu: “Con mẹ không cần có bố, vì con đã lớn, nhưng cháu mẹ cần có ông nội. Ý nghĩa của gia đình là tụ hợp, gắn liền đời sống riêng lẻ, nên gia đình đứt quãng thì muốn sống riêng cũng không được,

Tôi không quên lời khuyên của mẹ tôi. Tôi không quên tôi đã kinh ngạc biết bao. Mẹ tôi suy nghĩ về những việc đã qua và những điều chưa tới. Quá khứ và tương lai được gắn liền thành một hình ảnh không có đường nét, không có màu sắc, không có tiếng động. Một đứa cháu xuất hiện trong đầu óc mẹ tôi, không tên không tuổi. Thế mà mẹ tôi đã thương yêu nó, bảo vệ nó, không nhờ linh hồn của cơ quan trong thân thể, mà nhờ một linh hồn khác, một thứ ký ức linh mẫn bao gồm tất cả những hiểu biết, những yêu thương, những tin tưởng của suốt cả cuộc đời.

Linh hồn đó của mẹ tôi không biến đổi và cũng không tan vỡ khi mẹ tôi mất, vì khi mẹ tôi còn sinh tiền, nó không cần bám víu vào đâu để tồn tại. Cũng như khi mẹ

tôi ngủ, ngũ quan đều nghỉ yên, nhưng linh hồn đó vẫn thức: nó mượn những chi tiết có thật để tạo thành những cảnh trí chưa cần gặp trong đời, nó mượn những âm thanh quen thuộc để tạo những tiếng nói im lặng. Trong giấc mơ. Cho nên tôi nghe mẹ tôi mất đi như đi ngủ. Giấc mơ dài. Linh hồn mẹ tôi ở đâu, còn ghi nhớ được những gì về vợ chồng tôi mà mẹ tôi thương yêu mỗi đứa một khác?

Trí tưởng của tôi không theo mẹ tôi vào được giấc mơ dài im lặng. Sự phục vụ của giác quan không còn thì mọi liên lạc đều đứt. Không trông thấy tôi để nhớ thương, không nghe thấy tôi để tha thứ, không theo được vào bếp để chỉ dạy cho vợ tôi làm thức ăn, linh hồn mẹ tôi không bị những tiếc nuối hay oán hối níu lại trong vòng vắn đục của những cuộc sống thấp kém. Linh hồn mẹ tôi chắc hẳn đã bay lên cao xa lắm trong bầu trời xanh quen thuộc mà lạ lùng với tất cả.

Tôi không theo được mẹ tôi như cơn gió thoảng, như đám mây bay, mà trái lại, tôi thấy mình gằn gụi một niềm luyến tiếc hay một khả năng cuốn hút không tên. Một âm vang trách móc không thành lời. Vừa hiện hữu vừa khiếm khuyết.. Ký ức của tai của mắt không còn: con tên gì, bao nhiêu tuổi, vợ con cưới ngày nào, ở đâu, đâu còn nhớ! Vì ký ức không có điểm tựa, cũng không còn phối hợp, dễ tan loãng vào khoảng không đầy những luồng từ điện. Mẹ tôi thắm nhuần đạp Phật, không bao giờ tham sống, không bao giờ có ý chí ganh đua mạnh mẽ, nên có thể nói khi mẹ tôi mất thì mắt nhắm, miệng ngậm, tay buông một cách dễ dàng êm ả như trôi xuôi. Ý tôi muốn nói mẹ tôi nằm xuống như thiếp ngủ, nên cho dù ngoại cảnh có tác động thế nào cũng không khiến được cho những dòng năng lực đang nguội dần, tan dần, có thể cô đọng lại thành hình người. Như ma quỷ.

Mẹ tôi sống hiền hòa nên mất đi là siêu thoát, tôi nhớ mà không thương; ngày giỗ đầu tôi châm hương đốt nén, nhưng không cùng với vợ tôi van vái cầu xin phù hộ. Rồi đến chiều tạnh mưa trong chốc lát, tôi đứng giữa sân ngẩng mặt lên cao xanh, rất yên ổn trong tâm hồn bởi tin tưởng có mẹ tôi ở vùng trời nào trong lành hơn cả.

Nhưng mẹ tôi không hoàn toàn xa xôi như vậy. Hơn một thước đất dưới mặt ruộng, trong tấm áo quan bằng gỗ giổi, chính tay tôi đặt mẹ tôi vào, và dùng dây thừng thả xuống, và khóa đất đắp lên. Xưa nay người ta quen nghĩ người chết là người sống đấy. Người ta trang trọng, linh đình với một thân thể đã nguôi mất sự sống. Tôi không nghĩ thế là sai, nhưng cũng không tin hoàn toàn là đúng.

Vì thân xác đã mất đến hai khả năng quan trọng: tiếp thu và ghi nhận ngoại cảnh bằng giác quan và ghi nhận mọi phản ứng của thân xác đối với ngoại cảnh, là động lực sống hiện hữu trong mọi sinh vật. Kể cả những sinh vật chỉ có một số giác quan giới hạn. Động lực thứ hai khởi xuất từ ký ức về nội thân và ngoại cảnh nhưng phóng xa vào khu vực trừu tượng mà tạo thành cuộc sống tâm linh. Mất hai động lực ấy, thân xác hết phần giá trị. Nhưng vẫn còn phần căn bản.

Phần căn bản là các tế bào: thân xác được hình thành ra sao, sẽ trở lại y như trước. Sau khi phần tinh anh và chủ lực đã thoát đi, các tế bào bị cắt đứt hệ thống liên lạc với khối óc -trong khi khối óc không được nuôi nấng bằng dưỡng khí trong hồng huyết cầu- thì tế bào trở lại là muôn ngàn triệu, muôn ngàn tỷ hạt sống vi ti riêng biệt.

Không mấy ai có kinh nghiệm của các nhà vi ti sinh học để hiểu rõ về đời sống của mỗi loại tế bào, nhưng một số bài học lúc còn trẻ, một số bài báo được đọc khi đã lớn, cho người ta biết mỗi tế bào, như một con vi trùng, có sự sống tuy ngắn ngủi nhưng lại rất liên tục của nó. Tôi mừng tượng thấy trong thời kỳ hoài thai, mỗi bà mẹ, bằng toàn thể con người của mình đã đào tạo nên thân hình đứa trẻ theo một đồ bản kiến trúc được ghi khác nhau trong con tinh trùng và quả trứng. Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút giây, sự đắp nặn kéo dài hơn 9 tháng. Sự tan rã của thân xác cũng cần đến khoảng thời gian đó trong lòng đất, để tránh sự can thiệp vội vã của các sinh vật lớn đang sống.

Mỗi tế bào, tùy theo điều kiện khách quan, sẽ trôi theo một dòng nước mạch đến một rễ cây để tưới mát và làm nên sự trưởng thành -kết quả hay khai hoa- của nó. Hay

làm môi cho một con giun, để chính con giun lại làm môi cho một con gà nào đó trong sân.

Mỗi tế bào có linh hồn đơn sơ nhưng riêng biệt của nó. Ở trong người, nó hợp với những tế bào đồng loại để làm thành da thịt, tim phổi, dạ dày hay gan ruột: mỗi bộ phận có đời sống và linh hồn riêng của nó – bao nhiêu linh hồn riêng lại gắn nối vào nhau, nuôi dưỡng và tuân phục tùy hoàn cảnh, một bộ tham mưu chung là khối óc. Tôi muốn ví thân thể sinh vật như lãnh thổ một quốc gia, dưới một chế độ dân chủ. Mỗi địa phương là một tỉnh, có chính quyền riêng, nhưng cũng có một cơ quan tập trung tin tức, báo cáo tình hình lên thượng cấp và nhận chỉ thị từ trung ương đưa xuống.

Một con người có tâm hồn linh mẫn có thể biết và chi phối được nội thể của mình. Nhưng người ta, từ bao giờ, kinh ngạc và đắm say ngoại cảnh, chỉ cố gắng nhìn vào ngoại cảnh để tìm hiểu mà quên hẳn thân mình, sự sai lầm đó chắc có ngày được sửa chữa, để nói lại những kiến thức của Hoa Đà, Hải Thượng.

Nhưng sự tìm hiểu ra ngoài thật ra cũng không vô ích. Bởi chính nhờ sự xông xáo, vùng vẫy trong thiên nhiên mà loài người tăng thêm nhu cầu và tạo đạt những khả năng mới, làm dễ dàng cho sự sống. Tiếng nói đặt tên cho sự vật, chữ viết giao truyền tin tức trong không gian và thời gian, khiến cho mỗi con người chỉ sống một cuộc đời không trọn, trong thực tế, mà thành sống nhiều cuộc đời trọn vẹn, trong tâm tư.

Đời sống là như thế, mẹ tôi là như thế. Khi tinh anh rời khỏi, cội gốc vẫn còn. Một vòng luân hồi – vòng luân hồi thấp- được dàn trải dưới sâu và trên mặt đất. Mẹ tôi khi còn sống hiền hậu và gan dạ. Từ hồi nhỏ, tôi nhận thấy mẹ tôi thay đổi giọng nói, nhưng không thay đổi lời nói, nhất là không thay đổi nét mặt bao giờ. Rồi đến lúc lớn khôn, tôi hiểu thêm rằng người can đảm hay bình tĩnh đã có những đức tính ấy ngay trong bản thể: khi sợ hãi, như thấy cái chết đến nơi, thì dạ dày thắt lại, ruột lộn lên, tim ngừng đập khiến cho da thịt lạnh, hệ thống thần kinh mất tự chủ làm cho chân tay run rẩy. Hiểu như thế rồi thì tôi tiếc. Giá

chiến tranh và chế độ không xua đuổi, vợ chồng tôi còn ở ấp Đồng Ké còn lâu. Chờ khi mây đừa con chúng tôi ra đời, chúng nó sẽ được nuôi nấng bằng những giọt sữa trong đó có tế bào của con gà trong sân, con cá trong đầm, của cây cải ngoài ruộng cao ngay đầu nhà. Rồi chính tự chúng sẽ biết tìm lấy mà ăn những thứ đó.

Sang năm tôi sẽ cho cấy lúa nếp chung quanh mộ mẹ tôi. Tôi muốn tượng rằng mỗi hạt lúa phải chứa đựng năm ba tế bào của mẹ.

O

Tôi yêu đất, nhớ đất từ ngày ấy. Giữa mùa Xuân năm sau tôi bị gọi đi công tác. Rồi bị quân nhảy dù Pháp bắt mà về ở Hà-nội. Thấm thoát hai mươi năm tôi không được dẫm chân xuống bùn sâu để rút lên đánh oặc. Tôi không được cuốc xuống mặt ruộng rồi khê rung tay cho rời ra những khối đất mịn màng tóa khói vào một buổi sáng Thu lạnh lạnh. Tôi không được vượt những lá lúa và, bằng mắt nhìn, mơ trốn những củ rau trắng muốt.

Tôi càng yêu, càng nhớ mẹ tôi từ ngày ấy. Nơi phố phường chỉ có mặt nhựa và gạch hoa. Xe chạy ngoài lộ không phun hơi ấm như luống cày. Tôi có cảm tưởng đến hai lần lạc mẹ.

Nhưng cũn có lúc tôi tự an ủi rằng không có gì quý báu mà lâu bền được ở đời. Của quý báu có mất người ta mới biết tiếc. Như mẹ tôi còn sống thì mẹ con tôi **gắn hất** nhau luôn, trong cơn nghèo khó. Nhưng mẹ tôi mất rồi thì mẹ tôi trở thành kỷ niệm trong tôi, sáng loáng, khoan dung, vừa gần gũi vừa bao la rộng rãi.

Tôi ở Bắc, mẹ tôi cùng ở, tôi vào Nam, mẹ tôi cùng vào. Giữa mùa Xuân năm ngoái, tôi có dịp lên thăm hai trường Đại học Quân sự và Đại học Đà Lạt. Nhờ một học trò thân, tôi đến ở nhờ nhà một vị tướng hồi hưu. Nơi đầu nhà có mộ chí của một người đàn bà đẹp và hiền -người trong nhà nói như vậy- là vợ của ông tướng. Ông tướng rất tham những, theo lời đồn ngoài thiên hạ. Nhưng đối với tôi, ông ta là một người trung thành với bà vợ đã quá

vãng. Chung quanh mộ có nhiều hoa, rất nhiều hoa đẹp. Một buổi sáng mặt trời còn nghiêng bóng, tôi ngồi bên người thiếu phụ chỉ sống có nửa đời, vuốt ve những lá cỏ xanh còn đọng sương lạnh giá. Bỗng tôi thấy, ngay bên mắt, một bông hồng vàng hàm tiếu. Bông hồng lạ, lớn mà vẫn đẹp, tỏa một mùi thơm như phấn.. Bông hồng như mỉm cười. Tôi thảng thốt gọi tên thứ của cô gái út trong một gia đình đông đúc. Tôi có thể còn mơ ngủ: bông hồng chậm chậm nghiêng mình trong bầu không khí loãng nhẹ không động gió.

Từ ngày ấy tôi càng yêu, càng nhớ mẹ tôi. Và nhớ thêm người khác, biết bao nhiêu người khác đã quá vãng. Biết bao nhiêu người đã trở về lòng đất, đem thân mình làm tăng thêm màu mỡ, làm vững mạnh và nối tiếp một vòng luân hồi từ đất sâu, đáy nước, lên mặt sông, mặt ruộng và phố phường -từ một chiều, đặc và không biến thiên, đến bốn chiều: dài, rộng, sâu và không gian- cho phép đời sống được hình thành, đổi thay không cùng trong số đông vô hạn.

Đất và nước, đối với tôi, chứa đựng một niềm tin không sao diễn tả. Mỗi hạt lúa gieo xuống, hay một cây giống mọc lên, có ý nghĩa như một người nằm xuống. Không phải người đó chết, vì mẹ tôi không chết, vì mẹ tôi chỉ làm một cuộc du hành không ngưng nghỉ. Còn thân xác của chúng ta có là gì khác những chu kỳ hợp tan, tan hợp, lạ lùng và màu nhiệm của Luân hồi?

NGUYỄN MẠNH CÔN

15-1-LXXII

* Tên thật. Bút hiệu: Nguyễn Kiên Trung, Đăng văn Hậu sinh năm 1920 tại Bắc Việt. Vào Nam năm 1953. Tự chọn cái chết trong trại tù ngày 1 tháng 6 năm 1979.

LỮ KIỀU

Sen



Tranh Vũ Thanh Hằng

Tôi qui y ở chùa Từ Hiếu, một ngôi chùa cổ cách thành phố khoảng bảy cây số, trên đường đi lên Vạn Niên. Thời gian qua, không thể nhớ những bước chân tuổi thơ chạy trên những viên sỏi sân chùa cũ. Nhưng không quên, không bao giờ quên màu nước xanh ngọc bích của cái hồ bán nguyệt nằm ở mặt tiền, bước qua khỏi cổng tam quan là nhìn thấy. Ôi, màu nước in hình trời, cây cỏ, bóng chùa, cái màu xanh rêu phong mà không cũ, đậm ấm sâu thẳm mà vẫn sáng láng rực rỡ hào quang của ngọc bích. Trên mặt hồ ấy là những đóa sen hồng, sen trắng. Và bên cạnh

màu hồng, màu trắng kia là màu lam khói hương của tà áo mẹ tôi.

Sau này, tôi còn dịp nhìn những sen hồng sen trắng khắp miền đất nước. Sen hồ Tịnh Tâm, ở Tây Lộc, sen ở Đồng Tháp, trong rừng tràm của khu Xẻo Quýt. Sen trên những đồng sen bát ngát ở Campuchia. Sen ở vườn thượng uyển bên Tàu. Thậm chí, tôi cũng tò mò ngắm những loài hoa rất gần với sen như bông súng, hoa nénuphar ở ngoại ô Paris, trong vườn của họa sĩ Claude Monet.

Nhưng chỉ có sen ở hồ bán nguyệt chùa Từ Hiếu gây cho tôi cái bồi hồi về một vẻ đẹp và một tình cảm lạ lùng, mà mỗi khi hình dung lại, tôi tưởng như đó là những người bạn thân thiết luôn luôn trung thành với tôi từ tuổi thơ cho đến giờ tóc đã bạc. Bởi vì, trong cánh sen kia, hình như thấp thoáng màu khói hương của tà áo mẹ tôi, và nụ cười bất tụyệt của đức Phật.

Năm 1995, con mắt của tôi bị bệnh, thị lực kém hẳn đi. Có những đêm trực ở bệnh viện, bước xuống những bậc cấp cầu thang để đi thăm bệnh, tôi dò dẫm từng bước. Tôi không còn quyền vấp ngã, vì tôi không còn gượng dậy được. Đêm dài, tôi không ngủ. Tôi nghĩ đến lúc trước mắt tôi chỉ còn màu đêm vĩnh viễn. Se sắt vô cùng. Tôi nhớ đến từng khuôn mặt người thân, ở gần, ở xa, còn hay mất. *Tôi nhớ mẹ tôi. Dù ở tuổi nào, dù cuối cuộc đời, khi mắt mẹ, người ta vẫn cảm thấy mờ cõi.* Tôi nhớ đến những đóa sen ở ngôi chùa cũ, người bạn không bao giờ thay lòng đổi dạ trong đời tôi. Và tôi vẽ những bông sen trong tâm cảnh ấy.

Trong những đêm không ngủ ấy, tôi vẽ sen bằng chất liệu màu nước. Cho nhanh. Cho đỡ mắt công nhìn kỹ vì mệt mắt. Tôi thích những đài sen – vì tôi biết trong ấy có những hạt sen thơm tho – rồi những chiếc lá sen còn tươi xanh lục. Tôi vẽ những chiếc lá sen khô cuộn lại, tan tác đen nâu như óng thối lửa. Tôi vẽ sen hồng cạnh sen trắng. Sau này, có thi giờ, tôi dùng chất liệu sơn dầu, vẽ trên giấy

hoặc trên bô, tôi vẽ những nhụy hoa tàn, những cánh hoa tàn rơi trên mặt bàn mà mẹ tôi vẫn cẩn thận dùng một cái chổi dót bé tí quét gom trong tờ giấy, rồi gói lại. Mẹ không nỡ vất đi cái gì thuộc về hoa sen.

Vẽ sen say mê như vậy trong khoảng hai năm, đột nhiên tôi không còn hứng nữa. Đó là thời gian tôi đọc bộ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Đó là thời gian tôi đọc những câu thần chú trong mật tông có liên quan đến sen; thậm chí, tôi có dịp tinh táo để nhìn những bức họa hoa sen được thể hiện bởi bao nhiêu họa sĩ và thiền sư.

Tôi nhìn thấy ảnh chụp một đóa sen được vẽ trên đá tại vùng núi ở Hi Mã Lạp Sơn, nơi tuyết phủ quanh năm, và nơi ấy không có hoa sen, người vẽ chưa thấy đóa sen bao giờ.

Tôi hiểu ra, sen không chỉ là một đóa hoa, mà là một cái gì hơn thế nữa. Thời nhỏ, tôi cũng là một cậu bé trong đoàn Phật tử, cũng được đính một huy hiệu hoa sen trên ngực áo. Hình như huy hiệu ấy, ở Huế, phát xuất từ chùa Từ Đàm, do họa sĩ Phạm Đăng Trí vẽ (tôi biết rằng, tờ báo Phật giáo tên là Liên Hoa do thầy Thích Đức Tâm chủ biên cũng do họa sĩ Phạm Đăng Trí trình bày).

Vấn đề không phải là hình dáng sắc màu của hoa mà là điều đóa hoa sen gợi cho lòng ta. Như tích “niêm hoa vi tiếu”, khi Phật đưa đóa sen cho tặng chúng và mỉm cười thì chỉ có đệ tử Ca Diếp mỉm cười đáp lại. Dù chỉ là huyền thoại, nhưng tôi cũng hiểu được cái vô ngôn của nét đẹp kia. Sen chỉ là cái có. Cái có cho người ta bước tới, hay dừng lại, tinh tiến hay vô minh. Cái có cho điều lành hay điều dữ. Cho tâm an lạc, hay sự loạn động. Và trong cõi ta bà này, sen - với tôi - là cái có để yêu thương hay từ biệt cuộc sống này. Bởi chỉ là cái có, cho nên nó hữu hình mà cũng vô hình, như ngọn núi xanh mà không phải là ngọn núi xanh.

Hay nói theo lời kinh, không chỉ là cái có mà còn là phương tiện. Để tự mình tìm thấy khuôn mặt thật của

minh (*Bản lai diện mục*).

Tôi không vẽ sen được nữa. Bởi vì những đóa sen hồng sen trắng trở thành một ý niệm. Như mẹ tôi, như bạn tôi trở nên một phần trí nhớ của đời tôi. Cái phần đã tạo nên nhân cách của mình, và từ đó, số mệnh của mình.

Có những đêm ngồi thao thức dưới ngọn đèn, tôi tự hỏi nếu không có những cành sen ở hồ bán nguyệt chùa Từ Hiếu, thì đời tôi sẽ ra sao. Ra sao? Tôi không biết nữa, nhưng chắc chắn sẽ khác.

Những dòng này viết cho bạn tôi, để trả lời một câu hỏi. Cám ơn bạn đã gọi cho tôi bao nhiêu điều se sắt mà tôi tưởng đã vượt qua, nhưng nào tôi có vượt qua được đâu, dù có trăm tư bao nhiêu lần về Tứ Diệu đế.

15-5-2000

Ý Thức bản thảo tập 2 Hè Thu Canh Thìn - 2000



Đặng Kim Côn

Lá Phong

*Bé tung tăng nhật chiếc lá phong rơi,
Vương miện ! Mẹ ơi, con cài tóc Mẹ,
Giờ đây, mẹ bé không còn nữa
Lá phong, vâng, là chiếc lá phong thôi*

(Ý từ thơ tiếng Anh của con gái, Thục Vy, năm bé 9 tuổi)

TRẦN HOÀI THU

Con riêng

(Truyện)

Mùa đông ấy trời giá rét hơn mọi khi. Một trận lụt vừa dứt. Làng xóm trở nên tiêu điều. Những hồ rau muống ngập nước bùn, những cọng rau xanh bò lan trên mặt nước. Những gốc cây dừa, xoài, ổi, mít vẫn còn thấy một màu xám của đất bùn còn sót lại. Con đường từ xóm lên đường quốc lộ trở nên nhão nhẹt. Bầu trời u ám lạ lùng. Mưa phún tạt vù vù cùng với gió buốt da buốt thịt. Mưa đã giam cầm bước chân hoang đàng của tôi. Tôi đứng trước hiên nhà, hai chân thúc thủ. Mẹ đang cho con bú. Nơi này là thế giới của mẹ con chúng tôi. Bên kia là cửa hông đóng kín mít. Cùng là một nhà, nhưng ở bên đó là thế giới khác. Một thế giới hoàn toàn trái ngược với cái thế giới ở đây, với chiếc giường tre, với những thúng, những gánh, những nãi chuôi bồ hương, những trái thanh long, những rổ hột gà cùng cái phản mà tôi ngủ.

Bỗng nhiên tôi nghe tiếng chó sủa. Mưa tạt vào mặt khiến rất khó để nhận ra người lạ mặt. Tôi chỉ thấy lờ mờ một người đàn bà khoác chiếc toi lá đứng bên hàng đậu. Gió và mưa làm át tiếng nói của người đàn bà.

- Em ơi, cho tôi hỏi thăm. Có phải đây là nhà bà Án ?

Tôi trả lời. La thì đúng hơn:

- Bà tìm lộn nhà rồi. Ở đây không có bà nào là bà Án hết !

Bỗng có tiếng mẹ ở phía trong nhà:

- Cái gì thế Tý ?

Tôi quay đầu lại, nói:

- Có một bà hỏi bà Án. Con nói không có ai tên Án hết.

Nhưng mẹ đã bước ra ngoài sân, dưới mưa. Mẹ nói:

- Phải, tôi là Ân đây !

Có tiếng mừng kêu:

- Thừa bà. Tôi là Bậy đây !

- Bà Bậy. Sao bà tại biết tôi ở đây ?

- Chú Tuất chỉ. Chú ấy bảo bà làm công ở tiệm phở Ngọc Lợi dưới chợ Đầm...

Mẹ quay sang tôi, ra lệnh:

- Con mang vở học bài đi. Để má nói chuyện.

- Cậu nào đó, thừa bà ?

Bà Bậy hỏi.

- Thăng Tý đó.

- Cậu Tý đó sao ? Chao ơi là lớn !

Mẹ nói:

- Nó hoang nghịch lắm, bà Bậy ơi. Không ai dạy nó được. Tôi chẳng bận tâm gì đến lời trách của mẹ. Với tôi bây giờ là người đàn bà lạ, tại sao lại quá quen thuộc với mẹ, tại sao bà lại gọi mẹ là bà Ân.

Rồi mẹ nói thêm:

- Bà Bậy là vú của con đó.

Tôi không hiểu:

- Vú là gì, hờ má ?

- Vú là người bồng ẵm con giúp dùm má khi con còn nhỏ.

Bà Bậy gạt nước mắt. Xem bà rất nể trọng mẹ.

Tôi lấy vở học bài, tuy nhiên lòng tôi không yên. Tại tôi vẫn nghe tiếng rầm rì to nhỏ của hai người đàn bà, và tiếng khóc tím tím của bà mà mẹ nói là vú nuôi tôi. Căn chái đèn điện mờ in bóng hai người trên vách. Bên ngoài trời vẫn mưa lớn. Tôi nghe mơ hồ cái tên **Thanh** xa lạ nào đó mà hai người trao đổi. Nhưng tôi chẳng bận tâm. Mẹ lúc nào cũng bí ẩn như gỗ đá. Ngay cả lai lịch của tôi mẹ cũng không bao giờ mẹ cho biết nữa. Huống hồ là mẹ.

Đêm hôm ấy, vú Bậy ngủ chung với tôi. Lần đầu tiên tôi mới được một người khác giúp tôi giăng mùng, trải chiếu. Tôi đã mất sự săn sóc ấy rất lâu, không, chẳng có đâu để nói mà mất. Sự săn sóc ấy làm tôi cảm thấy ngượng. Và khi mùng giăng ra rồi, bà lại soi đèn đập muỗi nữa. Đó là chuyện hết sức lạ. Tôi không thể hiểu tại sao bà lại bận

tâm đến những con muỗi tí ti như thế. Thì chúng hút máu thật. Nhưng đâu có nghĩa lý gì so với cả vòi máu cam đã no nê tuôn ra khỏi mũi khi mẹ tát ngay sống mũi của tôi. Tôi lại để cho nó chảy, không cần ra bể nước hít vào thành xi măng hay dùng lá trầu quăn và nhét vào lỗ mũi để cầm lại. Tôi muốn người ta thấy. Tôi chẳng cần ai thương hại tôi hết.

Rồi vú Bảy nằm bên cạnh tôi. Vú thắm thì:

- Con thương má con không?

Tôi im lặng. Tại sao vú lại hỏi một câu vô duyên đến thế. Mẹ đâu có thương tôi sao tôi lại thương mẹ. Nhưng có khi tôi thương mẹ ghê gớm. Lúc mà mẹ lật áo lên để xoa dầu khuynh diệp hay xát muối vào vết roi bầm trên lưng tôi. Lúc ấy mẹ nói như khóc: Con có biết mỗi lần đánh con đau, má khổ lắm không. Con người ta là con vàng con ngọc. Con đừng chọc chúng...

Đó là lúc tôi thương mẹ tôi nhất. Cố gắng cắn răng để khỏi bật khóc, nhưng cứ sao tôi lại khóc mùi. Lúc này bà chính là mẹ đích thật của tôi. Lúc này đôi cánh của con gà mái đã phủ xuống để che chở con khỏi loài diều hâu dữ dằn. Tôi nói, để biện hộ hành động của mình: Tại nó cứ bảo vì con là thằng con không cha nên mất dạy...

Thấy tôi im lặng, vú Bảy tấm tức khóc:

- Ngày xưa con được cưng chiều, có người hầu kẻ hạ. Ngày xưa, vú bồng dút com, dút cháo, thay áo thay quần cho con. Ngày xưa, vú ở bên con suốt ba năm, con nói con thương vú hơn thương má... Bây giờ, thấy má, thấy con khổ, vú đau lòng lắm.

- Vú nói ngày xưa nhà mẹ giàu ?

- Phải. Nhà mẹ giàu lắm.

- Con có ba không?

- Ồ, thằng này nói lạ kỳ. Không có ba sao lại có con.

- Sao bọn nó nói con là con hoang không cha.

- Không phải. Con có cha có mẹ. Nhà có người ở. Có chú Tuất giúp làm vườn. Đất rộng nuôi cả bầy ngựa lặn. Ngày xưa con hay đòi chú Tuất cho con cưỡi ngựa. Có lần con ngựa lồng lên, khiến con bị té, gãy cả xương tay. Từ đó,

mẹ không cho con cười ngựa nữa.

Chợt vú vuốt tóc tôi:

- Con còn nhỏ chưa hiểu đâu. Lớn lên rồi con sẽ hiểu.
- Sao vú lại kêu mẹ con là bà Án ? Mẹ tên khác mà ?
- Án là tên ba con. Ông giàu lắm. Cả thành phố đều biết tên ba con.
- Sao ba mẹ không chịu ở với nhau, hở vú ?
- Tại cái số hết con à. Rồi lớn lên con sẽ hiểu. Con nên thương mẹ, con đừng ghét mẹ con.

Rồi giọng bà sụt sùi:

- Ngày xưa vú không cửa không nhà, được mẹ mang về giúp đỡ. Vú không thể quên ơn nghĩa ấy đâu.

Chợt có tiếng của mẹ vọng sang:

- Bà Bảy ơi, để nó ngủ ngày mai còn phải dậy sớm nữa.

oOo

Như vậy, qua vú Bảy, tôi được biết phần nào nguồn gốc của gia đình và một phần nào lai lịch mình. Có nghĩa là tôi được sinh trưởng trong một gia đình khá giả, được kẻ hầu người hạ, được chú Tuất cho cười ngựa trong trang trại rộng mênh mông. Nhất là tôi có ba. Ba hay cha. Cái tiếng mà tuổi thơ của tôi không được diễm phúc có được. Cái tiếng mà tôi mơ ước, để nước mắt phải lạnh cả má, cả mặt phản gụ. Cái tiếng đã làm cuộc đời tôi bị dìm xuống dưới tận bùn sinh dơ bẩn. Ba. Cha. Ông đã bỏ tôi, để lại nơi mái nhà này một con ngựa con côi cút, giữa một thế giới loài người ác độc, Cái tiếng cả mọi đứa bé trên cõi đời này để hãnh diện, nhưng chỉ riêng một mình tôi là không có. Tôi lại càng phản kháng nhiều hơn, ương ngạnh nhiều hơn. Có lần mẹ bắt tôi phải xin lỗi tôi cắn chặt môi, như cố chịu những cơn đau vô tận, không chịu mở miệng. Tôi lì lợm tránh đỡ những lần roi tới tấp. Mẹ thấy vậy, càng điên cuồng, càng tìm cách để tôi phải nghe lời bà. Tự ái của bà càng bốc lửa. Đến nỗi bà trời tôi lại, khi tôi cố gắng vùng vẫy muốn chạy thoát. Có khi mẹ buộc hai tay tôi vào hai cột trụ của cây xích đu. Có khi đầu tôi bị cạo trọc. Xin cho tôi ngừng thờ ở đây. Không phải tôi viết ra đây để trút hết

nổi hận lên trên trang giấy. Tôi muốn nói là tất cả lỗi là do tôi, chính tôi đem cho mẹ sự phiền não. Cái phận làm hầu làm bé đã làm bà bị tủi nhục, thêm thẳng con riêng ương ngạnh này nữa, làm sao bà lại không trút hết cơn giận xuống đầu tôi ? Hờ ?

Có khi tôi thoát được, lao vào trong bóng tối. Tôi ẩn mình trong vườn mía của nhà bác Sĩ gái. Tiếng mẹ thất thanh trong đêm, như tiếng gọi tuyệt vọng từ một kẻ bất hạnh: Tý ơi, mày đâu rồi, con đâu rồi, sao tôi khổ như thế này há trời ?

Tôi nghe mà khóc. Trên cao, xuyên qua kẽ lá mía, những vì sao nhòa nhạt. Chúng cũng mờ nước mắt như tôi. Cả người tôi run. Lạnh và đau bầm cả thân thể. Tôi muốn rời khỏi cái địa ngục này lập tức. Tôi muốn đi thật xa, thật xa. Tôi chẳng luyến tiếc gì cái mảnh đất mà người ta gọi là thiên đường tuổi nhỏ này. Bên ngoài đám người xách đèn bão đi tìm tôi. Chắc là dựng bắt họ đi tìm. Dựng sợ tôi rò đại bỏ nhà chạy trốn chăng. Tôi càng im thin thít. Phải, tôi ao ước, vú Bẩy có mặt bên tôi lúc này. Vú ơi, chỉ có vú mới thương con, mới hiểu con. Chỉ có vú mới an ủi con. Nhưng vú thì ở xa, vú có nghe con nói không.

Sau đó, tôi bò ra khỏi vườn, tìm xuống ruộng rau muống, và chạy bừa trên rau. Tôi nhắm hướng phố mà chạy. Chạy đến nhà ga. Tôi sẽ trốn theo con tàu mà rời khỏi căn nhà địa ngục. Không cần biết đi đâu về đâu. Không cần biết chỗ nào để tạm trú. Cứ đi. Đến trạm ga cuối cùng, rồi xuống. Rồi tìm một vỉa hè, rồi nương nhờ vào một ngôi chùa hay nhà thờ... miễn là thoát khỏi.

Nhưng tàu không thấy đâu, chỉ thấy đám lính Lê Dương say rượu la hét inh ỏi. Tôi lại bước đi. Gió đêm làm châu thân tôi lạnh cóng. Lúc này, trận đòn đã bắt đầu thấm đến xương tủy. Tôi tìm đến một ngôi nhà mập mờ đèn xanh đỏ mà sau này tôi mới biết đó là nhà thổ để đám lính Lê Dương tìm đến giải trí. Tôi thấy lũ trẻ đánh giầy. Có đứa trạc tuổi tôi. Những người đàn bà má phấn môi son đỏ

chót ngồi trên lòng mấy gã Tây trắng Tây đen. Một vài gã Tây duỗi chân, để giày trên thùng gỗ. Một thằng đánh giày đang dùng giẻ đánh bóng. Miệng nói xi xô. Gã Tây phá lên cười, rồi vuốt đầu thằng nhỏ.

Bỗng nhiên, tôi bị ai lôi. Người gác cửa đã phát giác tôi. Gã nạt:

Thằng nhóc, mày biết chỗ này là chỗ gì không.

Thật sự tôi không biết. Gã lại nói tiếp:

Con nít chưa có lông mà bày đặt. Bộ mày muốn thềm vào trong đó hay sao?

Rồi gã đuổi tôi đi chỗ khác.

Tôi lại tiếp tục đi mà không biết đi đâu nữa. Thành phố giới nghiêm, tôi chợt nhớ. Tôi đã làm một việc mà từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ làm. Tôi đã bỏ đi. Nhưng bây giờ càng hiểu tôi cần mái nhà. Tôi cần chiếc mền, chiếc chiếu. Tôi cần chiếc áo ấm mặc đỡ lạnh. Tôi cần ánh đèn để tôi học bài. Thầy Minh sẽ không tha bất cứ đứa nào làm biếng. Nhưng hình ảnh thằng bé đánh giày trạc tuổi, đã ghi khắc vào tâm trí. Nó sướng hơn tôi nhiều, Có ngày tôi cũng phải như nó. Thà cam khô, nhưng ít ra, cũng thoát khỏi cái căn nhà địa ngục.

Cuối cùng, tôi lại lui thủi trở về. Tôi sẽ xin lỗi mọi người. Dạ, con trót dại con hứa sẽ không tái phạm nữa.

oOo

Sau lần vú Bầy gặp mẹ tôi, mẹ hình như có điều gì không ổn. Một hôm mẹ mang về cả một giỏ thuốc Tây, được nguy trang trên mặt là trứng gà. Bắt đầu từ đây, bà có những chuyến đi bất thường, bí mật. Và những người lạ mặt mà đa số là đàn bà xuất hiện một lần ở góc đường, góc chợ rồi sau đó biến đi. Thời bấy giờ, thành phố chỉ có một nhà thuốc Tây duy nhất. Mẹ hay sai tôi đến để mua

những viên kí ninh hay Aspirin. Chẳng những thế, bà còn nhờ đám trẻ con trong xóm mua dùm, và thưởng chúng vài đồng bạc cắc... Trong buồng tối của nhà, mẹ dấu đầy thuốc Tây. Có khi mẹ giả làm một người đàn bà có bầu, để qua mặt những mật thám công an trong thành phố. Có khi mẹ rời nhà vào ban đêm. Mẹ đi đâu, tôi nào có biết.

Căn nhà ngày xưa có cột trụ chính là dương, bây giờ là mẹ. Dương buồn vì thất bại này sang thất bại khác nên cứ ngồi ủ rũ suốt buổi bên chai rượu trắng. Phần tôi, bây giờ càng lớn càng hiểu thân phận của mình. Tôi hậm hùi cùng chén cơm nguội và nỗi buồn trước tuổi. Tôi hay khóc thầm. Đến nỗi mắc thêm chứng bệnh khóc đêm. Đêm nào tôi cũng khóc. Phần gụ lạnh dầm cả nước mắt. Tiếng côn trùng, ếch nhái ngoài đêm càng làm tăng thêm nỗi buồn.

Một ngày, tôi vẫn còn nhớ, một chiếc xe díp sơn màu xanh, phía sau bít bùng, bỗng nhiên đậu lại trước nhà. Vài kẻ lạ nhảy xuống xe, ào vào nhà. Họ vào buồng, lục lọi sau đó lôi ra những bao, giỏ đựng đầy thuốc Tây và cả bịch lương khô mà tôi đã bí mật giấu. Và họ bắt mẹ dẫn ra xe. Tôi chạy theo bà. Họ cản lại. Bé Thương, em gái cùng mẹ khác cha với tôi, khóc ré lên. Nó vẫn còn đang trong thời kỳ bú sữa. Mẹ quay lại nói với tôi: Con gắng săn sóc em dùm mẹ nghe con.

Rõ ràng, những lọ aspirin, hay trụ sinh không phải để cứu người nhưng là những mầm tai ách.

Không ai có thể cứu mẹ tôi. Không ai có thể giúp bà thoát khỏi những trận đòn tra tấn. Tôi không hề thấy lũ mật thám tra khảo bà, nhưng mỗi lần đến nhà lao để thăm nuôi, tôi vẫn thấy cả gương mặt của bà bầm tím, tóc tai rũ rượi. Tôi từng nghe những vụ tra tấn người tại nhà lao Nhatrang. Những kỹ thuật tra tấn quá sức dã man như chạy điện, đổ nước vào mồm, tra khảo, treo ngược, dúi thuốc cháy vào đầu vú hay cửa mình... Đó là chưa kể những cảnh thù tiêu người như bỏ bao bố nhận chìm dưới sông... Không biết có dân tộc nào trên thế giới này lại sán

sinh ra một nghệ thuật tra tấn cao độ, siêu việt như ở xứ sở này không. Người ta thường kể nơi này nhiều ma vì bọn mật thám tra tấn người đến chết rồi dập xác ở khu đất kế cận. Ban đêm, những oan hồn kéo về đòi mạng, khóc lóc thảm thiết. Tiếng hét thảm khóc vẫn thường nghe từ căn lầu nằm giữa bốn bờ thành cao cắm đầy miếng chai và chằng chịt hàng rào dây kẽm, bên con đường ra bờ biển khiến lũ trẻ chúng tôi sợ phải qua đó. Bây giờ mẹ tôi lại bước vào ải ngục ghê rợn ấy. Ai làm cho mẹ tôi phải bị đầy đọa đến thế này. Ai cứu bà, ai giúp tôi khỏi bóng ảm đũa em mới mấy tháng, một tay kia xách chiếc cà men com mỗi ngày đến để nhìn bà tôi tả tả tôi sau những song sắt? Tôi đưa miệng con bé áp vào trong song sắt, và bà kê vú bà ra ngoài song cho con bú. Mắt bà thâm quầng. Trời ơi, tại sao bà lại chọn con đường này? Sau này, tôi vẫn mang câu hỏi: Không hiểu vì bà muốn giúp cứu gia đình trong con nghiệt ngã, hay tại tấm lòng yêu nước của bà? Tại sao bà cứ hát ru hoài những lời ca tụng chiến khu, kháng chiến khi ru các em tôi ngủ: *Còn đâu trên chiến khu trong rừng chiều. Em đêm tiếng suối reo ngàn thông reo...* Mà mỗi lần như thế, tôi như bị mê đắm theo lời hát đầy xúc cảm của bà. Mê đắm đến độ cứ mơ một ngày vượt qua bên kia sông Cái, về phía những rặng núi chìm trong mây, nơi mà người ta gọi là chiến khu. Ở đó, họ phải cam khổ và thiếu thốn lắm. Bởi vậy tôi đã dẫu mẹ, dành dụm, góp nhặt những phần gạo, hay khô, cả bút mực, gói một bọc bằng giấy dầu, ngoài viết: "Gởi anh bộ đội", chơ díp. Tôi nghĩ mẹ sẽ biết và sẽ giúp chuyển dùm tôi.

Nhưng tôi làm sao ngờ chính bọc ấy lại là một tai vạ. Bởi vì nó là một cơ để buộc tội mẹ tôi tiếp tay với phe kháng chiến.

Như vậy, xin đừng đánh đập mẹ tôi. Tôi đã khóc khi van những người có mặt trong nhà lao Nha Trang. Tại sao họ lại bắt mẹ, khi bà chỉ mua bán thuốc Tây. Mẹ không chứa súng ống, chất nổ, hay chứa chấp quân kháng chiến, đảng này mẹ góp phần trong việc cứu người, sao lại bắt bà. Trời

oi, làm sao tôi có thể hiểu được. Tay tôi nặng vì phải bồng ẵm em Thương, và một tay kia thì xách cà men cơm. Đó, mẹ giúp cả nhà, mẹ cam khô để mang tiền bạc về, để mỗi ngày có những bữa cơm hay lít rượu trắng, nhưng khi mẹ gặp nạn thì chẳng ai có thể giúp bà. Em Thương khóc vì khát sữa. Tôi dỗ. Tôi bồng nó chạy cho mau. Tôi chạy từ Rộc, lên tận Nhà Đền, rẽ trái về phía biển. Tôi chạy, đôi chân gầy, khăng khiu, không nhìn thấy bầu trời xanh mà chỉ nghe tiếng khóc đòi đoạn. Tôi chạy giữa hàng muông vàng thắm ở gần Nhà Đền và hàng me keo đầy trái chín. Tiếng khóc của em tôi như làm vỡ cả tim tôi. Tôi không thể dỗ nó cho nín mỗi khi nó đòi sữa. Không ai có thể thay mẹ dỗ nó được. Và cứ thế, một tay xách cà men thăm nuôi, một tay bồng nách đứa em, tôi đã thay mặt mẹ để làm vú nuôi giữ trẻ từ dạo ấy.

oOo

Như vậy, hơn ba mươi năm từ khi biệt làng, biệt xóm, hôm nay thẳng bé năm xưa đang ôm tim ôm ngực trở về. Tôi đang về lại quê hương tuổi thơ. Dấu đôi mắt khỏi thấy quê mình ngày nước nhà hoà bình thống nhất. Bỏ qua những biệt thự ven bờ biển, nơi mà ngày xưa, những thằng Tây, con mẹ đầm nằm trên ghế xích đu phơi nắng, bây giờ lại được thế vào những tay tư bản đỏ, xanh... Bỏ qua những phần đất cắm, những khách sạn sừng sững tới tận... Bỏ qua những chiếc xích lô mỗi một mà chắc chắn những người phu xe đã từng là bạn bè đồng đội một thời của tôi, bây giờ một thứ công dân hạng chót.

Tôi đang trở về xóm cũ. Hơn ba mươi năm xa cách tôi vẫn còn nhớ cái tên mà cả tuổi thơ của tôi gọi trọn, chôn trọn một thời. Nhưng đâu là những ruộng rau xanh ngắt, đâu là những con đường đất nho nhỏ len giữa bờ rau, đâu là cái hồ bên cạnh nhà, những cây dứa, cây mít, cái sân đất thịt. Tôi đã trở về, quê nhà ơi yêu dấu, để nhận ra một sự

thay đổi đến não nùng. Sông kia giờ đã nên cồn. Bất
chức người xưa tôi gọi cụ Tế Xương.

Tôi không thể nhận ra nổi con đường dốc từ con quốc
lộ dẫn xuống xóm, trước hết qua nhà anh Chử, anh Sô,
qua cái hồ đục ngầu, và cuối cùng là chiếc nền cao, vây
bọc bởi hàng rào dây kẽm. Màu xanh bạt trùng của rau giờ
đây đã nhường lại cho bao nền nhà xa lạ. Ai ở trong đây.
Ai đứng nhìn tôi, ai có thấy thằng con trở lại. Ai có còn
mừng mừng tủi tủi như Bác Năm, bác Sáu, cô Tám, Di
Hai... Hơn ba mươi năm. Quá dài cho một cách ngăn, và
cũng quá nhiều cho thâm kịch, quá xoắn xang cho tiếng gọi
trở về. Thì tôi trở về đây. Thâm lặng. Cô độc. Thua cuộc.
Đầu bạc. Từ Thức. Tôi trở về. Thằng con hôm nào bỏ đi
thề không bao giờ trở lại hôm nay trở về. Trở về để nhìn
người đã sinh tôi ra đời, tạo ra một tấm hình hài, để tôi có
mặt làm một con người trước khi bỏ đất nước này mà đi.

oOo

Mẹ tôi già nua bệnh hoạn trong căn buồng bẽ bộn.
Những bàn thờ chiếm hết cả vách. Những tấm hình người
khuất mặt. Ai đấy. Tấm hình trong khung kính. Chiếc nón
cán bộ cao cấp. Một khung kính lớn treo trang trọng trên
vách. Bằng mẹ liệt sĩ. Tôi hỏi mẹ tôi. Bà nói anh Thanh
của con đây. Tôi trách bà: "tại sao má không nói cho con
biết?" "Con vẫn biết thời chế độ cũ ai mà có thân nhân đi
tập kết đều phải dấu kín hết mà." Tôi chợt nhớ đến tên
Thanh mà vú Bảy và má nhắc trong một đêm nào xa xưa.
Thì ra thế, "có phải vì anh Thanh mà má mới bị Tây bắt?"
"Đúng vậy, con. Vú Bảy cho biết anh Thanh bị thương
trong một trận công đồn Tây, cần thuốc men để điều trị.
Vì má thương anh con, thương những người bạn của anh
con...". Rồi bà tấm tức khóc. Anh Thanh học giỏi lắm.
Đậu đến bằng Tú Tài Pháp lận con. ..." Tôi lấy bó nhang,
rút ra một cây, châm lửa. Dù anh là kẻ thù của tôi, nhưng
anh cùng chung máu huyết với tôi. Hơn nữa, người chết
không còn chi để hận thù nữa. Chi hận chẳng là ba cái tấm

giấy chổi đồ treo trên tường này hay những mỹ từ, những nhân danh cần sa á phiện đầu độc cả một thế hệ bởi một màu máu đỏ lòm.. Chúng đã đẩy cả thế hệ cha anh và chúng tôi vào một cuộc chiến tương tàn. Chúng bắt chúng tôi lao lên về phía trước, mắt mù loà, tim sôi hận, để chết thay cho những kẻ hiện giờ đang uống sâm nhung chờ đợi ngày thoi thóp.. Chúng bắt mẹ tôi ngồi trong lòng ghế bành, bị choán ngợp bởi những danh từ như người mẹ anh hùng, hay người mẹ liệt sĩ.. Chúng khiến tôi lúc này không phải qui hồi cố hương để khóc trong vòng tay yêu thương của bà, mà trái lại, cõng lòng ngổn ngang bời bời, mà cảm thấy càng xa cách. Một bên là "nguy quân", một bên là "cách mạng, mẹ liệt sĩ". Trời ơi, chúng gây nên cái bãi chiến trong gia đình tôi.

Tôi lại đọc được hàng chữ nhỏ dưới tấm di ảnh: "*anh dũng hy sinh tại chiến trường X ngày 11 tháng 5 năm 1969*".

Tôi nhắm mắt mà tim cơ chừng quặn thắt. Phải rồi, cái hầm đá nào trên ngọn đồi trọc đây hang đá ấy và xác ba người nào nằm co quắp lại, miệng trào bọt, mũi hộc máu, những ngón tay co rúm lại do chất thuốc hoá học cực mạnh mà chúng tôi bơm vào hầm. Phải rồi, tôi đã gọi máy báo cáo khi những người lính cố tìm xem một chiến lợi phẩm. Tôi đã thấy lại những nỗi vui mừng tột cùng, khi toán tôi hạ một một cán bộ cao cấp của địch...Cũng là ngày ấy, tháng ấy, năm ấy, tại chiến trường X ấy làm sao tôi có thể quên được. Bởi vì tôi đã đứng nghiêm để chờ đợi ông tướng sư đoàn bay trực thăng đến gắn thêm một bông mai trên cổ áo tôi...

(Trích Cảm tạ văn chương)

■■■■■



Mẹ và con (Tranh Trần quý Thoại)

*Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi
Khó đi mẹ dắt con đi
Con thi trường học mẹ thi trường đời.*
(Ca dao)

NGỌC LINH **Mẹ và Con**

Buổi học vừa chấm dứt, tiếng ồn ào của bầy trẻ lan dần trên Quốc lộ, tản mát qua cánh đồng hiu quạnh, dẫn vào các xóm xa...

Ngân dắt xe đạp ra khỏi cổng trường, đứng lặng nhìn tàn cây xoài rộng lớn, mỗi mùa qua, như già cõi thêm.

Năm nào cũng vậy, hễ đến tháng hè là Ngân buồn; nỗi

buồn xa vắng những mái đầu tóc rối bành bồng, những khuôn mặt ngây thơ rám nắng, xa mái trường rêu mốc, tường vôi loang lổ vết đạn chiến tranh và nhất là cây xoài già trước sân trường. Ngân đã học vỡ lòng dưới mái trường này ngày còn thơ ấu, bây giờ lớn lên lại đi dạy nơi đây.

Biết bao kỷ niệm đau buồn! Những thầy học cũ, những người bạn thân yêu bấy lâu, xa vắng hết...Thình thoảng nghe tin một chị đi lấy chồng, một người chết, một người mất tích ở vùng xa.

Buổi học chiều nay càng khiến Ngân buồn thấm thía hơn, có lẽ tại bức thơ của mẹ gửi cho nàng, đã gọi lại bao hình ảnh đau thương ngày cũ.

Những giờ cuối cùng trong lớp học, nàng kể lể chuyện mình ngày nhỏ cho các em nghe. Nhà nàng ở tận cầu Bến Cùi, mỗi sáng đi học phải quảy thêm một gói cơm vắt, trong mo cau, để buổi trưa ở lại trường...Chiều tối, cha nàng từ chợ Bến Cát đạp xe lên chờ về.

Nàng say mê với những kỷ niệm thiếu thời và không biết đã khóc từ bao giờ? Khi thấy nước mắt lăn tròn xuống má, nàng mới lấy khăn lau, giữa sự ngỡ ngác của đám học trò.

Ngân leo lên xe đạp, phóng đi. Bạn đồng nghiệp của nàng cũng đã về hết...Con đường từ trường Quán Cây Xoài về chợ Bến Cát đã quá quen thuộc với nàng, từ bụi cây, đám cỏ.

Nàng chợt nghĩ đến chú Huấn, ở Thủ Dầu Một chắc cũng đã về bằng chuyến xe trưa. Ngân muốn gặp chú ngay, phần lớn về bức thơ của mẹ.

Giáo Huấn, chú ruột Ngân, trước kia dạy ở trường Quán Cây Xoài, nhưng bây giờ đã lên tỉnh. Ngân thay chân ông ở đây cho được gần nhà.

Nàng rất hạnh diện theo đuổi nghề nghiệp của chú. Sự làm việc siêng năng, hạnh kiểm tốt của Ngân thật không phụ lòng trông cậy của giáo Huấn.

Ngân đạp xe vào công rào, đã thấy giáo Huấn mặc bà ba, ngồi xem báo trên ghế bố.

Nàng dựng xe ở góc nhà, chấp tay:

- Thừa chú mới về.

Ông Huấn để ý thấy nàng từ lúc nãy, nhưng bây giờ mới ngẩng lên:

- À con, bải học rồi hả?

- Dạ, còn trường của chú?

- Tối nay ở Thủ hộ còn tiệc tùng nữa, nhưng tao sợ mệt, trốn về.

Ngân cười, vì biết rõ ý chú:

- Con mới nói với thím hồi sáng, thế nào chú cũng về sớm mà.

- Ồ...bây giờ có tuổi rồi, nhậu nhẹt rả rê tao sợ lắm! về chơi với thằng Tính, còn thích hơn.

Ngân nói nhanh:

- Tuần trước chú đi, Tính khóc cả đêm...

Giáo Huấn cười hơn hở:

- Vậy à! Đồ thằng chó, triều cha quá.

Ngân nghĩ đến cái tuổi bốn mươi lăm của chú, mới có một mụn con trai không cung làm sao được. Về tới nhà, ngoài lúc Tính ngủ, luôn luôn ông bông nó trên tay.

Vợ chồng giáo Huấn hiem con, chỉ có mỗi một gái bằng tuổi Ngân, nhưng đã chết, lúc chưa đầy năm tháng. Họ tưởng đâu không con nối giòng, nào ngờ bà giáo gần bốn mươi lại sinh thằng bé Tính. Ông Huấn mừng như bắt được vàng.

Ngân cũng vậy, một mình thui thui trong nhà, bây giờ thêm đứa em, nàng thấy vui vui, nên hết sức chịu cực, chịu khổ với nó.

Giáo Huấn chợt hỏi:

- Nghỉ hè cháu định làm gì?

Ngân nhớ đến bức thư của mẹ, ngập ngừng đáp:

- Dạ...con...định thưa với chú...

Có tiếng bà giáo từ nhà sau vọng lên:

- Ngân về đó hả con?

- Dạ...

- Xuống thiếm nhờ chút coi.

Ngân quay lại bảo giáo Huấn:

- Lát nữa con thưa chú rõ.

Rồi nàng bước mau xuống nhà sau. Giáo Huấn cau mày

nhìn theo cháu, vẫn chưa đoán được câu chuyện nó sắp nói.

Trong buổi cơm, giáo Huấn nói liên miên về những truyện ở tỉnh, nhưng ông để ý thấy Ngân lơ là.

Tâm trí của nàng như đang bận nghĩ một chuyện gì. Điều đó khiến giáo Huấn lo ngại. Chờ lúc vợ dỗ con ngủ, ông mới hỏi Ngân:

- Nhiều lúc, con muốn thưa chuyện gì?

Ngân ngập ngừng đáp:

- Dạ...Con vừa nhận được thơ của má con.

Giáo Huấn ngó sững nàng:

- Từ bao giờ?

- Dạ sáng hôm qua!

- Còn mặt mũi nào gởi thơ nữa? Tao không dè “mặt chay mày đá” đến vậy.

Ngân lặng thinh. Nàng không dám bênh vực mẹ. Đã hơn mười năm không gặp, tình mẫu tử cũng lạt phai. Mẹ không về Bến Cát thăm nàng, không hiểu vì mặc cảm tội lỗi hay vì không biết thương nàng.

Ngân chỉ nhớ mừng tượng hình ảnh ốm yếu của mẹ, thường mặc áo lạnh màu xám tro, trong những ngày trở gió.

Bà hay ngồi ở bàn viết ngó mông ra ngoài trời. Người ta kể lại thuở còn con gái, mẹ nàng rất sành làm thơ. Những bài thơ của bà hay được đăng ở *Phụ Nữ Thời Đàm* hay *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*.

Giáo Huấn vụt hỏi Ngân:

- Chị ấy gởi thơ nói gì?

Ngân ngó chú ngập ngừng:

- Dạ...Má con đau nặng. Muốn được gặp con. Nhưng không dám hỏi chú. Dạ chú xem thơ?

Nàng lấy trong túi áo bức thơ đưa cho giáo Huấn. Ông nhìn bức thơ trong tay Ngân lắc đầu:

- Đọc làm gì? Tao biết thế nào cũng có ngày này mà...Ân hận rồi kêu gọi tình thương của con chứ gì? Chuyện đó dễ quá, ai làm lại không được!

Ngân vẫn lặng thinh, nắm chặt bức thơ của mẹ trong bàn tay. Chính nàng, sáng hôm qua khi nhận được thơ của mẹ,

cũng có ý nghĩ đó.

Nỗi oán hận nhiều năm, đã khiến Ngân tưởng chừng như tình cảm của mình chai cứng...Đôi khi nàng quên là mình còn một người mẹ trên đời.

Nhưng khi đọc xong bức thơ, tình cảm nàng đổi khác. Những ngày nhỏ dại, những đêm sợ tiếng chó tru, rúc đầu vào ngực mẹ, những ngày Tết đến, chính mẹ đã may áo mới cho nàng rồi dẫn nàng đi lễ ở kiếng chùa bên kia Bến Cùi.

Bao kỷ niệm thân yêu trong lúc thiếu thời, đột nhiên hiện ra rồi tự dung nàng thấy mình bớt oán trách mẹ. Bấy giờ trước mặt chú, nàng muốn nói vài lời “đỡ dần” cho mẹ, nhưng không hiểu sao Ngân mất hết can đảm. Có lẽ thái độ dứt khoát của giáo Huấn, vẻ mặt lạnh lùng sắt đá của ông khiến Ngân hiểu rằng, mình có nói cũng vô ích.

- Ngân...

- Dạ!

- Con có cho là chú quá khắc khe với chị ấy không?

Ngân lắc đầu:

- Thưa chú, con đâu dám có ý đó...

Giáo Huấn ngã lưng trên ghế xích đu, thở khói lên trần nhà, đôi mắt lơ đãng như nhớ lại chuyện xa xưa.

Từ những ngày đầu, Tây chiếm Bến Cát, người ta bảo Phán Lương ra đầu thú để làm làng, tổ chức lấy tài liệu cho kháng chiến, giáo Huấn đã can gián anh:

- “Không nên anh Hai à! Đem thân hy sinh làm trái độn như thế bầm dập lắm...Dân lành đâu hiểu uân khúc bên trong cứ nghe nói mình đầu Tây là đã oán ghét, gia đình vợ con sẽ khổ trăm chiều. Còn nếu Tây biết được dụng tâm của mình thì chết ngay”.

Nhưng Phán Lương có đời nào chịu nghe ai! Một khi đã quyết tâm làm gì thì làm cho được mới thôi. Nhờ giời tiếng Pháp, Phán Lương ra đầu thú là được đắc dụng ngay. Nhà cửa dọn về Bến Cát, Ngân bắt đầu đi học trở lại. Cuộc sống coi như bình thường nhưng sự thật trần đây sóng gió. Giáo Huấn lúc ấy còn dạy ở trường Quán Cây

Xoài. hiểu rõ việc làm “gián điệp” của anh nên vẫn âu lo. Riêng Kim, vợ của Lương lại rất vô tư, chỉ đọc sách báo, tiểu thuyết và làm thơ, gởi bài lai cáo.

Phán Lương hiểu tâm hồn vợ như vậy, nên ít khi dám bàn chuyện gì hệ trọng. Kim rất lãng mạn và xa rời thực tế. Nàng chỉ thích sống riêng rẽ một mình trong thế giới “mộng”. Giữa mùa đất nước chuyển mình, chiến tranh tràn lan khắp cùng làng mạc, núi non, mà nàng cứ mơ với nỗi niềm sầu cảm “thương cho chiếc lá rụng cuối thềm, giữa đêm gió thổi mùa”.

Ngân ra đời ít được sự âu yếm của mẹ mà chỉ gần với cha. Ông tuy làm việc nhiều nhưng vẫn để ý săn sóc con. Còn mẹ nàng vẫn còn bận bịu với văn thơ, hay cắt dán những bài thơ được đăng báo.

Giáo Huấn có lần đã trách Lương:

- Anh không rày chị, để rồi sau ân hận. Giữa cuộc đời xáo trộn, không sống thực tế, không để tâm đến việc gia đình, con cái rồi có chuyện gì không may, xảy tới cho anh, thì khổ lắm đó. Phán Lương buồn bã nói với em:

- Tôi cũng hiểu thế. Nhưng tâm hồn Kim đã như vậy, làm sao cải sửa... Thực tế của những ngày chạy loạn vẫn chưa làm cho nàng thức tỉnh, thì chú hiểu tôi phải làm gì? Tôi bỏ anh em lãnh cái phận sự bé nhỏ này, để chống giặc ngoại xâm, cũng chỉ vì vợ con không thể chịu đựng nỗi cực khổ. Chú không thấy sao?

Giáo Huấn đã bảo anh:

- Vậy là anh lầm...Rồi chị khổ cho con anh. Tôi xem chừng chị Kim chẳng hợp với anh đâu.

- Tôi biết vậy, nhưng đã lỡ có con Ngân rồi. Chú biểu tôi làm sao? Tôi thương con tôi quá.

Thế rồi một buổi sáng lính Tây bao vây bắt Phán Lương và toàn ban hội tề vào trong đồn, giữa sự xôn xao của dân chúng. Tối đến chúng đem bốn người ra cầu Bến Cùi bắn chết, đập thây xuống sông.

Phán Lương là một trong số bốn người bị bắn đó. Giáo Huấn mướn dân chài trong xóm, lặn lội giữa đêm khuya, mò tìm xác anh, lòng đau như xé ruột, nhưng ông không khóc. Ông đoán trước thế nào gia đình cũng gặp phải

chuyện không may này.

Gần sáng hôm sau, mới vớt được thầy Phán Lương và đưa đi chôn ngay trong rừng vì sợ quân Pháp cản trở.

Riêng Kim, nàng chết giấc không biết bao nhiêu lần khi được tin chồng bị bắn. Dù Giáo Huấn cản ngăn, nàng cũng chạy tuông vào rừng ôm mộ chồng khóc thảm thiết.

Bốn năm tháng sau, Kim cho giáo Huấn biết một nhà báo ở Sài Gòn mời nàng xuống cộng tác. Kim đưa thư cho em chồng xem rồi ngập ngừng nói:

- Chú cho tôi gửi cháu Ngân một thời gian. Bao giờ có cơ sở vững vàng, tôi đem cháu theo.

Giáo Huấn hỏi nàng:

- Chị định bỏ quê hương mình luôn sao?

Kim đau đớn nói:

- Xứ này đã cướp mất của tôi một người thân yêu nhất, chú bảo tôi còn thiết gì mà ở lại...

Rồi thì Kim ra đi, đi mãi mãi...Ngân lớn lên trong sự đùm bọc chở che của chú thím nàng. Từ lúc 9 tuổi cho đến bây giờ, mười mấy năm qua nàng không một lần gặp mẹ.

Giáo Huấn ngồi thẳng dậy, dụi điều thuốc vào đồ gạt tàn, hỏi Ngân:

- Con tính sao?

Ngân vẫn im lặng từ nãy giờ. Ôn nghĩa của chú nặng như núi non, nàng đâu dám tự mình quyết định một chuyện hệ trọng như thế.

Nàng khẽ cất tiếng:

- Thưa chú...con đề tùy chú.

Giáo Huấn thờ dài nói:

- Con đã hỏi thì chú nói thật điều này: cho đến lúc chết, tao cũng không muốn thấy mặt chị ấy. Không phải tao trách chuyện chị ấy sớm lấy chồng khác, khi mộ chồng chưa xanh cỏ, nhưng tao không thể tha thứ một người mẹ sớm quên con.

Ngân cúi đầu im lặng. Giáo Huấn tiếp:

- Hồi năm đó, tao có đi Sài Gòn tìm kiếm chị ấy, nhưng về nhà tao đâu luôn đó thôi.

Ngân ngẩng lên nhìn chú:

- Nói vậy...chú có tìm má cháu nữa?

- Có chứ! Vì thế tao mới hiểu lý do nào chị ấy bỏ làng, bỏ xứ không về.

Ngân nóng lòng hỏi:

- Thưa chú...Tại sao?

- Chị ấy bị thằng cha ký giả nào đó gạt gẫm đến mang thai.

- Trời ơi!

Giáo Huấn buồn bã đáp:

- Tao nói với bây như vậy là vì không hiểu được tâm hồn mẹ bây. Lúc tao lên Sài Gòn, nghĩa là tám tháng sau ngày chị Kim bỏ Bến Cát này...thì chị đã mang thai với người khác. Chị ấy xấu hổ đến độ nhìn tao mà không thốt được một lời. Tao quá giận mà nói: “chị đừng bao giờ cho tôi thấy mặt nữa”.

Ngân không biết mình khóc tự bao giờ, đến khi những giọt nước mắt nóng nóng rớt trên bàn tay, nàng mới giụi mình lấy khăn lau.

Giáo Huấn chột ngó nàng:

- Không phải chú khắc khe, nhưng chú không thể quên được cái cảnh nhục nhã ấy! Chồng chết mồ chưa khô, con gái bỏ vợ gấp gì mà làm chuyện tồi bại đó! Ngày cha con bị bắn, ôi thôi, khóc thảm thương, tưởng chừng như sắp tự tử đến nơi vì thiếu anh ấy trong cuộc đời.

Ngừng lại một chút giáo Huấn tiếp:

- Ở phương diện của chú là như vậy! Chú không còn chấp nhận người đàn bà đó trong gia đình họ Nguyễn nữa. Nhưng cháu đã trên hai mươi tuổi rồi, cháu tự quyền định đoạt thái độ. Cháu có chấp nhận một người mẹ như thế hay không là tự ý!

Ngân hoang mang nói:

- Thưa chú, nếu chú không muốn thì...cháu đâu dám cãi. Cháu có ngày nay là nhờ ơn chú thím.

Giáo Huấn chặn lời nàng:

- Bỏ qua chuyện ân nghĩa đó đi. Nuôi bây nên người là bổn phận của tao mà. Đối với kẻ sanh thành bây còn một thứ tình thiêng liêng khác. Bây lớn khôn cứ trọn quyền

định đoạt. Tao sẽ không trách cứ gì đâu!

Nói xong ông đi xuống nhà sau. Ngân ngồi một mình nhìn ra ngoài trời. Bóng tối đã phủ trùm lên cảnh vật. Nàng uể oải đứng lên đi trở vào phòng riêng, đốt đèn để trên đầu giường rồi ngã mình xuống nệm. Ngọn đèn tỏa sáng khắp gian phòng.

Chú Huân không tỏ thái độ trong việc này mà buộc nàng phải chọn một quyết định. Ông không thể chấp nhận mẹ nàng trong gia đình, nhưng không cấm cản cháu đi thăm mẹ vì đó là bổn phận riêng tư của nàng. Ngân thờ dãi quay mặt vào vách. Nàng chưa biết mình phải hành động ra sao cho hợp lẽ.

Mười mấy năm trời, không tin tức của mẹ, đột ngột bà gọi thơ tha thiết muốn gặp mình, trong cơn bệnh nặng.

Nàng ra đi thì chú thím sẽ buồn mà ở lại nhà, sao an tâm được?

Chắc mẹ đau nhiều lắm mới gọi tới mình! Ngân cầm bức thơ đưa lên trước ánh đèn.

Những giòng chữ run run của mẹ, đủ chứng tỏ trong lúc viết thơ bà đã phải cố gắng hết sức mình. Bức thơ không dài lắm nhưng chưa đựng bao nỗi ân hận của một người đàn bà đau khổ đã lỡ sa ngã một lần rồi suốt đời phải gánh chịu đau thương!

Sài gòn, ngày...tháng...năm...

“Ngân con,

“Viết bức thơ này gọi đến con, mẹ cảm thấy tội nhục nhiều lắm! Tự mẹ đã không quên tội lỗi của mình thì còn mong gì được con tha thứ!

“Mười mấy năm qua, con không một lần thấy mặt mẹ nhưng mẹ vẫn hằng gặp con...trong lén lút âm thầm.

“Bao lần mẹ về Bến Cát, đứng nép mình bên góc chợ, nhìn con ôm cặp sách đi qua. Bao lần đến cạnh sân trường để nghe tiếng con đọc bài từ trong lớp vọng ra...

“Ngân ơi! Mẹ vẫn ở bên con, nhưng con nào hay biết! Mẹ lẩn tránh mọi người khi trở về chôn cũ, nơi mẹ đã sống trọn vẹn một thời hạnh phúc bên chồng, bên con...Mẹ có ra thăm mộ cha con nữa, nhưng không dám để lưu lại dấu

vết gì.

“Còn nhớ ngày rời bỏ Bến Cát ra đi, mẹ gọi con cho chú Huấn, với lời dặn dò: “chú cho tôi gọi cháu một thời gian, bao giờ có cơ sở vững vàng tôi đem cháu theo...”

“Ngân ơi! Mẹ đã thực tâm thốt ra những lời đó, chớ không phải mẹ trốn lánh bổn phận đối với con đâu. Nhưng rồi, một thân lên đất Sài Gòn đầy cạm bẫy lọc lừa, mẹ đã sa chân nên không dám quay về chốn cũ...”

“Đời mẹ trải qua lắm nẻo, không thể kể hết vào đây, nhưng đó là tại mẹ gây ra...mẹ đành phải chịu!

“Bức thư này gửi đến con, mẹ chỉ van xin một điều thôi: con hãy đến cho mẹ được gặp lần cuối cùng! Bệnh mẹ chắc không thể nào qua khỏi!

“Mẹ muốn gửi thư xin phép chú Huấn nhưng chắc chắn không bao giờ chú tha thứ cho mình nên mẹ đành kêu gọi tấm lòng rộng lượng của con.

“Ngân ơi! Tủi nhục lắm mẹ mới viết cho con những giòng này. Đáng lý ra, mẹ phải câm nín, cho đến lúc chết. Mẹ tha thiết gặp mặt con lần cuối cùng, vì mẹ không còn đủ sức lên xe về Bến Cát nữa.

“Nếu con còn nghĩ chút tình thì lên Sài Gòn ngay, kéo mẹ chẳng còn chờ con thêm được nữa...”

Địa chỉ của mẹ

số 73 AX đường Nguyễn Trãi

Mẹ của con

Kim

Ngân áp thơ mẹ vào ngực mình, nước mắt tuôn dài xuống má. Mẹ van cầu như thế này, nàng làm ngơ sao được. Đường phố Sài Gòn nàng không rành lắm vì chỉ lên đó có mấy mùa thi!

Nhưng đã có sẵn địa chỉ của mẹ, nàng chẳng lo gì bị lạc. Ngân chợt nghĩ đến chú Huấn. Ông bảo không cấm cản nàng đi thăm mẹ, nhưng nếu Ngân ra đi, chắc chắn ông buồn nhiều.

Ngân thờ dài trong đêm. Nàng lim dim đôi mắt, nghĩ ngợi xa vời, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Gần sáng, thằng Tính đột nhiên thức giấc khóc ré lên. Giáo Huấn tuột xuống giường lấy bình thủy nước nóng giùm vợ, rồi không ngủ được ông ra ngồi ở bàn viết xem báo.

Ông chợt nghe có tiếng lục đục bên phòng Ngân, tiếng mở chốt cửa rồi tiếng dép xa dần ngoài sân.

Giáo Huấn thở dài lắm bầm: “chắc con bé định đi thăm mẹ!” Ông không trách cháu, nhưng mà buồn, buồn vì nó phải giữ tròn chữ hiếu với người đàn bà không ra gì.

Giáo Huấn xếp tờ báo lại, ra nhà ngoài gài chốt cửa. Trời còn tối mù, gió lộng thổi trên các tầng cây. “Có lẽ Ngân ra tới gần bến xe”.

Giáo Huấn nhủ thầm như vậy là hơi ân hận, lúc tối mình không xem bức thư, coi Kim đã nói gì và địa chỉ hiện tại ở đâu?

Ông thần thờ trở vào buồng và chợt nghe tiếng vợ:

- Gần sáng chưa mình?

Giáo Huấn đáp:

- Chắc cũng sắp hừng đông...

Bà giáo nói:

- Mình coi con Ngân thức chưa, bảo nó đi chợ sớm, để không có thịt đó...

Giáo Huấn lặng thinh một lúc mới bảo vợ:

- Con Ngân xin phép tôi đi Sài Gòn rồi!

Bà giáo ngạc nhiên, tức mừng dậy hỏi:

- Chỉ vậy mình?

Giáo Huấn không muốn vợ hỏi lời thôi:

- Ồ!...Bãi trường, nó muốn đi thăm một vài người bạn!

Cho nó đi chơi với chó, bắt ở nhà hoài sao.

Thằng bé Tính nghe tiếng nói lớn, giật mình khóc. Bà Giáo trở vào mừng, nhưng trong lòng vẫn chưa hết ngạc nhiên.

Ngân đi đâu bất thành linh như vậy? Sao nó không nói với mình một lời nào cả? Bà thương Ngân như con ruột, nên cứ chỉ bắt thường của nàng khiến bà âu lo...

Ngân rất hiếu thuận, muốn đi đâu mà bà ngỡ ý không bằng lòng là ở nhà ngay, có đâu đi Sài Gòn mà chẳng báo qua

cho bà một tiếng!

Chắc có chuyện hệ trọng gì khác, nhưng ông giáo giấu bà. Thằng Tính càng khóc lớn hơn, nên bà giáo không tiện nói gì thêm, bà định bụng sáng ngày thế nào cũng hỏi chồng cho ra lẽ.

Ông giáo trở lại bàn viết ngồi, mở tờ báo lúc nãy ra xem, nhưng ông không đọc được một bài nào cả.

Những giọng chữ như nhảy múa dưới mắt. Thằng Tính đã bớt khóc, tiếng bà giáo hát ru con nho nhỏ:

“trời mưa bong bóng phập phồng.../.

(Thời Tập, phát hành ngày 20-8-1974)

** Tên thật Dương Đại Tâm, sinh 30-11-1935 tại Cà Mau tỉnh An Xuyên. Khởi viết từ năm 1953. Trước 1975, chuyên viết tiểu thuyết. Hiện ở Saigon.*

Đặng Kim Côn

Buổi Chiều Đang Hết

-Bà nội vào cấp cứu hồi nửa đêm, ba biết không ? Bà nội uống thuốc trợ tim thấy không đỡ, bà uống thêm, bị quá đô, thở không được...

-Bây giờ sao rồi con ?

-Dạ, bác sĩ nói ổn định rồi, có thể tối nay về.

Cú điện thoại ngắn vẫn còn làm ông Hai choáng váng. Mẹ ông đã tám mươi tuổi và cách đây mới năm hôm, khi ông đến chào bà để đi thi bà vẫn rất khỏe, trước đó một ngày vẫn còn ngồi chơi bài tứ sắc cả ngày.

Bà sống với cô con gái út, chăm mấy đứa cháu ngoại cho vui tuổi già dù cũng có đôi khi mấy cháu nghịch quá làm bà ngoại mệt.

Ông Hai ở cách chỗ mẹ ông ở gần bảy giờ bay, nếu kể luôn cả thời gian chờ chuyên máy bay nữa thì cũng phải chín tiếng. Năm ngày qua ông chưa gọi về thăm hỏi mẹ, không như lần trước ở đây hơn chín tháng, cứ một vài hôm ông lại gọi một lần, lần nào mẹ con cũng nán nã lưu luyến kéo dài cuộc điện đàm. *“Má bận gì nghỉ đi”, “Đâu có, Má mới cho mấy nhỏ uống sữa xong, có làm gì đâu... ày, đừng phá bà ngoại, để bà ngoại nói chuyện, này, coi chừng...”, “dạ vậy thôi mà chơi với mấy đứa nó đi”, “không sao, để coi nó phá đến cỡ nào...”*...

Ông nhớ mẹ ông quá, dự trù trở về San Jose lần đó, dự đám cưới con cháu là phụ, thăm mẹ là chính. Ông tự hứa, sẽ mỗi ngày ghé đến ngồi chơi với mẹ cho đến ngày ông đi. Ông canh cánh bên lòng nhìn nải chuối chín vàng trên trên cây kia mỗi ngày một chín nẫu, và những cơn gió không hẹn thì lại cũng rất bất ngờ. Gặp mẹ, ông

vừa xót xa với sự già cỗi, gầy guộc của mẹ, mới chín tháng đã xuống quá nhanh, cũng vừa vui mừng khi nghe giọng nói mẹ còn chắc chắn, ấm áp bên chiếc điện thoại đang nói với đứa em trai út ở quê nhà. “Ồ, anh Hai con mới về đây, con nói chuyện với anh con chút” và mẹ ông trao ông nói cho ông.

-Em khỏe không ? Nay làm ăn ra sao ?

-Dạ em khỏe.

-Lúc này gà bán được không ?

-Dạ em nuôi đá chơi cho vui thôi chứ đâu buồn bán gì.

-Sao nghe nói lúc này gà đá bán đi Trung Quốc mạnh lắm ?

-Mấy đứa nó đi gà Trung Quốc chớ em đâu có đi.

-Không phải là cung cấp cho người ta đi sao ?

-Dạ không.

-Vậy không lẽ em nuôi chơi hoài, sao nghe nói mấy thằng Bắc nó mua đi ?

-Dạ, có mấy thằng Hà Nội nhưng mà thân quá đâu có chặt chém gì nó được.

Bất chợt ông Hai nổi điên lên :

-Thân gì mấy thằng điếm đó. Em cũng phải sống chứ ! Không lẽ cứ chơi, ngó chừng má hoài.

-Má cho gì em mà anh nói vậy ?

Bên kia cúp máy. Ông Hai thần thờ, ngồi ù rù. Một thoáng hối hận, áy náy liếc nhìn mẹ. Bà mẹ bút rứt đi qua đi lại :

-Anh em cả năm trời, con thăm hỏi nó được mấy lần. Con đã cho gì nó ? Mở miệng ra là như dao đâm vô họng.

-Nó thiếu cái gì ? Vì sao má phải ở đây để nay than khổ mai than khổ, chỉ vì mấy đồng trợ cấp thôi. Tại sao mà má phải sống khổ vậy ? Tuổi Má người ta nghĩ ngơi, còn má phải chắc chiu lo lắng...

-Mày muốn tao đừng ở đây nữa...Mày muốn tao chết...mày lấy dao đâm họng tao đi.

-Má nói hung dữ làm gì, này giờ con có xúc phạm gì má đâu. Con nghe nó nói nó “chỉ chơi thôi”, lại làm đây

tớ cho mấy thằng Hà nội con nổi điên lên, la em chút mà má làm như đụng nhằm trái tim má.

Mẹ ông nằm dài ra sofa vật vã, khóc lóc, càng lúc càng gào to:

-Có đoi cũng là Mỹ, có no cũng là Việt Nam. Mà mày là thằng anh cả, không lo gì được cho em thì cũng nói năn sao cho có tình cảm. Mày thù gì nó ? Tao khổ sao mày cũng thấy mà, tao có tiền có bạc gì đâu, thì cũng giành giùm đó, lo cửa lo nhà, lo mồ lo mã, còn chút ít gì thì giúp đỡ bà con chòm xóm...

-Chớ con có nói gì, thấy má ngày càng già yếu, con sốt ruột thôi. Má có tiền bạc thì con cũng chẳng đụng tới. Nhưng mà để đó thì cũng ảm túi, lo cho nó sống là đủ rồi cần gì phải nhà to cửa rộng làm chi.

-Tao hiểu rồi, mày ganh cái nhà với nó chứ gì, tao cũng làm tốt cho anh em mày, cất cái nhà chỉ có hai phòng, nữa đưa nào đi về có chỗ chui ra chui vô...

-Thì tại nó muốn hai phòng thôi, cái nhà to nhất ở đó, không phải để chơi nổi sao, người ta cũng Việt kiều tùm lum đó, có ai như mình. Nó được bảo lãnh rồi, trước sau gì cũng đi mà, nhà cửa...

-Đi thì bán, của cải cũng còn đấy. Sao mày không lo làm sao cho thằng em qua mau mau, lỡ Tàu nó lấy hết không có đất chạy.

-Có gì thì má cho con xin lỗi, ý con cũng chỉ là muốn em nó biết làm biết ăn thôi, không lẽ má sống đời.

-Thì mày muốn tao chết mà. Thôi đủ rồi, từ nay đừng nói mẹ con gì nữa. Tao chết mày cũng đừng tới bên tao, đừng để tang gì hết. Mày lo cho vợ con mày đi.

Ông im lặng. Ông biết mẹ ông đã bắt đầu nã đạn vào cái chỗ chịu đụng không đáy, không bao giờ phản ứng, sẵn sàng chứa tất cả mọi uất ức oan uổng mà bà mẹ chồng lúc nào có dịp cũng không quên trút xuống đầu bà vợ ông. Vâng, im lặng, không im lặng thì sẽ bao nhiêu mảnh đạn văng tứ tung.

Vợ chồng đưa em gái đi làm về, mọi người trong nhà đều im lặng. Ông ra về, mang theo một nỗi buồn vô hạn. Minh sai rồi? Quý ma gì nhập mà mình lại nóng nảy

thế ? Tại sao mình lại không biết nói năn vậy là làm buồn má ? Một tháng rưỡi dự tính về bên mẹ đã không còn thấy hào hứng gì nữa.

[]

Mẹ ông cũng buồn. Thằng con cãi bướng nhưng không phải bà không thấy cái vẻ ân hận của nó. Nó đã sáu mươi tuổi, sáu mươi năm đủ để nó hiểu mẹ nó đã vất vả ra sao, và trong bảy con, bà quan tâm đến đứa nào nhiều nhất, đơn giản vì nó được ra đời sớm nhất và những tai ương quá nhiều trong đời nó đã làm bà từng phải lo lắng nhiều nhất. Bà bỏ bữa ăn tối, đóng cửa phòng nằm khóc. Bảy con chín đứa, bốn đứa ở Việt Nam chết một còn ba, năm đứa ở Mỹ, tất cả đều ở quanh quần bên bà, chỉ có mỗi thằng cả cùng vợ làm ăn xa, họa hoằn cả năm mới về một lần. Những lúc buồn, những khi trái gió trở trời, bà nhớ nó biết bao nhiêu. Qua điện thoại, chỉ nghe được giọng nói, bà mong nó ngồi trước mặt bà, bà vuốt đầu nó như đứa nào nó còn bé dại, bà muốn nấu cho nó một món cá kho mặn, hay chưng cho nó một chén mắm cá thu, mà nó thường nói đó là cái hương vị ấu thơ theo nó cả đời không quên. Chuyện có đáng nổ lớn như vậy không ? Sao mình không la nó một chút, rồi nhẹ nhàng giải thích, rồi mẹ con vui vẻ ngồi vào bàn ăn. Nó nói “con có xúc phạm gì Má đâu”, tại sao mình lại cứ ép nó ? Bà buồn, chỉ vì mong muốn anh em chúng nó thương nhau. Mà nào phải chúng nó đã không thương nhau ? Nó phải hiểu là má nó cũng không quen nhịn, có gì tuôn ào ào cho hết, rồi thôi. Nếu không phải rồi thôi, trong cuộc đời, chín đứa con, có biết bao nhiêu điều không vui để nhớ ? Sao nó không quay lại ? Sao nó không bất chợt mở cửa phòng, cầm tay nói “má cho con xin lỗi, con lỡ lời ?”. Sao nó không gọi điện thoại ? Bà nhớ lại những lần nó gọi điện thoại về, bà kể nó nghe những chuyện cuộc đời, từ tuổi ấu thơ cô cút của bà, đến những ngày tháng tất tả ngược xuôi giữa trùng điệp đạn bom kiếm từng miếng cơm manh áo cho cả gia đình. Không phải kê lễ, nhưng bà muốn nhắc tới lòng mẹ

thương con của bà, những khi bà nằm vật vã ngoài đường giữa những lần đạn giao tranh trên đường tìm cách đi thăm nó bị thương ở đơn vị rất xa quê nhà, hay những ngày đêm băng đèo lội suối, đói khát muỗi mòng nuôi con tù tội trên thăm thẳm rừng cao nước độc. Má hiểu con, cũng như gia đình mình, đã quá đau khổ bởi những gì đám người bên kia gây ra, nhưng em con cũng phải sống, quá khứ cho dù vẫn cứ nhói buốt trong lòng, thì vẫn cứ phải ôm vết thương mà sống. Hà Nội, dân Miền Bắc, cũng không ít người đã từng cầu mong cho Miền Nam ra giải phóng Miền Bắc, thậm chí nhiều người còn mong cho B52 cứ rót xuống ngay đầu họ, miễn sao đánh sập được bọn lãnh đạo vong thân như con đã kể má nghe, lúc con ra Hà Nội làm hô chiếu để đi Mỹ người ta đã tâm sự với con, thì họ cũng phải hơn năm mươi năm giả điếc nín thở qua sông, cũng như con, trước khi được đi Mỹ, gần hai mươi năm con cũng phải mang mặt nạ mà sống. Má thật không muốn trách con nữa. Má không muốn thấy con buồn nữa. Con là con của má mà, má nóng nảy thì má cũng biết con nóng nảy. Gan má to thì má cũng biết gan con to. Nhưng chắc chắn một điều, lúc này, má biết con cũng thao thức như má, má biết, cả hai mẹ con đều đang không vui về gì.

[]

Ông Hai không ngủ suốt mấy đêm liền. Ông muốn ngồi trước mặt má ông, dưới một không khí nhẹ nhàng, êm ái, nhưng ông sợ, ông sợ thấy mặt ông, má lại buồn, lại nổi cơn thịnh nộ. Ông càng thăm thía hơn mỗi khi ông nhớ má ông, lái xe ngang nhà má mà không dám vào.

Thật ra, một việc cũng không kém phần quan trọng trong chuyến về Cali lần này là ông muốn đến bác sĩ gia đình cũ của ông để khám bệnh. Không còn bảo hiểm sức khỏe từ hơn ba năm nay từ khi ông tự nghỉ hăng, nên bệnh đau gì ông cũng phải về với người bác sĩ quen với bệnh tình ông ở đây. Mấy tháng nay, cơn đau dạ dày chuyển biến khác thường quá, mà lại cũng hành hạ ông dữ dội quá. Những cơn đau đóng cục trong bụng, lồng ngực

như vừa ra từng mảnh, đi bộ hay làm gì nhẹ nhẹ một chút, chừng hai, ba phút là mệt và đau đến muốn lăn quay ra. Nhiều bạn bè, luôn cả vợ ông, người ít muốn xa chồng nhất, thúc hối ông đi khám bệnh. Ngặt nỗi, chỗ ông ở, toàn bác sĩ Mỹ, những gì họ phân tích, hướng dẫn trong phòng khám, ông không hiểu hết được, và nếu phải nhập viện, ông không phải cư dân địa phương, lại không có trợ phí y tế, chắc hẳn viện phí sẽ không biết gia tài đâu chịu nổi trong hoàn cảnh ông thì thất nghiệp, bà vợ thì làm không đủ trang trải các sinh hoạt hằng tháng trong thời buổi suy thoái, tiền bạc rút giá này. Có gì thì cũng coi như có dịp thăm mẹ. Trừ phi nằm một chỗ chờ sống chờ chết, còn thì đau đớn mấy ông cũng chịu nổi, không muốn làm phiền ai.

Và việc đầu tiên sau khi đặt chân xuống phi trường là đến gặp mẹ, sau chín tháng chỉ nghe giọng nói chứ không thấy được người. Chín tháng, lâu nhất trong cuộc đời hai mẹ con. Những ngày tháng quân trường và những năm dài chiến đấu, hoặc trong thời kỳ tù tội đọa đầy, ông không về phép thì mẹ cũng tìm thăm. Minh đâu có dễ nổi nóng như vậy, mà cũng đâu phải là người không biết uốn lưỡi đẵn đo lời nói. Giận mất khôn, khi “chiến đấu” ai cũng muốn mình là người thắng, nói gì được cho người kia thua mà lại chẳng sẵn sàng. Minh thắng thì sao? Mẹ mình thua thì sao? Có gì, được gì ở phía sau cuộc tranh cãi ấy? Con xin lỗi má. Nếu bây giờ con gọi điện thoại nói một lời xin lỗi liệu má có nghe không? Con không còn thiết tha gì nữa hết. Con có ý định làm gì ở đây con cũng không muốn nhớ tới. Má không nói từ con thì tự con cũng muốn đừng ai biết gì đến con nữa. Con lại đi. Ở thành phố xa lạ đó, con có nằm xuống thì cũng là điều con mong. Trong hắt hui, cô độc, lạnh lẽo kia hy vọng là một điều tạ tội cùng má, cùng anh em, nếu anh em cũng thấy ông anh có lỗi.

Ông lấy vé máy bay. Ngày đi, ông đến chào mẹ. Ông tự nhủ, nếu má nắm tay con níu lại, con sẽ bỏ chuyến bay.

-Thưa má, con đi.

Mẹ ông không nhìn ông, mặt cúi thấp, nước mắt bà trào ra, hai vai rung lên. Ông lùi ra khỏi phòng bà mẹ, chột nghĩ, đó không phải là những giọt nước mắt ăn năn. Má có đúng, ít nhất, con nghĩ má cũng đã ăn năn với những lời quá đáng giáng xuống đầu con. Mà, con tội tình gì ? Sự im lặng của mẹ ông không phải là điều ông mong đợi, thốt nhiên ông lại nổi giận :

-Sao má không chịu nghĩ, con chỉ dạy em thôi, nào có xúc phạm gì má đâu mà má cứ làm như là trời sập ?

Và ông bước ra khỏi nhà.

[]

Không phải, không phải đâu, con của má. Má không còn nhớ gì đến chuyện ấy. Chỉ là má quá xúc động khi thấy con bất ngờ đến. Và má lại càng không hề nghĩ là con lại bỏ má mà đi. Con ương ngạnh quá, chỉ cần mấy lời an ủi (giả tạo cũng được) thôi mà, khó khăn gì đâu, má cũng đã chuẩn bị những lời ngọt ngào với con, không hề than oán, không muốn nhắc nhớ, không phải tha thứ. Má không muốn con nói con có lỗi, cũng không muốn con nhớ gì tới lỗi phải.

Nhưng lần này, con mới thật sự sai. Lần này, má mới thật sự giận con. Con lạnh lùng ác độc bỏ má ngồi khóc một mình, còn ra vẻ để cho mọi người thấy như “bà điên cứ khóc đi...”, hầu kiếm tìm một sự ủng hộ của anh em cho “cái đúng” của con. Ừ, con cứ đi đi. Không phải con đã từng nói với má, phía trước của má đã chiều, ngày không còn là mệnh mông, mà đã là hữu hạn ?

[]

Năm ngày. Ông Hai xốn xang, khắc khoải nhớ mẹ. Chuyện mẹ bệnh thường thì cũng không có gì lạ, bởi vì tuổi già bệnh cũng siêng đến, có điều thường thì chỉ là qua loa, đặc biệt ông biết mẹ ông rất sợ phải vào bệnh viện. Dù gì thì ông vẫn rất lo lắng nhìn ngày tháng cứ vun

vút băng qua đôi vai gầy guộc loã xõa mấy cọng tóc bạc phơ như những sợi mây rục lên cuối trời của một buổi chiều đang xuống.

Ngồi đứng không yên, ông gọi về đứa em gái út, hỏi chi tiết.

-4 giờ chiều hôm qua, thấy má mệt, em chở má đi dạo cho thoải mái, ghé một tiệm cơm tấm, đĩa cơm bung ra chưa kịp ăn thì má ôm đầu muốn gục xuống bàn, em chở má về nhà nghỉ ngơi. Em nói đưa má đi bệnh viện má nhất định không chịu. Càng nghỉ ngơi má càng vật vã không thờ nổi, có vẻ như đứt hơi tới nơi. Nửa đêm, má chỉ còn thều thào gọi tên em từng chập. Lúc này em sợ quá, không cần đợi ý kiến má nữa, đưa thẳng má vào phòng cấp cứu, ở đây sau khi được xét nghiệm, người ta súc ruột, chuyển nước, giải độc cho má, họ cho em biết, má uống thuốc nhiều quá. Theo như má “khai” với bác sĩ, cứ thấy mệt tim là má uống thuốc “trợ tim” và càng “trợ” thì tim càng phải chạy quá sức, có nguy cơ đứng nếu không kịp thời đưa đi cấp cứu.. Người ta nói với em là có thể tối nay hay mai má sẽ về.

Tôi thờ phào. Lại gọi cho cô em thứ tư. Cô em nói :

-Mới có người quen đến thăm má ở bệnh viện, gọi cho em nói Má đã phải chuyển phòng vào khu chăm sóc đặc biệt ICU. Lúc nãy em ở bệnh viện thì má còn nằm trên lầu mà. Bác sĩ nói nhiều lắm là mai má về mà.

-Vậy lúc nãy em thấy má có khỏe không ?

-Dạ khỏe, nói chuyện vui vẻ mà, má kể với bác sĩ má uống hết tám lần thuốc trợ tim, hề cứ thấy mệt là má uống cho nó khỏe, mà thuốc đó chỉ được uống mỗi ngày một viên. Chưa nói là còn mấy loại thuốc loãng máu, mỡ trong máu, huyết áp cao nữa. Nhưng mà tối qua đến giờ cũng hơn 12 giờ đồng hồ. Bác sĩ gia đình vào nói má đã ổn định mà.

-Chắc mấy cái thằng “chú sĩ” này thấy Medi Cal ngon ăn chứ gì, em chạy xuống bệnh viện coi có gì em gọi gấp cho anh.

Ông gọi cho đứa con gái, con ông cũng mới từ

chỗ bệnh viện về. Nghe nói cô hết hoảng :

-Ba nói nghe sợ, con sẽ tới bệnh viện ngay, phòng đó con đã hai lần thăm hai người, không có ai sống được hết.

Vợ ông tức tức lên mạng mua vé máy bay. May quá, ngày mai còn nhiều ghế trống. Bà lấy hai vé.

Lát sau đưa em út gọi lại :

-Anh Hai ơi, chính xác là má nằm phòng ICU, bác sĩ nói cần theo dõi gì đó, nhưng em cũng chưa vào gặp được má, Người ta chỉ mở cửa cho vào thăm mỗi lần hai người.

Ông bối rối gọi tiếp cho cô em thứ tư .

-Dạ, em cũng mới về. Má không dễ như mình nghĩ đâu anh Hai. Bác sĩ nói tim má muốn chạy thì chạy, muốn đứng thì đứng, mình mấy má dây, ống tùm lum. Hồi nãy tim má bị ngừng sáu giây, họ nói tình trạng đó nếu ở nhà rất dễ đi luôn.

-Mấy đứa em có trong đó không ?

-Mấy đứa tới đủ hết, bây giờ hai thằng chạy đi nghĩa trang lo đất rồi.

-Trời, chớ em thấy má sao mà đến nỗi vậy ?

-Dạ em không biết.

Ông vội vã bấm số gọi thằng con :

-Con có biết nội đang nằm phòng ICU không ?

-Dạ, con đang ở bên giường nội đây.

-Nội có nói chuyện được không ?

-Dạ, ba nói chuyện với nội.

...

-Má ơi,

Ông bệu bạo khóc.

-Má đây.

-Mai vợ chồng con về.

-Thôi đi. Mới qua mà về làm gì tốn kém. Ít bữa má khỏe nói chuyện nhiều, ở đây người ta không cho nói điện thoại.

-Má thấy sao má ?

-Không sao đâu, má khỏe mà.

-Dạ. Má nghỉ ngơi.

Khi con trai ông ra ngoài, nó gọi cho ông :

-Lúc này bác sĩ bệnh viện có đưa bác sĩ tim đến, họ nói nếu bệnh nhân và gia đình đồng ý, họ sẽ gắn trong lồng ngực bà nội một miếng chip, gọi là máy trợ tim. Máy sẽ giúp cho nhịp tim tăng lên mỗi khi tim đứng hay chạy chậm. Lúc này máy báo tim nội đứng, làm năm, sáu y tá bác sĩ hốt hoảng chạy vào làm hô hấp cho nội.

-Mô có nguy hiểm không con ?

-Dạ, họ nói tỷ lệ an toàn trăm phần trăm. Máy đó cả trăm ngàn đô, họ chỉ rạch dưới vai một chút, để đặt cái máy nhỏ, mỏng, cỡ bằng nửa cái thẻ căn cước, luôn hai sợi dây điện tiếp giáp với vách tim, thế thôi, không có đụng gì tới tim hết.

-Nghe ba về, nội có nói gì không ?

-Nội nói về chi, mà thấy nội vui lắm, mấy người vào thăm, nội khoe...

Con sẽ về bên má, trước khi chiều muộn hết.

9/ 2009

** Bút hiệu cũng là tên thật. Qua Mỹ theo diện HO. Hiện định cư tại San Jose, CA*

Từ Thế Mộng

Mẹ Sà Cánh Tới

Tùy bút

Duy ra ngõ, ngóng một mình, không biết ngóng ai. Chiều Nha Trang sáng bóng. Có lẽ vì gần biển, thoáng gió nên chiều nhẹ tênh. Dễ vốc một nắm mà hợp được ngày.

Tự dung, Duy thấy buồn. Đi học, xa nhà, lúc nào chú cũng nghĩ tới mẹ, nhất là những ngày gần đây. Sao đời mẹ lúc nào cũng khổ: lấy chồng năm mười sáu tuổi, chưa biết gì yêu đương. Cứ cha mẹ gả là lấy. Về nhà chồng, trăm việc đều đổ cả lên đầu mẹ. Buôn bán, giặt giũ, gánh nước, nấu ăn, quét tước, dọn dẹp, nôi nào vung đó...Không kịp, không đúng đã có đôi mắt, cái miệng bà mẹ chồng xia vào, bén ngọt còn hơn cả dao cau, lạnh ngắt còn hơn cả ma quỷ.

Sinh con, đẻ đứa con đầu, rặn ba ngày ba đêm. Đứa thứ hai, chồng mê gái, bỏ một thân tro bụi, nổi máu sản hậu, tưởng chết. Đứa thứ ba, chạy giặc suýt đẻ rớt.

Chồng đi lính, từ Huế đổi vô Phan Thiết. Phải bỏ cả cha mẹ, cùng làng quê yêu dấu, bồng dặt con lếch thếch đi theo. Tản cư, một nách ba con, chồng bệnh hoạn ho sù sụ, muốn có cái bỏ vô miệng, phải lao vào nơi nguy hiểm không ai dám tới, mới kiếm được đồng lòi.

Tết, nghĩ thương chồng, sai hai con lớn đi mua rượu nếp, đang còn cất trên lò, nhỏ từng giọt trong vắt, thơm lừng. Được một bình đầy, hai đứa hí hửng về. Nửa đường, máy bay Pháp từ đâu ủa tới, ném bom như rải đậu. Bà mẹ chờ lâu quá, nóng ruột, phải lao ra giữa cảnh toi bời bom đạn đó, tìm con. Vừa chạy, vừa kêu âm: Ồ Lợi ơi. Tư ơi Ồ. Tiếng kêu thảng thốt như tiếng nấc. Vừa lòi con ra khỏi đám bông vải bên đường, bom dội ngay xuống đó. Cảm ơn Trời ! Bà mẹ mừng mừng tủi tủi, nắm tay hai con vừa

chạy vừa nhìn, tưởng sinh hai thằng con mới. Rồi cả nhà táo tác chạy vô rừng, không mang theo được gì. Còn cái mạng là quý, nói chi tới miếng ăn. Nhưng lũ con háu đói, há cái mỏ chim non ra kêu, bà mẹ không chịu nổi, phải chạy về. Nửa khuya, về làng đầy dẫy bầy Tây ác thú, cái chết treo lủng lẳng trên đầu, theo từng bước chân đêm rón rén.

Lại còn hôm gia đình vừa tản cư về, chưa được bao nhiêu ngày, lũ Tây đen say rượu, trời vừa chập choạng tối, đã vào nhà thím Bảy Khanh, đê bà, hiếp. Xong, nã súng, bắn bỏ. Mẹ nhào ra. Chỉ vì đứa con đầu lòng còn kẹt trong đó. Ba và nhiều người phải hết sức níu chặt, mới giữ nổi chân mẹ. Mẹ cắn. Mẹ chửi. Mẹ khóc ngất...

Má ơi ! Một đời má khổ. bây giờ được gì má? Chỉ hai bàn tay trắng, thân gầy teo, mang chứng bệnh mạch lươn ngặt nghèo, không tiền chữa thuốc, đầu cạo trọc (ngày xưa tóc má dài như suối)

Vậy mà má cho con từ Phan Thiết ra Nha Trang học đệ tam, lại sắm cho con chiếc va li da mới toanh, vàng ửng. Thằng Duật, con của người cháu kêu má bằng cô ruột, có một chiếc thì thằng con trai của má phải có một chiếc. Trời ơi, chi mà khổ vậy má !

Giờ này chắc má đang nằm rên rì ở nhà. Xương theo mủ chảy ra từng bọt, tanh tưởi đến lợm giọng. Má không tiền mua thuốc, lại chất chiu cho con ăn học. Con nỡ nào sống bằng máu xương của má? Má ơi, con nghỉ học đây má. Con đã mười chín tuổi đầu rồi, có thể kiếm việc làm để cho má bớt phần nào cơ cực.

Nghĩ tới đó, nước mắt đã ướt đầm cả mặt Duy. Chú nhớ lại bức thư viết gửi mẹ, sau nhiều đêm thao thức, xin người cho nghỉ học.

Còn bà? Bà làm nghề mộc, nhưng tính thích rong chơi, lấy thêm một bà vợ nhỏ. Mẹ biết, cũng không nói gì.

Duy ngẩng đầu lên. Một nỗi đau ngấm ngấm chẹn nơi ngực.

Lạ nào: Hình như....cái dáng đi như nhày chồm lên đó, không thể của ai khác. Một người đàn bà mặc áo dài lam, đầu bịt chiếc khăn xanh sẫm, một tay chống lên đầu gối

trái, một tay vịn trên vai một đứa bé, nhấp nhòm đi tới.
Ồ Má Ồ . Chú nhào lại, ôm chầm lấy mẹ. Người đàn bà
khóc sụt sùi. Chiếc khăn trật ra, rơi xuống, lộ cái đầu
trọc, sáng trắng như có hào quang chiếu rọi.
Chú đưa vai cho mẹ vịn. Hai mẹ con cùng đi vào.

oOo

Được thư con trai đòi bỏ học, bà mẹ bay đi, dù nửa người
như liệt. Phải ngăn nó lại. Tính nó vốn xốc nổi , dám làm
thiệt lắm. Chao, bà đã bỏ bao công sức lo cho con ăn học
tới nơi tới chốn, cốt thoát khỏi cái nghèo đeo đẳng mãi,
nay đành bỏ nửa chừng sao?

Đâu được. Bà vội cùng đứa con trai út lên xe lửa ra Nha
Trang, nằm lẩn dưới sàn, chung với gà vịt. Chỉ để người
soát vé thương tình cho đi nhờ.

Vậy mà...

Chú nhìn mẹ, không tin ở mắt mình. Vẫn là mẹ, đâu có
thần thánh gì. Sao Phan Thiết - Nha Trang mấy trăm cây
số, với, chỉ dài như một giấc chiêm bao?

Nơi nào con cần là mẹ sà cánh tới. Mẹ ơi !

** tên thật Nguyễn Đình Tư, sinh năm 1937 tại Huế, cư ngụ tại
Phan Thiết từ năm 10 tuổi, mất lúc 10 giờ 15 ngày 13-5-2007
tại Phan Thiết.*

Tác phẩm xuất bản:

LỜI CA CỎ NON (Thơ, 2001)

LÈO ĐÈO MỘT PHƯƠNG QUÌ (Thơ, 2002),

DÁNG MẸ TRẮM CHIỀU (Tập văn, 2003).

THƠ TỪ THỂ MỘNG (2007)

NGUYỄN KIM TIẾN

Chiếc áo dài màu xanh ngọc

Mới vừa bước vào nhà sau một ngày làm việc mệt nhọc, cái xách còn nằm trên vai, Bi chạy tới ôm tôi và thủ thỉ:

"Mẹ ơi, con không thích mặc cái áo dài mẹ may ở Việt Nam. Mẹ đo không đúng, rộng lắm, không có eo gì cả, mặc vào trông kỳ quá".

Tôi tròn mắt, miệng há hốc, hỏi: *"Vậy chớ con mặc áo dài nào cho đám cưới của chị Swong cuối tuần này?"*.

"Con muốn cái áo khác", Bi nói với vẻ mặt tỉnh bơ.

"Sao con không nói sớm, bây giờ còn có một tuần nữa là đám cưới chị Swong rồi, làm sao gửi về Việt Nam may cho kịp", tôi bực mình trách.

"Thì mẹ may.", Bi trả lời chắc nịch nhưng tôi thì thất kinh hồn vía: *"Trời đất, mẹ may? May áo dài? Con có nói giờ chơi không đó, từ nhỏ đến lớn giờ mẹ có may áo dài lần nào đâu, làm sao may được".*

Tôi nhớ hồi mới qua đây, quần áo cỡ nhỏ cho những người thấp bé như tôi chưa có hay cũng có thể chỉ có ở một vài tiệm đặc biệt mà thôi.

Cách đây gần 30 năm, rất ít người Việt ở đây, tôi đoán chừng một vài ngàn mà thôi. Người Châu Á nói chung tính ra cũng ít ỏi lắm, với lại việc buôn bán với người Tàu lúc ấy cũng rất hạn chế, nên cái gì cũng mắc mớ. Tôi thấy đồ dùng bây giờ rẻ hơn hồi xưa. Mua quần áo, giày dép lúc bấy giờ khó khăn lắm; vừa đắt, vừa không có cỡ của mình. Mua quần áo của trẻ nít thì mặc vừa nhưng kiểu cách không phù hợp. Mua cỡ người lớn thì quá rộng, quá dài. Tôi có tí nị, còi, đẹt; mặc vào trông giống mấy bà đầm xoè, kỳ cục quá. Vậy là tôi đi ra tiệm bán đồ cũ, rinh về một cái máy may. Lôi những bộ quần áo quá khổ ra, hì hục tháo chỉ, cắt bớt, thu vào, nới ra, nhiều lúc mất cả buổi mới xong, mệt đừ. Sau một thời gian, tôi nghĩ ngó bộ đi

mua vải về cắt may chắc đỡ tốn thì giờ hơn. Thế là tôi trở thành thợ may không mong đợi cho chính tôi từ dạo ấy. Nhớ lại những ngày tháng đó cũng thấy vui và kính nể mình quá oi là chừng!

Khoảng mười lăm năm trở lại đây, người Châu Á mỗi lúc một đông, thị trường tiêu thụ của những người nhỏ con như tôi càng lớn, nên áo quần size nhỏ ra đời với nhiều model rất đẹp. Thêm vào đó, giờ đã "*phi nhiều*" hơn xưa nên tôi bắt đầu lơ là chuyện may vá. Với lại vào những lúc đại hạ giá, mua quần áo may sẵn rẻ hơn là mua vải về may. Đôi khi, nhớ "*nghề nghiệp*" cũ thì cũng khâu cái này, sửa cái kia cho vui thôi, chứ không còn mặn mà may vá như mấy năm đầu mới qua đây.

Thật tình, tôi cũng học lóm chút đỉnh qua sách vở; may cái áo, cái quần tạm được để có mà mặc cho đảng hoàng với thiên hạ thôi chớ có đẹp để gì đâu, nói chi đến chuyện may áo dài. "*Mẹ chịu thua, không may được. Mặc áo cũ đi, nhiều chuyện!*", tôi bắt đầu quạu quọ với Bi.

Bộ xách xuống là tôi đi thẳng vô bếp, trông cái tạp dề vào. Bắt đầu làm bốn phận của bà nội tướng. Vậy mà trong khi nấu nướng, nhớ lại cái gương mặt tiu nghiu của Bi, tự nhiên thấy thương quá! Chắc Bi đã lớn? Hay là Bi bắt đầu có những mắc cỡ rất riêng? Lòng thấy buồn buồn. Tôi bắt đầu xa vắng mộng lung, hay là làm liêu, may đại. Rồi tự hỏi, mà may bằng cách nào đây. Nghĩ ngợi lung tung một hồi, lòng như chùng xuống nhưng chưa dám nói với Bi. Vì sợ, lỡ nói ra rồi thì như đình đống cột. Bi sẽ theo chèo chẹo cả ngày, chắc chết!

Sau khi ăn uống, dọn dẹp xong xuôi, tôi lựa lời nói với Bi để có đường tháo lui "*Hay là mẹ may đại cho con một cái, lỡ xấu thì con mặc áo cũ nhé! Mẹ muốn con mặc áo dài vào ngày đặc biệt này, hứa với mẹ là mặc áo cũ nếu mẹ may hư, thì mẹ mới may*". Chắc Bi tin tưởng vào tài lẻ của tôi hay sao mà mặt mày nó sáng rỡ, đồng ý liền.

Ông xã đang đọc báo, nghe tôi nói, giật bản mình, ngẩng đầu lên hỏi: "*Em nói sao? Em may áo dài cho con? Có được không đó? Coi chừng tốn công, tốn sức. Mà chỉ còn mấy ngày nữa là đám cưới rồi. Thôi đi em!*". Tôi nhìn ông

xã, lòng bán tín bán nghi khả năng của mình. Bất ngờ ông xã nói: "Ừ! Mà anh tin vào tài nghệ của em. Hồi mới lấy nhau, em có may cho anh cái quần tây màu nâu đó, em có nhớ không? Em cứ may áo dài cho con đi, com nước để anh lo". Thấy hai cha con đặt niềm tin nơi mình quá và ông xã ủng hộ hết mình, nên tôi cũng mạnh dạn hơn, quyết chí làm chuyện động trời này. Thế là mấy ngày trời, cả nhà ăn hết trứng luộc rồi lại xoi trứng chiên xen già bữa với pizza!

Lại nhớ lúc mới lấy nhau, ông xã cũng gây nhom, cái bụng xẹp lép. Lúc ấy cái bụng có 27" (68,5cm). Bên hàng quần áo người lớn làm gì có ni vòng bụng 27. Mà phía bên gian hàng thanh thiếu niên thì vừa bụng lại không vừa mỏng và đùi. Thành ra tôi cũng may mò lấy cái quần tây cũ ra, rồi cứ dựa vào đó mà may cho ông. Trời ơi, cũng trần ai một thuở. Cũng thức đêm, thức hôm. Lần đó nhìn tác phẩm đầu tiên của mình, không nhìn được cười. Vậy mà ông xã cũng mặc; mặc hoài, mặc cho đến rách mới chịu bỏ. Chắc tại ông thấy cái công, cái tình tôi lớn quá chăng? Phải chỉ tôi giữ lại cái quần rách đó để làm kỷ niệm, để làm bằng chứng với con cháu mai sau về lòng dũng cảm của hai ông bà ! Vậy mà hơn 10 năm rồi, cái vòng bụng ông xã cũng tăng size như tôi, nên tôi cũng thất nghiệp luôn!

Ngay tối hôm đó, hai mẹ con vội vàng chạy ra tiệm vải. Bị thích màu xanh ngọc xen kẽ chút vàng. Lựa mua vải cũng là vấn đề lớn, mắt cả tiếng đồng hồ mới chọn được. Nào chỉ cho tiếp màu, nào kim may cho hợp với loại vải, nào nút cài khuy áo...

Về đến nhà đã 10 giờ tối. Tôi có tật, muốn gì là làm liền chứ không thể chần chờ. Thế là lui cui trải vải ra. Nhìn tấm vải trải dài trên bàn, lòng lo muốn toát mồ hôi, vì không biết bắt đầu từ đâu; cắt làm sao, rồi may làm sao đây! Tôi ngồi thừ ra cả tiếng đồng hồ. Cuối cùng quyết định đi ngủ, mai tính tiếp. Nhưng nào có ngủ được đâu, trần trọc mãi. Tôi nảy ra ý nghĩ đem cái áo dài cũ của Bà ra, đo từng chút một rồi vẽ lên giấy trước, xem thử ra sao. Tưởng tượng đủ cách trong đầu, mệt quá ngủ lúc nào

không hay.

Sáng hôm sau đi làm, cái đầu đầu có yên. Cái áo dài cứ chòn vòn, lòn vòn trước mặt. Vậy là vào Google tìm thử có bài nào viết về cách may áo dài hay không? Sau một hồi tìm kiếm, một website giới thiệu may áo dài xuất hiện. Mừng quá! Nhưng đọc kỹ thì mới biết là họ chỉ bày cho mình cách đo áo, chọn kiểu, chọn vải rồi gọi số đo đến để họ may. Tôi thật sự thất vọng.

Về đến nhà, không vào bếp như mọi ngày, tôi chạy ngay xuống tầng hầm, bắt tay vào việc cắt may theo sáng kiến đêm qua. Đo từ áo dài cũ, giảm vòng eo nhỏ lại chút xíu, giảm vòng ngực...giảm, giảm....nói chung là giảm mỗi nơi mỗi chút...Lúc đầu Bi nói Bi muốn áo dài có cổ. Tôi loay hoay cả tiếng đồng hồ nhưng không biết làm cách nào. Thế là tôi nói với Bi: "*Chịu khó mặt áo cổ thuyền đi con, mẹ không may được áo có cổ đâu. Nếu con cứ nằng nặc đòi mặc áo có cổ, mẹ đầu hàng*". Lời thuyết phục này tôi nghĩ chắc không xong. "*Mà mẹ thấy con mặt cổ thuyền chắc đẹp hơn cổ cao đó, thử nghen*", tôi vừa như ra lệnh vừa như năn nỉ Bi. Bi xiêu lòng chắc vì trông mẹ tội nghiệp quá chăng? Bi nói: "*Mẹ à, cũng được, vậy mẹ có chắc là mẹ may được áo dài cổ thuyền không?*" Trời ơi! Làm sao mà dám chắc đây. Đã mất hai đêm rồi mà cái mẫu áo chưa thành hình kia mà!

Nhưng rồi, sau một buổi vật lộn, cái mẫu áo dài bằng giấy cũng xong. Nhưng khi đặt trên vải để cắt, mới khó khăn làm sao! Mẫu giấy cứ chạy lui, chạy tới không nằm yên một chỗ. Bực quá, tôi như muốn khóc. Suy nghĩ một hồi. Tôi đi kiếm một miếng vải dư. Tôi vẽ lên vải phần trên của chiếc áo thôi, nghĩa là qua khỏi eo chút xíu, không có tà áo. Tôi bắt đầu thấy có chút hy vọng. Tinh thần tôi lạc quan hơn. Cắt xong thân trước, thân sau, hai tay....Mà lòng cảm thấy phôi phôi....Tôi bắt đầu ráp thử trên mẫu vải, rồi bắt Bi ước thử. Giảm vào, nói ra, ôi thôi! Thiệt là *đoạn trường ai có qua cầu mới hay*. Đến khi tạm ổn, tôi tháo hết ra và đặt vào vải áo của Bi. Bàn tay cầm kéo ướt đầm mồ hôi; cái kéo cứ nhấp lui nhấp tới. Rồi thì từng mảnh, từng mảnh cũng ra đời, nằm gọn trên bàn và cũng

là lúc tôi phải đi ngủ để ngày mai còn dậy đi làm, tiếp tục một ngày mới!

Vậy mà lên đến hăng, cũng có làm việc được đâu. Cái áo dài ám ảnh tôi mọi lúc. Nó không để tôi làm việc, nó cứ đến quấy rối tôi. Ngồi làm việc mà cứ nhìn đồng hồ, mong cho đến 5 giờ chiều. Thấy sao mà một ngày nó dài lê thê! Về đến nhà, lại chui xuống tầng hầm ngay.

Đêm thứ ba, ngồi vào ráp. Tường công đoạn cắt là khó khăn nhất. Không đâu các bạn ơi. Ráp vào cũng khó không kém. Tôi cứ tháo ra, may lại, riết rồi miếng vải muốn nát bét. Tôi bắt Bi không được đi đâu hết, ngồi gần tôi để chút chút tôi bắt Bi mặc vào coi sao. Riết rồi Bi cũng oải mà tôi thì *xác bác xang bang*. Hai đêm rồi, tôi thức không trước 2 giờ sáng. Nay là đêm thứ ba. Mệt quá. Cái đầu cứ đơ ra. Nhưng khi Bi nói: "*Thấy mẹ vất vả quá! Hay thôi, đừng may nữa, con mặc áo cũ cũng được*"...Thoạt tiên nghe Bi nói thế, tôi cảm thấy nhẹ người, nhưng hình như có một điều gì đấy bên trong tôi đang thúc giục, động viên tôi nên tôi đã không bỏ cuộc nửa chừng và cuối cùng thì cái áo có hình, có dáng hần hoi. Nhưng làm nút bấm sao khó quá, phải có nẹp vào bên hông áo. Nên tôi quyết định dùng dây kéo (la fermeture), chắc dễ hơn. Nhưng dây kéo thì không có sẵn mà tôi thì cũng buồn ngủ quá rồi!

Hôm sau, trên đường về nhà, tôi ghé tiệm vải mua dây kéo, và cũng như lần trước, lần này cũng không com nước gì cả. Tôi chạy xuống hầm tiếp tục may đến 2 giờ sáng. Ba cha con lại ăn com với trứng chiên! Sau một hồi *lược* vào tháo ra với dây kéo, cái áo cũng hình thành. Nhìn cái áo treo lủng lẳng trên tường, niềm vui trong tôi vỡ oà. Nhưng chưa xong đâu, còn cái mục *luông* hai cái tà và cái cổ nữa, nhiều khê lắm. Nhưng tôi biết công đoạn này chỉ mất thì giờ chứ không khó đối với tôi. Lòng tôi dường như thấy lâng lâng. Hạnh phúc đang chực chờ reo vui. Tôi đi ngủ và đêm đó, một giấc mơ đẹp đã đến trong tôi bạn ạ. Tôi thấy Bi và tôi, hai mẹ con mặc hai cái áo dài giống nhau như đúc, *giung giăng giung giẻ* đi chơi trên đường phố quê nhà. Trong mơ, Bi hỏi tôi: "Ừ! Mà sao chỉ có hai mẹ

con mình mặc áo dài vậy mẹ?" Tôi không nhớ là tôi trả lời như thế nào với Bi. Mà nếu có, chắc tôi đã trả lời: "*Chắc đời sống thay đổi, con ạ!*" Như bây giờ đây, tôi chỉ được mặc Áo Dài vào những dịp lễ cưới mà thôi! Tiếc nuôi một thời!

Đêm thứ năm, sau khi *luông* xong, tôi ủi hai tà áo, cái cổ áo, ủi bốn cái chít eo cho thẳng nếp rồi tôi trịnh trọng treo nó lên tường và nhìn ngắm tác phẩm năm đêm của tôi. Và đêm ấy là một đêm tuyệt vời. Trong tôi như ngàn tia nắng chiếu, dù rằng đêm đã quá khuya.

Một niềm vui khó tả tràn ngập hồn tôi khi Bi mặc vào và nói: "*Mẹ ơi, chưa có cái áo dài nào mà con mặc và thấy đẹp như cái áo này*". Ôi trời ơi! Tôi có nghe làm không đây. Bi ôm ghi tôi và lần này hôn tới tấp lên mặt tôi, chắc hơn chục cái! Bi còn nói thêm: "*Con biết là mẹ may được mà, mẹ giỏi quá*". Hễ mỗi lần tôi làm điều gì Bi thích là Bi cứ nói: "*Mẹ giỏi quá!*", không biết học của ai?. Tôi nghĩ chắc Bi đã nhìn thấy cái tình của tôi trong từng đường kim, sợi chỉ; trong những đêm thức đến 2 giờ sáng, nên Bi thấy cái áo nó đẹp và thấy tôi giỏi đó thôi, chứ theo cái nhìn của cặp mắt nhà nghề thì chắc bạn không dám mặc và bạn cũng sẽ thấy tôi dở tệ! Tôi có bao giờ nghe ai khen tôi đâu ngoài trừ hai cô con gái của tôi! Hình như dù lớn đến đâu, được nghe những lời khen tặng cũng thấy âm lòng hơn những lời chê bai. Vậy thì tiếc gì một lời khen, bạn hỡi! Lòng thì vui mà đôi mắt cay xè!

Rồi bất ngờ, Bi nói: "*Mẹ à, vậy thì con nghĩ là mẹ không còn phải sợ thất nghiệp nữa. Nếu mà mẹ thất nghiệp, mẹ ra mở tiệm may áo dài, mình sẽ giàu đó mẹ*". Một câu phát biểu thật ngây ngô của cô con gái 14 tuổi làm tôi bật cười. Tôi hết sợ bị thất nghiệp từ đây! Bạn có tin không?

Và tôi nghĩ chiếc áo dài màu xanh ngọc tôi may cho Bi là một tác phẩm vĩ đại nhất đời tôi. Chắc bạn sẽ đồng ý với tôi? Và giờ đây bạn có muốn xem tác phẩm của tôi không?

04 tháng 2 năm 2010

* tác giả hiện định cư tại tiểu bang Minnesota, Hoa Kỳ

DUY LAM

Me tôi

Me tôi xưa đẹp lắm. Sắc đẹp đó một phần vì thời gian qua, một phần vì số cân nặng tăng lên rất nhiều nên đã giảm bớt đi. Qua những lời me tôi kể lại và những kỷ niệm lúc tôi còn nhỏ, me tôi là một trong những người đàn bà đầu tiên vắn tóc trần, rẽ lệch, mặc áo mầu và mang dù Nhật. Chúng tôi còn giữ được vài chiếc ảnh chụp ba me tôi và hai, ba đứa trong bọn chúng tôi. Mỗi khi xem lại hình ảnh cũ là một dịp để chúng tôi phê bình ba me. Những lời phê bình khôi hài nhất dĩ nhiên là do những người không có trong ảnh. Lan chẳng hạn:

- Có phải bây giờ me mới béo đâu. Ngày xưa me đã có “khuyneh hướng” béo rồi cơ mà.

- Láo nào! Trước me béo đẹp.

- Trông đôi mắt me dữ quá. Có ông nào bị mẹ thôi miên đi không?

- Suyt!... Ba nghe thấy đấy. Ba có hay ghen không hở me?

Me chúng tôi cười. Đôi mắt sâu to và hàng lông mi cong dưới đôi mày đậm cũng như cười theo.

- Mẹ không được nói dối đấy. Ba ngày xưa ghen lắm phải không?

- Còn phải nói. Anh còn nhớ mỗi khi đi hội chợ hay đi xem phòng triển lãm nào nếu có ai nhìn me là ba có vẻ bực tức lắm.

Lan giờ một tấm ảnh lúc ba tôi ở Chapa tay cầm một cái ba-toong.

- Các ông sợ ba là phải. Ba cầm ba-toong cơ mà.

Riêng tôi, tôi biết ba rất hay ghen. Những trận cãi nhau giữa ba và me tôi hồi chúng tôi còn nhỏ tuy có làm chúng tôi sợ hãi đôi chút, nhưng chúng tôi lại được lợi. Sau mỗi trận cãi nhau to, sau khi nghe ba tôi gọi me tôi bằng “cô”

và mẹ tôi gọi ba tôi bằng “ông” thì mẹ tôi cả quyết xếp quần áo vào va-li và lôi cổ chúng tôi về quê bà ngoại. Chúng tôi “bắt buộc” phải nghỉ học và sống những ngày đầy thích thú ở trại cho đến khi ba tôi mò xuống xin lỗi mẹ tôi và làm lành. Ông bảo:

- Lâu không có chúng nó để mắt cũng thấy nhớ!

Mẹ tôi cao hơn mực trung bình đối với một người đàn bà Việt, trên một thước sáu mươi. Ba chỉ thấp hơn ba tôi một chút xíu. Đôi vai tròn, khuôn mặt nét đều và đầy đặn của bà trái ngược hẳn với khuôn mặt xương xương toàn những nét gầy của ba tôi.

Mẹ tôi có nhiều anh trai, nên có lẽ vì thế đã quen thuộc với lối sống bừa bãi nhiều khi kỳ quái của các anh. Nhờ những kinh nghiệm đó bà rất rộng lượng với các con trai không lấy gì làm kiêu mẫu lắm như chúng tôi. Đây cũng là một tính xấu của bà: Chiều con và rất dễ tha thứ.

Những bạn trai của tôi, của riêng Liên, của Liên nhưng do tôi giới thiệu đến thăm gia đình tôi, nhiều lúc phải ngạc nhiên và bỡ ngỡ vì thấy mẹ tôi trong khi nói chuyện tỏ ra rất thông thạo và hiểu biết về những vấn đề mà các bà mẹ cùng một thế hệ với bà không dám đá động tới: tình yêu hoặc quan niệm sống của phái trẻ và của chính bà.

Bà có thể xen vào câu chuyện:

- Các cô các cậu bây giờ bàn đến yêu đương có vẻ quan trọng lắm. Thời mẹ ấy à ...

Liên chớp chớp mắt, đó là một lối điệu đặc biệt của nàng mà Lan gọi là “chớp mắt nguợng nguợng” và kêu lên nho nhỏ:

- Mẹ!

Làm như câu chuyện mẹ tôi sắp kể không nghiêm trang và hợp với một bà mẹ. Lan thì cười có vẻ vui thích và lại còn xúi thêm:

- Yên nào! Chị tưởng chỉ chị mới biết thế nào là mơ mộng à? Em cam đoan thời trẻ ba cũng tán mẹ mất công lắm, phải không mẹ?

Mẹ tôi cười rất tươi. Mẹ tôi không những cười bằng miệng mà còn cười bằng cả người. Khi bà cười cũng như khi bà ăn ai cũng thích ngắm.

- Me nhớ dạo me đi xem mặt bác Ba gái hộ bác Ba trai.

Lan và Liên kêu lên:

- Đi xem mặt hộ! Thế bác trai không đi à?

- Không! Khi me về Bác thân nhiên hỏi: "Thế nào? Trông cô ta có được không?"

Me trả lời: "Em cũng chưa biết. Cũng đường được.. Cô ấy ngoan". Bác Ba bảo: "Cô bằng lòng, tôi cũng bằng lòng".

- Thế me có bằng lòng?

- Lan dốt quá, nếu me không bằng lòng tại sao lại có bác gái.

Nói đến chuyện dựng vợ gả chồng cho các con me tôi có một ý kiến khá đặc biệt:

- Lan, Liên ưng ai mẹ gả liền. Miễn là cưới đừng tổn (me tôi lúc nào cũng sợ tổn). Còn con trai thì bao giờ cưới vợ cũng được. Càng muộn càng tốt.

Mẹ tôi là thủ quỹ của gia đình. Không may cho chúng tôi me tôi rất thích tiêu tiền, thích ăn ngon và thích làm người khác ăn ngon. Bọn chúng tôi dĩ nhiên chỉ biết ăn cho khoái miệng. "Sao chúng nó ăn sành thế! Con nhà lính tính nhà quan". Khả năng thưởng thức món ăn chúng tôi đã cao đến độ ba tôi phải thốt lên câu đó thì đủ hiểu.

Gia đình tôi trong mấy ngày đầu tháng bao giờ cũng tung bùng nhộn nhịp. Tiếng gà vịt kêu xen lẫn với tiếng dao thớt nghe thật êm tai. Trong bếp lúc nào cũng lúc nhúc những người là người, cả nhà tận lực nặn óc ra để nghĩ xem có món gì ngon cần phải ăn. Điều gì chứ điều đó ai cũng giàu óc tưởng tượng cả. Mặc dầu ba tôi ngăn cản và đe:

- Sao chúng mày không bảo me mời cả phố đến ăn một thể. Có bao nhiêu tiền tiêu cho thật hết. Rồi thì ăn muối.

Nhưng sự đe nẹt của ông không vì thế ngăn cản ông thưởng thức cùng với mọi người những món ăn ngon và rồi ông vẫn phải khen:

- Món tiết canh vịt thì chỉ có me làm ba mới vừa ý. Ngày xưa chú Sáu chỉ ăn những món "chị Năm" làm mới thấy ngon miệng.

Chú Sáu (một nhà văn nổi tiếng), gọi chú như vậy vì

chú đứng thứ sáu trong gia đình, là một người sành ăn có tiếng.

Nhưng những âm thanh vui vẻ như tiếng dao thót và gà vịt đó càng xa dần ngày đầu tháng càng thưa thớt đi và đến khoảng ngày 18, 20 là im hẳn. Chúng tôi bắt đầu chuyển sang một “rê-dim” khác mà chúng tôi đặt cho một cái tên rất thanh tịnh là “rê-dim tu tiên”.

Đã quen rồi mà mỗi khi đi học về sau khi quãng cặp xuống bàn, Lan và Liên lạnh lùng giở báo ra đọc như chưa bao giờ nghe thấy nói đến chữ “bếp” hoặc biết “làm bếp” là gì cả.

Sơn vì đến tuổi lớn nên ồn ào hơn, hấn kêu lên:

- Lại tu tiên rồi. Sáng rau muống với cà chiều thì ăn gì?

Lan không cười tiếp luôn:

- Cà với rau muống.

Thật giản tiện!

Và đến bữa cơm chúng tôi biết trước thế nào cũng được nghe những lời trách móc của ba tôi về sự ăn tiêu hoang phí.

Tuy mẹ tôi tiêu không tính toán nhưng từ bao nhiêu năm nay bà vẫn giữ chức thủ quỹ như thường. Có vài lần ba tôi bực mình tranh cho **bằng** được việc chi tiêu trong gia đình nhưng chỉ được ít lâu là ông cũng đành phải trao trả trách nhiệm phức tạp và phiền toái lại cho mẹ tôi.

Nói rằng mẹ tôi tiêu không tính toán cũng không hoàn toàn đúng vì quả thật lúc bỏ tiền ra mua một món gì hoặc làm một bữa ăn ngon mẹ tôi không nghĩ đến ngày mai có còn đủ tiền để mua món ăn hay không. Nhưng tiêu rồi mẹ tôi ghi vào sổ cẩn thận lắm.

Me tôi chỉ tính sổ khi nào quỹ đã gần cạn. Cho nên mỗi khi mẹ tôi trình trọng mang quyển sổ màu đen, bìa da rất dày ra ngồi ở giường giữa nhà và gọi Liễu:

- Liễu mang bút ra đây me tính sổ.

Thì lúc đó chúng tôi biết là có lẽ còn lâu lắm chúng tôi mới lại được biết hương vị các món ăn trần tục.

Nhiều khi Lan và Liên cũng ngồi quây lấy mẹ tôi và giúp mẹ tôi tính sổ. Trí nhớ của mẹ tôi không lấy gì làm dai lắm và nhất là Lan vì ghét quyển sổ đó nên cứ tìm

cách giúp me tôi biên vào sổ những món tiêu tường tượng.

- Me này! Me có nhớ hôm me đi chợ về me mua ba con gà hay không?

- Đâu! Có hai con thôi đấy chứ!

- Me nhầm rồi! Về sau có một con gà mái béo lắm me mua thêm mà!

- Ủ' nhỉ!

Kết quả là đến cuối tháng tiền chi tính ra nhiều hơn tiền thu. Me tôi rất ngạc nhiên và băn khoăn mãi:

- Quái! Hay me biên nhầm cả tiền nợ vào đây. Nhất định không phải thế vì tiền nợ me tính riêng cơ mà.

Ba tôi lại được thể nói:

- Me mà thì sổ sách làm gì cho mệt. Tiền có bao giờ để nóng túi đâu. Sợ nó thành “rắn” thành rết” nên phải tiêu ngay.

Từ đó trở đi Lan và Liên khi nói đến “rắn, rết” là muốn nói đến tiền.

Khi nhiều tiền các con xin me tôi rất dễ nhưng khi tiền trở nên hiếm hoi me tôi khó lắm. Biết tâm lý me tôi Lan, Liên rất khôn ngoan và lựa đúng lúc xin. Khi me tôi đang ngồi mơ màng nghĩ đến chuyện gì chẳng hạn thì lúc đó hỏi gì me tôi cũng ừ. Lan sẽ vờ hỏi:

- Me! Chốc me mạng lại cho con cái áo này nhé!

- Ủ'!

- Me mạng nhanh lên đấy nhé để mai con đi học đấy. Me cho con hai chục nhé!

- Ủ'!

Đó là một phương pháp rất chính đáng vì sau này me tôi có nhớ ra thì Lan đã có đủ lý do để bào chữa.

- Chính me cho con tiền mà me còn mắng gì.

Me tôi rất ít khi mắng con cái, nhưng thế không có nghĩa là không bao giờ me tôi mắng ai. Một tháng độ một hai lần vì một chuyện bực mình nào đó me tôi mắng một hai trận một thể. Bất cứ lỗi tại ai không cần biết. Me tôi sẽ lấy người đó làm điểm khởi hành và me tôi mắng lây ra tất cả mọi người trong gia đình. Me tôi lôi hết những lỗi lầm của mọi người từ thuở nào ra nói. Me tôi không thích ngồi một chỗ nên vừa dọn dẹp đồ đạc trong nhà, me tôi đi hết

nhà trên xuống nhà dưới và mắng không ngừng trong một hay hai tiếng đồng hồ.

Trong trường hợp đó tốt hơn hết là chúng tôi làm ra vẻ không nghe thấy và coi như me tôi nói những chuyện không liên lạc gì đến ai cả. Vì thế nên xảy ra nhiều chuyện rất buồn cười, chẳng hạn khi me tôi đang nói:

- ... Mấy cô con gái thì lười ơi là lười. Ăn xong đi học, về nhà quăng sách là mỗi đứa lấy truyện, lấy báo ...

Son dùng dùng chạy đến hỏi:

- Me! Cái quần tím dài của con me để đâu?

- Ở trong tủ ngăn cuối cùng ấy.

Đoạn me tôi lại tiếp tục:

- ... báo với sách. Nhón rồi phải học ăn học làm.

Liên chạy ở dưới bếp lên:

- Me! đậu rán hay kho?

- Kho! Mà cho tương chứ đừng cho nước mắm.

Tài khâu vá của me tôi thì trong gia đình tôi ai cũng công nhận là đến độ rất tinh vi. Người khâm phục me tôi nhất có lẽ là Son, vì hấn nhón quá nhanh nên quần áo cứ sau vài tháng đã phải nhờ me tôi xuống thêm một gấu hoặc nối dài tay. Không những thế me tôi lại giàu óc tưởng tượng. Chiếc áo gối bị rách một chỗ, me tôi lôi trong thùng ra một miếng lụa đỏ chói trước những cặp mắt đầy ngạc nhiên của Lan và Liên.

- Me vá bằng màu này ấy à?

- Gọi Du ra đây me bảo.

Sau đó miếng lụa đỏ đã được cắt theo một hình thể rất Picasso và vá vào áo gối.

Màn che chiếc cửa sổ bị rách, me tôi tháo mấy chiếc xiêm cũ của Tuyết và Liễu và sau đó nhờ tài biến hóa của me tôi chúng tôi đã có một chiếc màn cửa mới màu tím có hoa sẫm rất nhã nhặn.

Lan có một chiếc áo hở cổ mặc trong nhà một nửa nâu sẫm và một nửa vàng nhạt. Đó là do sự phối hợp của hai vạt của hai chiếc áo dài khác màu nhau. Lan và Liên thường khuyên me tôi mở một lớp dạy về khoa “may cắt lập thể.”

Me tôi thường bị các con chế vì tội: “chiếm nhiều

chỗ quá”.

- Me! Hôm nay me đi ciné nhé. Con đã lấy riêng cho me hai vé.

- Anh lấy ở rạp nào thế?

- R. Đ. thì không được, ghế hẹp quá.

- Me ngồi lui ra con ngồi một tí. Giường này người ta làm ra để nhiều người ngồi chứ đâu cho một người.

- Họa sĩ nào vẽ me thì thật tiện, chỉ cần vẽ một vòng tròn thật to...

- Và thêm con số 64 vào giữa.

- Tại sao 64?

- 64 cân mà!

- Hôm nào lôi me đi Bal đi.

- Ví dụ me khiêu vũ thì làm thế nào?

- Me cần gì phải khiêu vũ. Me cứ đứng giữa “pít” là đủ hết chỗ rồi còn ai mà khiêu vũ nổi.

Me tôi chỉ cười.

Tới đây tôi tạm ngưng phần giới thiệu me tôi, vì không lẽ ngoài đời thật me tôi đã “chiếm nhiều chỗ quá” mà ở đây, trên trang giấy này, me tôi cũng chiếm nhiều chỗ quá thì e không tiện.

Tôi sợ me tôi không bằng lòng vì:

- Lại chỉ phí giấy. Viết nhiều tốn tiền mua giấy. Vẫn lại “tốn tiền”, khó mà thay đổi tâm tính được mẹ tôi.

(trong **Gia Đình Tôi**, tập san Văn xuất bản 12/1967)

** Tên thật Nguyễn Kim Tuấn sinh năm 1932 tại Hà Nội. Cựu sĩ quan QLVNCH. Định cư tại tiểu bang California từ năm 1990. Có chân trong Tự Lực Văn Đoàn*

DUY THANH

Giác ngủ

À mày lại còn chối hả? im miệng hả? Thằng nào nó ngủ với mày thì phải khai ra, cái bụng mày nó chường phình ra thế kia thì còn giấu vào đâu hở con mụ ranh. Mày định làm xấu mặt cả làng này hay sao? Nói ngay để tao bỏ tù nó. Phép tắc luân lý ở đây đâu có đốn mặt như thế bao giờ? Mày làm bêu mặt chúng tao. Rồi mai đây bài chí đặng rằm cái tin khôn nạn này thì thể thống làng này còn ra cái gì hở... hở?

Y hồng học chỉ vào mặt tôi mà mắng như tát nước. Phải, tôi chữa hoang. Con mụ Tư thọt này chữa hoang đây, đũa nào àm gì thì làm, tôi hét to trong bụng tôi như vậy. Nếu tôi mà đứng được dậy thì thách y chửi tôi đấy. Tôi sẽ chồm lên mà xé tan cái mặt y ra, chứ tôi sợ gì cái mặt thịt ngồng ngồng bộ râu cá trê đáng ghét.

Y quay ra như phân vua với mọi người: Tiên nhân nó chứ, cái mặt nó cứ lằm lì như thế kia thì làm sao mà khảo được. Cái thá mày thì gọi là cho lên máy chém. Y lại xô vào tôi mà thét: Gan, gan hở? ông thời bóp chết như ngoé. Tôi giờ tay chùi những tia nước bọt phì cả vào mặt. Nơi tay áo vải nâu đã bạc phếch, sờn ra và có mùi khăng khảnh. Ánh nắng chói làm tôi bật hắt hơi. Tức thì y lùi lại dang tay tát tôi đánh bốp kèm theo một câu chửi thật bẩn. Mấy mụ đàn bà ở bên ngoài cười rộ vì thấy tôi hực lên rồi vật đầu vào vách. Nhưng họ lại im ngay. Một không khí lo ngại trùm trong căn nhà hạp của xóm. Trong đám đông có người nói to:

- Thôi đi ông Xã, nó đã không khai thì khảo mãi cũng

vô ích, nhất là chị ta cũng đương bụng mang dạ chửa.

Một giọng khác phản đối:

- Sao lại không, phải bắt nó khai chứ còn thể nào. Cứ đánh bỏ mẹ thì thể nào nó cũng phải nói. Thế mà mấy tháng nay cứ tưởng chị chàng bị báng hay bệnh gì. Đến bây giờ nó chềnh ềnh như cái trống mới thấy nhé.

Lão Xã trưởng được thể quay lại dọa tôi:

- Mày mà không khai thì còn là khô, con ạ. Giọng y ngọt hơn: Ờ thì cứ nói xem thằng nào, rồi tao bắt nó phải lấy mày. Chứ không biết ai thì cứ gọi là tức hộc máu.

Y hoa tay một vòng rồi nói với đám người xung quanh:

- Tôi nói thể có phải không các ông các bà?

- Kê cũng tức thật đấy, nhưng chị ta cứ không chịu nói là ai thì làm thế nào. Hay là cứ để cho chị ấy đẻ đi đã rồi trông đứa bé nó giống ai thì nó sờ sờ ra chứ còn gì nữa.

Một giọng nữa tiếp:

- Ấy chết không được, sợ cứ trông rồi đoán tầm bậy thì lại khôn khổ nhiều anh.

Mấy cô gái làng thấy câu nói lý thú bầm nhau cười cụng cúc.

Tôi trông thấy chúng nó mà ghét tộ. Chúng nó đẹp, chúng nó xinh, chúng nó có chồng con, có nhân tình nhân nghĩa. Còn tôi thì sống lết lê, chẳng ai thèm để ý. Hai chân tôi nó quặt đi nhỏ bằng cái ống sậy. Tôi đi bằng tay lê la như một con chó. Con chó còn sướng hơn bởi nó có bốn chân nó chạy. Còn tôi từ xó nhà ra đầu ngõ, rồi từ ngõ vào đến vườn là hết. Từ xưa chưa hề có ai để ý đến tôi cả, họ

nhìn tôi như một con vật. Với ai tôi cũng phải ngửa đầu nhìn lên. Cho đến bây giờ tôi có chữa họ mới vụt nhận ra tôi cũng là người như họ. Tôi có chữa. Con mẹ Tư thọt có chữa thì còn trời đất nào. Với ai? Có lẽ họ muốn biết để thoả tính tò mò, tôi còn lạ gì. Lão Xã trưởng nó hứa hẹn với tôi rằng khai ra thì gả kẻ đó cho tôi, lúc thì y lại bảo khai ra để y bỏ tù người ấy. Để tôi mới để hôm qua chắc. Năm nay tôi ba mươi hai tuổi đầu và chưa hề nằm ngủ với người đàn ông nào trong đời, trừ một lần cách đây năm tháng. Cái bào thai trong bụng này là của anh ta. Nhưng đừng có hòng tôi nói ra... Tôi giữ cái kỷ niệm, cái hình ảnh ấy cho mình tôi. Tôi cho là đẹp, tôi ôm ấp cái hình ảnh ấy mặc cho họ rửa sả. Tôi chắc anh ta còn hối hận về phút cuồng dâm bữa ấy. Với tôi thì không. Tôi yêu. Tôi chắc anh ta sẽ tự tử nếu tôi khai tên anh ta ra. Mà sao tôi lại nói? Tôi thì mong lấy gì ai? Tôi lê đi dưới đất như một con chó. Tôi với cái bướu trên lưng. Tôi với hình người chẳng ra người. Ai cười thì cười. Đứa trẻ nào trông thấy tôi cũng chế nhạo. Lũ người lớn thì coi tôi như không có trên thế gian này. Mỗi lần nhìn tôi sao họ có vẻ hờn hĩnh thế. Tôi thù họ. Cho đến ngày nay thì tôi trả được cái thù này. Tôi có chữa với một người *của họ*. Một gã đàn ông. Tôi sướng khoái với cảm giác thấy họ bị dằn vặt đau khổ. Thì ra lần đầu tôi được chú ý tới. Tôi là cái mốc cho họ bàn tán, ghen ghét. Lần đầu tiên họ nhận thấy *có tôi* trên cõi đời.

Mẹ tôi mang một nắm lạt tre để xuống bên cạnh tôi. Tôi vẫn tiếp tục đan thành hình một cái giỏ. Thấy người thờ dài, tôi chỉ bảo:

- Bầm khỏi phải lo, chẳng ai làm gì được mẹ con ta cả. Còn người ấy thì nhất định con không nói ra đâu. Anh ta chẳng có tội gì hết. Con cũng không, con sẽ đẻ. Và sẽ nuôi đứa trẻ này.

Mẹ tôi nắm lấy tay tôi, tôi nhìn xuống bàn tay gầy guộc đầy gân xám to bằng con giun. Bàn tay tôi cũng sần lên

như một bàn chân. Chưa ai ở làng này xấu bằng tôi. Thế mà tôi sắp có con với anh ta, với đứa con giai có vợ sắp cưới là cái Gái ở xóm dưới. Con bé vào loại nhất nhì trong làng. Tiếng mẹ tôi run run khàn khàn trong cái tĩnh mịch của chiều xuống. Tiếng lạt tre cọ vào nhau dưới ngón tay tôi đưa đây.

- Buổi chiều ông Xã có bảo với bầm rằng phải về đồ ngon đồ ngọt cho mày nói tên người ấy ra, không thì ông ấy đuổi ra khỏi làng. Bây giờ bầm già rồi, chỉ muốn yên phận. Vậy tùy mày xử trí thế nào thì xử. Đòi bầm đã khổ nhiều từ ngày lấy bố mày.

Mẹ tôi không nói hết câu, cái hình ảnh cuối cùng là người bố chìm và tan trong một tiếng nấc. Buổi chiều lạnh và mênh mông như một cánh rừng: chơ vơ, lạc hướng. Tôi hình dung lại hình dáng người cha từ thuở nào xa lắm, cái hơi nồng của men rượu, những câu rửa tặc tần lúc nào cũng đeo trên đôi môi dày thâm sệt. Tôi biết mẹ tôi khổ nhiều, kể cả vì tôi. Không hiểu sao những kiếp người như chúng tôi lại cứ có trên cuộc đời. Đã thế lại còn bám vào cái sống không chịu buông. Ngày bố tôi chết vì say rượu trượt chân ngã xuống ao thì cả làng như bớt một gánh nặng. Chính tôi cũng không cảm thấy thương tiếc. Chúng tôi vẫn sống cái kiếp sống của con *người vật*, dài và buồn nản.

Tôi sờ tay lên gò má còn hằn ngón tay của lão xã, chưa bao giờ tôi thù y đến như thế. Y lại còn muốn làm khổ mẹ tôi. Với tôi như thế chưa đủ hay sao? Đã thế tôi sẽ làm cho y điên đảo. Tôi sẽ khai quách cho cháu y rồi muốn ra sao thì ra. Tôi nhớ lại cái gã đàn ông nặng nề và chậm chạp thỉnh thoảng qua ngõ nhà tôi. Đã có lần tôi ước ao ngủ với hắn và được hít cái mùi hơi hoi của chính người hắn đang vương trong không khí.

Cúi đầu xuống, tôi lại nghĩ đến cái thằng người con ngoi ngóp trong ấy. Nó đương ngo nguậy, nhẹ nhẹ nhẹ

nhẹ, nhưng nhiều khi nó cũng làm tôi đau nghiến. Tôi kéo bàn tay mẹ tôi để lên bụng:

- Bầm sắp có cháu bé.

Mẹ tôi yên lặng một lúc rồi bỗng nhiên nói:

- Mà y đã định đặt tên nó là gì chưa.

- Chưa, bầm ạ.

Ba chúng tôi cùng ngồi yên, cùng nghĩ tới nhau, chưa bao giờ tôi thấy yêu mẹ tôi, yêu con tôi và yêu anh ta đến thế. Tại sao tôi không đối phó để giữ những gì tôi ấp ủ?

- Bầm ạ, tôi thấy nóng mặt vì sắp nói dối mẹ tôi. Anh Ba đấy.

- Ba nào? Tiếng mẹ tôi lo âu.

- Ba, cháu ông Xã ấy mà.

Mẹ tôi chậm rãi đứng dậy chép miệng thờ dài. Tôi biết người lo ngại viên xã trưởng. Tôi thì chẳng sợ gì. Y là một thứ vũ phu, y khảo tôi vì tò mò mà cũng để sĩ diện với làng xóm là mình có uy quyền. Đòi nào y dám đuổi mẹ con tôi ra khỏi làng này.

- Thôi tao đi năm đã, rồi cũng liệu mà đóng cửa Tư ạ, xâm tối rồi.

Mẹ tôi quờ quạng tìm chiếc đèn dầu mắc ở xó nhà, châm lửa. Ánh đỏ chập chờn hoa lên trong chạng vạng của bóng tối vừa xuống. Tôi nói:

- Để con cố đan nốt chiếc giỏ này đã bầm ạ, gần xong rồi.

- Liệu mà nghỉ sớm cho khoẻ.

Mảnh trăng thượng tuần nhô lên sau đám mây dày, lạnh lùng, đơn độc.

Tôi nhớ lại cái đêm tôi gặp anh ta, trăng cũng như thế này nhưng vào khuya hơn chút nữa. Lần đầu tôi biết một người đàn ông. Từ đó đêm nào tôi cũng nghĩ đến anh ta, cái hình ảnh ấy đến với tôi như một ám ảnh vĩnh viễn. Tôi mê cái ám ảnh đó mỗi buổi chiều tắt đi.

- *Đừng anh, đừng ở đây.*

Tiếng người con gái van vỉ. Giọng người đàn ông như lạc đi:

- *Không, để yên nào.*

- *Nhưng anh vừa uống rượu với lại...*

Câu nói bị đứt quãng bởi một bàn tay giật mạnh. Người con gái kêu lên một tiếng nhỏ rồi giăng ra. Tiếng xoay của vải rách kèm theo một tiếng rủa nguyền. Tiếng chân chạy xa và gã đàn ông rên lên. Hấn loạng choạng bấu vào cành tre lá gần mặt. Tôi nghe thấy tiếng thở hừng hực. Lúc hấn đi quanh ra đằng sau cây rom để ngồi xuống thì hấn há miệng vì ngạc nhiên. Một hình thù ngồi đầy tự bao giờ. Đó là tôi, một con vật giống cái. Thịnh thoảng tôi vẫn bò ra ngồi chỗ này hóng mát, vì nó ở ngay phía sau nhà tôi, cạnh con đường ven làng. Lần này tôi đã thiu thiu chợp được một giấc khá dài. Trăng lấp sau bụi tre và bóng người đàn ông chỉ còn là một khối đen lớn trên nền sẫm của lá.

Anh ta chấp choạng đi đến phía tôi rồi quỳ thụp xuống nhìn vào tận mặt. Hơi rượu cay cay làm tôi muốn bật ho. Một con muỗi bay bên lỗ tai vo vo, anh ta gờ tay đập cái đét rồi ôm choàng lấy tôi.

Tôi không kêu nhưng cố đẩy anh ta ra kịch liệt. Mà tại sao tôi lại chống cự cơ chứ? Tôi thường mơ ước được ngửi hơi thở một người đàn ông và lần này tôi đã được. Anh ta ở ngay trên tôi. Anh ta với những bắp thịt rắn đanh. Tay tôi ghì lấy lưng áo sẫm sấp mồ hôi hay vì sương

xuống tôi không biết. Ánh trăng rất mờ, đám mây xám đảo trên trời như bão hay bão ở lòng tôi, tôi cũng không hay.

Rồi anh ta buông tôi và bỏ đi giữa lúc tôi nằm yên trên cỏ. Mùi rom hăng và thơm như lúa mới, nhưng không làm tôi quên cái mùi người anh ta, và tiếng chân bỏ xa trên đất cũng không làm tôi trở mình. Tôi nằm đấy suốt đêm với con trăng ướt lạnh, với những vòng hào quang thần thánh quay cuồng không gian.



Quả nhiên sự báo thù của tôi lại công hiệu. Viên xã trưởng thấy mẹ tôi nói là cháu hấn ta thì tái người. Y cũng không dám đánh tôi vì có người nói tôi mà trụ thai thì y không khéo mất chức mà lại khốn khổ. Mẹ tôi chỉ luôn miệng van xin. Người này, người nọ mỗi người hỏi một câu, chêm vào một chuyện. Lúc tôi trông thấy cái mặt tái xám của anh Ba thì lại không cảm lòng thương. Tôi bèn đồ đạc cho một chàng khác. Rồi lại một tên nữa bay ra, khiến cả làng hoang mang. Họ càng tra hỏi thì lại càng lúng túng bởi những câu trả lời của tôi. Tôi dám chắc rằng cả đời chưa bao giờ tôi lại nguy hiểm đến như thế. Tôi không còn là một con chó thường nữa mà là một con chó dại khiến mọi người sợ điên lên. Tôi thú vị vì trả thù được những đứa con gái hợm hĩnh có tình nhân hoặc chồng bị ghép ngũ với tôi. Bao nhiêu chàng ê chề, nhục nhã và nguỵng đến phát sốt rét vì bị mang cái tiếng tằm đó. Thế ra tôi đã ngủ hết với họ theo tưởng tượng của mọi người. Tôi trở thành một thần tượng cho mọi người sợ và ghét.

Chỉ vì mày đẩy con ạ, ôi cái hòn máu bé nhỏ là con của mẹ. Mẹ ước ao rằng sinh ra con hoàn toàn là một người chứ không phải là con vật nữa. Mẹ mang con trong bụng mẹ và lê con trên mặt đất. Mỗi một thước dài là mẹ lại cảm thấy sự có mặt của con và nỗi yêu đương của mẹ.

Tôi thấy nó cười trong tôi, tê tái như sau đêm anh ta đến, và tự nhiên tôi thấy yêu cả cuộc đời. Lão xã trưởng

với bộ râu trên ngông ngông không còn đáng ghét nữa, y có thể tát tôi dấm bảy cái liền. Tôi cũng không còn ghét những đứa con giai, con gái làng lắm li nhìn tôi một cách hằn học. Bởi vì tôi đã báo được thù, tôi đã cho họ nhận thấy là tôi ngang hàng với họ, những kẻ có hai cẳng đứng hằn hòi. Ý tưởng đó làm tôi suýt bật cười thành tiếng. Một người đàn bà sấn đến cạnh tôi vừa chửi vừa định đánh. May mà có một người khác giữ lại:

- Tiên sư nó chứ, chồng bà đâu có ngu lang với cái thứ mày hơi con gười đánh kia. Bà chỉ cho mày thanh củi là mày chết bỏ đời.

- Thôi thì bác chấp làm gì. Chị ta giờ hơi đầy mà. Đánh chửi lẫn nó lại càng khai tâm bậy. Với lại cái mã ấy cũng chẳng sống được đâu. Người như thế làm sao mà đẻ với đái được.

Câu nói đâm vào phổi tôi buốt như một cây kim nhọn.

Tôi nghĩ đến thằng người con trong bụng. Không! Nó còn sống, nó đang sống, nó phải sống. Nó đang ngộ nguây trong tôi, làm sao nó lại chết được. Tôi bằng lòng chết cho nó sống. Tôi bằng lòng chết mà không cần oán hờn gì ai hết, kể cả anh ta. Mà tôi phải biết ơn mới đúng chứ. Anh ta đã cho tôi dư vị của sự sống. Sự sống tràn trề bùng lên như lửa.

- Không, tôi không chết, các người đi đi. Tôi hét lên, và mọi người lầm lũi tản ra. Họ vẫn sợ tôi như một con chó dại.



Thế rồi câu chuyện cũng hơi nguôi mặc dầu bụng tôi ngày mỗi lớn. Tôi không lê được nữa. Tôi ở nhà. Mẹ tôi cũng lo ngại bảo với tôi:

- Bấm hơi bà mẹ ở làng thì bà ấy bảo phải đem mày ra

tình mới đủ thuốc. Người lại chép miệng: Thì người ta cũng sợ không làm nổi, nhờ có sao lại khốn cả hai mẹ con.

Tôi phải đi vì tôi muốn con tôi sống, nó sống để làm người. Mà tôi còn tiếc gì cái làng này khi người ta nhìn đến tôi như một con người vật.

Chúng tôi thu xếp lên tỉnh.

Lần đi này, tôi có cảm giác sẽ không bao giờ trở về nữa. Giã từ tất cả, căn nhà, bụi tre, đồng rạ sau nhà. Tôi chỉ mang đi toàn hình ảnh. Những hình ảnh se thắt lại trong những cơn đau dữ dội từng hồi.

Vị bác sĩ khám cho tôi xong quay lại bảo nhỏ với cô nữ y tá tay cầm bút ghi chép. Mẹ tôi thì lo âu nhìn hai người.

- Sản phụ phải ở đây tĩn dưỡng cho đến ngày sinh nở. Vị bác sĩ nói. Trường hợp này phải mổ để lấy đứa bé ra mới hy vọng cứu cả hai mẹ con. Nhưng tình trạng của sản phụ nguy hơn. Dù sao chúng tôi cũng cố gắng.

Không, nó sẽ sống, tôi kêu thảm như vậy. Tôi bằng lòng hy sinh để nó sống.

Nằm trên giường sắt trắng, tôi như chói mắt vì sắc trắng của trần nhà và buồn nôn vì cái không khí của nhà thương. Những sản phụ khác cũng nhìn tôi bằng con mắt tọc mạch. Chắc họ cũng tự hỏi làm sao một người như tôi lại có chửa như họ được. Và loáng thoáng tôi cũng nghe thấy những tiếng xầm xì từ giường này qua giường khác. Nhưng tôi thì cần gì nghĩ đến họ. Tôi nghĩ đến đứa con tôi, đến cái đêm mà trời như đổ xuống. Da tôi tê đi, rần rần như có sự cọ sát của những sợi râu thưa đâm vào má. Mẹ tôi nói:

- Tao lo cho mày, Tư ạ... nhờ làm sao.

Tôi ngắt lời khe khẽ:

- Bầm khỏi lo, rồi bầm có cháu bé mà. Còn con thì...

Tôi cũng không nói hết câu nhưng mẹ tôi cũng thừa hiểu.

- Có gì bầm nuôi nó. Giọng nói của tôi nghẹn trong cuống họng, chúng tôi im lặng mỗi người một ý nghĩ. Đêm ấy tôi mơ thấy tôi đi về làng như một người thường. Bằng hai chân. Ai nấy đều chào hỏi tôi như chính tôi cảm thấy từ trước mình vẫn là người thường. Đến nhà thì có một thằng nhỏ ra đón với mẹ tôi. Trông tôi thằng bé chỉ cười. Mẹ tôi dắt nó đến và bảo: Sao không chào mẹ mày đi. Tôi giơ tay bế nó hôn, rồi hai mẹ con dong chơi trong vườn. Giữa lúc đang đùa đùa với con và đang sống tràn trề hạnh phúc thì tôi hẫ hùnh chợt thấy cảnh vật như lớn lên và tôi nhỏ dần, nhỏ dần lại. Một cảm giác ớn lạnh suốt sống lưng và tôi chợt thức dậy. Bây giờ còn là đêm. Đầu phòng một ngọn đèn còn le lói và qua khung kính nhỏ trời sao lấp lánh. Căn phòng lặng lẽ như một chiếc quan tài.

Tôi đặt tay lên bụng mỉm cười nghĩ đến nó rồi lại ngủ thiếp đi.

(Sáng Tạo Xuân Mậu Tuất, số 7 tháng 2/1958)

** Tác giả được biết nhiều như là họa sĩ. Tên thật Nguyễn Duy Thanh. Sinh năm 1931. Vào Nam năm 1954. Hiện định cư tại San Francisco Hoa Kỳ.*

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Nỗi buồn của mẹ

Nỗi bức bối tức tối lâu ngày nằm trong đầu óc Hào, nay đã nặng như một khối đá. Trong bữa ăn tối, đây là dịp tốt nhất để Hào quẳng cái khối đá đó sang cho bà mẹ chồng ngồi ở đối diện.

“Tôi đi làm, ở nhà bà chỉ có việc coi cháu cũng không xong. Bà làm gì để đến nỗi nó té ngã bầm mặt mày như thế. Ngủ hả”.

“Nào tôi có ngủ. Mới vừa vào bếp tắt cái bếp đun nồi thịt bò, ra đã thấy nó bò lên ghế rồi té xuống”.

“Thật vô tích sự. Từ ngày đón bà sang đây, cái gia đình này chẳng còn thấy hạnh phúc. Anh ấy bảo lãnh, sang thì tưởng có chút tiền già, chứ sang rồi bà sống nhờ ăn bám vào túi tôi. Đi với diện cụ, còn khuya mới được nhà nước trợ cấp. Bây giờ thì các ông ấy khoán trắng cho con cái “sponsore” cho cụ”.

“Trời ơi, sao con lại nỡ lòng nói thế. Mẹ hồi đó đâu có muốn sang. Mẹ sang chẳng qua vì các con hồi thúc, nài nỉ nên mẹ mới sang. Chứ ngần này tuổi đầu, sống ở đâu cũng được, ăn cái gì cũng xong, mẹ cần gì phải qua đây để làm phiền đến các con. Mẹ cứ nghĩ, mẹ chỉ có mình Thuận là con trai độc nhất, mẹ con xa nhau lòng mẹ chẳng lúc nào nguôi nhớ. Nghĩ thế, cho nên mẹ mới quyết định sang đây để gần con trai con dâu của mẹ”.

“Phải. Bà biết đơn giản chỉ có thế nhưng ở bên này, nó không đơn giản chỉ có thế thôi đâu bà. Bình thường không nói, lúc bệnh tật thì đào đâu ra tiền đi khám bệnh, đào đâu ra tiền đi nằm bệnh viện. Đây là chưa nói đến lúc chết, áo

quan phải mua, nhà quan phải mướn, đất hay thiêu cũng phải có tiền, tính sơ sơ cả 10.000 lạng”.

“Sao hỏi đó các con không nói cho mẹ rõ”.

“Nói rõ để làm gì. Tôi là con dâu, chẳng mắc mớ sớ tới chuyện của anh ấy và bà. Một khi anh ấy muốn đón mẹ anh ấy qua đây, tôi xía vô để gây chuyện bất hòa vợ chồng sao chớ. Cho nên, tốt nhất là tôi cứ đứng ngoài hơn là nhảy vô để mua trách nhiệm. Kể từ ngày đem bà sang đây, bà biết đấy, trước anh ấy chỉ làm một “job”, nay hai “job” vẫn còn thiếu trước thụt sau. Thế mà bà ở nhà có mỗi việc coi cháu, bà cũng coi không xong, để đến nỗi nó té ngã bầm giập mặt mày. Sang mà như thế, bà có cũng như không bà ạ”.

Nói mà như mắng tát nước vào mặt mẹ chồng được rồi, cái đầu Hào nhẹ hẳn. Bà cụ giáo mẹ của Thuận thì ngồi bặm môi im lặng. Bát cơm không nuốt được, bà cụ đành bỏ dở đứng dậy. Thấy bà nội đi vô phòng, thằng Hùng vắt cái máy bay bằng nhựa lon ton chạy theo. Hào xẵng giọng gọi giựt thẳng bé lại:

“Này. Lại đây. Mẹ cấm con vô đó”.

Nghe con dâu nạt cháu, bà cụ giáo thấy cay đắng xót xa cõi lòng. Biết chẳng nên nói ra nói vô thêm lảm chuyện, bà cụ nằm xuống giường, một tay vắt ngang trán. Mắt bà cụ thấy ướt. Vừa xúc động vừa tủi thân, bà cụ cố kìm hãm nhưng không thể kìm hãm nổi nước mắt ứa ra, ứa ra rồi chảy dài xuống má.

Lâu nay rồi, bà cụ đã đoán trước chuyện như thế này rồi sẽ phải xảy ra. Như mây đen u ám bầu trời, khi nặng nước thì những túi mây chứa nước sẽ rách toác để đổ mưa xuống. Ẩn ở chung đựng trong nhà, mẹ chồng nàng dâu không được thuận thảo, đến lúc sự chịu đựng hết còn chịu đựng nổi, thì chuyện gì đến nó phải đến.

Bữa bà cụ đi dự đám tiệc cưới con người bạn ở nhà hàng, bà cụ đã nghe mấy bà ngồi than thở đủ chuyện. Nào là chuyện con dâu hay con rể hỗn láo, xác xược, vô lễ từ lời ăn tiếng nói đến cả cách cư xử với bố mẹ được một bà ngồi trong bàn tiệc kể ra. Đây là

lúc chờ thức ăn đưa ra bàn, vui miệng lại vốn quen biết

nhau, bà bạn ngồi gần bà trước còn nói xa nói gần, sau quay sang chuyện đời tư gia đình, mặt bà bỗng đổi sắc:

“Chỗ bạn bè tôi mới nói, chứ nói với người xa kẻ lạ, chẳng lẽ mình lại vô tình vạch áo cho người xem lưng coi sao được. Đứng ở ngoài nhìn vào, ai cũng nói tôi có số về già sống nhờ con cái. Mà con tôi lại là bác sĩ cơ đấy. Ở thì ở nhà cao cửa rộng, tiền bạc thì dư thừa, mình đến nỗi đâu phải nhờ vả tiền trợ cấp của chính phủ lo cho. Nhưng chị ạ, có ở trong chăn mới biết chăn có rận. Có sống trong nhà mới biết nhà từ nóc dột xuống. Thế cho nên, người ta cứ nói tôi có số sướng. Sướng hay khổ thì chỉ tôi biết thôi”.

“Chị nói thế là nói thế nào. Con bác sĩ, chị không sướng thì ai sướng vào đó. Thú thực, nếu hoàn cảnh tôi mà được như chị, tôi mãn nguyện một đời rồi. Thiên hạ người ta có nói, họ nói đúng chứ có sai đâu. Con trai bác sĩ, con dâu nha sĩ, đã có chức lại có tiền, phúc đức được như vậy là lớn lắm”.

“Tôi không nói ngoa. Mà nói ai chứ nói con cái mình sinh ra, có đâu phải người dung nước lã mà mình lại đặt điều bịa chuyện. Thực tình thực bụng kể cho chị nghe, tôi chỉ muốn tâm sự để giải tỏa cái ảm ức, cái phiền muộn mà bấy lâu nay, nó như cái mụn nhọt ung tấy đau đớn lòng mình. Tình thực có lúc tôi đã nghĩ tới chuyện về lại Sài Gòn, ăn nhờ ở đậu với vợ chồng đưa con gái út, rồi đợi tới khi trăm tuổi nhẹ nhàng mà xuôi tay. Chứ còn ở đây, vật chất dù có dư thừa, tinh thần chẳng thoải mái, sống thế sao sống nổi hả chị. Tới nước chịu mãi không được, một là mình xin ký gửi cuộc đời ở nhà già, hai là ở share phòng một chỗ khác, còn hơn cứ bậm miệng cắn răng ngày ngày như con sò con hến”.

“Chị nói thế tôi nghe khó lọt tai. Chẳng lẽ con cái chị đành lòng cho chị về Việt Nam hay đi share phòng hay sao. Còn thể diện, tư cách, đạo đức con người, con chị chẳng nề lòng bỏ rơi chị lúc tuổi già sức yếu như thế được. Ở chung ở đụng, cảnh gia đình nào chẳng có lúc này lúc nọ, bát đĩa va chạm đụng nhau, cơm canh có lúc nóng lúc nguội, mình phải chín bỏ làm mười cho qua cơn nóng giận thái quá, bực bội phiền lòng không đâu, rồi mọi chuyện

cũng đâu vào đó tốt lành cả”.

“Nghe chị nói thì đúng là như vậy. Nhưng nhìn nhục, tha thứ cũng có chừng mực, có vừa phải, chứ đã đến lúc dứt lộn đầu tôm, đầu rết, con ruột chẳng còn biết điều phải trái, cứ một điều hỗn láo xác xược, mình là thánh cũng phải nhảy nhồm như đít ngồi trên ổ kiến lửa. Tôi chịu đủ điều rồi, nhưng con trai tôi hiền và sợ vợ. Vợ nó nói gì, bảo gì nó cũng coi là khuôn vàng thước ngọc, đúng như danh ngôn, nên nó coi khi tôi. Nó gắt, mắng, nạt, coi tôi như tôi không phải là mẹ nó. Nuôi con khôn lớn, học hành thành tài, để đến bây giờ chưa nhờ vả được gì thì nó đã quên ơn quên nghĩa. Nhà cửa, tiền của, quyền hành, chị tính coi, một tay vợ nó nắm cả. Ở Mỹ này, có tiền là có quyền thao túng lộng hành. Không có tiền thì kể như phải nhờ vả, sống nhờ vào con cái hay ông nhà nước. Còn tình cảm ư, ở Mỹ này cái thứ đó nó nhẹ và rẻ như đồ vật hàng hóa bán ở chợ trời. Chị biết chợ trời chứ. Ở đây có đủ mặt hàng giá rẻ rẻ. Hai mươi năm “cents” cũng có đấy. Nói thực ra, chẳng cứ gì con cái trong nhà tôi bất hiếu bất mục, chứ ở cái xã hội Tây phương bên này, từ thẳng Mỹ đến thẳng Việt Nam đã Mỹ hóa, thì cái cách sống nó sống lạ lắm. Bố mẹ về già, cứ cái viện dưỡng lão đem bố mẹ tống vào đó ở. Ở tới ngày nhắm mắt, may ra có đứa nhớ tới đưa bố mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng, còn không may, chôn cất hay hỏa thiêu đã có người khác lo cho cả. Tôi nói thế có hơi nóng giận, vợ đứa cả nắm rồi, nhưng tôi nói không ngoa đâu chị ơi”.

Câu chuyện nhớ được đến đó thì cũng là lúc bà cụ đi vào giấc ngủ. Rạng sáng là giờ Thuận làm ca đêm về. Bà cụ thức khi bóng tối còn tối thẫm ngoài vườn cây. Có một con chim đánh thức buổi mai bằng một tiếng rúc nghe lạ.

Thuận về, giao con cho chồng thì cũng là lúc Hào chuẩn bị rời nhà đến hãng. Khi Hào đi rồi, ngồi vào bàn ăn bữa điểm tâm, bao giờ Thuận cũng vắn an mẹ bằng câu quá quen thuộc:

“Đêm qua, mẹ ngủ ngon giấc ạ”.

Đáp, bà cụ thường nói để con yên lòng:

“Mẹ ngủ được. Con ăn bánh mì với trứng “ốp la” đi. Con

làm đêm mất sức lắm. Mẹ thấy con vất vả, thực lòng mẹ không vui. Con làm gì mà làm tới hai “jobs” vậy”.

“Mẹ ơi, mẹ đừng bận tâm nghĩ ngợi làm gì về chuyện đó. Làm hai “jobs” mới giúp cho con dư giả tiền bạc để phòng khi lúc khó khăn. Bố ngày xưa thường răn dạy rằng: “tích cốc phòng cơ” mà mẹ”.

“Mẹ nói thế là mẹ lo cho sức khỏe của con. Làm quá mất sức, lúc ngã bệnh thì tiền của tích lũy cũng theo nhau đi. Ý mẹ muốn khuyên con là nên giữ gìn bản thân chứ đừng ý sức mà thái quá làm việc. Chuyện tính toán gầy dựng tương lai của hai vợ chồng con, mẹ biết gì mà bàn ngang tán đọc được. À Thuận. Mẹ có việc này muốn nói với con...”

Bà cụ ngập ngừng rồi ngưng không nói nữa. Thuận ngược mắt lên ngạc nhiên nhìn mẹ:

“Mẹ có gì muốn nói sao lại im”.

“Mẹ biết nói ra làm con buồn. Nhưng trước sau gì mẹ cũng phải nói thôi. Thế này, mẹ muốn về lại Việt Nam”.

Thuận sững sờ để rớt cái muỗng xuống bàn:

“Ừa. Sao khi không mẹ lại nghĩ đến chuyện đó. Hay là mẹ ở với chúng con, chúng con có điều gì sơ suất làm mẹ phật ý chẳng. Hay là nhà con ...”.

“Không. Con và vợ con chẳng làm phiền lòng mẹ gì cả. Ý mẹ muốn về lại bên nhà là để được gần mồ mả bố con, sống ở nơi quê cha đất tổ, chỉ có thể thôi con”.

“Mẹ ạ. Ba con thì nay đã ra người thiên cổ. Mồ mả có nơi có chỗ ấm êm rồi. Con vô phước mất ba nay còn mẹ, mẹ nữ nào lại bỏ con để trở về bên đó sống cô quạnh một mình. Hơn nữa, ở bên đó nay còn ai đâu ngoài cậu con ra”.

“Thì cậu con mẹ ở cũng có sao đâu. Cậu là em của mẹ, mẹ ở với cậu có chị có em. Ý mẹ nay đã quyết rồi. Nếu như con không chịu chiều lòng mẹ, mua vé máy bay cho mẹ về, thì ở đây, mẹ buồn bã héo hon chẳng chóng thì chầy cũng chết sớm thôi con. Mà chết ở xứ người, mẹ nhắm mắt không đặng. Thà là mẹ về rồi có đi về cõi khác, được nằm gần nơi ba con nằm, mẹ cũng ngậm cười nơi chín suối. Xa con, chẳng những con buồn mà mẹ cũng buồn

lắm con ạ. Nhưng ở ...”.

Bà cụ bồng mếu máu. Cổ trắn tĩnh, bà cụ gạt nước mắt nói với một giọng nói đanh thép dứt khoát:

“Con hãy cố gắng giúp mẹ. Mua cho mẹ vé máy bay nhé”.

Thấy Thuận ngồi lặng thinh, bà cụ buồn rầu nói:

“Hôm qua, mẹ vô ý để cháu Hùng nó té ngã. Trán nó đập vào cạnh bàn xước một vết. Mẹ ở nhà chỉ có mỗi việc coi cháu mà để cháu thương tích như thế thì đoảng thật”.

“Thằng nhỏ nghịch ngợm lắm mẹ. Con có coi vết xước cũng không đến nỗi nào. Để mẹ trông nó, cực cho mẹ quá. Rồi ra, chúng con kiếm một người giữ trẻ để coi thằng nhỏ và phụ việc nhà tiếp mẹ. Mẹ lại có người chuyện trò cho đỡ buồn”.

“Ừ, con tính sao thì tính. Còn cái việc mẹ vừa nói với con, con nhớ để ý giúp cho mẹ. Sớm được ngày nào hay ngày đó. Con nhé”.

“Mẹ ...”.

“Không. Mẹ đã dứt khoát rồi”.

2.

“Con chào bà nội đi”.

Nghe Thuận nói, thằng bé sà vào lòng bà cụ láu táu hỏi:

“Bà nội sao không ở đây với cháu. Bà về Việt Nam hả bà. Việt Nam ở đâu và xa đây không bà”.

“Việt Nam ở tít bên kia bờ Thái Bình Dương. Mai này cháu lớn, ráng học rồi đọc sách vở, cháu sẽ hiểu nhiều về đất nước mình. Mà nhớ bà dặn đây, có giới tiếng Mỹ, tiếng Mễ, cháu vẫn phải nhớ tiếng Việt của mình là tiếng nước mình. Cháu dù sinh ra và lớn lên ở đây, nguồn gốc cội nguồn của cháu vẫn là nước Việt, dân Việt. Mãi mãi và như thế cháu nhé”.

“Mẹ nói thế thì nói chứ cháu nó làm sao hiểu được. Nhưng lời mẹ nhắc cháu chính là lời mẹ căn dặn chúng con và chúng con phải ghi nhớ đời đời. Con xin hứa với mẹ, con sẽ không để cháu mất gốc mất cội dù sau này cháu nói toàn tiếng Mỹ, nhưng tiếng mẹ đẻ cha dượng sẽ chẳng bao giờ mai một”.

“Đây là điều mẹ mong ước. Chỉ có chùng đó thôi cũng đủ mẹ hồi lòng mãn nguyện rồi”.

“Đây là tấm vé máy bay và giấy tờ tùy thân của mẹ. Mẹ đưa con cái xách tay để con bỏ vào đó cho chắc. Cái ví mẹ phải nhớ giữ bên mình và cẩn thận đừng để quên hay rớt trên suốt cuộc hành trình. Cả lúc mẹ xuống phi trường, mẹ cũng nên để ý kẻ gian lấy mất của mẹ. Ngoài giấy tờ mang theo, còn có cả tiền bạc con đưa cho mẹ để sử dụng lúc sau này”.

“Con đừng quá lo cho mẹ. Tính mẹ xưa nay kỹ lưỡng cẩn thận, đâu đến nỗi sợ sẩy để rơi để rớt đồ vật bao giờ”.

“Con biết. Nhưng vẫn phải dặn mẹ mẹ ạ”.

“Vợ con đã đi làm. Lúc về, con nói lại mẹ có lời chào”.

Đã tới giờ phải ra phi trường, bà cụ còn quay sang bà mới đến coi trẻ, nói:

“Thôi. Bà ở lại mạnh khỏe. Được bà đến đây coi sóc cháu Hùng, thấy bà là người có tư cách, đứng đắn, đàng hoàng, tôi cũng mừng. Thời thế thay đổi, chứ không gặp cảnh nước mất nhà tan, vợ một ông Thiếu tá Quận trưởng có đâu đi làm công việc này. Sang đây, ai cũng đều đâu tất mặt tối khổ cả. Mà không qua, sống với họ còn khổ như trâu như chó”.

“Vâng. Thưa cụ, hoàn cảnh đẩy đưa mình phải chấp nhận để sống. Con xin chúc cụ thượng lộ bình an”.

Thấy Thuận đã đưa xe ra đỗ trước nhà, bà cụ còn cố nắm tay bà đến giữ trẻ như không muốn buông ra. Rồi cũng phải buông khi nghe Thuận lên tiếng gọi mẹ. Ngồi cạnh con, bà nói với Thuận rằng:

“Cái bà ấy nom hiền lành tử tế. Có được một người như thế trông coi thằng Hùng mẹ cũng yên tâm. Vợ mấy ông HO qua đây ai cũng chịu khó cả. Chẳng thành kiến, mặc cảm để biết làm lại cuộc đời. Mẹ rất kính trọng họ con ạ”.

3.

Đêm ở phi trường, khu phòng đợi đông nghẹt hành khách. Cuối tháng ba, thời tiết vẫn còn lạnh. Buổi chiều, có một cơn mưa phùn làm bầu trời u ám và sũng sịt nước. Gió từ

biển thổi về mang theo hơi ẩm ở thành phố trên độ cao. Bây giờ Thuận và mẹ đã ngồi ở cái băng ghế trong phòng đợi. Phải nửa tiếng nữa máy bay mới cất cánh. Thời gian đó đủ để hai mẹ con nói những chuyện cần thiết trước khi chia tay.

“Mẹ à, đây là lời Thuận nói với bà mẹ. Mẹ biết con đi làm ở hãng, xin nghỉ dài hạn cũng có khó khăn, chùng nào con mới có cơ hội để về thăm mẹ được. Không nghĩ thì thôi, nghĩ đến con lại buồn”.

“Con chẳng cần bận tâm đến việc đó con ạ. Mẹ chỉ mong rằng ở bên này con lo cho gia đình và đi làm để có tiền bạc dư giả. Còn mẹ về bên đó, đã có cậu mợ con trông nom cho mẹ, mẹ thấy như thế là được rồi. Mà dù mẹ muốn ở lại đây với con với cháu, mẹ ở cũng không được đâu con. Hạnh phúc gia đình của con là điều không cho phép mẹ quấy rầy để rồi sau này hối hận. Mẹ muốn cứu vãn nó trước khi những chuyện không hay xảy đến làm khổ cho con”.

“Con biết. Nhưng ...”.

Thuận cầm chặt bàn tay mẹ cố gắng gương không khóc. Bà cụ bỗng nấc lên một tiếng rồi từ đôi mắt, những giọt nước mắt cứ thế tuôn ra. Kèm chế xúc động để lấy lại can đảm và nghị lực trước mặt đứa con trai, bà cụ lấy lại vẻ mặt tự nhiên và bình thản:

“Con trai của mẹ. Mẹ không muốn thấy nước mắt của con. Nước mắt chỉ là sự uрон hèn đáng xấu hổ. Bất cứ trong hoàn cảnh khó khăn và khổ cực như thế nào đi nữa, con phải như bố con vượt qua những chông gai và trở ngại để hãnh diện mình là con người. Sinh ra và lớn lên, bố con chưa hề bao giờ phải cúi đầu để chịu bị khuất phục trước mọi hoàn cảnh. Dù ngay cả lúc bố con còn ở tù, bị đánh đập, bị tra tấn, bị hành hạ thân xác một cách tàn tệ, bố vẫn ngẩng cao đầu và đi bằng đôi chân thẳng. Lúc này ngồi ở xe, mẹ có nói đến bà coi trẻ, đây chỉ là cách gián tiếp nhắc cho con biết một điều, một điều nhẩn nhục và chịu đựng, can đảm và hi sinh. Con phải luôn luôn nhớ rằng, cuộc đời là một bức thảm trải ra để ta đi lên nó mà không phải là tấm thảm để nó phủ kín lên ta. Trước khi mẹ về lại

quê nhà, mẹ chỉ muốn có ít lời nhắn nhủ con thế thôi”.
Khi bà cụ nói đến đó thì cũng là lúc hành lang xuống phi cơ đã mở và mọi người theo nhau bước vào. Bà cụ đứng dậy và lần đầu trong đời bà cụ, đôi môi khô héo nứt nẻ như trái quả già gấn vội lên má đứa con. Cái ngoái đầu, cái ngoác tay để lại trước khi cái bóng dáng gầy guộc của bà cụ mất trong những người hành khách đang tiếp nối đi tới.

4.

Thuận vẫn đứng đó sau tấm kính ngó ra phi đạo. Tai chàng nghe tiếng gầm rú phát ra từ bầu ống phóng phản lực khi chiếc máy bay lướt trên đường băng cất mình lên bầu trời. Thuận vẫn đứng đó không phải để nhìn mà để khóc lúc trên nền mây đen thẫm, đốm đèn đỏ của chiếc máy bay chớp tắt rồi biến mất ở khoảng không vẫn chỉ là một màu đen, đen thẫm và đặc.

NGUYỄN TRUNG DŨNG

(trích **Đêm nghe tiếng gáy**, tập truyện, Văn xuất bản 2006)

** Tên thật. Tác giả qua Hoa Kỳ theo diện HO. Hiện định cư tại Bắc California.*

MỤC THƯỜNG XUYÊN

THƠ VĂN SÁNG TÁC * SƯU
TẦM * NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC
* GIỚI THIỆU SÁCH BÁO *
TRUYỆN DÀI

NGUYỄN THỊ HẢI HÀ

Bắt đầu từ một con vệt



Chiyo, cô bé con của một dân chài nghèo rớt mồng tơi và bà mẹ bị ung thư, về sau bị bán cho trà đình rồi trở thành nàng geisha Sayuri nổi tiếng, đã tả căn nhà thời thơ ấu của mình ở trên một triền núi cheo leo, nó có vẻ ngất ngưỡng lão đảo như người say rượu. Căn nhà thời thơ ấu của tôi thì không như thế, nó giống như một bức tranh ghép bằng nhiều mảnh giấy màu, như một tấm bích họa.

Má tôi khoe, “bây coi, nhà mình ngon lành nhất xóm!” Tôi chưa được nhìn thấy căn nhà. Cháy nhà xong người ta cho dân nhà cháy ở tạm trong những căn lều dọc bờ kênh đào của một khu kỹ nghệ gọi là Kho Muối. Anh Hào ghé trại tạm cư chờ tôi đi ăn nước đá đậu đỏ bánh lọt. Tôi khoe: “Anh Ba, nhà mới của mình đẹp nhất xóm!” Anh hỏi “Ai nói?” Tôi trả lời, “Má chớ ai!” Anh cười khi nhéo mũi tôi mà không trả lời. Tôi chờ má, thúc giục mãi rồi đến ngày, má dẫn tôi đi xem nhà mới.

Chúng tôi phải đi bộ từ khu tạm cư đến bến đò. Ngồi trên đò má tôi bảo ngồi xuống nền ghe, tay giữ thành ghe kéo

ngã xuống sông. Khách đi đò, người lớn, ngồi hai bên thành ghe. Cùng đi chung chuyến đò với tôi có mấy con heo con còn đỏ hồng, nằm trong một cái giỏ ló mõm ra ngoài kêu eng éc, mũi hếch hếch như cố tìm một mùi quen thuộc nào đó, có lẽ là của mẹ nó. Từ bến đò đi vào khu nhà mới định cư của dân nhà cháy cũng chừng hai cây số. Từ chỗ cầu sắt, thấy căn nhà gạch hai tầng, ngói đỏ, tường vàng, có lan can sắt, tôi công nhận má tôi nói đúng, nhà tôi đẹp nhất xóm. Nhưng, má tôi không queo vào hướng căn nhà lâu này mà lại nắm tay tôi tiếp tục đi thẳng. Má nói: “Không phải căn này, nhà mình ở tuốt trong kia.” Tôi hơi thất vọng, vì nó không phải là căn nhà ngon lành nhất xóm như tôi tưởng tượng. Trái lại nó như một cái hộp được mặc cho một cái áo vá chằng chịt. Vách nhà là những tấm vá theo chiều nằm ngang, mỗi mảnh vá dài và hẹp gồm nhiều màu từ nâu đậm đến nâu nhạt. Mái tôn thì là những tấm vá hình vuông của tôn mới và tôn cũ hơi ri sét. Nhà hình hộp, không cửa sổ. Vách trước là những tấm gỗ dài có thể lắp vào hay tháo ra theo chiều đứng từ một rãnh hẹp. Tháo gỡ tất cả những tấm gỗ rời này ra khỏi cái rãnh hẹp sẽ có một cái cửa thật rộng. Má tôi dự tính mở một tiệm tạp hóa do đó làm cửa như thế về sau ngay sau cửa là một tủ kính vừa chứa hàng vừa làm quầy hàng. Sở dĩ căn nhà tôi có vẻ giống như một bức tranh bích họa dán ghép bằng những mảnh báo giấy rời rời bởi vì má tôi mua gỗ vụn ở một trại cưa gần đấy. Sau này, tôi mới biết là má tôi một thân một mình, hai tay cấp hai mảnh gỗ kéo từ trại cưa về nhà, kể cả những khi mưa dầm trên con đường đất sét. Đường đất sét trời mưa đi rất trơn. Muốn không té thì phải đi chân không, hai ngón chân cái phải quặp xuống đất để không bị ngã. Có khi tôi đi học về, trường học ở mãi ngoài bên đò, từ trường về nhà bình yên, nhưng khi đến dưới cổng dàn hoa giấy, chỉ lơ đãng một giây thôi, tôi té lăn quay lấm dơ hết quần áo. Ý là tôi đi tay không trên vai chỉ đeo cái cặp. Má tôi không than kéo cây nặng mà chỉ than đau ở hai đầu ngón chân cái và bàn chân của má tôi nứt rạn khắp nơi nhất là phía sau gót. Cát xong cái nhà, ai giúp má tôi cất nhà tôi không biết, má

bị lao phổi, ho từng búng máu. Tuy nhiên không thể buộc tội má tôi nói láo, bởi vì so với những căn nhà mái lá, vách đất chung quanh, nó có vẻ rất bề thế. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy mình may mắn, bởi vì tôi đã chẳng bao giờ mang cảm giác tủi hổ mình là con nhà nghèo.

Cái cầu sắt bắc ngang con kênh đào là nơi về sau tôi lặn ngụp như đã kể trong Tuổi Thơ Em Thả Trên Đòng. Chị tôi có mấy đứa con, đứa lớn nhất bằng tuổi tôi, đang ở Sài Gòn. Anh tôi chưa cưới vợ ở xa. Chỉ có tôi về ở nhà quê với má. Bị cắt ra khỏi bầy đàn với đám cháu sống chung từ hồi nhỏ tôi vừa buồn vừa mừng. Mừng là từ bây giờ tôi không phải chia sẻ má với ai. Tuy nhiên đang sống ở một nơi chín mười mạng dồn vào một căn nhà nhỏ xíu, bạn là mấy đứa cháu kêu tôi bằng di nhưng cùng trạc tuổi và cao lớn hơn tôi, bỗng dưng bây giờ đi ra đi vào có một mình, tôi buồn không chịu nổi. Buổi tối tôi ôm má khóc đòi về Sài Gòn để chơi với con Tâm thằng Trí. “Ở đây không có ai cho con chơi.”

Một hôm tôi chạy về nói với Má “Má ơi, nhà trước mặt mới mua một bầy vịt con, dễ thương lắm.” Má tôi thấy vậy ra chợ mua cho tôi một chục con vịt con mới nở lông còn vàng óng. Tôi mê lắm. Má dạy tôi xắt rau, xắt hành lá trộn với tấm cho vịt ăn. Cái mùi vịt con trộn với mùi tấm và hành lá làm tôi mê đến phát run. Mấy con vịt con có cặp mắt như hạt cườm nhấp nháy, ria ngón tay tôi, ria cả mũi tôi khi tôi cầm một chú vịt con đưa ngang mặt. Thả ra khỏi chuồng là chúng chạy theo tôi làm như tôi là mẹ chúng vậy. Nuôi trong chuồng cho đến khi chúng lớn lông cánh mọc lơ thơ thì thả ra đòng ra kênh đào cho nó bơi lội và mò tôm ốc. Tôi chăm sóc đàn vịt kỹ lắm, chúng là bạn của tôi. Đôi khi mất một con vịt vì bị rắn bắt tôi khóc rung rức cả ngày. Buổi chiều, để kêu vịt về tôi chỉ cần chỉ cần mang thau lúa đứng trên bờ kêu “kia kia,” để cái thau thấp xuống là đàn vịt bu đến ăn. Thau lúa rử đàn vịt về chuồng chỉ làm một lần là sẽ trở thành thông lệ. Đôi khi chúng ham ăn ốc ăn cua không chịu về, má tôi làm cho tôi một cần lừa vịt bằng một thanh trúc dài, có buộc một miếng giẻ ở đầu cần và tôi chỉ đứng trên bờ xua

vịt về.

Đàn vịt của tôi lớn lên thì đàn vịt của bác Ba cũng lớn lên. Vịt nhà tôi được ăn lúa nên đến giờ là chạy về chuồng. Còn vịt của bác Ba thì cũng chạy theo đàn vịt của tôi để được ăn ké. Lúa thì ít mà đàn vịt của bác Ba thì cũng như đám con của bác, thường xuyên đói. Tôi khổ sở bảo vệ thức ăn cho đàn vịt của tôi. Hai tay nắm hai cổ hai con vịt, một hai ba ném. Vậy mà không có con vịt nào bị gãy cổ hay gãy chân, nghĩ cũng lạ thiệt. Dường như trời cũng thương hại những con vịt đói nên ban cho chúng một khả năng tự tồn không dễ bị bẻ gãy. Về sau khôn hơn một chút, tôi nhốt vịt vào sân đóng cổng rào rồi mới cho vịt ăn. Rồi có một hôm đàn vịt về mà vẫn còn thiếu một con. Tôi đoán có lẽ con vịt này nhập bọn với đàn vịt của bác Ba và quên lối về. Mặt trời bắt đầu lặn, nước kênh đào dâng đầy, gió thổi hây hây, giờ này mà má tôi đi chợ bỏ hàng bán vẫn chưa về. Tôi cần phải đi tìm con vịt này trước khi má tôi về.

Tôi đi dọc theo bờ kênh đào ra hướng cầu sắt. Bên trái là con kênh đào nước lớn đục ngầu, rộng gấp đôi lúc nước ròng. Bãi lát ven bờ nước ngập lên gần đến ngọn. Bên phải là những ngôi nhà vách lá đứng thành hàng thành luống, chung quanh nhà nào cũng có mương. Nước của con kênh đào chảy theo những cái cống nhỏ vào mương, nhà nào cũng cắm vài bẹ rau muống hay rau nhúc. Không thấy con vịt tôi đi dần đến chỗ cầu sắt và đến đây thì tôi nghe tiếng vịt kêu.

Queo trái tôi sẽ đi qua cây cầu sắt và con đường này sẽ đưa tôi đến trường học ở ngoài bên đò tôi vẫn đi mỗi ngày. Queo phải là hướng đi về ngôi chùa mới. Chùa này cũng là do những người bị cháy nhà mới xây chung nên gọi là chùa mới để phân biệt với ngôi chùa cũ ở trên đường ra bến đò và gần đó là một cái đình rất to nơi đó tôi thường ra xem cải lương. Thịnh thoảng có gánh cải lương hát dạo về trình diễn ở đây. Trước mặt tôi là con đường mòn đầy cỏ u ru cao khỏi đầu người. Đây là một chỗ vắng vẻ, cỏ mọc bít kín lối đi. Thường xuyên khi đi đến ngã tư này tôi chỉ queo trái, hay queo phải. Tôi chưa bao giờ đi

vào còn đường mòn này. Rậm rạp nên tôi sợ có rắn, tuy nhiên, tôi nghe tiếng vịt kêu nên tiếp tục đi lần về hướng đó. Con đường mòn dẫn đến một lối cụt. Cuối đường là bãi cỏ mọc cao, bên ngoài bãi cỏ là khúc quanh của con kênh đào. Tôi mon men đến gần bãi cỏ, tiếng vịt kêu rõ ràng hơn. Buổi chiều, nước lớn, tiếng vịt kêu nghe thắm thắm buồn, cái buồn lẽ bạn. Con vịt của tôi, có cái bốt đen trên đầu, cái sẹ to ở gần mép vì có lần bị vướng lưới câu của bác Hai Tôn ở cách nhà tôi mấy căn, đang ở trong đám lác vừa kêu vừa rửa nước.

Tôi gọi con vịt về. Kía kía kía kía. Nó nhấp nhòm cái cổ có vẻ muốn theo tôi nhưng lại thôi không theo. Lúc này tôi quên mang theo cái cần lừa vịt. Đàn vịt đã nhốt vào chuồng rồi còn xách cần lừa vịt để làm gì. Rất là sai lầm, chứ nếu không thì giờ này có thể dùng cái cần mà xua con vịt. Túng thế, tôi lấy vài viên đá nhỏ ném chung quanh con vịt cho nó sợ mà chạy về. Con vịt hót hoảng bơi vòng tròn chung quanh bụi lác. Tôi ném thêm vài viên đá nhỏ gần con vịt hơn thì tình cờ một viên đá trúng vào đầu con vịt. Nó quay vòng vòng rồi cắm đầu xuống nước bất động. Tôi hú hí, xuyt xuyt, nhưng nó vẫn cắm đầu xuống nước. Có lẽ nó đã chết. Tôi không biết làm sao nên ngồi bệt xuống đất khóc rầm rức. Khóc vì thương con vịt vì tôi mà chết và vì sợ phải trả lời với má tôi số phận của con vịt và sẽ gặp cái lác đầu chán ngán thờ dài của má. Tôi chẳng làm gì nên thân.

“Con vịt của mày nó bị kẹt chân vào bụi lác. Chắc là chân nó bị dính dây nhợ gì đó nên càng vùng vẫy nó càng bị kẹt.”

Nghe tiếng nói sau lưng, tôi quay lại nhìn. Con nhỏ tóc hớt bom bê, cao bằng tôi, đầu có cái khăn màu đỏ sậm, rất cũ dính bùn đen lấm tấm. Cái khăn cột như một cái băng đô, để lộ chòm tóc phủ ngang trán.

Tôi nói qua nước mắt: “Tao lỡ tay, chọi cục đá trúng đầu con vịt chết rồi.”

“Chắc là nó xiu thôi, mày chờ một chút nó tỉnh dậy. Sao mày không lội xuống bắt con vịt về?” Con nhỏ đội khăn đỏ hỏi tôi như thế. Trời tối dần, nắng trên sông phản

chiều đủ để tôi thấy cái lúm đồng tiền nhỏ xíu gần khoe miệng của nó. Câu nó nói làm tôi yên tâm nên tôi nín khóc.

“Tao bơi chưa rành. Má tao dặn không được xuống sông khi lùa vịt.” Nhìn mặt nó tôi nói thêm. “Cái đồng tiền của mày coi ngộ quá. Thường thường đồng tiền của người ta nằm ở giữa má còn đồng tiền của mày nằm ở gần mép môi.”

“Ồ, lùa vịt mà không biết bơi dễ bị chết đuối. Bữa nào mày rành tao chỉ mày bơi. Mày không có số chết dưới nước đâu.” Con nhỏ khấn đỏ nói.

“Nhà mày ở gần đây hả? Sao tao ít khi gặp mày?” Tôi hỏi. Nó đưa tay chỉ về hướng chùa mới rồi nói “Đằng kia.” Tôi hỏi tiếp, “Ừa nhà mày ở gần chùa hả, sao tao với má tao đi chùa hoài mà chưa lần nào gặp mày.” Nó nhìn về hướng chùa rồi nhìn tôi, “tao ở ngay phía sau chùa.” Nó nói tiếp “mày có gì ăn không, tao đói bụng quá.” Trong túi tôi có viên kẹo dừa tôi đưa cho nó. Nó nói, “thôi mày đi về đi không thôi má mày đi kiếm đánh đòn bây giờ, để tao canh con vịt cho mày.”

Tôi thấy trời đã tối, và đói bụng. “Mày có muốn theo tao về nhà ăn cơm không? À mày tên gì?” Tôi hỏi. Nó nói, “thôi, tao ở đây, chút nữa mày có rảnh thì ra đây chơi với tao.” Tôi hỏi, “sao mày không về nhà đi?” Nó nhấc tôi, “mày hỏi nhiều mà hỏi cái gì đâu không. Tao ở đây canh con vịt, chút nữa nó tỉnh lại tao sẽ lùa xuống bắt nó dùm mày.” Con nhỏ đội khấn đỏ nói giọng chắc nịch nên tôi không nghi ngờ gì cả. Quên hỏi coi làm sao mà con nhỏ hay quá biết con vịt không chết. Quên hỏi nó là sao nó không vớt con vịt lên giùm mình bây giờ. Tuy nhiên tôi sợ má tôi rầy nên lật đật chạy về.

Tối hôm đó, khi theo má tôi đến chùa tôi lên rọc một miếng lá chuối ở cây chuối trồng bên hè rồi gói theo một ít cơm mới nấu và cá khô nướng. Khi má tôi bắt đầu cầu kinh tôi lên ra khỏi chùa chạy đến chỗ ban chiều. Tôi gọi, nhỏ ơi, nhỏ khấn đỏ ơi, nhưng không có ai trả lời. Trong bóng tối mịt mù, tiếng gọi của tôi rơi vào con sông

nước đã bắt đầu lui. Con vịt không còn ở đó, có lẽ nó đã bị nước cuốn đi. Tôi trở lại chùa ngồi đợi má tôi. Cái chùa này về sau trở nên thân thiết với tôi lắm. Thân thiết vì tôi đã ở đó mấy năm khi có một lúc lầy hờn tôi ôm gói bỏ nhà đi ở chùa. Không cạo đầu đi tu, vẫn mặc áo dài đi học, nhưng khi qua khỏi cây cầu sắt thì thay vì quẹo tay mặt đi về nhà tôi đi thẳng đến chùa. Mãi khi căn bệnh lao phổi của má tôi trở nặng, và má tôi năn nỉ, tôi mới chịu về.

Buổi sáng hôm sau, trước khi đi học, tôi thả vịt ra đồng và ngạc nhiên thấy số vịt đầy đủ. Con vịt tối qua tôi tưởng đã chết và nước cuốn trôi đã về từ lúc nào và làm thế nào để vào chuồng thì tôi không biết. Ban đầu tôi ngỡ là con vịt hàng xóm lẫn lộn vào nhưng cái bớt đen trên đầu và cái sẹo gần mỏ vịt không thể nào nhầm lẫn được.

Tôi định bụng sẽ đi tìm con nhỏ khăn đỏ để cảm ơn, và hỏi nó đã làm thế nào để trả con vịt lại cho tôi, chợt nhớ ra là mình không biết chỗ ở của nó.

Má tôi đi chùa thường vào buổi tối, ngày rằm và mồng một. Khi đến chùa tôi cố ý tìm nó khắp nơi nhưng không gặp. Sau chùa có vài căn nhà tôi biết mặt gần hết mấy đứa trẻ, bên trái của chùa là nhà con Tiên con của cô hai Đẹp. Cô ở nhà quê, chỗ nào đó còn nhà quê hơn chỗ này, có chồng theo du kích, bị bắt tra hỏi mãi nên phải trốn lên Sài Gòn. Đằng sau chùa là nhà của ông bà Tư Xị có một đàn con gái tên Khai, Nở, Nhị Hoa, Hương, đúng năm cô nên được gọi là Ngũ Long Công Chúa. Công chúa gì mà nghèo rớt mồng tơi cứ phải qua chùa ăn cơm ké. Kế bên nhà con Tiên là nhà hai anh em thằng Quan thằng Quyền. Thằng Quan hơi giống giống Ấn Độ, có đôi mắt rất to và hàng lông mi vừa rậm vừa cong. Xóm nhà tôi có ba thằng: Đông, Nghĩa lớn và Nghĩa nhỏ. Thằng Đông là con nhà bác, hai thằng kia là anh em con nhà chú. Ba thằng rủ nhau đi chọi gạch trên mái tôn nhà của ông gác dan canh giữ gạch đá người ta đổ đống để xây cái nhà lồng của chợ. Ông quê nên không rượt đám trẻ nghịch ngợm được. Vậy mà lũ trẻ không để yên. Tụi nó không cho tôi theo nhưng

tôi tò mò lẻo đẻo theo sau. Chọi đá xong ba thằng hè nhau chạy, đầu của thằng mắc toi nào đó đụng vào mắt tôi nổ đom đóm, đau mà tôi không dám khóc. Tôi rong chơi nghịch ngợm khắp nơi mà tôi không bao giờ thấy con nhỏ khăn đỏ. Một hôm đi chùa với má tôi, tôi ngu dại chê ông Mười bán com tấm đánh trống Bát Nhã không đúng bài bản gì cả nên ông nổi giận đuổi tôi ra khỏi chùa. Mọi người bắt tôi mang hương đèn ra xin lỗi ông nhưng tôi đồ chướng, không đúng thì tôi nói không đúng chứ làm gì mà phải xin lỗi. Tôi bỏ chạy ra khỏi chùa và đến bờ sông, chỗ bụi lác mà con vịt bị mắc kẹt, ngồi khóc thút thít một hồi thì tôi nghe giọng con nhỏ sau lưng. “Sao mà ít khi đến đây mà lần nào đến đây mà cũng khóc hết vậy.” Giọng nó bất thình lình làm tôi giật mình nhưng nghe nó cười thì tôi hết sợ và nín khóc ngay. Tôi kể nó nghe đầu đuôi câu chuyện. Nó nói “Mày nín khóc đi tao kể chuyện trong chùa cho mày nghe. Cái ông Mười bán com tấm đó tu hành gì mà tham sân si dữ lắm. Mày xui lắm mới dám chê ông, mà thiệt ông không phân biệt tiếng trống nào là tiếng trống nào. Ông đánh trống bài gì nghe cũng như người ta đánh trống múa lân vậy. Ông sắp đuổi thầy Xuân ra khỏi chùa vì thầy và chị Khai có tình ý với nhau. Chị Khai người này nở tròn trịa, một bên mắt bị hột cườm nhưng tính rất dễ thương. Thầy Xuân có miệng móm móm có duyên hết cỡ. Trời ơi thầy chùa gì mà hát vọng cổ hay quá xá hay. Ông đi tu từ hồi nhỏ, vì nhà ông rất nghèo nuôi không nổi nên cho đi tu, chứ không phải đi tu kiểu trốn lính như mấy ông thầy chùa khác. Ông nói đuổi thầy Xuân ra khỏi chùa bây giờ thì thầy sẽ phải bị đi lính.” Con nhỏ nói vanh vách cái gì cũng biết hay thật. Tôi và nó hẹn nhau cứ mỗi lần rằm hay mùng một tôi theo má đến chùa thì chúng tôi sẽ ra bờ sông gặp nhau nói chuyện chơi.

Chúng tôi nói đủ thứ chuyện. Tôi kể nó nghe chuyện tôi đi học sáng sớm bị heo rượt. Chị Bé lớn chê ông thầy giáo dạy chị đi hai hàng như mắc bệnh phong tình. Nó bảo tôi học bơi muốn cho giỏi thì phải học chìm trước rồi mới học nổi và học bơi. Điều này cũng đúng khi đã hết sợ

bị chìm thì tôi muốn chìm cũng không được, thân hình cứ tự động nổi lên, ngay cả khi tôi trằm mình xuống đáy sông, cầu lấy bùn để được chìm lâu lâu chút nữa. Đêm mùa hè nóng nực nó cởi quần áo nhảy tòm xuống sông và nằm thật lâu dưới mặt nước đến độ tôi sợ nó chết đuối. Dưới ánh trăng, mặt nó nhìn xuyên qua lớp nước trông giống như cười. Tôi ngạc nhiên hỏi làm sao mày cười dưới nước hay vậy. Nó dạy tôi khi bơi thì phải gồi sóng theo dòng, hễ muốn giữ mạng sống thì không nên bơi ngược nước. Nó chỉ tôi ngôi sao sáng nhất trên trời xéo xéo phía dưới mặt trăng đó là sao Lớn bây giờ tôi biết đó là sao Hôm và cũng là sao Mai. Chùm sao bốn góc không đều nhau có một dọc ngôi sao bên trên là chùm sao bánh lái lớn và gần đó là chùm sao bánh lái nhỏ. Tôi phàn nàn tao không thích ở đây, chỗ ở gì mà kỳ cục không có cầu tiêu. Ngày mới về má tôi bắt lấy cái cuốc đào một lỗ nhỏ đi cầu xong lấp lại. Có lúc đi cầu cá thì nghe cá quậy mà hết hồn. Mà thôi mình nói chuyện khác đi, nói mấy chuyện này nghe mắc ối quá. Nó nói giọng người lớn, người mình lo chuyện ăn còn không xuê nên không muốn lo chuyện ia, rồi cười hì hì. Ngày ở ổ chuột trong thành phố dùng cầu tiêu công cộng, dòi bọ lúc nhúc, trông trước trông sau, nòng nặc hôi thúi nhưng có một chỗ để mình biết đó là cầu xí. Còn ở đây người trong xóm ra bậc tam cấp dẫn xuống sông để đi cầu dơ cả lối đi.

Nghĩ cho cùng chuyện bài tiết là chuyện tất nhiên nhưng không có một chỗ để bài tiết cho kín đáo cũng là một điều mà cả hai đứa bé như chúng tôi cùng hổ thẹn. Tôi kể nó nghe lúc sau này tôi không dám đến chùa không phải vì sợ ông Mười bán cơm tấm sau vụ đánh trống mà vì tôi sợ gặp thằng Quan.

“Nó làm gì mày mà sợ?”

“Tao không sợ nhưng tao mắc cỡ.”

“Mắc cỡ vụ gì?”

“Tao thấy nó có cặp mắt đẹp tao thích nhìn. Nó biết tao nhìn nên nhìn lại. Vậy thôi. Một hôm ở nhà trời nắng nóng tao muốn đi tắm. Cái lu nước đầy để tắm ở phía sau nhà. Tao cởi quần áo xong nhưng không có cái gáo múc

nước vì tao bỏ cái gáo trong cái lu đang trước nhà. Tao nghĩ giờ này không có ai ở ngoài đường, chung quanh ai cũng ngủ trưa nên tao đi ra phía trước nhà để lấy cái gáo nhưng tao làm biếng không mặc quần áo vào. Vừa đi tao vừa nghĩ nếu xui xẻo lúc này thằng Quan thấy thì chết.”

“Rồi sao nữa, kể lẹ lên, mày hay ngừng nửa chừng làm tao sốt ruột muốn chết.”

“Tao nghĩ nhưng cứ tiếp tục đi. Chỗ này không phải là chỗ thằng Quan đến. Nó không có bạn ở đây. Trường học thì ở ngoài bên đò. Tao mới nghĩ đến đó thì đã ra đến cửa. Tao chạy nhanh đến cái lu, vớt cái gáo quay lại.”

“Mày gặp thằng Quan?”

“Ồ! Không biết nó đi đâu mà đạp xe ngang, nó nhìn tao, cười, rồi quay mặt đi.”

“Nó thấy mày? Nguyên con?”

“Ồ, nguyên hình nguyên con.”

“Xấu hổ thiệt.”

Hai chúng tôi khúc khích cười. Hai đũa nằm dài ngược chiều nhau đỉnh đầu nó chạm vào đỉnh đầu tôi. Con đường ít người qua lại mưa trôi đất nên đá đỏ lồi chôm cấn lưng khá đau. Đêm không tối đen như người ta nghĩ. Dù không trăng nhưng ánh sáng từ sao từ mây vẫn đủ cho chúng tôi thấy nhau lờ mờ. Tôi thích nghe tiếng gió lướt nhẹ trên sông và xuyên qua cỏ lác. Với nó nói chuyện gì cũng vui cũng cười được. Tôi rủ nó mày về nói ba má mày rồi đến nhà tao ở luôn. Nó cười.

“Tao không ở nhà mày được!”

“Tại sao?”

“Nhà mày không dư com và má mày không cho!”

“Tao sẽ xin má tao! Má tao hiền lắm thế nào cũng chịu. Sao mày nghĩ là má tao sẽ không cho?”

“Tại vì tao là ma.”

Tôi cười khúc khích.

“Vậy à, ma như mày chẳng ai sợ. Mày là ma thì tao là quỷ. Má tao kêu tao là con quỷ rồi nên ma hiền lắm thế nào má cũng thương.” Tôi nói.

“Tại mày không sợ tao nên tao với mày mới gặp nhau. Chớ má mày mà biết mày chơi với tao là bà sẽ cấm ngay.

Mày sướng mà không biết, mày có má cung mày quá trời, thử tưởng tượng những đứa nhỏ không biết ba má nó là ai, không có một chỗ ở, suốt ngày chờ mà không có ai để chờ, có tên nhưng chẳng ai gọi nên lâu ngày như không có tên.”

“Ồ nói tới tên mới nhớ, mày tên gì?”

“Mày muốn kêu tao bằng cái gì cũng được, cần gì phải biết tên tao.”

“ Tao tên Hà, tên Hà là ba tao đặt. Ba tao có học nên biết đặt tên. Má tao nhà quê không biết chữ nên gọi chị tao là Bé, còn tao là Bé em. Mày sao điệu đà quá hỏi tên mà cũng không nói.”

Ba tôi có học nhưng chẳng có tình nên chỉ có má tôi vừa làm mẹ vừa làm cha, vậy mà tôi vô ơn ghê lắm cứ mở miệng là khen ba mình có học còn chê má mình không biết chữ.

Có một hôm nó móc trong túi một cục gì giống như kẹo màu đỏ đỏ nhai rồi thoa lên mu bàn tay phải của tôi, bảo là trả lại cho tôi cái gì của tôi và cũng để nhắc cho tôi nhớ nó. Lúc đó da tôi khô lại như bị thoa vôi chứ không thấy đau rát gì cả. Bẵng đi một thời gian không thấy nó tôi buồn muốn điên. Có một đêm đang ngủ, trăng sáng, mơ hồ tôi nghe có ai gọi, tôi thức giấc lén mở cửa lò dò ra bờ sông. Tôi thèm có người trò chuyện với tôi. Má tôi ngủ tiếng ngáy khò khẹt không đều làm tôi sợ má tôi nín thở và sắp chết. Ngồi ở bờ sông một hồi tôi đi bộ về. Đang đi tôi nghe có tiếng xe đạp cán trên mặt đá đỏ lào xào phía sau. Giờ này khuya lắm rồi trăng đã lên đến đỉnh đầu. Tôi không muốn người đi xe đạp nhìn thấy tôi nên lúi vào bụi cỏ khom người chạy nhanh về nhà. Người đạp xe như có gì đó tò mò hoặc nghi ngờ, hẳn chạy một đỗi xa đến con đường ở phía sau nhà của tôi rồi quanh xe trở lại như để tìm tôi nhưng lúc ấy tôi đã vào nhà.

Chiều hôm sau khoảng bốn giờ có người dựng xe đạp ở giàn bông giấy và hỏi má tôi. “Thưa bác, ở đây có hai cô bé cao chừng này không?” Người thanh niên có vẻ trẻ

hơn anh tôi, có lẽ chưa đến ba mươi, tay để chùng ngang ngực anh để ra dấu chiều cao các cô bé anh ta muốn hỏi. Chợt nhìn thấy tôi, anh nói cỡ cô bé này. Anh hỏi tôi, “đêm qua em có đi đâu ra khỏi nhà không?” Dĩ nhiên là tôi chối biến đi, vì sợ má tôi đánh đòn tội nửa đêm lên nhà ra sông. “Dạ không, tối em không đi đâu cả. Đi để làm gì?” Má tôi muốn biết đầu đuôi câu chuyện nên anh kể là anh đang đạp xe về thì thấy có hai cô bé từ bờ sông đi lên. Anh đoán là hai cô bé xuống sông để đi cầu, nhưng thoáng một cái đã biến mất tiêu. Anh đoán chắc nịch một cô bé là tôi, vì tóc bom bê. Má tôi nói xóm này chỉ có nó là con gái. Còn con nhỏ kia ra làm sao, anh nói cũng cao tương đương, nhưng có đội cái khăn.

Té ra đó là anh hàng xóm mới dọn về đây ở. Anh ta về rồi má tôi hỏi to hỏi nhỏ vắn vẹo mãi nên cuối cùng tôi kể má nghe về con nhỏ đó. Má dẫn tôi đến bờ sông chỗ tôi và nó thường ngồi trò chuyện với nhau nhưng chẳng tìm thấy gì. Chung quanh chỉ toàn cỏ mọc và sát mé nước cỏ che lấp hết có một cái miếu rất nhỏ chỉ bằng cái lồng chim. Trong miếu có một tấm bài vị đã phai bạc hết màu không còn nhìn thấy chữ nghĩa gì nữa. Trong chùa ở hậu liêu có một bài vị của một cô bé mười một tuổi, chết đuối. Người nào đó biết chuyện bảo rằng con nhỏ đi tìm con vịt lờ chân té xuống sông chết chìm. Mẹ nó gửi bài vị vào chùa từ lúc chùa mới xây rồi bỏ đi mất luôn không ai biết tông tích nữa. Phía sau bài vị có ghi tên con nhỏ, ngày sanh tháng đẻ. Một sự trùng hợp lạ thường, nó cùng tên, cùng ngày tháng và năm sinh với tôi. Người ta không ghi giờ nhưng chắc là nó phải sinh vào ban đêm lúc tối tăm nhất. Má tôi cấm từ nay không được đến góc sông này. Cấm không được chơi với con nhỏ đó. Má nghĩ là nó âm mưu bắt tôi theo nó. Điều đáng buồn là về sau không ai bắt mà tôi vẫn bỏ má tôi. Càng lớn lên tôi càng đi xa, càng tách rời, càng nổi loạn. Tôi bỏ má tôi đi xa đến tận bên kia bờ đại dương. Con nhỏ khăn đỏ có lần nói thường thì người ta sợ mất con hơn là sợ mất mẹ. Thường thì con bỏ mẹ nhiều hơn mẹ bỏ con. Chỉ những người bị bỏ mới cảm thấy cái

bất hạnh này.

Lúc chuyến tàu tôi đi bị chết máy, cả tuần lênh đênh trên biển, tôi nghĩ đến lời con nhỏ bảo rằng số tôi không chết dưới nước. Thử tưởng tượng, không biết chết vì no, no vì nước tràn vào miệng đầy bao tử, tràn vào mũi ngạt phổi hay chết dần mòn vì đói và khát cái nào đáng sợ hơn. Nhớ cái mặt của nó nằm dưới nước cười. Tôi tự hỏi không biết có thật nó là ma hay không hay chỉ là một sản phẩm trong óc tưởng tượng của tôi, vì thiếu bạn mà tự chế ra một đứa bạn để trò chuyện cho đỡ buồn. Tóm lại chỉ có mình tôi thấy nó, biết nó, và nói chuyện với nó. Trên mu bàn tay phải của tôi nơi con nhỏ trét vào tay tôi một chất gì như vôi vẫn còn cái bột màu đỏ tươi. Đây có thể là một bệnh ngoài da. Nhưng tôi không giải thích được làm sao anh hàng xóm thấy trong cái đêm trăng sáng đó cùng chạy bên cạnh tôi có một con bé đội khăn. Tôi hỏi nó sao mày lúc nào cũng đội khăn. Nó nói tại cái đầu tao vừa bị méo vừa bị sẹo ghê xấu lắm. Má tôi nói khi chôn người chết người ta cho đắp lên mặt cái khăn màu đỏ. Tôi và con nhỏ là hai linh hồn ở hai thế giới khác nhau, do một tình cờ của định mệnh, chỉ có thể gặp nhau trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, trò chuyện đôi lần rồi đường ai nấy đi, đời ai nấy sống (và chết). Tôi không biết cơ duyên nào đưa chúng tôi đến với nhau nhưng từ lúc đó tôi tôi luôn luôn cố tìm một người bạn như thế để chia sẻ mọi vui buồn với tôi.

Người ta nhớ về một quê hương có hoa thiên lý, lũy tre còm tả tơi, con sông đào xinh xắn, cánh diều biếc bay trên đồng. Tôi cũng nhớ quê mình, bên cạnh tất cả những cái đẹp tha thiết dịu dàng của quá khứ, còn là vùng đất nghèo nàn thiếu cả cái cầu tiêu. Gần đây đọc quyển Anh Em của Yu Hua thấy nói lu bù chuyện cầu tiêu công cộng, nhân vật trong truyện dám lợi xuống hố phân mà cứu người. Rồi đọc quyển The Inheritance of Loss (Kế thừa sự thua thiệt mất mát) một nhân vật nhớ lại lúc rời quê hương đi nước ngoài nhìn thấy dân làng của ông ta ngồi dọc theo đường rẫy xe lửa mà đi cầu, tôi không khỏi liên tưởng đến

câu chuyện ngày xưa tôi và con nhỏ ma than thở và hổ thẹn vì không có chỗ đi cầu kín đáo. Tôi muốn nói với nó Nhỏ ma à, không phải chỉ có dân xứ mình chỉ quan tâm đến chuyện ăn mà không màng đến chuyện bài tiết. Dân của hai cái xứ lớn hơn xứ mình là Trung Hoa và Ấn Độ cũng cùng cảnh ngộ đó thôi. Thịnh thoảng cái bót đồ trên tay tôi ran rít như nhắc nhở tôi rằng con nhỏ vẫn ở quanh đây, vẫn nghe tôi nói như ngày xưa chúng tôi đã nói chuyện với nhau bên con đường đầy cỏ cạnh khúc kênh đào vắng vẻ. Tôi không khỏi tự hỏi liệu có lúc nào chúng tôi sẽ gặp lại nhau.

** Tác giả hiện định cư ở tiểu bang New Jersey. Ngoài viết văn, tác giả còn được biết nhiều như một dịch giả.*

Vê Làng

Truyện ngắn của Nguyễn Lệ Uyên

*Derrière chaque l'homme,
il y a un enfant”
Angel. V*



Ông Xang gắng sức đạp liên mấy chục cái chiếc xe mới chịu nổ. Nó bật rung lên, ho lạch cạch như người bị hen suyễn, còn ông thì gằn đút hơi. Chỉ cần thêm mấy cái đạp nữa có thể ông sẽ khuyu xuống. Ông đã già. Chiếc xe cũng già. Nó già gấp mấy lần con chó nhà ông đã rụng lông xơ xác, vảy tróc lên từng mảng ghê lở màu phân trâu. Ông thở hắt ra rồi tự nhủ “dù gì cũng phải cố đưa ông bạn già về làng một chuyến sau nhiều năm xa cách, như một bổn phận không thể cưỡng chống”.

Nhưng ông bạn Việt kiêu hình như không nhìn thấy cảnh này, đang ngó nghiêng nhìn trời ngắm đất. Mãi đến khi chiếc xe hăng giọng ho khùng khục liên hồi thì ông mới quay lại hỏi “được chưa” rồi thân nhiên dặng chân ngồi lên sau yên cười hềnh hếch: “Ồi con ngựa già của... đáng yêu!”. Tiếng máy nổ át tiếng nói, ông Xang không nghe gì, chỉ có mảng khói đen khét lẹt phụt ra sau như cổ lấy sức dươn tới một cách khó nhọc. Ông bạn Việt

kiêu cưỡi hễ hã: “Mấy chục năm về làng được đi xe ông như lý trưởng ngày xưa cỡi ngựa”. Ông Xang nghe tiếng được tiếng mát: “Chịu khó ngồi, nửa tiếng nữa tới làng”.

Làng của hai ông là xóm nhỏ nằm bên tả ngạn khúc sông uốn hình vòng cung trước khi chảy xuôi ra biển, bên này là con đường chạy song song với kênh dẫn nước nổi đồng bằng với các vùng núi phía tây. Trước, cái làng ấy nổi tiếng giàu có nhờ ruộng đất phì nhiêu; nổi tiếng đá gà và và xóc đĩa kéo dài từ tết cho đến giáp mùa lúa tháng Ba. Con gái trong làng đẹp bởi nước da trắng, mắt đen láy nhưng khổ nổi mông to như đít trâu cày, hai bàn chân thì bè ra như chân vịt. Mông to và chân bè vì những gánh lúa dè nặng lên đôi vai trên những bờ ruộng khắp khênh, trơn lầy. Trai các làng khác mê mẩn những chiếc mông to ấy. Họ bảo những chiếc mông ấy mềm êm hơn cả chiếc gối nhồi bông, ôm những chiếc mông đó còn hơn ôm cả thiên hạ trong tay. Khốn thay đó chỉ là cách nói đầy đùa vừa dè bĩu vừa âm mưu toan tính: đằng sau khối thịt dè dặt kia là những thửa ruộng được quẹt bằng mẫu lên mông đít. Mông thấp nhất cũng ba, bốn sào hồi môn. Mông to cả chục. Trước mắt, nhìn có chút dị hợm, nhưng lâu dài y chang chuột sa bò nếp nên trai các làng tha hồ xòe cánh, cong đuôi rung rung lú lo, mặc kệ chuyện các cô ít ai ra khỏi làng, mặc kệ chuyện chữ nghĩa nhiều ít. Chữ nghĩa không đê ra ruộng đất. Cái cần là những chiếc mông to dùm, bè bè kia đê sẵn ra ruộng, loại ruộng thượng đẳng điền, khỏi đổ mồ hôi công sức, tránh cảnh ăn mắm mút dòi dành dùm tiền bạc tậu ruộng. Cửa có sẵn, sướng thân.

Cả hai, ông Xang và ông Tĩa Việt kiêu đều có thời thơ ấu gắn chặt với làng như lũ rận nắp trong vạt áo buổi dùm nước tro giặt áo quần. Lớn lên một chút, vừa kịp nhận ra màu mắt, nước da, ngực nhô cao phía trước, mông đầy lúi ra sau tạo thành đường cong bắt con mắt phải mở tròn hết cỡ, thì cả hai bắt đầu xa làng, lang bạt khắp nửa đất nước. Sau chiến tranh cả hai đôi bạn chân tình đều bị qui thành phần, nhà cửa ruộng vườn bị sung vào công sản, một người lên thành phố kiếm sống và sống cũng tạm ổn;

người kia lên thuyền vượt trùng dương và mang quốc tịch khác. Hai cảnh đời khác nhau, nhưng vì tình thân từ tấm bé nên mỗi khi hai người gặp nhau, từ thời trai trẻ cho chí tuổi già, thường bên cạnh nhau như hình với bóng.

Lần này ông Tĩa về nước sau gần ba mươi năm không hề biết đến mùi nước mắm, cá kho năm bảy lửa và khói bếp nên thấy cái gì cũng lạ, ăn cái gì cũng ngon, hết đĩa con nít mới lớn. Tâm trạng ấy chỉ lấp ló trong đầu ông Xang như đóm đỏ đầu cây nhang nhìn thấy từ xa, rất xa. Ngược lại, ông Tĩa thì luôn háo hức, hồi hộp, chờ đợi... rồi nó bật rên nho nhỏ khi hai ông nằm chung trên chiếc giường chỉ có chiếc chiếu trên tấm vạt tre: “Mai mình về thăm làng, hê?”. Ông Xang gạt chân bạn đang gạt ngang qua bụng: “Còn ai đâu!”. Ông Tĩa chồm lên, thì thào: “Còn chớ sao không. Lùm tre, đọt dừa, đồng làng, con muong... với cô Ba Khánh”. Ông Xang thở dài: “Tôi cũng không nhớ nữa. Còn sống thì chắc cũng phệ phạp, răng rụng hết rồi”. Im lặng một lát. Hai con thần lẩn động cõn rung đuôi trên vách, một con nghẹo đầu về làm duyên, con kia chồm tới rồi cả hai chơi trò đuôi bắt, khuất trong chỗ tối nào đó. Ông Tĩa mở mắt thao láo ra nhìn vào chỗ tối, thở hắt ra. “Chùng này mà răng chưa rụng mới lạ. Nhưng có hề chi. Ta tìm chút hương xưa, thấp thoáng, mờ mờ. Mai đi. Nhất định đi”.

Chiếc đèn ngủ trên vách tỏa chút ánh sáng nhòa nhạt. Mọi vật đều mờ mờ. Tâm trí ông Xang cũng mờ mờ về hình ảnh cô Ba Khánh. Ông không thể hình dung nổi cô Ba ra sao. Không nhớ nổi. Lâu quá rồi, xa quá rồi. Nhưng ông Tĩa chắc nhớ rõ. Không nhớ sao lại nhắc đến? Mà nhớ là phải. Hai người đã có tình ý từ hồi học septième classe. Hồi đó chắc cô cũng đã phát mã, gò ngực mây mây, nước da trắng như trứng gà bóc vỏ khiến anh học trò Tĩa ngây ngất? Khuôn mặt đó, cặp mắt đó hẳn ông Tĩa lưu giữ mạnh mẽ trong đầu hơn bất kỳ ai. Về nước nhớ làng. Về làng bỗng nhớ người yêu trong mộng đã mọc meo từ kiếp nào. Nhưng chút bụi mốc ấy bỗng sáng lóa, trơn tru, mới mẻ đến bất ngờ. Hai ông bạn già tuổi quá bảy mươi tự dưng thấy lòng cõn cào nổi nhớ băng quơ, mỗi người nhớ

về một chôn, một kiểu khác nhau.

Giờ thì hai ông bạn già đang trên đường về làng với chiếc xe máy cũ kỹ, thỉnh thoảng ho khan của người bị bệnh hen suyễn mãn tính.

Xe ra khỏi thành phố non cây số, bất ngờ ông Tĩa bấm vào hông bạn.

-Dừng, dừng lại!

Ông Xang ngoái lại làm chiếc xe lạng đi, suýt đâm bổ sang lề bên kia.

-Chi vậy, bộ mắc tiều hả?

-Không, dừng lại. Mình nhớ...

Ông Xang đạp thắng. Chiếc xe khi đứng yên cũng khốn khó như khi nổ máy lao tới. Ông bạn già ngoái chân ra sau bước xuống, đứng chống nạnh ngoái ra hướng bắc:

-Ngôi miếu chỗ này đâu rồi nhé? Rõ ràng hồi năm miếu tọa vị trên khu đất này mà?

-Ngôi miếu thờ thành hoàng?

-Đúng. Xưa kêu miếu Cây Da.

-Phía trên kia, non cây số; nhưng nó biến mất rồi, biến từ khuya!

-Sao vậy? Bão sập, lũ nước cuốn trôi?

Ông Xang xa xăm.

-Bão lũ gì. Hồi vô hợp tác xã, mấy ông cán bộ kêu “không có thần thánh gì sất, mê tín dị đoan. Phá đi để làm sân kho, phải duy vật, phải biến nó làm ra của cải chứ không để chình ỉnh ra đó, choáng đất...”.

-Trời đất, không có người tiên phong mở đất lập làng thì làm gì có chôn này. Một theo đất nhỏ để phụng tự người có công mở đất mà kêu dị đoan với mê tín!

-Thôi đi. Công trạng coi như đã hoàn mãn. Giờ thì qua chương khác, phải làm ra của cải. Nghe nói hồi đó mấy lăng tẩm, đền miếu ngoài cố đô còn bị phá bỏ huống chi ngôi miếu nhỏ này. Lên xe ông bạn, trưa rồi – ông Xang nói như ra lệnh.

Chiếc xe khốn khổ rên lên rồi lấy hết sức bình sinh dướn tới, lằm chằm giống đứa trẻ mới tập đi. Nó loạng choạng không hẳn vì sức nặng của ông bạn ngồi sau mà đơn giản nó quá cũ kỹ, rệu rã chỉ năm thì mười họa

mới lòi ra dùng; như bữa nay nó lấy hết hơi tàn lực kiệt để đưa hai người về làng, như một cách trả đền ơn nghĩa cho những tâm lòng thiết tha đến cố hương. Ông Xang có cảm giác mắc cỡ với bạn vì sự chậm chạp, ọc ạch. Nhưng ông Tĩa thì không thấy thế, sự chậm chạp kia giúp ông có đủ thời gian quan sát mọi vật chung quanh. Đó là dòng nước trong xanh từ đập chắn ngang khúc sông lớn đưa về. Nước len vào các chân ruộng đang thì con gái. Mùi thơm nhẹ của cây cỏ, đất bùn phảng phất trong gió hiu chút nắng buổi sáng. “Giá có chút khói đốt đồng” ông nghĩ thầm trong đầu. Thứ khói đó chỉ có ở các làng quê trong nước, lừng lừng thơm như một loại nước hoa khác biệt với thể giới cơ khí, nhôm nhựa! Chỗ ông ở thỉnh thoảng vẫn có khói, nhưng đó là những đám khói cuộn cuộn trong các vụ cháy rừng. Khói mù mịt, nồng nặc đến ngạt thở, co giò chạy thục mạng, lên xe phóng như tên bắn; loại khói của nỗi hoảng loạn khi chúng men tới sát mép rìa khu thị trấn. Dễ đến ba bốn lần ông hít phải thứ khói ấy với nỗi sợ hãi mình sẽ bị thiêu cháy ngay tức khắc!

Phía trước, ông Xang bất ngờ đưa cánh tay khẳng khiu ra và bất ngờ ngoặt sang trái để rẽ vào đoạn đường trải sỏi đỏ hỏn. Ông Tĩa chồm tới:

-Đi đâu vậy, cưa vào đây làm gì?

-Thì vào làng mà – Ông Xang trả lời.

-Làng? Làng mình nay giàu thế sao? Cả một dãy nhà lầu kia dân làng xây?

-Không. Khu công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đó.

-Hồi xưa chỗ này là đồng lúa phì nhiêu, sao tự dưng đi làm khu công nghiệp?

-Không biết. Ở trên ấy. Họ nói công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn mà!

- *Bố siết!*

-Gi? – Ông Xang ngoái lui hỏi.

Ông Tĩa không trả lời, cảm thấy ngựa ngựa bên mang tai.

Phải khó khăn lắm hai ông bạn già mới hỏi thăm

được nhà bà B Khánh.

Đó là căn nhà ngói cũ kỹ, xây theo kiểu chữ *đình* nằm khuất sau mấy hàng cau, bưởi... Trên khoảng sân hẹp lều tều mấy chậu cây cảnh cành lá xác xơ, hình như chẳng mấy khi được chăm sóc. Xe dựng bìa sân. Con chó từ trong nhà nhảy xỏ ra sủa từng tràng dài như muốn xua đuổi hai người khách lạ. Lát sau người đàn ông có chòm râu bạc quần queo, ở trần từ sau bếp bước tới, tay còn nắm cây rựa cán dài:

-Hai ông hỏi ai?

-Dạ chúng tôi là bạn cũ của chị Ba. Chúng tôi học chung lớp từ hồi nhỏ. Mấy chục năm... – Ông Xang tiếp tục kể lễ dông dài. Người đàn ông vừa nghe thỉnh thoảng lại lắc đầu nửa như tin như ngờ:

-Chết rồi. Chết năm ngoái. Bị *tăng xông*.

Ông Tĩa chưng hửng, quay mặt đi trong khi ông Xang còn kịp thốt ra một câu không biết để an ủi người chồng góa vợ hay an ủi ông bạn già luôn bao phủ quanh người một thứ mùi hăng hăng, chua chua của loại bánh mì kẹp thịt ở xứ lạnh:

-Tội nghiệp.

Chủ nhà dựng cây rựa vào tấm phen liếp:

-Mời hai ông vào trong này – Nói vừa chỉ tay vào nhà.

Đúng là loại nhà không có bóng dáng phụ nữ, ông Tĩa thăm nhĩ trong đầu, nhìn quanh. Mọi thứ đều lộn xộn, đặt ở những vị trí không mấy thích hợp: cây chổi dựng ngay cửa đi, phích nước đặt dưới nền xi măng, bó rau đã héo nằm chỏng chơ gần bậu cửa... Tất cả như muốn kêu lên rằng “chúng tôi cô đơn”.

Bỏ mặc ông Xang hỏi han này nọ với chủ nhà, ông Tĩa đứng dậy vừa nói vừa bước tới bàn thờ nằm khuất trong góc tối “ Xin phép anh tôi thấp chị Ba cây nhang”, nói và đứng bật lên, bước tới.

Chị Ba đang ngồi trong khung kính, trước mặt ông Tĩa. Trên bàn có nải chuối chín rực lạng lẽ trên ổ bông, bát nhang cắm đầy chân màu son và hai cây đèn sáp hai bên cháy phân nửa còn đọng lại những dây sáp thông

thông như những giọt nước mắt chưa khô. Ông Tĩa cảm thấy bùi ngùi khi nhìn lên bức chân dung người quá cố: Chị Ba mặc áo nhung đen quần trắng, chân vắt chéo trên chiếc đẩu có vai tựa, bên cạnh là chiếc bàn con có lọ hoa và bình trà cùng chén tách. Chị Ba xuong xầu theo năm tháng, nhưng môi được tô đỏ, chân mày vẽ cong cố nở nụ cười với ai đó trước mặt nhưng không tươi. Duy nhất có đôi mắt vẫn còn giữ được vẻ sắc sảo ngày nào. Đôi mắt ấy đã nói với ông bao điều giờ bị đóng cứng trong khung kính với cái nhìn xa xăm, khiến ông nhớ lại những năm tháng cũ, có lần nhìn thấy cô Ba đứng bên góc rào với tay hái những lá mồng toi, bồ ngót. Bàn tay trắng thon lướt trên những phiến lá màu lục diệp. Cô dướn lên, mông như phình ra đỡ bộ ngực căng tròn, làm điếm tựa cho đôi tay thoãn thoát. Ông ngắm mãi, ngắm mãi...

Giờ này cô Khánh không còn tồn tại trên thế gian này, nhưng trong tận cùng tiềm thức ông vẫn nhìn thấy rất rõ những ngón tay búp thon, chiếc mông tròn căng. Và rồi ông ao ước giá như ngay lúc này có nổi canh tập tăng mồng toi, bồ ngót, sẽ không ngại ngừng vừa ăn vừa nhìn cô trong khung kính.

Ông Tĩa đứng thật lâu, lâm râm cầu khẩn thật lâu khiến ông bạn già bên ngoài chột dạ, ái ngại. Nhưng với ông thì chẳng hề chi. Ông chưa làm gì lỗi đạo, chỉ muốn nói với người đang ngồi bên trong khung kính rằng ông về thăm với tất cả lòng thành. Tiếc là không được gặp nhau để nhắc lại những chuyện cũ, những chuyện rất vu vơ của thời trai trẻ: nói với nhau bằng ánh mắt, giữ trong nhau bằng những nhịp tim đập thành thịch của thứ mặc cảm phạm tội bị câu thúc bởi lễ giáo, gia phong. Chỉ có vậy. Một chút xiu thổi, nhưng nhớ đời.

Ông Tĩa quay ra. Ánh mắt hình như ẩn một chút lạ. Ông ngồi xuống đỡ tách trà nguội ngắt từ tay chủ nhà. Ông ta kể lễ những năm tháng khó khăn, kể lễ về cách đối xử không công bằng của mấy ông cán bộ xã với vợ chồng ông. Ông đứng dậy, chậm chạp như sợ ngã nhào xuống đất tiến về phía bàn thờ, lôi những cuộn giấy cuộn tròn trong ống nhôm chia về phía hai người khách:

-Bao nhiêu tiền của giờ là đồng giấy lộn này. Gạo muối, thuốc tây cá khô vợ chồng tôi mua cho cách mạng, trước sau có đến mười mấy cây vàng là mấy dòng của cơ quan tiếp nhận có chữ ký, con dấu. Tới hòa bình tôi đi hỏi cơ quan đó, không ai biết. Vợ tôi đi hỏi, không ai biết. Hỏi huyện hỏi tỉnh họ chỉ đi hết chỗ này tới nơi khác, chẳng ai đứng ra giải quyết. Đấy. Cùng đường, thất vọng sinh bệnh. Chán ngán sinh bệnh. Năm ngoái lên tăng xông chết mắt còn ngoái lên ống nhôm này. Thảm không?

Ông Xang lên tiếng:

-Thôi anh, *vô ưu cần tặc*. Tiếc mà chi. Chết có mang theo được đâu. Sức khỏe là quan trọng.

Chủ nhà nghe nửa bên tai, đáp một câu không ăn nhập đâu vào đâu:

-Cảm ơn hai ông. Nhà tôi giờ khôn khó đơn chiếc. Lũ nhỏ cũng phai đi xứ xa bới móc, ở mỗi đứa một nơi, năm thì mười họa mới về.

Chỉ với mấy câu ngắn ngủn đó cũng đủ vẽ nên bức tranh về gia cảnh của người đàn ông vừa mất vợ, cũng đủ để ông Tĩa và ông Xang chạnh lòng.

Họ tiếp tục câu chuyện, hạ thấp giọng, bùi ngùi an ủi, ngân ngán cảm thông. Họ nói đủ chuyện cho tới lúc như không còn chuyện gì để nói nữa bèn đứng lên chào nhau.

Ba người đàn ông cùng bước xuống thềm bằng những bước chân nặng nề khác nhau.

Chiếc xe rên từng hồi dài như người hấp hối, cọc cạch dướn tới đưa hai ông già ra khỏi ngõ, luồn vào trường tre tối thui. Ông Tĩa nghĩ thầm: “Giá như mình đừng đến thăm. Có đến thì đừng nghe câu chuyện buồn này, đỡ khổ tâm hơn”. Ông bám vào hông bạn, lắng nghe tiếng xe rên lên từng hồi như chính từ lồng ngực mình phát ra.

** Tác giả tên thật Đoàn Việt Hùng. Trước 1975, giáo sư. Sau 1975, nghỉ dạy, về quê làm ruộng. Hiện ở Tuy Hòa. Là một cây bút rất quen thuộc trước 1975.*

HOÀNG XUÂN SƠN

cùng dạng hoa chiêm

tặng Lê Thị Huệ

Vũ Quỳnh Hương

Trần Sa

con mắt trắng dã
chiến hào
đêm
canh thức mộng
bào hao ảnh đời
kính mù
phản ánh cuộc chơi
trong du di hạn hẹp
bơi
cạn lòng
biết ai cùng dạng mơ màng
khẽ giam tín hiệu
vào mong manh . trời
xanh cài lên
tóc buông lơ
đã muốn trùng sóng
tự cười mênh mang
chiều quyên
lụa trắng non ngàn
nơi thăm thăm biếc
chìm sang tủy hồng
giác đời
tựa cánh sao . không
phẩy, rơi
vào quyện môi nồng
thốt thừa

avril . 09

M ù a s e n g i ó

em trèo qua gió
tóc thơm
hương bay để lộ
gáy mềm
hoa thi
ngày quên anh đứng lằm lì
dưới trời mẫn cảm
vân vi cuộc vè
mai rồi . nắng
cũng nghiêng che
còn mơ sương nội
bước kẻ vai ngoan
miếng hôn
năm đó trắng ngàn
mà sơn xuyên
đã đôi đàng biệt cư
làm sao viết được huyền từ
chữ hồ nghi chữ
rối mù tim đen
bài thơ gục cánh hoa đèn
đêm
mê bướm thiếp hồn sen
tạ tình

mai . 09

nguyễn thanh châu

chân dung cát. xương rồng

là cát. do sa mạc tạo nên
là cát. do gió ngàn thổi đến
cát vùi lấp những thân xác
cát vùi lấp những cuộc tình
cát vùi lấp những lịch sử
cát vùi lấp tất cả
nhưng. tôi thấy vẫn còn đây
những thân xương rồng saguaro. trần trụi
vẫn sừng sững trên những đồi núi cát
dầu dãi tháng ngày
tôi. ngưỡng mong như thế...

1/2010

tôi. làm kẻ thụ du

tự nhiên
vượt qua những tường cao đá đỏ
vượt qua rào xương rồng xước gai
vượt qua không thời gian thực. ảo
tôi. như kẻ thụ du cuối đời

tự do
hái đi những đóa quỳnh nở muộn
hái đi mỗi vì sao lẻ loi
hái đi vầng trăng thơ nhỏ máu
soi lấy hiện nghiệp u tình ta

tự nhiên
hát lên những thời kinh cứu độ
hát lên bài đồng dao tình yêu
hát lên nỗi lưu đày khôn quản
đánh thức những con tim đóng băng

tự nhiên. và tự do
tôi. làm kẻ thụ du
vượt qua những giới hạn...

2/2010

NGUYỄN VĂN NGỌC

Tim Xuân

hội trường đông chật người vui Tết
thời trang Âu Mỹ rộn sắc màu
riêng em giản dị nơi góc khuất
chỉ diện cho mình chiếc áo nâu.

chiếc áo dài nâu, ời mộc mạc
đơn sơ như mái tóc xõa vai
màu áo thương quen, em có biết
lay động hồn tôi trong trưa nay?

em mười sáu tuổi hay mười tám
dáng ngoan hiền thiếu nữ quê, xưa
không má hồng, chẳng tô môi thắm
sao miệng cười vẫn đậm duyên đưa?

ngắm em, nhớ quá thời mới lớn

người tôi yêu cũng tuổi học trò
ngày hai buổi đạp xe đến lớp
áo dài nâu, nón lá nghiêng che.

tôi người lính cũ, già, biệt xứ
đời tha hương thiếu vắng mùa Xuân
vẫn chất nặng trên vai quá khứ
giữa đông vui lòng vẫn buồn tênh!

cảm ơn lắm, này em gái nhỏ
cho tôi niềm thân ái đầu năm
thầm gửi đến em lời chúc phúc
nét đẹp quê hương, giữ mãi dùm.

(2/10)

nguyễn thanh-khiết

Mưa Tuy-Hòa

*Ta ghé Tuy-Hòa hôm biển động
Mưa là mưa biển lấn qua bờ
Café không đường đêm sâu lạnh cóng
Em má đào chẳng giống nàng thơ*

*Khuya lóc cóc dầm mưa trên phố
Tựa vai mà chẳng biết mặt nhau
Ta xót đời đi không định chỗ
Em xót em môi gọi tay chào*

*Một đêm Tuy-Hòa mưa xuống biển
Đêm biển Tuy-Hòa ta có em*

*Mai trời lên nắng ta bỏ biển
Mai giữa biển đời ta bỏ nhau*

Tuy-Hòa 12/06

Ban Mê ta không về nữa

*có buổi ta về đất Ban Mê
thuốc đốt vàng tay trời se lạnh
em má hồng âm ly café sáng
tan trên môi chờ phở vắng tanh*

*có buổi ta rời đất Ban Mê
bụi tiền sau lưng em đứng nhìn
con dốc cao đời thôi khép lại
vạt nắng bên đèo đứng lặng thinh*

*có buổi ta về lại Ban Mê
rừng chập chùng che bóng em xa
mưa thôi bay hương ly café nguội
em thôi bay chiều ta bước qua*

*có buổi ta nằm nhớ Ban Mê
tóc phủ ngát hương em chín mộng
trăng chiều vai trần môi em nóng
ờ xa rồi Ban Mê mùa đông*

10/76

Giới thiệu một người thơ trước 1975: **PHẠM CAO HOÀNG**



Trước năm 1975, thơ Phạm Cao Hoàng thường xuất hiện trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn: Văn, Bách Khoa, Văn Đền, Khởi Hành, Thời Tập, Ý Thức...

Hiện định cư ở Virginia, Hoa Kỳ.

Tác phẩm đã xuất bản:

ĐỜI NHƯ MỘT KHÚC NHẠC BUỒN (Thơ, 1972)

TẠ OAN NHỮNG GIỌT SƯƠNG (Thơ, 1974)

ĐĂNG CẤP THI SĨ **Người viết: Cao Thoại Châu**

Như một làn cháy nhà (hoặc bị sóng thần hay động đất), những sách báo ký cóp được trong bao nhiêu năm đã ra tro bụi hết. Lần ấy xảy ra vào năm 1975, mà sau này tôi vẫn tự trách là đã quá buông xuôi trước thời cuộc. Có cả những cuốn vở ghi chép về mối quan hệ của mình với văn

chương, một bài thơ hay của một tác giả nào đó mà không cần quen hay lạ, và nhiều khi một ngày bất ngờ trở thành một ngày vui khi trên báo có một bút danh mới thấy lần đầu làm cho tôi vui bất nổi cô đơn trong sự viết lách mê mải nhưng vốn không có mối quan hệ phường hội nào với các tờ báo đăng bài của mình.

Nhớ có một lúc trong cuốn vở học trò rộ lên những cái tên Luân Hoán, Thành Tôn, Trần Hoài Thư, Mường Mán, Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Phan Thịnh, Phan Thảo Trang, Lâm Chương... là những người mới thoáng biết nhưng dường như đã quen từ kiếp nào, mà sau đây cũng không nhất thiết phải có một sự kết giao nào. Nói không ngoa, những cây bút ẩn tượng thuộc thế hệ làm thơ chúng tôi không vắng ai trong cuốn vở đó, và khi lịch sử sang trang thật không ngờ nó đã tan theo những sách báo trong cuộc cháy nhân tạo nói trên. Phạm Cao Hoàng cũng cháy trong cuốn vở đó cùng với những dòng ghi theo cảm xúc của một người làm thơ mong mà không đợi một bến đậu , ngoài cái bến nanh nọc là sự buồn bã y như đã hoá thạch.

Lúc ấy chúng tôi có một chút chênh lệch tuổi tác nhưng cùng một thế hệ ở thành thị miền nam trong một dòng chảy nghiệt ngã, cùng chia sẻ với nhau về cuộc chiến lù lù trước mặt, những cuộc tình vì nó mà dang dở và một cái “án trời hành” là viết.

Hơn 30 năm qua rồi, bao nhiêu là cơn bão khô tràn qua rắc cát vào trí nhớ, không còn nhớ đã ghi gì về Phạm Cao Hoàng, nhưng không quên đó là một cảm nhận rằng **người đồng nghiệp này sẽ đi xa, khá xa trên con đường viết lách**, được ghi vào ngày thấy tên người xuất hiện trên báo. Và lúc này đây, mừng tượng lại đó là những dòng ghi đầy thân thiện trong cuộc chơi càng đông càng vui. Lúc ấy tôi mới ba mươi, còn trẻ lắm nên cũng còn nhiều kiêu hãnh, nhưng thái độ của tôi là không cho mình cái quyền “phong hàm” cho ai, chỉ coi người đó là đồng nghiệp cho sòng phẳng cả đức khiêm tốn lẫn cái quyền được đọc thơ

có tâm trạng, đắm thắm, và chân thật. Những lời ghi trong cuốn vở bạc mệnh kia đã có những cái tên mà không phải không qua sàng lọc của một người đọc thơ chuyên nghiệp là tôi.

Phải gần hai năm trước đây chúng tôi mới gặp nhau qua thế giới ảo. Và cũng như ngày xưa, ấn tượng về Phạm Cao Hoàng và thơ của người như một thứ thực phẩm vừa miếng cho khẩu vị của mình. Nhưng nay, khi ngồi viết những dòng này, bản tới khoản lui vài ngày, đọc đi đọc lại mấy khi mà vẫn không tìm ra một câu và ý mở cửa cho bài viết. Cuối cùng thật may, tôi đã tìm được một giai điệu của ai đó. Người ta viết về Phạm Cao Hoàng, đúng ra là về thơ của người như thế này: “*Trước 1975, điểm nổi bật của thơ Phạm Cao Hoàng là những xúc động đẹp, nồng nàn, và nhẹ nhàng về những điều mà tình cảm anh nắm bắt được. Bài thơ NHỚ CÚC HOA của Phạm Cao Hoàng là một bài thơ hay, mô tả tình cảm với đất, trời, cùng nỗi cô đơn lay lắt nhẹ nhàng của **đẳng cấp thi sĩ** (Cao Thoại Châu nhấn mạnh), vốn là những tâm hồn cực kỳ mẫn cảm với đời sống*”(Đoàn Thị Thu)

Thì bắt đầu từ NHỚ CÚC HOA. Tìm ra một câu thơ tình nghe hay không khó, cái khó là câu đó *nói thế nào* chứ không phải *nói cái gì*. Thơ tình là một biến dạng của đời sống, là đời sống như con lật đật mượn cái bóng của tình yêu để núp vì sống thì cô đơn và nhiều sợ hãi.

*đôi khi đứng bên triền đá dựng
anh hoang mang sợ núi đè mình*

Một ngọn núi, một con người, hình tượng lãng mạn, mới lạ, và độc đáo. Núi như số phận đè xuống trái tim vắng chủ. Như một sự lôi kéo người tình vào bóng núi khi phải sống cô đơn.

*và buồn thắm ôi những chiều lặng lẽ
núi và anh thành hai kẻ dăm chiêu*

Núi có hồn và hai người mỗi thứ đắm chiều một lẽ.

Bốn câu thơ trích trên hay quá sức. người con gái nào kia không những chỉ nhận ra vai vế của mình trong lòng chàng, mà còn cảm nhận nỗi bơ vơ của một người đang có tâm trạng. **Người làm thơ nào cũng có thể giải bày tâm trạng, nhưng giải bày thành thơ nhiều cảm xúc như thế thì không nhiều. Đây là “đẳng cấp thi sĩ”.**

Thơ tình là một mảng bề mà tác giả của nó co ro ngồi trên đó như một kẻ sa cơ lỡ vận trắng tay trước một mối tình đã đi không quên để lại một mớ gian truân khổ ải cho người ngồi trên mảng bề. Cho nên thơ tình là thơ hay nhất trong cõi nhân sinh này.

Phạm Cao Hoàng có những câu thơ bi thiết mà tráng lệ:

*nhớ gì không hỏi con đường lá úớt
chiều thôi mưa anh đợi em về*

Mất nhau rồi không còn ai để đợi, đành cứ mẫn cán mà đợi chính mình.

Thi sĩ có mấy ai không buồn, nhưng có lẽ nên buồn như
GÃ HÀN SĨ ẤY LẠI RA ĐI:

*ta đi, thôi nhé, ta đi nhé
đưa tay ngắt một cánh hoa quì
nghe dòng lệ ứa trong đôi mắt
chào què nhà nhé, thôi ta đi*

Một thứ buồn đầy tính cách điệu, ra đi đứng dưng mà đầy lưu luyến. Buồn, nhưng phải làm ra lẽ một câu thơ hay.

Chúng tôi làm thơ trong thời chiến tranh buồn bã, và Phạm Cao Hoàng đã làm tôi nhớ lại năm 1973. Lúc ấy tôi cũng sợ lãnh nguyên một trái đạn nhiều mm vào đầu, buồn

đau nhìn những thôn làng bốc cháy, và phải đọc những bản tin hàng ngày đầy máu và nước mắt. Sừng sốt nhận ra ước mơ hòa bình thật quá dung dị (mà không được):

*và có thể nào đêm nay không còn tiếng súng
không còn nghe tiếng còi hụ giới nghiêm
ba giờ sáng xuống Ngã Tư Quốc Tế
ăn một tô mì thơm ngát bình yên*

Thật tuyệt vời cho tô mì ăn vào phút đầu tiên của hòa bình. Chỉ có thi sĩ mới nhận ra điều thật đơn giản nhưng tuyệt vời trong một thời kỳ bom đạn như thế.

Chiến tranh rồi cũng kết thúc. Quê nhà rồi cũng trở về:

*bâng khuâng một chút vườn sau
ngậm ngùi ngõ trước lao xao nắng vàng
đã qua chưa cuộc điêu tàn
đám mây năm cũ biết tan nơi nào*

Không nơi nào cả, và mây và khói. Dưới **MÂY KHÓI** kia vẫn là **QUÊ NHÀ**, vẫn là quê hương, mà quê hương bao giờ cũng là chỗ đẹp hơn cả.

Cao Thoại Châu

THƠ TRÍCH

Đi Giữa Chiến Tranh

quê cũ mười năm mây lớp lớp
mười năm mưa khóc buổi sang mùa
dưới trời sương lạnh rơi tan tác
rét mùa đông cũ rét lê thê

đường tôi đi có bom và đạn
có hận thù trên mỗi dấu chân
ai thả vào hồn tôi mối lớn ...
những mùa xương máu ngập tang thương

đường tôi đi có mùa hoa rụng
những cánh hoa màu tím tím xưa
có phải màu hoa trên áo lụa
bay bay chiều gió lộng em về

đường tôi đi có khói hoàng hôn
quyện trong mưa bắc sắt se buồn
có phải mẹ tôi bên bếp cũ
đốt lò sưởi lạnh cuối mùa đông

ai thổi vào hồn tôi khúc nhạc
ngàn năm réo gọi kiếp đời tôi
nơi đây có kẻ tìm non nước
lang thang bên những mộ bia người

ai bắn vào hồn tôi trái nổ
đứt từng mạch máu nát tim tôi
vỡ vỡ chiều nay tôi sắp vỡ
chiến tranh chiến tranh bao giờ thôi
1969

Bạch Tiễn Tôi Ở Ngã ba Đường

tay chưa vẫy mà lòng nghe ứa lệ
người tiễn tôi một sớm mùa thu
cảm ơn em hỡi người thiếu nữ
thôi chia tay xe lăn giữa bụi mù

trong phút đó sao người chẳng nói
dù một lời cũng đủ buổi xa nhau
và trong mắt người có gì buồn bã
thoảng ngược ngùng rồi sẽ quay mau

hình như gió lộng qua màu áo
tóc người che mây cõi trời sầu
xe lăn bánh tôi âm thầm khóc
co xa rồi lòng mới thấy đau

người cũng hiểu đời một tên lãng tử
có gì đâu ngoài cuộc sống buồn tênh
những thu qua rồi những mùa thu tới
một mình tôi rồi vẫn một mình

người cũng thấy áo tôi không đủ ấm
chưa ba mươi mà tóc bạc trắng đời trai
ngày tháng cứ lạnh lùng một bóng
tôi điêu linh nay đã mấy năm rồi

có lúc tôi nhủ thầm đời lạ nhỉ
tôi mà cũng có người đưa tiễn ư
tôi mà cũng có người con gái đáng như thu
cầm tay khóc giữa tình đời bội bạc

bởi thế nên cảm ơn, người nhé
xe lăn đi là cách biệt ngàn trùng
xe lăn rồi bụi mù trời giông bão

tóc thu người bay giữa hư không

1970

Những Nhịp Cầu Đen Buồn Bã

anh làm lữ như kẻ lạ mặt
sớm tinh sương đạp xe qua cầu
cầu gập ghềnh như đời anh xuôi ngược
nên không cảm được nỗi lo âu

những sớm mai phố im lìm ngủ
có ai hay một bóng âm thầm
mắt nhìn sông sâu mà lòng muốn khóc
buồn nào như bọt sóng vô tâm

mùa nước lớn nước xuôi cuộn cuộn
bóng chim qua xoải cánh mù tăm
mây xuống thấp cùng mưa buồn vỡ chết
anh lặng thầm nay đã bao năm

mùa nước cạn cát trùng trùng cuối bãi
cỏ rêu kia xa cách đời nhau
anh dõi mắt trông niềm ly biệt
như dòng sông khô nước dưới chân cầu

chân đã qua mắt còn nhìn lại
cầu thì cao sông nước thì xa
nên ngàn năm lạnh lùng soi đáy nước
không làm sao nổi được lòng chúng ta

những sớm mai hồng tim rướm máu
những sớm thu sang hiu hắt mưa buồn
anh lăn vòng xe từng vòng hạt bước
xe lăn qua mau những nhịp tình không

những sớm mai xanh một dòng nước biếc
anh nhìn chim vỗ cánh giữa mênh mông
chim bay trời cao nước xuôi dưới thấp
buồn nào như gió ngủ trên không

hỡi những nhịp cầu đen buồn bã
đã bao năm không nối được lòng nhau
thì ngàn năm cũng hoài mong đợi
như cầu cao soi bóng đáy sông sâu

1971

Nhớ Cúc Hoa

đất anh ở và rừng anh thờ
sáng anh đi chiều lại trở về
rừng vi vút những đêm gió thổi
bóng anh chìm với bóng hư vô

đôi khi đứng bên triền đá dựng
anh hoang mang sợ núi đè mình
có khi thấy con chồn con cáo
anh giật lùi lòng thoáng hãi kinh

anh đi qua rừng cao quá đồi
anh đi về rừng quá đồi cao
anh thu mình như con sâu nhỏ
nằm rung rinh giữa đám lá rì rào

và buồn thăm ôi những chiều lặng lẽ
núi và anh thành hai kẻ đăm chiêu
núi ngó anh và anh ngó núi
núi đặng trời anh đặng nỗi đìu hiu

đất anh ở và rừng anh thờ

qúa lâu ngày nên thấy hoang mang
anh sống dở và anh chết dở
giữa núi rừng cao ngất ngàn năm
1974

Khúc Tiễn Thérèse Kh.

tôi đưa em qua đò tháng chạp
chút mưa buồn rơi nhẹ cuối sông xa
và gió tạt từng cơn gió bắc
xóay trong hồn, buốt cả xương da

đi đi thôi hỡi người yêu dấu
bãi đời kia sẽ ngăn cách tình nhau
tiễn một lần là tim rướm máu
tình xa rồi, có nghĩa gì đâu

đi đi thôi, hỡi áo lụa hồng
buồn tôi giăng kín một giòng sông
tôi chợt nhớ ngày xưa xa lắc
mưa em về áo lụa trắng thu đông

xa nhau chưa hỡi Thérèse Kh
mà lòng tôi hiu quạnh tạt về
mai sau sẽ về trên bến cũ
nhìn mưa hồng mà tiếc những ngày xưa

tôi sẽ sống trọn đời phiêu lãng
cây vườn tôi rụng trái tình không
những bông sứ tay hồng em ve vuốt
sưởi hương nồng những tối mùa đông

bông sứ trắng hay cành huệ trắng
cũng chỉ là sương khói xa xăm
hương tóc em hay hương của gió

sẽ ru lòng tôi đến ngàn năm

hát cùng tôi hồi Thérèse Kh
khúc tiễn đời những kẻ yêu nhau
để tôi nhớ, để em còn nhớ
dù một ngày, hay suốt cả ngàn sau

trong mắt em buồn tôi sẽ chảy
như sông kia xuôi một giải êm đềm
khúc ly tan có là đau đớn
cũng đành lòng dù biết sẽ xa em

xa nhau chưa hồi Thérèse Kh
mưa bay nhiều, ừ mưa cứ bay
gửi em nụ hôn này tiễn biệt
lỡ xa rồi còn nhớ chiều nay

Sau Chiến Tranh Trở Lại Tuy Hoà

khi về thăm lại cố hương
thấy quê nhà nghĩ càng thương quê nhà
hắt hiu một bóng mẹ già
một ngôi mộ cỏ xanh và khổ đau
bâng khuâng một chút vườn sau
ngậm ngùi ngõ trước lao xao nắng vàng
đã qua chưa cuộc điệu tàn
đám mây năm cũ biết tan nơi nào

1976

Thăm Một Người Bạn Cũ

Gửi anh Đỗ Chu Thăng

chiều đi lên Hoà Mỹ
hỏi thăm nhà bạn hiền

đường xa núi chắn lối
núi cao cũng phải tìm

1979

BÂY GIỜ

Tặng Cúc Hoa và tôi, một thời lưu lạc

bây giờ nhớ núi nhớ rừng
nhớ sông nhớ biển nhớ trăng quê nhà
thương em ngày nắng Tuy Hoà
chiều mưa Đức Trọng sáng Đà Lạt sương
thương em và những con đường
một thời tôi đã cùng em đi về

bây giờ lạ đất lạ quê
bước chân phiêu bạt biết về nơi đâu
thương em nắng giải mưa dầu
đau cùng tôi với nỗi đau riêng mình
chia cùng tôi một chút tình
của ngàn năm trước và nghìn năm sau

về đâu chẳng biết về đâu
thôi thì về lại buổi đầu gặp em
dòng sông xưa ấy êm đềm
mùa thu năm ấy bên thềm lá bay
bàn tay nắm chặt bàn tay
đi nhau qua những tháng ngày gian nan

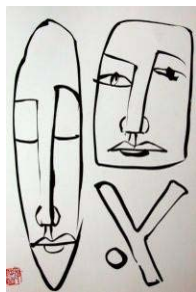
bây giờ ngồi nhớ Việt Nam
bên trời tuyết lạnh hai hàng lệ rơi

2009

KHUẤT ĐẤU

NGƯỜI GIỮ NHÀ THỜ HỌ

(truyện vừa, tiếp theo và hết)



Đây không phải là phần hai của truyện Những Tháng Năm Cuồng Nộ. Nhưng bối cảnh của truyện là ngôi làng An Định với những nhân vật Khử và Thành găm thét suốt 9 năm đã có ảnh hưởng trực tiếp đến những nhân vật trong truyện này. Dĩ nhiên toàn bộ là hư cấu dù tất cả nảy mầm từ mảnh đất đẫm máu và nước mắt. Nếu cây đời không được xanh tươi mà quái dị, đó không phải là do ý muốn của tác giả.

Chương 4

Bão đầu mùa!

Con đường hầm mà bọn trộm đào từ bờ sông vào đến tận buồng ngủ, không biết chúng đã đào trong bao nhiêu lâu, nhưng ông bà thủ bản Khâm đã phải mướn đến năm lực điền dùng xe cút kít đẩy đất trong ba ngày mới lấp xong. Họ phải đổ đất và nén chặt từ bờ sông rồi lấp kín lòng hầm, chui xuống đó như bọn trộm, xong mới lấp cái miệng to như cái nia ở giữa buồng. Họ bảo phải làm như thế chứ không phải chỉ lấp ở ngoài bờ sông thôi như nhét một cái nút chai bằng củi bấp. Chịu sao được với sức mạnh tràn bờ của nước lụt. Đó còn là một cách tránh

không cho bọn trộm chui vào một lần nữa. Vì vậy, dù trời có sắp lụt, nước sông có tràn vào soi lên ngập đường, ông cũng không việc gì phải sợ.

Ông đã ngủ đến hai ngày đêm, một giấc ngủ có lẽ dài nhất trong đời. Cô con dâu thì đã dậy ngay trong buổi sáng hôm ấy và dùng nước mưa giặt áo quần cho chính cô và cho ông. Cái váy của cô quá rộng và quá dài khiến cô làm việc rất khó khăn. Nước bắn bắn lên dính đầy những cái hoa to tướng in trên váy. Ông thú bản không hay biết gì hết vẫn há họng ra mà ngáy to như kéo súc.

Trời mưa. Không một cây củi, một nắm than. Chẳng biết làm cách nào để nấu cơm, cô đành ngủ đói. Ngày hôm sau trời vẫn mưa và cha chồng vẫn chưa chịu dậy. Cô lại để bụng không mà ngủ thêm một đêm nữa.

Khi thức dậy ông ngạc nhiên thấy nước mưa lênh láng trong nhà. Ngạc nhiên hơn nữa là ông đã ngủ đến những 48 tiếng. Và, khi biết chính cô con dâu cũng phải ngủ đói vì không có củi và không có củi để nấu cơm, ông liền lấy rựa chẻ ngay một chiếc ghế đầu làm củi. Cũng may là có một cái lò, ông liền đặt ngay lên mặt ruộng làm bếp, Ông bảo khi nào ngủ thì lấy lò xuống. Cơm nấu xong, chỉ có mỗi một thứ muối hột nhưng vì ai cũng đang đói nên ăn rất ngon. Mà lại ăn nhiều nữa, nấu đến những hai bơ gạo mà vẫn ăn hết.

Giờ không còn lo người mà lo trời. Phải làm sao chống dột đây? Tranh thì không có mà lớp đất trên mái đang tã ra nên nước và đất cứ theo những cái khe của những tấm mê bằng tre rơi xuống. Các bức vách ngoằn ngoèo những đường nước chảy và rải rác có những con sên dài và mỏng như cá thồn bon lặn lẽ bò lên cao. Bàn thờ cũng ướt nhẹp và đầy sên. Các hộp đựng bài vị góc cạnh méo mó, đã lạnh lẽo trông càng lạnh lẽo hơn. Ông chỉ biết đứng nhìn, đành lắc đầu phó thác cho trời. Nếu cứ mưa mãi như thế này thì đến cả bàn thờ cũng phải chẻ ra làm củi mất!

Mưa gió đúng là nhếch nhác khó chịu thật. Mới có hai ngày mà như đã trải qua một mùa đông dài. Nhưng vẫn còn hơn nắng ráo mà phải chịu sự tra khảo của trống

mỡ thùng thiết, những lời quát nạt của dân quân du kích, của ông Khứ bà Thành. Bây giờ vị trí cao như là trời chứ không phải đội (cái cách). Bần cố nông cũng sợ lụt như địa chủ nào có khác gì. Dưới đảng thì có cấp nọ cấp kia chứ dưới trời chẳng có cấp nào hết, ai cũng như nhau, rất công bằng. Cũng có kẻ ác người lành đấy, nhưng dấu kín trong cuốn sách trời nào ai biết được. Nếu biết thì chẳng đũa nào dám ở ác.

Ông đẩy tấm ván chui ra khỏi lỗ. Nước mưa theo gió quát tới tấp vào mặt ông, lạnh buốt. Như thế này là sắp có bão rồi đây. Ở cái đất Bình Định này bão không chỉ thổi qua một lần mà cứ chà qua xát lại kỳ cho cây cối tróc gốc, nhà cửa đổ sập hết mới thôi. Nhà ông thì chẳng còn gì để sợ bão. Nhưng nếu cứ mưa mãi, lớp đất trên mái trôi hết thì biết ở đâu bây giờ? Chẳng lẽ cả cha lẫn con đều chui vào trong rương!

Để khỏi nghĩ tới những cảnh kỳ cục, ông bèn chui vào lấy nón đi ra sông xem nước lụt. Đường luồng mới đò mà trâu bò đi lại đã làm cho nhào bẩy, trơn trượt. Mọi nhà đều đóng cửa, nhưng cả xóm vẫn ồn ào. Những đứa trẻ mới hôm qua còn cầm mỡ, thùng thiết đi nghênh ngang gọi ông là ù lì, giờ trần truồng chạy đuổi bắt nhau. Có đứa thấy ông, đưa tay lên mặt vuốt nước mưa, nhe răng ra cười. Ông cũng cười lại. Dưới mưa tất cả bỗng dung cùng vui vẻ.

Nước sông đục ngầu đang lên, đã ngập tràn bãi cát ở địa đầu thôn Trung Lương. Cái chòi của bà Sáu Chơi chỉ còn thấy hai mái bé xíu úp trong làn nước bạc như một chiếc nón rách. Hai mẹ con chắc đã đem nhau vào trú trong miễu. Ông nhớ nước đang xuống như thế này *đom kìm* rất nhiều cá. Những con cá chạch mình dẹp như lá tre có ba cái chấm đen ở phần đuôi. Cái miệng bé tí của nó không thể nào ăn câu được. Chỉ có mùa lụt mới bắt được nó bằng cách cắm *đó* ở lưng chừng bờ sông. Người ta đặt cái *đó* ngược với dòng nước, dùng cọc tre dài kẹp hai bên, lấy cuốc đào một rãnh nhỏ để làm đường đi cho cá. Biết cách đặt và nếu gặp luồng, có khi cá chui vào đến nghẹn *toi*. Những con cá chơn lẳng như lươn không cần mỡ bụng

làm ruột, xỏ nguyên con vào *lụi* tre đem nướng sơ rồi kho với mắm cua chua, ăn với cái non cơm nóng trong khi trời mưa lạnh thì dầu cá hộp của Pháp cũng không ngon bằng. Nhưng nước xuống nhanh và bất ngờ quá, không biết có ai đơm kịp không.

Ông đi qua cầu. Phía bên kia có một người đang đứng *nhá*. Không biết *bản* hay *cổ* đây! Người ấy xoay cái áo toi và cái nón về hướng gió để tránh mưa. Trông rách rưới quá. Gặp phải thủ ngữ Đục thì bỏ mẹ. Nhưng thủ ngữ Đục giờ này đâu thèm đứng *nhá* dưới mưa. Nghĩ vậy, ông liền mạnh dạn tới gần. Có khá không? Ông hỏi. Người ấy nói cũng được. Ông ngồi xuống bên cạnh. Té ra là biện Quế, một người cùng họ nhưng không cùng từ đường. Dầu sao cũng là một chút máu mủ trong cái họ Phạm trôi nổi đến tận đây. Ông cũng hơi yên tâm, dầu biết rằng trong cuộc đấu tố, nhiều làng cha con anh em chồng vợ tố nhau tung bừa huống hồ là chỉ cùng một họ xa.

Ông ta kéo cái đọt đang ngấm trong nước lên khoe. Những con cá tươi rói nhảy chơi chơi phơi những chiếc vây trắng sáng rất đẹp. Ông trầm trồ, nhiều quá, toàn là cá *trôi* cá *sóc* không hà, thiệt là ngon! Biện Quế móc gói thuốc mời ông làm một điếu cho ấm còn ông ta thì cúi xuống bứt một cọng cỏ chỉ thật dài xỏ chùng năm con cá trôi to đến nửa bàn tay. Cầm lấy đem về nấu bát canh, ông ta nói. Ông thủ bản ngẩn ngừ: để bán chớ. Bán chác gì, ông ta gạt đi.

Một lúc sau ông ta nói, thôi về đi. Ông hiểu ý đứng lên, nói lí nhí: cảm ơn.

Không ngờ, qua trận lụt này ông lại tìm được chút ấm áp nghĩa tình của ngày xưa tháng cũ. Có vẻ như mọi sự đang trở lại bình thường. Cái ao tĩnh lặng phủ đầy bèo cám bị quây tung lên trong bao nhiêu ngày qua, giờ như đang lắng xuống.

Ông kêu cô con dâu ra lấy cá, còn ông đi rảo trong vườn tìm rau. Ông bẻ được mấy nhánh măng ở bụi trúc, tìm được mấy trái chuối mốc già, bứt một nắm rau răm, hái thêm mấy lá bắp cá, rồi kiếm vài trái ớt nữa là đủ. Canh chua nấu ông đã thấy ngon. Vị ngọt của cá tươi, vị

dắng của măng, vị chát của chuối, vị cay nồng của ớt và rau răm cộng với cái lạnh của bão rớt, ôi chao lại thêm một chén rượu tây nữa thì còn gì bằng. Chiều nay thế nào cũng khui chai rượu. Mưa gió thế này cho dù có là một thằng cha ưa rình mò thì hẳn cũng chẳng dại gì chịu ướt át mà đến nhà mình. Hẳn đâu có vì nước vì dân hết mình, hẳn cũng phải vì vợ vì con nữa chứ. Hẳn sẽ cơm no bò cưỡi rồi ngủ tới sáng.

Ông kêu con dâu đưa cho ông cây cuốc. Ông chống cuốc ngó ra ngõ, nhìn lướt qua hàng đậu hai bên nhà, rồi cẩn thận đào. Chai rượu còn nguyên, ông liền đẩy vào bên trong, lấp lại cái lỗ, lại còn chà qua chà lại cho láng. Giờ ông thở phào, nhẹ nhõm. Ông nhớ hồi còn vợ, một con rắn lục không biết từ đâu nằm khoanh trên gác bếp, bà hốt hoảng la lên. Lúc đó ông đang cầm rựa vót nan, liền móc nó rơi xuống đất, nhanh tay chụp lấy cái đuôi cầm giơ lên cao. Ông lấy cái thạp, bỏ con rắn vào, đập nắp lại. Rồi ông mua rượu ngon đổ vào, lấy rom trộn đất sét đắp lên trên. Ông đem chôn ngoài vườn, đúng 100 ngày ra đào. Không ngờ cái thạp nứt, do con rắn quậy hay do cuốc ông chạm vào, mở nắp ra chẳng thấy rượu bách nhật đâu, chỉ thấy có bộ da rắn nhầy nhầy. Chuyện đó khiến bà cười nhạo ông hoài. Bỏ dương bỏ thận đâu không thấy chỉ thấy có bồ cùi!

- Cơm xong rồi vào ăn chứ nguội, cha ơi!
- Ồ, để ta rửa chân đã.

Ông ra giếng, nước lên tận miệng Ông chỉ cần lấy gáo múc chứ không cần gàu. Trời đã ngớt mưa nhưng gió thổi mạnh hơn. Những tàu lá chuối bị gió xé rách toang kêu lạch tạch. Những ngọn trúc cúi rạp mình xuống sát đất như một người điên đang xoa tóc quần quai. Lá trúc rụng đầy vườn. Ông nghĩ, hết mưa sẽ chặt cả trúc trong vườn để làm mái, tạm qua hết mùa đông rồi hãy tính. A, phải làm một cái nhà nhỏ cho nó nữa chứ. Đâu có thể chung chạ như thế này mãi được. Ai đời cái từ đường họ Phạm giờ lại ra nông nổi này. Lộn tùng phèo cả, đến nỗi bếp mà phải để trên giường nằm!

Bữa cơm nóng sốt được bày ra trên cái rương

xưa. Vẫn còn cái lò bên cạnh và mùi thơm của canh cá bốc lên làm át cả mùi khói. Ông lại bàn thờ mò tìm cái tách uống trà bằng sứ men trắng. Ông nín thở vịn nút mở chai rượu. Một mùi thơm dịu dịu, mùi của nắng gió, sương tuyết tận trời tây chứ không phải mùi bùn đất cây cỏ nồng nàn ở trời đông. Ông run run rót những giọt rượu đầu ra chén. Một màu vàng nhẹ trong vắt như màu của nước trà thượng hạng. Linh thiêng và tinh khiết làm sao. Ông rất cảm động, vội đem chén đặt lên bàn thờ để mời người khuất mặt uống trước. Ông cũng đứng lên đánh đúng bốn mươi hai tiếng chuông một cách khoan thai dù chuông đã bị rề. Ông châm tâu đúng ba lần cho đầy tách, mô phật, rồi đem ra ngoài mâm cơm coi như đã cúng xong người chết để người sống hầu tàn.

Cô con dâu xới một chén cơm nóng, hai tay trình trọng để trước mặt ông. Cô so đôi đũa thật bằng, đưa cho ông cầm, miệng nói: dạ mời cha! Ông nói, ờ ăn đi. Ta uống một chút rượu trước đã. Ông bỏ đũa xuống mâm, nâng tách rượu lên ngang miệng, nghiêng qua nghiêng lại để ngửi mùi thơm, rồi rất nhẹ chạm môi vào cái thứ nước kỳ diệu mà suốt ba ngàn ngày mới được nếm. Ông lè lưỡi liếm môi, gật gật đầu. Ông đã nghe ra cái mùi vị không xa lạ của cái thời gọi là Pháp thuộc mà ông anh họ đi lính tây đã từng mang về. Nó êm ái đậm đà làm sao. Dĩ nhiên nó thơm ngon gấp mười lần rượu Bầu Đá. Ông chậm rãi cho rượu vào miệng như người ta rót nước mắm nhĩ vào chai, dù có giặc tới bên hông cũng không để mất đi một giọt. Khi đã đầy một ngụm, ông nhắm mắt nuốt và nghe cái thứ nước kỳ lạ đó như một con rắn lửa trườn êm qua cổ họng mình. Đi tới đâu nó đem lửa tới đó, một thứ lửa dầm dẫm, êm êm làm thức dậy những niềm thương nỗi nhớ cũ tưởng chừng đã chết.

Cô con dâu đã ăn xong bữa, nhưng ông vẫn ngồi trầm ngâm bên tách rượu. Ông chỉ rẽ một chút cá chứ không và một miếng cơm nào. Ông bảo cô dẹp hết đi khiến cô ngạc nhiên hỏi: sao vậy cha? Cha đau rồi sao mà không ăn cơm. Hay là con nấu cháo cho cha? Ông bảo, đâu có đau ốm gì. Rượu này mà ăn cơm vào thì uống mất

ngon. Cát đầu đó khuya đôi ta ăn cũng được. Nói rồi ông bỏ chân xuống đất đi lại cái phần của ông. Cái đĩa dầu trên bàn thờ đã gần cạn. Trời đang tối và bão cũng sắp bắt đầu. Những tàu lá chuối đập vào nhau mạnh đến nỗi nghe như tiếng súng máy. Những đợt tuyết quét sà sạt trên mặt đất. Nhưng ngôi nhà với 16 cây cột cái vẫn đứng vững. Những bài vị trên bàn thờ vẫn lặng im như những con cóc ngồi chờ kiến. Một sự tĩnh lặng gần như đông cứng khi cô con dâu dọn dẹp xong đã lặng lẽ leo lên trên cái rương xe nằm chờ giấc ngủ. Ông đưa chén rượu lên môi, uống một mình.

Ông đã uống đến một góc tư. Cứ cạn xong mỗi chén, ông nghĩ nên thôi, nhưng tay ông lại rót tiếp. Thực ra, ông muốn để dành chờ con trai về. Giờ nó đã lớn, ngồi uống với ông cũng được, đâu có lỗi phải gì. Sắp tới đây nó sẽ thay ông mà chăm sóc bốn mươi ba ngôi mộ và bốn mươi ba cái bài vị dù đã không còn tên tuổi nữa ngoại trừ tên ông. Cái nhà này có thể sập nhưng dòng họ Phạm nhất định không thể. Nó phải làm một cây cột cái vững chắc như ông. Có điều mai một phải đúc một cái chuông mới, to hơn, thanh hơn để nó ngân nga cho cả xóm cùng nghe như tiếng chuông ở chùa Thiên An vậy. Nhưng nó phải về mau mau lên để con vợ nó già rồi thì để đái gì được nữa. Cuộc chiến tranh này ngoài những kẻ chết vì bom đạn còn có rất nhiều kẻ chết vì mỏi mòn chờ đợi quá lâu.

Ông tợp một hơi cạn chén. Thôi, lần này nhất định không uống nữa, ông dứt khoát đem đầu chai rượu dưới bàn thờ, cởi áo làm gối, ngủ. Ông thấy hơi rượu chạy lảng quăng như những đũa nhỏ lên ba. Chúng trần truồng, sạch sẽ, thơm tho đang nhảy múa trên bụng trên ngực ông. Rồi chúng bay chậm chậm lên trần nhà và mỗi đũa như có hai sợi dây đã buộc sẵn từ bao giờ nhẹ nhàng nâng ông dậy. Ông cũng thấy mình như đang bay là là trên mặt phản. Và trong vẻ mơ màng đó ông như thấy vợ ông tay cầm tổ chim sáo cùng bay ngang như thế, rất gần. Ông đưa tay ra với nhưng không cách gì chạm được. Ông như nghe tiếng bà trách ông đã già đầu mà còn sợ một thằng con nít. Ông định cãi, rằng đâu có phải chỉ già thôi đâu, ngay cả người

chết, cho đến cả thánh thần cũng còn phải sợ nó nữa huống gì ông. Rồi ông lại mơ hồ nghe dần thối ngủ đi, đừng có mà nghĩ bậy bạ. Ông gật đầu và cảm thấy quả là mình đang rơi xuống trên một tấm nhung êm. Ông khép mắt và bắt đầu ngáy.

Tiếng ngáy đậm, mạnh đôi lúc kêu lộp bộp cùng với tiếng gió rít ở bên ngoài làm cho cô con dâu trần trọc mãi không ngủ được. Ngôi nhà vẫn găm những cái chân xuống đất một cách vững chắc. Các trính và đà của nó vẫn ngậm chặt lấy nhau với những con mộng chưa hề xê xích đi một ly. Cái rương xe cô đang nằm trên đó cũng vững như đá bàn thạch. Vậy mà sao cô thấy cứ lo lo sờ sợ. Không như lúc bị giam ở miếu thượng. Dù nghe đồn có một con quỷ thả rơi từng cánh tay, từng ống chân, từng cái mình và đầu rồi ráp lại đứng lên... cô vẫn không sợ. Vậy mà giờ đây, cô tưởng chừng như cô thứ chín từ trên cây đà đó bước xuống, đưa tay mò mẫm trong bóng tối. Tay cô ấy đen và khô như củi, những móng lâu ngày không cắt dài ra và uốn cong lại như vuốt mèo. Rồi cô nghe tiếng ai như tiếng một người đàn ông kêu lạnh quá ở bên ngoài. Phải chăng đó là tiếng chú Sáu chết chìm. Và, sau cùng là bà mẹ chồng, tay vẫn cầm cái tổ chim, không biết bằng cách nào đã chui được vào nhà. Bà đang đứng sát cái rương cô nằm, kéo váy cô lên bảo đây là chỗ của bà. Quá hoảng sợ, cô kêu thét lên: cha ơi!

Cô đã kêu như một người sắp chết đuối và người được gọi lao tới như một người đang đi trên cầu thấy có người ngã xuống nước. Ông thấy trong tay mình không phải là một người ướt sũng nước mà là một thân thể khô ráo nếu không muốn nói là rất ấm áp. Ông vừa lay mạnh vừa hỏi: gì vậy, ngủ mơ hả? Dạ bão to quá, con sợ. Không sao đâu, ngủ đi. Dạ. Ông rời khỏi rương, về lại cái phản của mình. Ông đặt lưng xuống, cảm thấy cái phản cứng như đá. Ông nghĩ, mình sẽ mua một chiếc chiếu, ngủ ở trên phản cái lưng đau như bị ai dằn. Cái võng thì chỉ nằm chơi chứ ngủ suốt đêm sao được. Nó làm cho cái lưng của mình cong vồng, còn tệ hơn là nằm phản.

Ngọn đèn trên bàn thờ cạn dầu đã tắt. Bão đã tới

và đang túm lấy những mái tranh xác xơ của dân nghèo, như người ta túm cổ những con vịt đang kêu cạp cạp đem đi cắt tiết. Những tấm tranh bị bứt ra, bị ném tung lên như lông vịt vừa mới nhổ thả bay trong gió. Cả xóm bị ném ra khỏi nhà, hay là bị bão cướp mất nhà để họ kêu la khóc lóc giữa trời. Nhà ông lại khác, như một cái hang lộ thiên. Toàn đất và đất. Gió thổi phù phù mặc gió, ông vẫn cứ nằm yên mà chờ giấc ngủ. Không như bao người được vinh dự gọi là bần cố nông ấy, lúc này trong đêm tối ướt át, đang hốt hoảng gọi nhau. Con tuyệt vọng gọi mẹ. Mẹ tuyệt vọng gọi cha. Cha tuyệt vọng gọi trời. Chẳng ai gọi đàng. Dĩ nhiên cũng không còn gọi địa chủ ù lì. Trước đây ông không thù ghét gì họ, nhưng từ khi đảng tập hợp họ lại, bao vây và định tiêu diệt ông thì giữa họ và ông đã dựng lên bao nhiêu là gươm giáo. Nghĩ tới cảnh khổ của họ trong lúc này ông lại thấy sướng, mặc dù ông biết rằng như vậy là bất nhân.

Ông chợt nhớ là mình chưa ăn cơm. Canh cá ngon thế nhưng rượu còn ngon hơn. Mình đã uống một bữa đã đời, ông nghĩ. Cái rượu này cứ như rượu bò, uống vào thấy mát ruột chứ không còn cào. Thằng Khứ và con mụ Thanh biết được mình vẫn sang như tây, chắc ngày mai sẽ đem mình ra giữa cầu tổ khổ rồi đập xuống sông cho nước lụt cuốn đi. Mình có làm gì hại nó đâu mà sao chúng căm thù mình đến thế. Mà có phải chỉ mỗi một mình thôi đâu. Căm thù giống như một dịch bệnh xa lạ từ đâu lan tới. Hết như bệnh sốt rét, ai cũng run lên vì căm thù mà không hiểu vì sao. Trước thì căm thù thực dân Pháp, phong kiến, tiểu tư sản, giờ căm thù can thiệp Mỹ, địa chủ ác ôn, phú nông ngoan cố. Căm thù đã trở thành thước đo của tiên bộ, của năng lực và dĩ nhiên là của lòng yêu nước. Yêu nước phải căm thù và căm thù là yêu nước! Bọn họ đã nói ra ra suốt ngày đêm như thế.

Đúng là con mụ đã đem ô trọc tới cái nhà này và làm cho tất cả cùng kêu lên kèn kẹt như bị quỷ ám. Bốn

mười hai cái bài vị đang nhảy loi choi trên bàn thờ và bốn tấm ván dưới lưng ông như đang chòng chành. Bão ngoài trời đã dịu đi nhưng trong ông bão lại nổi lên. Cũng có tiếng gió hú, tiếng thét gào, có tiếng kêu cứu. Ông định đánh một vài hồi chuông thì nghe có tiếng nghiến răng của cô con dâu. Tiếng kèn kẹt như nó đang nhai một cái gì đó trong miệng. Hình như đó là những miếng tai mỏng của ông. Thế mà ông lại không sợ. Ông ngồi dậy, định đi ăn cơm. Dù tối nhưng ông vẫn biết cái chạng để thức ăn đặt ở chỗ nào. Ông thông chân xuống phản, bước qua ngạch cửa. Khi đi ngang qua cái rương ông lại nghe tiếng hai hàm răng siết vào nhau. Rõ ràng như nó đang ngấu nghiến nhai nuốt cho mau hết cái vành tai vô tích sự của ông. Ông dừng lại định lay vai nó. Ông đưa tay ra quờ quạng. Bàn tay của ông với năm ngón như những cái que cua lần đi trong hang, bỗng tẩn ngẩn dừng lại. Ông cảm thấy như ngạt thở. Và cũng như nó, ông cảm thấy như mình cũng đang nhai một cái gì. Ông cố nuốt vào cổ họng mình tiếng kèn kẹt vẫn cứ không ngớt tuôn ra.

Không phải đôi vai mà là đôi bàn chân với những ngón nhỏ và ấm. Ông đứng sát vào rương. Cái rương cao quá gối, trong bao nhiêu năm ông lạ gì nó, dù mấy ngày qua cứ xô dịch hết che cái lỗ ra vào lại dùng làm bếp nấu cơm. Ông nhớ mặt rương cũng bóng như mặt phản, cái nắp của nó đôi khi đập không sát cũng kêu lên khiến ông giật mình. Ông nắm cái cổ chân tròn và nhỏ trong tay. Sao nó mỏng manh và vừa tay đến thế nhỉ. Mình chưa bao giờ được nắm một cái cổ chân như thế này. Con nhỏ vẫn đang nghiến răng như các kẻ trong bụng cây gỗ nhíp. Ngày mai mình sẽ kiếm một con nhện chữa nướng cho nó ăn. Nghe nói ăn nhện nướng cũng hết nghiến răng.

Rất bất ngờ, vì chính ông cũng không ngờ được, ông bỗng chụp lấy một cổ chân nữa rồi kéo cả hai về phía mình. Cái váy rộng rũ xuống. Ông ôm hai cái chân dựng ngược áp sát vào ngực. Rồi ông lắc như điên như dại với tất cả căm thù, tất cả tủi hận, tất cả xấu hổ trong suốt những ngày qua. Ông cũng kêu lên, rít lên như những con mụ tổ khô, như bọn trẻ hô đá đảo, có lúc gằm gằm gừ gừ

như thăng Khứ hồi cung. Cái rương với bốn bánh xe bằng sắt rỉ cũng tới cũng lui và kêu kít kít. Ông đã bắt được kẻ thù đầu mặt và đang đánh nhau với nó. Ông thờ hồng học, mệt muốn đứt hơi. Ông đánh mãi cho đến khi ông bắn vọt ra như xả một tràng đạn súng máy vào ngực con mụ Thanh. Lúc đó ông mới bàng hoàng bỏ hai ống chân không phải của mình xuống đất.

Ông mò mẫm trở về chỗ của mình.

Ông không còn nghe tiếng nghiêng răng nữa mà nghe tiếng khóc.

Khi đã nằm yên trên phản, tuy tối đen, ông vẫn trông thấy đứng trước mặt mình là ông em thứ sáu, cô em thứ chín và người vợ với cái tổ chim. Ông cũng thấy bốn mươi hai cái bài vị sắp hàng tư trên bàn thờ như rung lên giần dữ. Rồi mười sáu cây cột mà cây nào lúc nhỏ ông cũng đã từng leo tuốt trên cao tuốt xuống như nhúc nhích muốn bước đi khiến những xà những trính của nó xệch xạc sắp rời ra. Giống như ông tổng Bá đang đứng trước nhân dân, có điều đây là một đám nhân dân yên lặng. Không tiếng nói, chỉ có mắt nhìn không thôi. Ngay cả cột kèo cũng có mắt nhìn, những con mắt to và buồn như những cái hố bom chưa được lấp.

Ông co gồi lên tận ngực, hai tay ôm lấy đầu.

Như một thằng ăn cắp bị đem ra nọc trước sân đình.

Bên ngoài bão vẫn chưa dứt. Những đôi cánh to lớn của nó vẫn mang những đám mây sùng nước và tiếp tục trút xuống. Đất trên *da cái* nhào ra trôi tuột chỉ còn lại rơm mục không đủ sức cản nước mưa khiến căn nhà suốt mấy mươi năm khô ráo giờ ướt sùng. Nước chảy dọc theo mười sáu cây cột, theo bốn cái xà, tám cái trính. Nước chảy trên bốn vách bằng đất và vách xông bằng gỗ. Nước roi tong tong trên mặt phản, trên mặt rương và trên bàn thờ với bốn mươi hai tấm bài vị. Bàn thờ bây giờ giống như một bãi tha ma thu nhỏ ướt át, dơ bẩn, lạnh lẽo. Cóc nhái, chuột bọ cũng bắt đầu chui vào nhà. Ngoài những con sên còn có cả những con trùn khoan, những con rít nhiều chân và cả bò cạp. Thịnh thoảng có tiếng dế gáy

lãnh lối như một tiếng cười lạc điệu. Ngôi nhà mỗi một cổ đem cái sức tàn để giữ cho mười sáu cái chân khỏi đổ sụm xuống.

Nó thấy tiếc là không được chết chóng vánh trong ngọn lửa của quân thù.

oOo

Người con trai cuối cùng của dòng họ Phạm đã trở về sau khi tham dự cuộc duyệt binh mừng chiến thắng và quốc khánh mừng hai tháng chín ở sân bay Phù Cát. Đây là một cuộc biểu dương lực lượng hùng mạnh trước khi tập kết ra Bắc. Với một bộ đồ xita mới, một đôi dép lốp, một chiếc mũ nan bọc vải và lưới, một cây súng trường dài ngoằn, anh oai vệ bước đi trong hàng quân. Anh nhìn cái rừng người mặc toàn những bộ đồ đen bạc thếch, đang há hốc mồm trước những chiếc xe thiết giáp và những khẩu đại bác. Trong đám đó, ai là cha, là mẹ, là vợ? Sau chín năm, sao họ trông giống nhau đến như vậy. Cũng làn da khô đen như da người bị chết đói. Cũng đôi mắt sâu hoắm trộm lơ. Đàn ông, đàn bà và cả trẻ con cũng đều đội mỗi một thứ sồn rách như nhau là nón lá. Sự nghèo đói, sự thiếu thốn đã bắt họ phải đồng phục như đang sống trong một nhà tù không chân song vĩ đại.

Buổi sáng hôm ấy họ đã hoan hô không ngớt khi trông thấy đoàn quân với những xe những pháo đi qua trước lễ đài, dưới cái nhìn của các vị lãnh tụ từ Các Mác cho đến Kim Nhật Thành. Họ say men chiến thắng để rồi mệt mỏi trở về với xóm làng vẫn chưa nguôi hận thù trong những đêm đầu tổ. Sự nhỏ nhen, ti tiện từ ngàn năm được thổi bùng lên và như những con gà ghét nhau vì tiếng gáy, họ lao vào đấu đá mà quên mất là đã bị bỏ rơi.

Thôi mặc họ, hãy về với gia đình.

Sau lễ, anh được phép về thăm nhà trong ba ngày. Anh nôn nao biết chừng nào Anh đi suốt đêm và khi trông thấy cái nhà không mái lạ lùng, ướt sũng nước mưa, anh như không tin vào mắt mình. Cha anh đã nói vấn tất cho anh hay mọi sự nhất là cái chết của mẹ anh, ông chỉ nói bà

cảm gió mà chết.

Buổi chiều, ông đem chai rượu bày ra trên thềm nhà vừa được quét dọn sau cơn bão. Ông bảo con trai ngồi uống với ông. Anh con trai bảo không biết uống. Ông nói rượu tây đây, ngon lắm. Không biết cũng uống thử một chén. Anh ngồi đối diện với cha. Anh muốn nhìn khuôn mặt của cha mình sau chín năm nhưng ông nghiêng người quay nhìn ra ngõ. Ông nói, đi bộ đội có gì vui mà đến tận bây giờ mới về nhà. Anh nói, vui về gì đâu. Đã lỡ đi là phải đi thôi. Với lại đâu có bỏ mà về được. Có mà đi tù. Vào đảng chưa? Ông hỏi. Có cảm tình nhưng chưa được, anh lắc đầu nói. Thôi đừng vào, ông thờ dài. Sao vậy cha? Chẳng sao cả, ông cười buồn, vào để lại tổ cha là địa chủ phản động à! Thành phần của nhà mình là địa chủ sao? Anh ngạc nhiên hỏi lại. Chứ còn hỏi gì nữa, nếu không có chuyện đi tập kết thì đã bị đem ra đâu rồi. Thôi uống đi, đừng hỏi nữa, buồn lắm. Ông dốc ngược chén lên, cạn một hơi. Anh đưa rượu lên mũi ngửi, cảm thấy rất thơm. Anh nhắm nháp như mèo liếm nước.

Mặt đỏ gay, ông lại càng không dám nhìn anh con trai. Phải như trước mặt mình là một người đàn ông xa lạ, ông nghĩ, mình sẽ thú tội và để hẳn ta muốn đâm muốn chém gì cũng được. Mình sẽ nói, chén rượu này là chén rượu tội lỗi, ta xin uống cạn. Nhưng đây là con trai của ông, nó đang ngồi vô tư trước mặt ông, nó có biết gì đâu và đang nóng ruột không phải vì rượu mà vì muốn được cùng vợ lên giường. Nói làm sao? Cha xin lỗi con à? Mình sụp xuống chân nó mà lạy như Tào A Man lạy Quan Công à? Bỗng dưng như trêu như ghẹo, nó hỏi: Mẹ mất rồi, cha có định cưới vợ nữa không đây? Ông nghe xương thịt mình kêu rôm rốp. Ông nói, hỏi gì lạ vậy.... Thôi vào trong đó đi, ta qua chùa Thiên An thăm sư cụ. Ông đứng lên xách chai rượu một mình đi ra ngõ.

Ông quay lại nhìn ngôi nhà, nhìn anh con trai qua làn nước mắt, nói lớn: đi tập kết hả, ừ đi mạnh giỏi!

Đó là lần cuối cùng anh nhìn thấy cha mình. Không buồn, không vui. Nhặt nhặt cứ như chào hỏi một người hàng xóm.

Anh chui vào. Vợ anh đang quay mặt vào trong vách, khóc. Anh nằm xuống bên cạnh, lật ngửa nạng ra. Không nói không rằng anh trút tất cả nỗi thèm muốn căng cứng vào nạng. Anh cũng thả chìm vào đó những nỗi sợ hãi, những ước mơ thanh xuân và cả những bóng hình tục tĩu. Đây là trận công đồn mà anh thích nhất. Với lưỡi lê tuốt trần, anh lao lên phía trước. Anh sững điên người khi nghe có tiếng rên rì của kẻ thù. Khi anh thâm hô xung phong thì cũng là lúc anh nghe hai tiếng “anh ơi” đắm đuối như một tiếng reo thẳng trận.

Khi hai người trẻ trung khát khao chờ đợi đến những mấy ngàn ngày để bù đắp cho nhau thì mười sáu cây cột cái cũng muốn rung rinh, các xà trính cũng muốn lung lay và bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ cũng muốn múa nhảy.

Ngồi tựa lưng vào cái cửa gỗ chưa bị phá của đình làng An Định, ông thủ bản ngó lên hai con kỳ lân hãy còn đứng vững râu. Ông nhớ tới những ngày thần thánh cũ. Khi ấy với chức thủ bản ông đã đem hết cả tâm trí và đức hạnh của mình ra phụng sự đình làng. Ông coi đình như nhà mình, thuộc từng góc ngách, nhớ từng cái chén, cái đĩa, những cờ những phướn. Cái rương sơn đen đựng những tờ sớ, những sắc phong của triều đình được ông nâng niu gìn giữ còn hơn cả bốn mươi hai bài vị của nhà họ Phạm. Ông tận tụy như thế chỉ mong, khi chết đi được làng đưa tới mộ với cờ trống rập rình như trong lễ rước sắc thần.

Chưa được bao lâu thì đình bị phá. Rồi những tai họa nối đuôi nhau giáng xuống: em chết, vợ chết, những cuộc đấu tố, những đêm trong ngôi nhà bí bưng như một cái hang, những tiếng nghiến răng trèo trẹo... và ta đã làm gì, có phải là ta đẩy không? Có phải con bão hôm ấy tuy không xô ngã nhà nhưng lại xô ngã ta? Vì tiếng gió rít, vì tiếng thét gào đã đảo hay vì tiếng nghiến răng? Khi nghe hai tiếng “cha ơi” sao ta chưa tỉnh ra mà lại càng lao tới?

Ta đàn độn, si ngốc, dâm dăng, quay cuồng giữa bốn bức tường tối ám trong căn nhà âm u không có ánh mặt trời.

Ông cũng biết rằng sẽ có một ngày như thế, một ngày mà đứa con trai đứng trước mặt ông vừa là ông chủ vừa là quan toà, một ngày tất cả bỗng chói loà như cả cái mái bằng đất nặng nề bị ném sang một bên để trời xanh và nắng đỏ cùng trút xuống.

Một ngày mà cha phải sợ khi đứng trước mặt con. Một ngày như hôm nay là để cho ông, chính ông đầu tổ ông. Cuộc đầu tổ này mới thực sự khốc liệt, ông sẽ phải tự mình lột da mình, sẽ phải thực tình khai báo không phải trước nhân dân mà là trước bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ của nhà họ Phạm. Ông sẽ bị đeo bảng trước ngực dong đi không phải trong làng mà đi vòng quanh bốn mươi hai ngôi mộ nằm lạnh lẽo trên tận núi Mò O.

Tu một hơi, nhắm mắt khà một tiếng, ông đứng lên.

Không thể được, ông nghĩ, không thể làm như bản nơi này dù chỉ còn là gạch đá. Ông đi ra sông. Bầu trời sau cơn bão vẫn còn nhem nhuốc. Không một ánh sao.

Ông ngồi lại bên cầu nhìn xuống dòng nước. Ông nghe tiếng chuông chùa Thiên An ngân nga. Âm thanh của nó như được cán mỏng, rất mỏng trải trên mặt sông. Nó trôi là đà, mênh mang. Đúng là chỉ có nước mới rửa sạch được tất cả. Nước cũng sẽ ôm vào lòng mọi bất hạnh, mọi căm thù. Nước không đầu tổ ai cả, nước là mẹ.

Rượu cũng là nước, một thứ nước rất tinh khiết vì được chưng cất công phu. Nhưng sao nó làm hại mình? Có phải nó pha trong đó cái sắc dục của những con đâm? Màu rượu là màu tóc của nó? Cái vị nồng nồng ngọt ngọt là thịt da của nó? Mả cha cái bọn thực dân. Chẳng những đốt nhà mình, chúng còn nhốt những con quý trong các chai rượu. Ừ, chỉ có thể mới hại được mình.

Mà sao mình cứ đổ thừa mãi thế. Mình phải chịu trách nhiệm chớ. Chẳng ai xui ai khiến mình cả. Tự trong mình nó muốn vậy thì phải làm vậy. Mình không nên đổ lỗi, lại càng không nên xin lỗi. Cái lỗi to như hòn núi Đát thì xin sao được. Ai mà gánh nổi đổ xuống biển giùm cho.

Ông không lộ từ lâu đã không còn nữa.

Rượu hết. Ông định đái đầy chai đem bỏ trước nhà kẻ đã làm ông khổ nhục suốt mấy năm qua, nhưng ông lại thôi. Nó không xứng đáng được uống cái thứ nước đựng trong cái chai đẹp đẽ này cho dù đó chỉ là nước đái. Ông ném chai xuống sông, nghe một tiếng “bùm”. Chẳng còn gì để cho ông chần chừ. Phải vậy thôi. Người ta có thể sống mãi với lòng thù hận, với sự trí trá gian ác nhưng không thể sống mãi với lòng ân hận.

To hơn tiếng cái chai một chút, cũng một tiếng “bùm” vang lên khi ông gieo mình xuống con sông đầy nước. Lúc ấy, tiếng chuông chùa Thiên An đang trôi trên sông đã làm cho cái tiếng “bùm” mờ đi, bớt thô tục.

Hôm đó là ngày mồng ba tháng chín năm một chín năm tư.



Chương cuối

Tiếng vọng

Hai mươi hai năm sau...

Một buổi chiều đầu thu, người thừa tự thứ 14 của dòng họ Phạm trở về. Đó là một ông già buồn hơn cả mọi ông già buồn của làng An Định. Ông mặc một bộ đồ màu cứt ngựa, mang dép nhựa màu nâu, đội mũ cối. Như bộ đội mà không phải bộ đội. Ông vác một cây gậy Trường Sơn, phía sau địu đưa một cái soong méo, một cái ấm sứt quai, một cái ca sắt. Ông đứng ở đầu làng, nhướng đôi mắt mỗi mệ về nơi ngày xưa ông đã được sinh ra trong tiếng chim riu rít của vườn cau.

Ông nồn nao không biết có còn gặp lại cha mình?.

Ông bước gáp về phía vườn nhà.

Chẳng còn gì cả ngoài một đồng đất đầy cỏ dại và những cây táo non, cây thù đầu.

Ông ném cây gậy xuống đất. Những âm, những soong kêu loảng xoảng. Ông tháo ba lô con cóc trên lưng, ngồi tựa vào một cây cột còn sót lại. Ông lấy thuốc ra hút, thờ ra những làn khói đậm đặc. Ông nghe lòng mình vang dội những tiếng kêu đau đớn.

Có một người hàng xóm già, khô quắt, ông Sáu Hủ thấy ông về ghé qua thăm. Ông ta kể chuyện làng bị đốt, dân làng phải chạy dạt lên chợ Bò và sau cùng hỏi:

- Ra ngoài đó làm tới chức gì rồi?
- Chẳng làm chức gì cả.
- Đi tập kết mà sao không làm chức gì?
- Con địa chủ, không chết đã là may, chức tước gì nữa.
- Vậy làm gì để sống?
- Chăn bò
- Sao vậy?
- Thì chăn bò chớ sao. Nông trường giao chỉ

- tiêu chẵn 5 con.
- Cách mạng ngộ nhĩ!
 - Ngộ quá chớ còn gì nữa!
 - Cha cậu mất rồi nhưng vợ còn sống đó, về ở bên An Đông.
 - Vậy hả?
 - Cậu có một đứa con trai, biết chưa? .
 - Một đứa con trai?
 - Ừ.
 - Mừng quá. Chắc tôi phải qua bên đó.
 - Ừ, đi đi!

Ngay tối hôm đó, ông lội sông qua nhà cha vợ. Biết ông đến, bà lánh mặt. Từ bên trong bà nói vọng ra:

- Nó là dòng dõi họ Phạm đấy. Nhưng tôi không còn là vợ anh!

Viết xong 8 /2008
Khuất Đẩu

SƯU TẬP DI SẢN VĂN HỌC MIỀN NAM

*LTS: Với chủ trương bảo tồn và phục hồi nền di sản văn học miền Nam, kỳ này chúng tôi sưu tầm và đăng lại một bài nhận định văn học miền Nam của Cao Thế Dung trích lại từ tác phẩm **Văn học hiện đại: Nhận định văn học**, do Quần chúng xuất bản 1969. Việc đăng lại này chỉ có mục đích đóng góp văn liệu giúp bạn đọc và các nhà tham khảo có cái nhìn tổng quan về một giai đoạn thi ca thời chiến chứ không nhất thiết phản ánh quan điểm và nhận định của tạp chí TQBT.*

CAO THẾ DUNG

Văn học Hiện đại: Thi ca và thi nhân

TỔNG LUẬN

Tính từ ngày tuần báo Đời Mới xuất hiện -1953- với những bài thơ của Huyền Viêm, Dao Ca, Nguyễn Quốc Trình, Kiên Giang chốc đã là 15 năm. Đẳng đẳng 15 năm Quê hương chìm sâu trong biển lửa, mười lăm năm ấy vừa bằng thời gian nâng Kiều lưu lạc. Thi ca Việt Nam đã sinh hóa như thế nào theo sự thăng trầm trôi nổi...của vận nước

Đến nay, chúng tôi ghi danh được hơn một trăm người làm thơ. Quả là con số to tác trong vòng 15 năm . Người ta thường nói rằng, mỗi người Việt Nam là một nhà thơ. Cũng không phải là điều bạo ngôn . Vì mỗi người Việt Nam là một nông nổi của thân phận mà túi nhục thì nhiều, vinh quang không bằng gang tấc. Tiếp nối truyền thống nên thơ và sống như thơ của dân tộc trong gia tài giàu có của Ca Dao, của một Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Đồ Chiểu,

Tân Đà ...trong 15 năm ấy, với một trăm người làm thơ dù Quê Hương ngút ngàn khói lửa, dù phận người mong manh như tơ mây nhưng với sự hiện diện của thơ thì tai họa và nhục nhằn trên tổ quốc ta ít nhất cũng được bù đắp bằng thứ gấm hoa nghệ thuật để giúp ta ru êm giấc ngủ Việt Nam vẫn chỉ còn ác mộng . Văn học miền Nam quả có nghèo nàn, thiếu máu trong đó có Thi Ca cũng nghèo nàn, thiếu máu. Những công trình về phạm vi kinh tế chính trị trong 15 năm qua dù có ồn ào bao nhiêu, dù có to lớn bao nhiêu cũng chỉ là cái nhất thời rất phù du. Ngoài sự nghèo nàn của Văn Học, bây giờ còn lại những gì sau 15 năm biết bao thăng trầm dâu biển nếu không phải chỉ là khoảng trống vô nghĩa, nếu không chỉ thấy rất một phường giá áo túi cơm trong một lò nô dịch biển lận. Văn Học hôm nay tuy xơ xác thật, tuy nghèo nàn thật nhưng ít nhất vẫn có đủ thẩm quyền để vinh danh Quê Hương và làm sống động tinh tụy Dân tộc trong Con Người Việt trong Lịch Sử Việt .

Năm 1953, năm mà cuộc chiến càng trở nên ác liệt . Phần thắng lợi cuối cùng đã ngã hẳn về kháng chiến. Nhưng đồng thời cũng là năm chủ nghĩa Cộng Sản lộ hình tướng nguyên vẹn và khống chế toàn thể nhân dân Việt và hàng ngũ quân dân kháng chiến chống Pháp – Một nền văn học mang hình thái quốc gia và tự do bắt đầu hình thành mà Hà Nội, Sài gòn, Huế là những tâm điểm cho mỗi chu vi của một môi trường sinh hoạt và sáng tác. Đạo ấy ta thường mô tả là Văn Nghệ trong thành. Con số Văn nghệ sĩ thật không có bao nhiêu, có thể nói đếm trên đầu ngón tay. Một Hà Nội với Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Hoàng Công Khanh, Nguyễn Minh Lang, Đoàn Phú Thứ, Thanh Hữu ...Sài gòn lại càng thưa thớt tẻ lạt, Quanh đi quẩn lại cũng chỉ mấy người : Nguyễn Đức Quỳnh, Hoàng Thu Đông, Thái Linh, Phạm Duy, Nguyễn Quốc Trinh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Ngọc Linh và một vài bản sắc mới vào đạo đó như Dao Ca, Huyền Viêm, Kiên Giang, Viên Lăng .

Văn nghệ của Miền tự do được thành hình trên một số vốn liếng nghèo nàn khởi đầu đại cương như vậy, với một

số Văn nghệ sĩ như vậy là tất nhiên tác phẩm không có bao nhiêu, sinh hoạt rời rạc và gần như không có .

Riêng về thơ trong buổi đầu năm 1953 cũng tẻ vắng như buổi chợ chiều. Tiếng thơ của Miền Quốc gia không đủ khí thế và cường độ nhạy cảm để hấp dẫn tâm hồn giới yêu thơ lúc bấy giờ .Những Quang Dũng, Vũ anh Khanh, Hoàng Cầm, Hữu Loan đã bùng bốc chất thơ trong lòng người với tất cả sự giàu có trong một kiến trúc thơ phát hiện từ buổi đầu kháng chiến cho nên sinh hoạt thơ trong Miền Quốc Gia cơ hồ chỉ như cơn giải sầu trong giây phút tỳ hứng.

Thỉnh thoảng cũng chợt hiện một vài ngân điệu thơ song nó cũng chỉ như tiếng kêu xơ xác của con chim lạc đàn . Chẳng hạn :

*Em ơi! Cứ đợi Anh về
Dù bao nhiêu tháng quân gì hỡi em
Em ơi! Cứ vững niềm tin
Rằng người chẵn gối của em sẽ về
Dù bao cách trở sơn khê
Thuyền chung Anh cũng sẽ về cùng em*

*Em chớ chờ Anh bên cửa sổ
Mỏi mòn đôi mắt ngóng trông anh
Đừng cho giếng mắt rung rung lệ
Làm nhạt đôi làn sóng mắt xanh*

*Em chớ chờ Anh trên đốt tay
Đếm thời gian rụng ngày qua ngày
Đếm mùa ly biệt năm xa cách
Mà vóc hình mai phải úa gầy*

*Khi nhớ Anh em đừng lấy ảnh
Nhìn hình anh thêm nhớ thương Anh
Đừng rơi lệ thấm trên khung ảnh
Đừng áp má em lên má anh...*

(trích Em ơi cứ đợi anh về - Kiên Giang 1953)

Mười lăm năm cũ, Kiên Giang có giọng thơ trữ tình như vậy mà trong thể chất trữ tình, ông cũng như một số nhà thơ bấy giờ vẫn ẩn dấu trong thơ nỗi hoài vọng rất huy hoàng qua hình ảnh vĩ đại của kháng chiến - một thứ ngưỡng trông yêu dấu vô vọng. Nếu không trông vời bên cũ với khí thế đấu tranh cho ngày mai quê hương thì thi nhân lúc ấy lại thu mình trong ốc đảo cá nhân rồi bẽ bàng nhìn vào Quê Hương. Thơ Huyền Viêm là một tiêu biểu

*Chiều nào chinh chiến bời bời
Quê em tan tác một chiều thê lương
Giường tơ em bỏ bên đường
Dâu xanh thoi cũng úa vàng héo khô.
Thu không vắng bóng trâu bò
Bốn mùa khói lửa xô bỏ tang thương
Mẹ em tóc trắng như sương
Linh đình đã chết nửa đường còn đâu.
Nếp khăn trĩu nặng mái đầu
Lòng quê dâng ngập lòng sâu tóc tang...*

(trích Em là Con gái Miền Trung -Huyền Viêm 1953)

Những Huyền Viêm, Thanh Thuyền, Kiên Giang (1) hiện diện trong thi đàn buổi đó như hoa cam “tiền chiến” và sinh quả trái mùa. Thơ của họ phản ánh rõ một tâm trạng đã quá đà mệt mỏi. Thương nhớ hay Chiến tranh đã trải lên tấm thân còi cọc thiếu máu của Thơ trong một không gian mà mặt trời bị che lấp. Mãi đến sau này -1956- mới có sự phản tỉnh trong Thơ. Nói là phản tỉnh vì Thơ từ 1956 đã có ý nghĩa như một khước từ dĩ vãng và mang theo một hình thái mới. Những Huyền Viêm, Thanh Thuyền tuy sự làm thơ vào những năm 53-54 chỉ như một sinh thú phong lưu song ít nhất các ông đã góp công tạo thành viên gạch nối liền giữa hai thời ngắn cách: Tiền chiến và Hậu chiến. Những Kiên Giang, Nguyễn Quốc Trinh, Hồ Hán Sơn, khởi đầu từ một nguồn thơ giàu có trên cái chung nghèo nàn của Thơ song dấu rằng các ông

không đạt được tầm vóc lớn và bản sắc độc đáo cho Thơ nhưng cũng đã in dấu một thời ngắn cách giữa hai ngã ngắn cách: *Văn Nghệ Kháng chiến và Hậu chiến* (trong vùng Quốc Gia)

Thời gian 1953 –Cái mốc khởi điểm cho 15 năm Thi Ca, Quê Hương Việt cũng nghệt thở và đầy phiến động, băng rã như bây giờ. Cũng vẫn một đám tuổi trẻ bơ bơ đứng ngoài lẽ thế sự, cũng vẫn trò dâu biển ăn cướp bóc lột, tham nhũng và một phường nô dịch tở ngoại bang trong một không khí chém giết ngút ngàn như Hôm nay 1968. Na San là thế! Điện Biên là thế, Dakto là thế và Khe Sanh là thế! Tết Mậu Thân ở Huế, Saigon, Banmêthuot và trên khắp nước là thế! 4320 người chết ở Huế chỉ trong mấy ngày đầu Xuân. Một nửa như thế chết ở Saigon! Mười lăm năm trước Tạ Ty, Cao Tiêu lên đường “khoác áo chinh y” -Mười lăm năm sau những Dương Kiên, Lê Tất Điều, Nguyễn Đình Toàn cũng lên đường như thế...Song giọng thơ như giọng sông lớn vẫn ngày đêm chảy xiết và giọng thơ thần nhiên trôi theo Lịch sử và không cần chấp nhất ngó ngang đến những loài cặn bã súc sinh đang làm vẩn đục. Và tiếng thơ Hôm Nay trong cảnh dầu sôi lửa bỏng này -Vẫn im lìm như một lời ca.

*Quê hương tôi nằm dài trông ra biển,
Sóng vỗ ngàn năm một điệu ru hồn
Dân tộc đời đời tui hận
Chiến đấu nhiều hơn
Chúng tôi sinh ra
Đánh giặc nhiều năm không hết kẻ thù
Con môi bé trước mồm bầy dã thú
Đã tan tành còn lại nhúm xương khô*
(trích *Tiếng Ca Đen* –Phan Truớc Viên 1967)

Trong quê hương tan vỡ của 67-68, Thơ vẫn lớn lên và Thơ lớn lên không ngừng trong 15 năm ấy. Chốc đã mười lăm năm trôi...

oOo

20-7-1954 ngày Hiệp định Genève chia cắt đôi Đất nước, kể từ đó, chúng ta có đã hai nền Văn học biệt lập. Theo Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa (1956 và 1967), Việt Nam là một lãnh thổ bất khả phân chia, Văn Học Việt Nam từ đạo ấy đến nay chỉ có một danh nghĩa Văn Học Việt Nam (mà thời gian là hậu chiến). Dĩ nhiên, Văn Học Miền Bắc cũng chỉ có một danh nghĩa Văn Học Việt Nam. Nạn qua phân cũng chỉ là nhất thời. Mọi chế độ dù bền vững cách mấy cũng chỉ là nhất thời. Dân tộc mới là vạn niên trường cửu. Dân tộc Việt chỉ là một, chỉ có một nền Văn học VN cho nên rồi đây hai nền Văn học Bắc Nam cũng sẽ chỉ là một.

Khởi từ 1954, Văn Học Việt Nam (Miền Nam) đã phôi thai một cách tự nhiên trong khung cảnh tự nhiên bắt đầu từ những tình cờ lịch sử...Sau 27-7-54, Saigon được phối hợp bởi Hà nội. Trên những chuyến tàu di cư của một triệu đồng bào Miền Bắc đã mang theo vào Miền Nam những Doãn Quốc Sĩ, Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Thanh Hữu, Thế Phong. P.L.T. (*Phan Lạc Tuyền - chú thích của Tòa soạn*) và từ đó, chúng ta đã có một thành phố Hà nội nhỏ bé trong lòng thành phố Saigon. Bồng dung sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật ở đây, trong không gian Miền Nam, lớn hẳn lên cùng với sự phức tạp đa dạng của nó và đã tận nguyên ngay từ lúc phôi thai, từ những biến thái đột nhiên do nạn qua phân và hoàn cảnh thổ nhưỡng, địa lý.

Năm 1955, khi tuần báo Đồi Mới đình bản cũng là lúc chế độ Miền Nam đã vững mạnh trong một tình thế ổn định. Văn nghệ khởi sự được kiến trúc cho thành một nền Văn Học Hậu chiến. Nhóm Quan Điểm xuất hiện mang theo một khí thế mới làm tan biến sự tê lạnh xơ xác xưa buổi đầu khi nhân tâm còn xao xuyến trước một viễn tượng mù tăm của vận mệnh Dân tộc. Nhóm Quan Điểm lúc ấy là một thực lực và tạo nên một thực lực Văn học cho Miền Nam ở giai đoạn qua phân lần thứ hai (54). Cùng lúc đó, Doãn Quốc Sĩ chủ trương tờ Người Việt.

Những Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo khởi nghiệp từ bảy giờ để bắt đầu cho một lớn mạnh sau này thể hiện qua cuộc vận động Văn Học Nghệ Thuật Mới trên tạp chí Sáng Tạo và ở một số các nhà văn độc lập khác.

Riêng về Thơ, có thể nói Thơ đã phản tỉnh để thoát xác. Những tiếng thơ dội lên từ 53 bắt đầu im vắng, hoặc biến thiên qua một trạng thái mới. Trong buổi đầu, thi tập Mê Hồn Ca (in tại Hànội) của Đinh Hùng gây nên một chấn động sôi nổi trong thế giới yêu thơ –Mê Hồn Ca quả là cơn rừng mình rất phiêu diêu của ma thuật ngôn ngữ và thanh âm thơ song có điều, không ai theo dấu chân Mê Hồn Ca, một là vì nó cá biệt -một cá biệt độc lập rất riêng rẽ. Nên thơ Đinh Hùng đứng im, xa vắng trong hẵn một nơi...Hai nữa, người mới phải thực hiện những yêu cầu mới hơn, nóng bỏng hơn.

Giới thơ phát kiến ra rằng, phải làm một điều gì khác hơn Tiên chiến, mới hơn Tiên chiến.

BÌNH CŨ RƯỢU MỚI

Trong lớp người mới khởi nghiệp thơ từ bước đầu 1955, là những Chế Vũ, P.L.T, vẫn không cảm lòng dứt bỏ những hình thái nghệ thuật của thơ mới Tiên chiến nghĩa là nhà thơ vẫn dùng hình thức thơ mới như một cách thể để chuyên chở một nội dung mới. Đó là một hình thức bình cũ rượu mới. Chế Vũ qua thi tập Khát Vọng, là một tiêu biểu độc đáo trong ý tưởng trên. Xin đan cử một bài *Ngủ Yên* của ông (2):

*Hãy cho tôi giấc ngủ bình yên
Đừng chấp chờn giấc mộng
Đã bao đêm dài rò dòng lệ nóng
Tình hay buồn nên mắt ướt suy tư
Mắt tôi cay chờ đợi đến bao giờ
Hương trinh tiết Nàng Thơ về hiển hiện
Trót sinh ra lòng tôi là sáng biến*

Là mây mù, giông tố đặc trường giang
Trót sinh ra, đã nhớ nắng thiên đường
Thích mơ mộng, tràn u hoài năm tháng
Người ta bảo: đời tôi như giấc mộng
Sống rất dài và quá sợ mờ cõi
Chuyện tình duyên đã lỡ mấy lần rồi
Bờ cao số nên chậm thành sự nghiệp
Tôi vẫn biết ngày mai rồi oanh liệt
Phút khởi đầu, đã trót hẹn từ nay
Năm dọn đường ngày tháng mãi mê say
Tóc thơm nắng, tôi vun trồng mộng寐
Những buổi xuân đầu sao dài vạn kỷ
Đêm tối buồn tôi ngủ chẳng bình yên
Ôi bóng nàng đâu? Tôi quyết đi tìm
Đuốc linh ứng sẽ sáng thành sự nghiệp
Giấc ngủ hôm nay, tôi từng khâm liệm
Cả thi hài quá khứ xuống đất đen
Trông tương lai rất quá đổi êm đềm
Tôi chẳng bước hồn vào tận hưởng...
Đã bao năm rồi thuyền mình lạc hướng
Chút mộng còn thành sự thực hôm nay
Giấc ngủ bình yên theo đúng luân hồi
Đêm tới sáng, không chen vào mộng寐.
Không trần trọc bởi mùi hương dạ lý
Không tại nàng, hình ảnh của ngày mai
Người ta thương tôi, tôi cảm ơn hoài
An ghi nhớ để dành cho tới chết
Vốn biết đời tôi ngày sau lắm liệt
Hoa trận đời sớm tối nở triển miên.
Đêm rất dài tôi ngủ rất bình yên.

(Ngủ Yên)

Như trên ta thấy rằng, về hình thức nếu so với thơ mới thì không có gì khác lạ, vẫn một nhịp thơ chuyển biến từ 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ, cũng vẫn một thứ văn gián cách hay hỗn tạp. Điều thơ vẫn luôn luôn là linh hồn thơ, trái sáng soi đường cho nguồn rung cảm thơ để chuyên chở những

tình ý mới trong tâm trạng của một thời đại mới. Tóm lại, đã có một số nhà thơ muốn hiện đại hóa thơ mới để khác biệt với Thế Lữ, riêng rẽ với Huy Cận. Thơ mới một lần nữa bị phá thể hay đúng hơn đã có sự phá thể lần thứ hai của những khuôn thước cũ gò bó theo luật lệ âm vận và ngôn từ. Trong ý tưởng như thế cũng không thể nhất đán nói rằng đây là một nghệ thuật thơ mệnh danh “Bình cũ rượu mới”.

Điều và âm vận thơ vẫn tương đồng với cách cấu tạo của thơ Tiền Chiến trong khuynh hướng tạm gọi là khuynh hướng Bình cũ rượu mới. Tôi nhận ra danh tính những Băng Đình, Cao Tiêu, Huy Trâm, Tạ Ký, Hữu Phương, Trụ Vũ, Song Hồ. Riêng Băng Đình, ông làm thơ rất sớm. Ông sở trường về lục bát mà lục bát của ông thì nhẹ quá. Nó phiêu bồng trong không khí thơ Lưu Trọng Lư. Tiếng thơ của ông như thế này:

*Huyền Trân một sớm lia Kinh nguyệt
Rượu tiên run môi lạnh tiếng đàn
Ô Lý hai châu còn chật hẹp
Một trời Chiêm Việt mấy quan san
Gió mưa ướt nẻo Đồ Bàn
Rung rung lệ chảy hai hàng máu khô
Đá tường chìm khuất cung vua
Biết đâu lá biếc mùa thu ngã mình*

(trích Mưa chiều Hời – Băng Đình)

Thơ Băng Đình là thứ thơ chân cảm. Điều thơ ông ần dẫu nét phiêu lãng của một thứ thơ bi hùng tráng Huy Thông. Còn Song Hồ, ta có thể mô tả ông như người làm thơ tự do và cũng có thể nhìn ngắm thơ ông như một thứ bình cũ rượu mới. Chẳng hạn (3):

*Nửa đời người chưa
sao gục đầu suy nghĩ
Cuộc đời vuông? tròn? dài ngắn?
Tàng đá hay bông hoa*

*Những anh hùng thám mệt xin nói ra
-hoàn toàn là táng đấ!
Chúng tôi hết sức rồi,
hết cả chờ mong
Chỉ còn tự tử
Thế là xong.*

Rồi một người nữa, theo dấu chân Nàng thơ rất sớm – Diên Nghị (5) ông là một trong mấy người thơ xinh xắn của Huế trong những năm 1955-1956 và đi trước ông đôi chút là Huy Phương tác giả tập thơ “*Mắt Đêm Dài*”. Nhưng đi sau hai ông rất xa –phát xuất cùng một quê hương của nghèo khổ và căm phẫn mệnh mông và một Duy Năng đã thành công qua thi tập *Giác ngủ chân đèo*. Tiếng thơ Duy Năng tự nói lên được nông nỗi quê hương và nói lên đủ được tiếng thầm vọng của chính ông từ những nơi ông đi qua. Thơ Duy Năng vẫn bằng bạc chất thơ kháng chiến khởi từ Quang Dũng, Trần Dần. Ý và lời thơ Duy Năng thật mới (4)–Cái bình đựng rượu mới kia-tức là cái hình thức thơ cũng không phải là mới mà cũng không cũ. Có thể nói, nó vừa là thơ Tự do phá thế; vừa là thơ mới qua hình tượng của một thơ mới kiến trúc từ một hình tượng kháng chiến 1946. Với một nghệ thuật thơ như thế và một bản sắc đậm đà riêng rẽ, thi phẩm Giác ngủ chân đèo là một thi phẩm có hạng.

Khi dùng một tiêu đề bình cũ rượu mới để viết về một số nhà thơ, trong cùng một giọng thơ -Sự qui tụ như vậy, tôi tự nghĩ, làm như thế chỉ có nghĩa như một linh động nhịp nhàng để sự nhìn ngắm thơ Hôm Nay được thuận chiều phối trí. Cho nên, những Thanh Nhung, Cao My Nhân, Cao thi Vạn Giã, Hà Phương cũng nằm trong giọng thơ này dấu rằng mấy nữ sĩ chỉ hiện diện một cách thấp thoáng rồi lại mù tăm. Thơ Cao My Nhân và Thanh Nhung cũng vẫn một tình tự thơ T.T.Kh hay Thâm Tâm. Riêng Hà Phương (tuy đã 8 năm nay cô không còn làm thơ) quả là một bản sắc độc đáo qua *Buồn Hoang Thế Kỷ* và *Đêm Nước Mắt* xuất hiện vào thời gian 1959. Cao thi

Vạn Giã thì làm thơ mới gần đây thuộc lớp sau –Nhưng ngay từ bài thơ đầu trên Ngân Khôi (1963), thì Cao Thị Vạn Giã đã có đủ tư cách là một nhà thơ có thiên bẩm thơ để xứng đáng với truyền thống những Cao thị Nguyệt Anh, người đi trước cô hai phần ba thế kỷ. Thơ Cao thị Vạn Giã (6) có những cái cũ rất mới, chẳng hạn như thế này:

*Tiền chân anh tận phi trường
Lối đi. Lối ở. Mười phương lối về.
Mù sương phi cảnh nào nề
Thôi anh. Ở lại buồn về em mang
Tiền anh một chén rượu tàn
Một bàn tay nắm. Một hàng lệ mau
Cuộc cờ thế sự binh đao
Phút giây tái ngộ ngàn sau biết còn
Một em trong cảnh hao mòn
Một anh đất khách no tròn tháng năm
Trời Tây rẽ bước âm thâm
Ngàn năm mỗi cánh chim bằng tha hương*

(Khúc ly đình –thơ Cao thị Vạn Giã)

Từ Chế Vũ, Hữu Phương đến một Hà Phương –Cao thị Vạn Giã thì vần điệu vẫn nắm được phần chủ yếu của Thơ như một yêu cầu đặc biệt không thể không có tùy theo phương thuật khác nhau trong hình thức cấu tạo. Về ý và kể cả ngôn từ, nhiều nhà thơ đã cố vươn cao để cho khác với cái cũ – nghĩa là cái đã được nói trong thơ tiền chiến. Và đã thành công qua ý tưởng đó như Phan duy Nhân, Hà Nguyên Thạch, và những bản sắc mới gần đây như Tần Hoài Dạ Vũ, Luân Hoán, Thành Tôn (7):

*Vẫn còn đó anh em hàng triệu đũa
Yêu nhau cùng mở rộng vòng tay
Nên khi chết tim người xin để lại
Anh mang đi khoảng trống lấp không đầy.*

.....
*Thân xác ấy thôi rồi tan rã hết
Vào hư vô không giọt máu hồng tươi
Tôi đã dặn khi già từ cuộc sống
Nhớ cho tôi xin lại trái tim người
Nhớ cho tôi xin lại trái tim người*

(Trái tim còn lại –Phan Duy Nhân)

Một nghệ thuật thơ phổ quát từ *bình cũ rượu mới* trong thơ Hôm nay có thể nói, rất đa số vẫn theo dấu chân thơ Mới nghĩa là vẫn cách ngắt nhịp thơ, vẫn một cách gieo vần như thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư nhưng nó chuyên chở một tình ý mới của thời Hiện Đại. Chúng tôi muốn nói đến một Dương Kiên (8), một Huy Lực (9), một Hoàng Trúc Ly. Huy Lực và Dương Kiên lại chịu ảnh hưởng sâu xa thể cách thơ Vũ Hoàng Chương. Riêng Hoàng Trúc Ly, ông sở trường về cung điệu Sáu Tám – Thơ ông tuy không đều tay nhưng nhịp điệu thơ ông là nhịp điệu của nhạc –như một lời ca điêu luyện. Mà ngôn từ của ông rất mới –qua một số bài lục bát. Chẳng hạn:

*Từ em tiếng hát lên trời
Tay xao dòng tóc, tay vờ âm thanh
Sợ buồn chẻ xuống lòng anh
Xôn xao da thịt, tan thành xưa sau*

Tài thơ của Hoàng Trúc Ly không phải chỉ ở những bài lục bát. Thơ ông từ những bài tám chữ, bảy chữ vẫn một cấu tạo của thơ Mới nhưng cái nền của nó là cái nền của một nghệ thuật mới với một kiến trúc ngôn ngữ mới và được tinh luyện bằng một hồn thơ nhạy cảm trong một không gian thơ trữ tình từ bản chất. Bài *Gặp người em* là một thí dụ:

*Những người xưa đi rồi không về nữa
Một mình anh lại gặp một mình em*

Chiều lừng lơ nghe nắng rụng bên thềm
Em cúi mặt mắt buồn vương ướt đẫm
Nhà anh nghèo, anh đau tim anh yếu phổi
Đời anh lạnh lùng bốn hướng gió và mưa
Ta lạc nhau từ em còn bé nhỏ
Anh thương em cam nín đến bao giờ
Bởi vì đâu da em xanh giá rét
Nắng rung vàng lên mái tóc mờ cô
Ngày giặc già quê hương mình mỗi một
Mười năm qua hình ảnh có ngậm ngậm ngùi
Nhà anh nghèo, anh đau tim anh yếu phổi
Em bênh bồng, anh phiêu lãng về đâu
Không dĩ vãng cho đêm dài đợi sáng
Không mai sau cho nước chảy qua cầu
Em bảo anh, người đi không trở lại
Nắm mồ ai như giọt lệ chưa tan
Ngọn gió nào mang anh vào mộng寐
Em giang hồ làm tiếng hát tang thương
Ta đến bên nhau sao chùng bước mỗi
Lời sắp xé môi sao bỗng nghẹn lời
Anh nhớ em: núi cao càng hiu hắt
Anh thương em: máu ướt bốn phương trời...

(Gặp người em – Thơ Hoàng Trúc Ly)

Về Lục Bát, có thể nói rằng sau Huy Cận, Lưu Trọng Lư thì chưa có một giai đoạn nào thơ Lục Bát vươn cao như khoảng thời gian 1960-1966. Trong sáu năm đó kéo dài cho đến nay cung bậc sáu tám trở thành Hoàng hậu Thi ca. Hình như không một nhà thơ nào không làm thơ Lục Bát -trừ một số thi nhân đã cầm lòng sống chết với thơ Tự Do. Người tiên phong của thơ Lục Bát hậu chiến là một Cung Trầm Tưởng. Nói là tiên phong vì lục bát của ông đã làm mới cái cũ trong tiền chiến. Rồi những Bùi Giáng, Viên Linh, Nguyễn Đình Toàn (10) ... Phong trào thơ Lục Bát góp mặt được đông đủ bá quan. Nguyễn Du được một thời sống lại và ca dao đóng vai trò truyền thanh khí quê hương cho Thơ. Lục Bát hậu chiến in đủ dấu tích

và hình tượng thơ của một Đoạn trường, một “Buồn trông chênh chênh sao mai”, một Lưu Trọng Lư, một Huy Cận...

*Ru em lần cuối cùng này
Bằng hơi mát của một ngày sắp qua
Bằng giờ phút sắp chia xa
Rồi thôi rồi chẳng bao giờ nữa đâu
Giọng kinh năm ngón son cầu
Vời môi mận, vời hôn trao nghẹn lời
Vời sâu xưa ngút trên vai
Tóc xanh non vời khuy cài áo thom
Hàm răng mật, tuổi má tròn
Đường theo chỉ đã hao mòn đây em
Gió trời xin ngủ bình yên
Coi như giấc mộng ưu phiền đẩy trôi
Mây cao vời mắt trông vời
Soi nghiêng trăng bóng quên người tôi đi.*

(Ru - Nguyễn Đình Toàn)

Thơ Lục Bát hậu chiến như thế -nghĩa là vẫn một hình thức cũ đặt trong một phong vận mới. Thực ra không bao giờ có cái cũ trong lục bát. Nó luôn luôn được đổi mới và khởi điểm của nó vẫn là thi điệu ca dao hay đúng hơn là cái thi điệu của nguồn rung cảm trong tâm hồn Việt nam. Còn nói là mới, vì cái mới đó nằm trong ý thơ và ngôn từ thơ phát hiện từ một ngữ điệu mới của thơ (*phát tiết từ vị trí của mỗi ngôn ngữ trong liên tục những âm vận và cường độ tăng giảm của tiết điệu thơ*)

Ngoài lục bát –phát triển đến một độ cao nhất- Thơ năm chữ và bốn chữ cũng được mùa và được làm sống lại một cách thật thơ tiếp nối giọng thơ “Tiếng Thu” từ một Lưu Trọng Lư (11) năm xưa. Thơ năm chữ hôm nay đáng kể là một Vương Tân (12) –về lượng và phẩm- ông rất sở trường về thể thơ này.

Giọng hát đen đầu đôn

*Với bàn tay móng dài
Em cúi đầu phiến muộn
Nghe buốt nặng trên vai
Đôi mắt to chết đuối
Tiếng trâm cầm huyệt hơi
Cuộc hành trình êm ái
Người ca sĩ lẻ loi...*

(trích Nụ Cười – Thơ Năm chữ- Vương Tân)

Sau Lục bát, thơ năm chữ cũng được nhiều thi nhân chiếu cố. Một là phải có sở trường và tâm điệu hợp với thi điệu của thể năm chữ. Có như thế thơ năm chữ mới là thơ nếu không sẽ không hơn một bài về nhạt nhẽo – nó đòi hỏi một hơi thơ liên tục- chỉ là một câu năm chữ nhưng mỗi câu phải như một cách ngắt nhịp và bắt theo câu kế tiếp như một liên tục xúc cảm. Một bài thơ năm chữ được gọi là độc đáo trước hết nó chỉ như một giọng, mỗi câu năm chữ chỉ như một viên gạch và toàn bài là một kiến trúc niêm kín thành một khối tròn tĩnh từ đó hình tượng toả ra và ngôn ngữ là mỗi nốt nhạc -mỗi câu chỉ là một cung. Cũng như Lục bát, nếu thiếu hồn và chất thơ thì bài thơ năm chữ chỉ là một bài *nói lối* hay một ngũ ngôn phá thể thiếu nghệ thuật. Không phải thi nhân nào làm thơ năm chữ đạt được sự độc đáo.

Dù hình thức của thơ biến thái như thế nào -từ Đường luật qua thơ Mới và thơ tự do, Lục bát sẽ tồn tại mãi mãi. Tiếc thay, ngày nay thơ Lục bát có dịp phát triển cao độ nhưng nhiều thi nhân chỉ dùng thể thơ này như một phương tiện bày tỏ một cách từ chương và Lục bát đã hơn một lần bị phá sản. Nói là phá sản vì thi nhân đã quên mất rằng bản chất của Lục bát là bản chất của Tâm thanh -thư nhạc của tâm hồn.

THƠ TỰ DO VÀ BẢN CHẤT CỦA THƠ

Sau một thời gian chuyển tiếp –năm 1956, Văn Học

Miền Nam thực sự vươn lên qua nhiều chiều hướng khác biệt. Buổi ấy, tạp chí Sáng Tạo trở thành một trong những trung tâm qui tụ được một số văn nghệ sĩ lớp trẻ nuôi ước vọng làm mới nghệ thuật văn thơ. Những Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại (13)...nhà thơ sau này, tuy không phải là một trong những cột trụ của Sáng Tạo nhưng ông phải là người thứ nhất mở đường cho Thơ Tự do lớn lên tại Miền Nam thời hậu chiến, Quách Thoại là viên gạch nối tiếp giữa Thơ Mới và Thơ Tự do. Trong thơ ông có nhiều bài xuất thần tuyệt bút và những bài ấy qua cường độ rung cảm mới, qua một hình tượng mới nhưng cung điệu thơ vẫn nương theo mực thước cũ của thơ Mới. Bài Như Băng Trường Tình là một tuyệt bút

*Như Băng! Như Băng! Vì đâu mà lệ ứa
Ta khóc than nghĩ tội phận đời ta
Một linh hồn lạc lõng giữa bao la
Một tình yêu chưa một lần trao gửi
Tim cô đơn chưa một lần ấm sưởi
Lạnh trong hồn thấu ở trong xương
Hoàng hôn về ta lạc giữa mù sương
Nghe đêm xuống tưởng buồn như tận thế
Lệ rất nhiều mà khóc chẳng ai lau
Ta một mình ôm tất cả đơn đau
Không dám nói bởi chứng rằng khó nói
Viết lời thơ thành lời kinh kêu gọi
Nào vội chi sâu hận của nhân gian
Như Băng em xin ngó nẻo thiên đàng
Để nguy hiểm ta sống đời địa ngục
Ta chỉ sợ rồi đây trong nhà phúc
Máu tai ương sẽ vấy tẩm thân em
Lưỡi dao người sẽ xẻ gót chân son
Em sẽ chết dập bàn tay ngà ngọc
Rồi ta khóc sẽ tan tành trí óc
Như Băng nào em hiểu gì đâu
Đã từng đêm ta nguyện ta cầu
Lòng tự hỏi vì đâu đời khổ lụy*

*Bởi vì đâu hỡi loài hoa cao quý
Mà hương thơm còn mãi đến đời sau
Nở chi đây phô sắc thắm nhiệm màu
Đất sắp sửa nứt thành phun lửa
Như Băng em đau thương là thế rứa
Bởi yêu em mà khóc mấy cho vừa
Đây lệ tình ta em biết cho chưa?
Xác hồn ta chết đau gần quá rứa...*

(Như Băng trường tình –*Thơ Quách Thoại*)

Tiêng thơ Quách Thoại vừa rất Beaudelaire, vừa rất Lauratrémont và cũng một dòng siêu thoát như Hàn Mặc Tử trong phong vận của một đam mê cháy bỏng. Thơ ông là sự chói sáng của thanh khí trong một tâm hồn vỡ từ một tiếng nói vỡ - Một dòng thơ cháy bên những hao mòn của tâm thức. Quách Thoại còn làm thơ tự do. Nhưng thơ tự do không phải là đất của ông mặc dầu Quách Thoại vốn là người nhiệt tình cổ võ cho thơ Tự do. Những bài thơ đầu của ông đăng trên tạp chí Sáng Tạo đã thể hiện một nồng độ nóng bỏng. Từ đó, Thơ tự do trở thành một Phong trào mới, sống động và bao tủa. Đất dụng võ của Thơ Tự do là những Sáng Tạo-Hiện Đại-Thế Kỷ 20. Một số đông ngộ nhận rằng Thơ tự do không phải là thơ và chỉ là một thứ Thơ phi nghệ thuật hay *Thơ chưa có thơ*. Sự thực không phải như thế. Sự xuất hiện của Thơ tự do mang theo sự phủ nhận âm vận như một chủ yếu thơ. Song một cách tự nhiên nhất, Thơ Tự Do vẫn có đủ một cung điệu thơ. Cung điệu Thơ tự do là thứ cung điệu tâm thanh chủ về tiết điệu tình cảm và sự phối trí toàn thể từ hình ảnh đến ý tưởng để tạo thành một xúc cảm thơ phát tiết từ ngữ điệu tâm hồn. Thơ tự do có một hình thức riêng của nó thể hiện theo mỗi cá biệt trong mỗi tâm hồn thơ và cái hình thức chỉ như một phương tiện chuyên chở chất thơ –nghĩa là một ý thức, một suy tư khởi từ thơ, nói với Thơ và dùng Thơ để truyền đạt. So với thơ Mới, thơ Tự do là con phá sản ngôn ngữ và thi điệu. Nhưng tâm giải thực chất mỗi bản sắc thơ Tự Do trong cái chung của Thời Hiện Đại thì thơ Tự do đã

hơn một lần phản ánh rất thực về tiếng nói của tâm hồn qua ngã ý thức đã có hơn một khả năng làm tấm gương phản chiếu những chiều sâu thẳm của tiềm thức và vô thức. Thơ tự do quả là những mảnh vụn của tiếng nói vỡ, là một toàn diện những thay đổi thoáng chốc trên sự hóa thân của thời đại.

Từ bản chất thơ tự do là một nghệ thuật –phát khởi từ sự hủy diệt những khuôn thước vuông vắn và tròn- Nó không là gắm hoa. Thơ Tự Do là thứ màu sắc hỗn tạp loang lổ trên một màu trắng tinh nguyên của ý thức mà dưới nó là lửa đỏ cháy rực của tiềm thức. Song thơ tự do đã thất bại ngay từ lần đầu tiên nó xuất hiện vì thực chất thơ đã bị bôi đen chỉ vì đã có một số người làm thơ dùng thơ tự do như phương tiện buôn lậu tư tưởng. Vì thế nên có sự nghi ngờ thơ tự do –không phải là không cảm nổi thơ tự do mà chỉ vì phần nộ trước sự bôi đen thơ Tự Do như vậy. Cũng vì một số thi nhân lập dị quá đà, còn ấu trĩ về phần tư tưởng lại thiếu đời sống thực và quá vuông vắn trong ý thức cho nên thơ tự do trở thành kỳ quái. Đã có một đạo báo chí đua nhau bài xích. Bài dưới đây của Hà Thượng Nhân (14) là một châm biếm độc đáo về thơ tự do

*Hãy về đây
Những bài thơ
Một chữ
Hai chữ
Mười lăm chữ
Chúng mày chưa khai sinh
Đã vội gì khai tử
Cha chúng mày
Đọc sách tây
Khoái dử
Một ý dặt ngang tai
Một ý cài dưới khó
Là thơ
Tự do
Của thời đại Cộng Hòa
Vượt lên chữ nghĩa thông thường*

*Méo vẫn lạc hậu
Vượt lên tất cả
Trơ còn
Rỗng không
Những bài thơ
Con hoang của thời đại
Cha chúng mày trót dại
Để chúng mày thiếu tháng thiếu năm*

*(trích Chiêu niệm quái thơ – Hà Thượng Nhân –
nhật báo Tự Do 9-1958*

Thực ra, thơ tự do không đến nỗi như thế. Nhưng thơ tự do bị bóp méo chỉ còn là một cách làm nổi bật cái tôi thi nhân bằng sự lập dị, bí hiểm cho nên nó đã như thế. Thơ tự do trước sau vẫn là thơ - một sung mãn giàu có của thơ. Chẳng qua, người ta đã lạm dụng nó, tô đen và bóp méo nên thơ tự do mới gây nên một ngộ nhận không tốt. Thơ tự do, sự hiện diện trong thời Hậu chiến là một hiện tượng tất yếu. Một biện chứng và chỉ là một kết quả theo những yêu cầu mới của thời đại không thể không có. Những Nguyên Sa, Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Mai Trung Tĩnh đã chứng tỏ thơ tự do thỏa mãn nổi những cầu vọng đa dạng của thời đại và thơ tự do chuyên chở theo nó tiếng nói thời đại. Với thơ tự do - thi ca có một số ngôn ngữ mới- ngôn ngữ chưa bao giờ dùng thơ để nói- Với thơ tự do nó trở thành một biểu tượng phổ quát. Nào là những *cột đèn, đại lộ, hè phố, chó đói, cột đèn, tượng đá, rong rêu, công viên*. Rồi nào những *đêm đen, mặt trời ngủ, tình vật, hoả châu, và vân vân...* Thơ tự do hiện diện như một mạo hiểm để một lần nữa đem theo sự phá thể thơ Mới. Thơ tự do sẽ đi về đâu? Câu hỏi đặt ra sẽ không có sự giải đáp vì bước đi của thơ luôn luôn là một năng động mang theo những biến thái bất ngờ. Vì Thơ tự do tự nó đã mang nổi bất lực của thời đại trong những cảm quan rời rạc, dần chìm, tê bại. Mỗi nhà thơ tự do là một ốc đảo - Nó lẻ loi trên cuộc hành trình trăm dặm lẻ loi. Và thơ mang theo con người thi nhân như một tên thích khách mà đối tượng

không ai khác hơn chính y nên tiếng thơ của y cũng chỉ còn lại sự gào thét, phi lý, sự xáo trộn và hình tượng là những phát hiện từ kiến trúc của sự đổ vỡ

Song Thơ Xuôi (poème en prose), một hình thái khác của thơ tự do đều có lý do tồn tại. Thực tế, nó không phải là một hình thái mới mẻ, Nó cũng chỉ là “Phú” được sống lại theo biến thái mới. So với thơ Mới và cả thơ Tự do, thơ Xuôi khoáng đạt hơn -*Từ Tài tử đa cùng Phú* với Cao Bá Quát đến một thơ Xuôi Paul Claudel, thơ Xuôi trở thành khoảng mát thênh thang và giúp người thơ lánh xa khỏi ngõ cụt qua những hình thức chật hẹp của thơ –Đã có một số nhà thơ rất thành công khi thử nghiệm thơ Xuôi- Song một số khác đã hoàn toàn thảm bại- Vì thơ Xuôi đòi hỏi một cường độ tuyệt mức của nguồn hứng thơ được khơi nguồn từ những hình tượng sống động nhất –hơi thơ tiềm ẩn và giàu có nhất.

Trở lại thơ tự do, có một đạo ở đây nhiều người ngộ nhận rằng, nhà văn Thanh Tâm Tuyền là người khai sáng - một thứ đệ nhất công thần của thơ Tự do- Điều ấy hoàn toàn sai. Có chăng thì đó cũng chỉ là một huyền thoại giúp cho nhà văn Thanh Tâm Tuyền có được một huyền thoại về thơ tự do.

Trước đây, Nguyễn Xuân Sanh trong nhóm Xuân Thu Nhã tập, ông đã khai sinh ra một thứ thơ bí hiểm –và tự nó đã mang một hình thái tự do nhưng vẫn chỉ là một cách lập dị và bí hiểm hóa ngôn ngữ thơ. Trong thời kháng chiến, Nguyễn đình Thi đã thí nghiệm một loạt thơ tự do nhưng cuối cùng vẫn không gây được tiếng vang và thơ tự do phải cáo chung vì không có đất dụng võ, không một thi nhân nào tiếp nhận nó.

Ở đây, từ năm 1956, Thanh Tâm Tuyền là một trong những nhà thơ đã làm sống lại thể thơ tự do mà chính nó đã được khai sinh với một Nguyễn đình Thi trong thời kháng chiến. Xa hơn nữa, thơ tự do cũng chỉ là một hình thái được mô phỏng và biến thiên từ thơ tượng trưng qua thơ Rimbaud – Beaudelaire, qua thời kỳ xáo trộn với Dadaisme (1919) và lớn lên với trường phái Siêu thực. Tóm lại, thể thơ tự do phát xuất từ Nguyễn Đình Thi hay

được làm sống lại với một Thanh Tâm Tuyền và nhiều thi nhân khác thì trước sau thể thơ này vẫn khởi nguồn từ nghệ thuật thơ của Apollinaire hay Lauatrémont và những P. Eluard và F. Prévert sau này

Thơ tự do tại Miền Nam mang theo nỗi trầm luân của thời hiện đại. Nó thể hiện một cung cách nổi loạn của tâm hồn qua thi ca và tự nó mang theo chứng tích của một tính cách hỗn mang trong một thời đại không còn tin yêu, không còn một đích điểm nào được coi là thiêng liêng cao trọng để tôn thờ.

Thơ tự do còn thể hiện một sự biệt tích của lòng yêu dấu trong đó có một giai nhân nào không còn là nàng tình muôn thừa (như một Dương Quý Phi hay Bao Tự hay Désirée...) Thơ tự do –trong thi điệu và ngôn ngữ- ví như đưa con tình nguyện đi hoang và tự ném tuổi thơ đốt cháy trong một ngọn lửa tình cờ phi lý và rất tàn bạo của thời đại.

Đỗ Quý Toàn với thi tập NÀNG là một tiêu biểu. Thơ tự do của họ Đỗ như không là thơ (theo quan niệm cũ thông thường về thơ). Thơ ông là những ngôn ngữ như lá cành trên sa mạc hoặc sỏi đá trên vùng tuyết lạnh và tiếng thơ như tiếng huýt sáo theo giọng ca được sáng tác trong tình cờ và hợp tấu theo bước chân đi của một lãng tử tình nguyện xa nhà, xa cả thân thể. Bài *Tự Tình* là một thí dụ đơn giản về cách cấu tạo ngôn ngữ thơ cũng như thi điệu của thơ tự do.

*Hãy yêu chàng như núi
Núi nào có biết gì
Núi nằm đó yên ngủ
Đã hàng muôn năm qua
Khi núi thức mùa xuân
Hãy yêu chàng như cỏ
Cỏ ngậy ngát mọc đầy
Tràn bao quanh trái đất
Trên trái đất quay
Hãy yêu chàng như biển
Đất quay biển quay theo*

Nhịp nhàng như luân vũ khúc
Muôn đời không thôi
Hãy yêu chàng cho thật lâu
Yêu chàng mãi mãi
Quanh năm suốt bốn mùa
Lấy mùa đông làm xương
Mùa xuân làm da thịt
Mùa thu làm mắt xanh tóc biếc
Mùa hạ làm máu chảy ảm tim
Hãy yêu chàng bằng thân thể đỏ
Hãy yêu thật nhiều vào
Yêu không đếm xuể
Từng phân vương trên thân thể
Từng sợi máu dưới da
Hãy yêu chàng như màu xanh
Yêu chàng như màu đỏ
Như màu tím màu vàng
Trên da trời chói chang
Mặt trời mọc rồi lặn
Trời da vàng da đen
Yêu chàng như thể đỏ
Hãy yêu chàng như thể
Như thể như thể
Yêu chàng liên miên
Như chim chiu chít
Vi cành lá xanh
Hay vì nắng sớm mai
Như thể như thể
Như biển dạt dào
Dâng theo ánh trăng
Em có thấy không
Em có thấy không
Trong những đêm rằm
Biển phồng bóng căng
Thôi hãy yêu chàng
Yêu không thể nói
Yêu quấn yêu quanh
Yêu hoài yêu mãi

(Tự Tình trong thi tập Nàng -Đỗ Quý Toàn)

Thơ tự do -từ thực chất và bỏ qua sự cố ý lập dị- thì tự nó đã theo bóng thi nhân và thân phận được trút bỏ qua nỗi bất hạnh rất lẻ loi của mỗi tiếng nói thơ. Để rồi thân phận chỉ còn lại mỗi tiếng nói -Tiếng nói vô nghĩa và có đủ cung bậc của âm thanh tiếng nói.

Phong trào thơ tự do là một trong những độc đáo của thơ Hậu chiến. Trong cái độc đáo đó, Thơ Tự do, mang theo nó nhiều những quái thai được chấp vá một cách vội vàng, hời hợt. Do đó mà nguồn sống thực của thơ bị hao mòn tận gốc. Bị xáo trộn lung tung. Sự thần nhiên trước xáo trộn đó. Một Thanh Tâm Tuyền xuất hiện lại không biết bao nhiêu Thanh Tâm Tuyền khác nối theo. Một Cung Trầm Tưởng tung ra cái “sống lại” của Lục Bát thì lại không biết bao nhiêu Cung Trầm Tưởng khác sinh sau đẻ muộn. Song cái độc đáo đáng kể trang thơ hôm nay là một cái Tôi. Thơ có một ngôn ngữ khác về cái tôi, nó không giống cái tôi trong thơ tiền chiến. Cái tôi đó bị hành hạ trong nỗi yêu dấu đã mất cường độ thực. Cái tôi trong thơ hôm nay chỉ là một biểu dương cho sự trợ trợ của con người giữa đam mê lửa bỏng và nỗi vô vọng rất chán chường. Tất cả trở nên lạnh lùng đuổi theo những cứu cánh vô vọng. Nước mắt cạn trên gò má thất vọng của người yêu. Thơ Hôm nay chẳng còn cái phiêu bồng của một Lưu Trọng Lư. Nó khắc khoải trên dung nhan tiêu tụy để rên xiết với chính nó –Đôi mắt thật lơ lảo và đứng đưng. Thơ tự do phát triển trong hoàn cảnh ấy.

*Mai tôi về nằm giữa rong rêu
Tôi trải thân lát xuống giữa chiều
Sưởi nắng tà huy lên mái tóc
Khi trời sang lạnh tiếng chim kêu
Mai tôi về nằm giữa hoang liêu
Tôi trải cô đơn giữa nắng chiều
Lấy gió thiên thu làm khăn làm áo
Lấy mây bay làm gối làm lều*

Ấn hương rừng uống cả tiếng chim kêu

Thơ Tự do còn có một điểm “độc đáo” nữa là đã nói quá nhiều về Thượng Đế. Thượng Đế hôm xưa đi vào thơ Huy Cận bằng con đường trải thảm nhung. Thượng Đế đi vào thơ hậu chiến thì không bằng lối đó -Thượng Đế đã bị “bắt cóc” rồi trói chân, trói tay ném vào vùng gai góc của Thơ. Có thể nói rằng, không một nhà thơ nào không nói về Thượng Đế -Thượng Đế trở thành một “mốt” mới mới rất thời trang- Một ngôn từ để làm nổi tính chất *dao to búa lớn* trong ý thức thơ bây giờ. Thực ra mỗi nhà thơ như *nói để mà nói* –verbalement- Vì vậy mà Thượng Đế trở thành nổi oan uổng cho ngôn ngữ thơ –thơ nhập bóng với Thượng Đế để lên đồng làm như là một chổng đối- một biểu tượng mới trong thái độ dứt khoát với đường mòn xưa cũ. Sự thực thơ hôm nay –khi nói về Thượng Đế với ý hướng chổng đối hay từ nan đã chỉ còn lại một sự thất bại nhạt nhẽo. Vì nhà thơ thiếu nồng độ cảm xuất và không đủ thực lực để mở cuộc đối thoại với Thượng Đế hay là phủ nhận. Thượng Đế không còn là Thượng Đế và *đã chết* qua thơ Apollinaire hay một Thượng Đế được *xác tín* qua Paul Claudel hay một Hàn Mặc Tử. Nhưng là một Thượng Đế phát xuất từ trung thực của hồn thơ. Thượng Đế chỉ còn là một thứ son phấn làm cho Thơ được đẹp mắt qua một số thi nhân thường mệnh danh là những văn nghệ sĩ tiền cấp hiện nay và có suy tư về thơ, về nhân sinh. Song thứ son phấn đó trở thành phí phạm vì nó dễ dãi và như hoa không hương, không sắc.

Trên đây, chúng tôi chỉ đan cử một vài nét chính trong thơ hôm nay nhất là thơ tự do. Muốn nhìn cho rõ thực chất của nó, phải nhìn toàn diện. Chiều cao lớn của thi ca bây giờ là chiều sâu và rộng của mỗi thi nhân hợp lại trong một liên tục. Thơ hôm nay không phải để lắng nghe –Thính quan trở thành phụthuộc. Đọc thơ hôm nay để cảm bằng tâm hồn, để rung động theo giác quan thơ và người đọc phải tham dự với thi nhân và thi nhân mới chỉ làm công việc sáng tạo nửa chừng vì thực chất của nó không còn là thực chất của một Say (15) –Nó được tinh luyện

qua thể giới của hình ảnh và ý thức.

Thơ Hôm nay cũng không có một khuynh hướng nào nhất định –không thể qui định cho Thơ một cách rõ rệt là thơ phải như thế này hay thế kia...Thơ vốn tự bản chất của nó đã bênh bồng trôi nổi và hóa thân từ biến thái này qua biến thái khác. Thơ hôm nay vẫn có Lãng mạn có cả Tượng trưng và Siêu thực nhưng những tính chất đó đều cô lại để biến thiên sinh thành ra một *cái khác*. Nhờ cái khác đó –thơ Nguyên Sa lãng mạn như một Xuân Diệu, trữ tình như một Dương Khuê nhưng cũng rất Jacques Prévert.

Từ năm 1957 đến nay – Thơ hiện diện trong sự phá sản tận cùng của âm vận nhưng khởi từ sự phá sản đó – Thơ lớn lên cùng với tiết điệu của sự đổ mang theo âm vang của Thời đại, là cái bóng của Thời đại- Cái bóng đi hoang trên sự vô vọng trước những giá trị tự hủy diệt. Song có một điều đáng kể -khi cuộc nội chiến này biến qua một hình thái mới- năm 1964 –khi từng đoàn Viễn chinh Mỹ qua Việt Nam- khi Nam Bắc mù trời bom đạn trước một hỏa lực vũ bão –Thi ca từ đạo ấy cũng biến thái theo thảm trạng quê hương –Và thi ca cùng với cuộc chiến này đã có thêm những bản sắc mới. Những bản sắc mới này là chứng tích của sự chuyển mình lịch sử chua xót và tàn bạo nhất trên quê hương ta.

(Kỳ sau: NHỮNG BẢN SẮC MỚI)

CAO THẾ DUNG

Chú thích:

(1)Huyền Viêm không còn xuất hiện trên thi đàn nhiều năm – Thanh Thuyền vẫn tiếp tục cho đến nay trên Bách Khoa – thơ ông từ năm 1963 đã có sự đổi mới lớn lao.

(2)Chế Vũ sinh năm 1931 –tên thật là Hồ Xuân Tịnh-nguyên quán Nghệ Tĩnh, mất năm 1961, vừa tròn 30 tuổi.

(3)Song Hồ tên thật là Nguyễn Thanh Đạm, sinh năm 1930 tại Bắc Ninh –Đã viết cho Đời Mới, Thời Phong, văn Nghệ Mới, Văn Nghệ. Đã xuất bản: Hai Cánh Hoa Sim

(1960)

(4)Duy Năng –tên thật là Nguyễn văn Trí sinh năm 1936 tại Phú Yên (*Thực ra, tại Nha Trang Khánh Hòa - Ghi chú của tòa soạn TQBT*). Đã viết cho Dân Chủ, Sáng Tạo, Thế Hệ.

(5)Diên Nghị -tên thật là Dương Diên Nghị, sinh năm 1933 tại Quảng Bình, đã viết cho Hiện Đại, Sáng Tạo, Bách Khoa. Đã xuất bản: Xác Lá Rừng Thu (thơ), Chuyện của Nàng (thơ)

(6)Cao thị Vạn Giã tên thật là Cao thị Ngọc Ân -thuộc dòng Cao Xuân Miên Bắc thiên cư vào Nam từ thế kỷ trước? Cô sinh năm 1941 tại Tân Khánh, Bình Dương

(7)Thành Tôn, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Lữ Quỳnh là những bản sắc mới của Miền Trung sau Thanh Thủyên, Phan Duy Nhân. Thơ của mấy ông thường đăng trên Bách Khoa, Văn Học trong khoảng thời gian 1963 đến nay.

(8)Dương Kiên: sinh năm 1939(?) tại Huế. Luật sư toà Thượng Thẩm Saigon. Tác giả: Thú Đâu Thương (thơ). Nguyên chủ nhiệm tạp chí Văn Học. (Bút hiệu Dương Thứ Lang).

(9)Huy Lực: Tác giả Dạ Hội Mùa Xuân (thơ), Trời Thơ Bao La (thơ). Giải thưởng văn chương toàn quốc 1966.

(10)Nguyễn Đình Toàn sinh năm 1936 tại Gia Lâm. Đã xuất bản: Mật Đắng (thơ), Chị Em Hải (tiểu thuyết), Con đường (tiểu thuyết)... Đã viết cho Tự Do, Văn Học.

(11)trong Tiếng Thơ của Lưu Trọng Lư –Nhà thơ tiền chiến, tác giả thi tập Tiếng Thu và sở đắc về Lục Bát-Năm chữ.

(12)Vương Tân-tên thực Lê Nguyên Ngử, còn bút hiệu Hồ Nam- tác giả nhiều bài thơ năm chữ đăng trên tạp chí Sáng Tạo và Thế Kỷ 20 (1957-1962). Ông cũng là một ký giả của nhiều tờ báo lớn Thủ đô.

(13)Quách Thoại –tên thực là Đoàn Tường sinh năm 1929 tại Huế. Năm 1948 vào Nam chủ trương báo Nguồn Sống và các nhật báo Đoàn Kết, Làm Dân. Năm 1955 viết cho các báo Việt Chính, Người Việt và tạp chí sáng Tạo của Mai Thảo. Ông chết năm 1957 tại Nhà Thương Lao

Hồng Bàng saigon, Ông là một nhà thơ lớn.

(14)Hà Thượng Nhân: một trong mấy trụ cột của Nhật Báo Tự Do. Hiện là Chủ nhiệm Nhật báo Tiền Tuyến –Cơ quan ngôn luận của QLVNCH. Ông còn là nhà thơ trữ tình trước 1954, với bút hiệu Hoài Trinh –Nguyên Giám Đốc Vô Tuyến Truyền Thanh Việt Nam- Thơ trào phúng của Hà Thương Nhân đã một thời nổi bật trên báo Tự Do – Bài trên đây có thể gọi là một tiêu biểu cho thơ trào phúng của ông.

(15)tên một thi tập của Vũ Hoàng Chương -Tiền Chiến.

GIỮA TOÀ SOẠN VÀ THÂN HỮU



Cáo lỗi: Vì lý do cần nhiều trang dành cho chủ đề nên truyện dài Cúi Mặt và Giới Thiệu Sách Báo kỳ này xin được dời lại kỳ sau. Xin thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc.

Thư của nhà thơ Hạc Thành Hoa (VN):

Nhân dịp anh PVN về VN, tôi chép thư tay gửi thăm các anh, vì không có máy vi tính, không có email, thậm chí không có cả điện thoại di động, chỉ có điện thoại bàn. Mà chép thư tay cũng khó khăn vì ngón tay áp út tự dung sưng tấy, đau lắm... TQBT ra được tới số nào rồi. Thèm đọc quá, không có mà đọc.....Tôi tét này 73 tuổi rồi... Tập thơ mà tên tập thơ đã thành giai thoại văn chương "những vần thơ màu huyết dụ" mà giải mã ra thành "máu huyết dư" tôi đã đổi tên thành tập thơ "Hạc độc", cái tên khá độc.

(LTS: Nhà thơ Hạc Thành Hoa tên thật là Nguyễn Đường Thai, một nhà giáo quen thuộc ở Sa Đéc. Tên tuổi ông không xa lạ gì đối với sinh hoạt văn học nghệ thuật trước 1975. Một thi phẩm của ông: "Trong Nỗi Buồn Vàng" đã được Thư Án Quán in lại trong Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.)

Thư của Ô. NLD (Virginia)

Nhân dịp đầu năm Canh Dần, tôi được một người bạn ở TX giới thiệu cho biết Tạp chí Thư Quán bản Thảo và gửi tặng số 41 phát hành tháng 2/2010. Xem qua tạp chí tôi thật hân hạnh có "Tạp chí Thư Quán Bản Thảo" trong tủ sách của tôi...

Nay tôi muốn là độc giả của tạp chí TQBT, tôi không rõ sự đón nhận thế nào ?

Trả lời: Trong tương lai, vì lý do sức khỏe của người chủ trương, TQBT sẽ ra bất định kỳ, vì vậy chúng tôi rất áy náy khi phải nhận một sự ủng hộ dài hạn từ phía bạn đọc mà chúng tôi không thể bù trả ơn nghĩa tin cậy .

Kinh nghiệm của chúng tôi là không phải tiền bạc khiến tờ báo sống và chết. Nhưng chính là lòng thương yêu của người đọc.

Nếu ông cảm thấy áy náy, thì xin gửi vài con tem thư đủ tiền cước phí bưu điện là đủ. Và cũng xin đừng bận tâm. Chính chúng tôi phải cảm ơn ông, vì ít ra, chúng tôi biết con đường chúng tôi đi có bạn bè thân hữu và bạn đọc hiểu và khuyến khích...

